

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HÀ VĂN TÚ

BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
TRẢI NGHIỆM CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: GIÁO DỤC HỌC

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

HÀ VĂN TÚ

**BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỒ CHỨC HOẠT ĐỘNG
TRẢI NGHIỆM CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**

NGÀNH: GIÁO DỤC HỌC - 9140101

Người hướng dẫn khoa học 1: **PGS.TS. VÕ THỊ NGỌC LAN**

Người hướng dẫn khoa học 2: **TS. HOÀNG MAI KHANH**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Phản biện 3:.....

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đổi tên luận án cho nghiên cứu sinh khóa 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học và Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, tách Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Xét đề nghị của nghiên cứu sinh và Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Đổi tên luận án tiến sĩ cho:

Nghiên cứu sinh : **Hà Văn Tú**

Ngành : Giáo dục học

Khoá: 2016 – 2019

Tên luận án mới : **Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học**

Người HD thứ nhất (HD chính): **PGS.TS Võ Thị Ngọc Lan**

Người HD thứ hai : **TS. Hoàng Mai Khanh**

Thời gian thực hiện : **03/10/2016 đến 03/10/2019**

Điều 2: Giao cho Phòng Đào tạo quản lý, thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo đã ban hành.

Điều 3: Trưởng các đơn vị: phòng Đào tạo, khoa quản ngành, phòng KHTC và các Ông (Bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, SĐH (3b).


PGS. TS Lê Hiếu Giang

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023

Tác giả luận án

HÀ VĂN TÚ

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý Thầy/Cô Viện Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đã giảng dạy, định hướng và hỗ trợ em trong suốt quá trình học tập và thực hiện luận án.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến PGS.TS. Võ Thị Ngọc Lan, TS. Hoàng Mai Khanh đã tận tình hỗ trợ, hướng dẫn để em thực hiện và hoàn thành luận án theo kế hoạch nghiên cứu.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới PGS.TS. Bùi Văn Hồng, TS. Cao Thị Châu Thủy đã hỗ trợ, giúp đỡ em trong quá trình thực hiện và hoàn thiện luận án. Xin cảm ơn Ban giám hiệu, Quý Thầy/Cô các trường Tiểu học đã tạo điều kiện và giúp đỡ em thực hiện nghiên cứu.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn gia đình, Quý đồng nghiệp đến từ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã giúp đỡ, hỗ trợ để em hoàn thành luận án.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023

Tác giả luận án

HÀ VĂN TÚ

TÓM TẮT LUẬN ÁN

Phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học là một trong những yếu tố đảm bảo và quyết định sự thành công của quá trình triển khai thực hiện hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông đang thực hiện ở nước ta. Hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học về hoạt động trải nghiệm đã được quan tâm, thực hiện tuy nhiên còn nhiều hạn chế, bất cập. Do đó, nghiên cứu về “*Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học*” thực sự cần thiết và thiết thực. Nghiên cứu này tập trung vào:

Khái quát hóa, phân tích những nghiên cứu về tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học, năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học và bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học. Kết quả đánh giá tổng quan cho thấy hướng nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học chưa được thực hiện nhiều, do đó tiếp tục làm rõ lý luận và thực tiễn về bồi dưỡng năng lực này là phù hợp.

Làm rõ được những khái niệm công cụ như hoạt động trải nghiệm, năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm và bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm; xây dựng được lý luận về tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông hoạt động trải nghiệm; đề xuất được khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học với 6 năng lực và 34 chỉ báo năng lực; xác định được những thành tố cơ bản về bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học.

Khảo sát, đánh giá khá chính xác, khách quan thực tiễn bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy giáo viên tiểu học đã thực hiện hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông hoạt động trải nghiệm bậc tiểu học. Tuy nhiên, một bộ phận giáo viên chưa am hiểu sâu về mục tiêu hoạt động trải nghiệm ở tiểu học; giáo viên còn gặp nhiều khó khăn khi triển khai thực hiện nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Giáo viên tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có năng lực tổ chức hoạt động

trải nghiệm ở mức khá tuy nhiên, mức độ lại không đồng đều giữa các năng lực và chỉ báo năng lực, giữa các nhóm giáo viên tiểu học theo độ tuổi, thâm niên công tác. Đã có một số chương trình, hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm, năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học tuy nhiên chưa có nhiều chương trình, chủ đề bồi dưỡng chuyên sâu về năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm. Hoạt động bồi dưỡng hiện hành khá đơn điệu về nội dung, hình thức và chưa thu hút được sự tham gia tích cực của giáo viên tiểu học.

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, trong luận án đã đề xuất các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng cho ba năng lực thuộc khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học. Kết quả kiểm nghiệm đã khẳng định được tính khả thi, phù hợp và hiệu quả của các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học. Tổ chức bồi dưỡng theo các chủ đề và kế hoạch được đề xuất trong luận án đã góp phần củng cố và phát triển được năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học vì vậy có thể vận dụng kết quả nghiên cứu của luận án để tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học.

DISSERTATION SUMMARY

Developing the competency of primary teachers in managing experiential activities is a factor that assures the success of Vietnam's national curriculum that focuses on experiential learning. Fostering for teachers in this area has attracted increasing attention and has been implemented at schools; however, there are limitations in the implementation process. For this reason, this dissertation entitled "*Fostering for primary teachers' competency in managing experiential activities*" is realistically important. The dissertation focuses on the followings:

Generalizing and analyzing previous studies on managing experiential activities in primary education, competency in managing experiential activities, and fostering for primary teachers that focus on this area. The literature review shows that fostering for teachers in this area has been scarce; therefore, it is essential that theory and practice in this area should be further investigated.

Clarifying conceptual instruments such as experiential activities, competency in managing experiential activities, establishing theory for this area according to Vietnam's 2018 national curriculum, establishing the competency scale for primary teachers with 6 competencies and 34 competency signals, and defining basic components regarding fostering for primary teachers in this area.

Surveying and assessing the practices of fostering for primary teachers in Ho Chi Minh City. Results show that primary teachers have implemented the experiential activities curriculum. However, many teachers have not adequately understood the objectives of experiential activities. They have encountered difficulties in implementing the contents, modes, and methods of managing experiential activities for pupils. Those teachers in Ho Chi Minh City also achieved above average competencies in managing these activities. However, there are differences in the minor competencies and competency signals across teachers, ages, and years of experiences. There have been some fostering programs for primary teachers; however, few of them are intensive and in accordance with primary teachers'

competency in managing experiential activities. Current fostering programs are rather monotonous in content and form. For this reason, they are not interesting enough for primary teachers to attend.

Based on the investigation of theory and practices in this area, the dissertation proposes topics and fostering plans for fostering for primary teachers' competency in managing experiential activities. The expert and experimental methods employed determined the feasibility, reasonableness, and effectiveness of the recommendations. The implementation of the fostering programs for teachers according to the recommendations did enhance the competencies of primary teachers in managing experiential activities. Therefore, these recommendations can be used to design fostering practices.

MỤC LỤC

Trang

Mở đầu

1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	3
3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu	3
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
5. Giả thuyết khoa học	4
6. Giới hạn nghiên cứu	4
7. Hướng tiếp cận nghiên cứu	5
8. Phương pháp nghiên cứu.....	5
9. Đóng góp của luận án	8
10. Cấu trúc của luận án.....	8

Chương 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

1.1. Nghiên cứu về tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	9
1.2. Nghiên cứu về năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	14
1.3. Nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	17
Kết luận chương 1	27

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

2.1. Các khái niệm cơ bản của luận án	29
2.1.1. Hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	29
2.1.2. Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	30
2.1.3. Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm	32
2.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	33
2.2.1. Đặc điểm của tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học.....	33

2.2.2. Mục tiêu tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	34
2.2.3. Nội dung tổ chức hoạt động trải nghiệm	36
2.2.4. Hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm	36
2.2.5. Lực lượng tổ chức hoạt động trải nghiệm.....	38
2.2.6. Đánh giá kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm	39
2.2.7. Những yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học...40	
2.3. Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	41
2.3.1. Vai trò của giáo viên tiểu học trong tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	41
2.3.2. Khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	42
2.4. Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học.....	52
2.4.1. Đặc điểm, vai trò của hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học	52
2.4.2. Mục tiêu bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	54
2.4.3. Nội dung bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	55
2.4.4. Hình thức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	57
2.4.5. Phương pháp bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	59
2.4.6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	60
2.4.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	61
Kết luận chương 2	63
Chương 3. THỰC TRẠNG BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
3.1. Khái quát về tổ chức khảo sát.....	64
3.1.1. Mục đích khảo sát	64
3.1.2. Nội dung khảo sát.....	64

3.1.3. Đối tượng và địa bàn khảo sát	64
3.1.4. Đặc điểm mẫu khảo sát.....	65
3.1.5. Phương pháp, công cụ và thời gian khảo sát	66
3.1.6. Xử lý dữ liệu và cách đánh giá kết quả khảo sát	68
3.2. Thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	69
3.2.1. Nhận thức của giáo viên tiểu học về hoạt động trải nghiệm	69
3.2.2. Mức độ thực hiện mục tiêu hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	70
3.2.3. Kết quả thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	71
3.2.4. Kết quả vận dụng hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	73
3.2.5. Kết quả phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	76
3.2.6. Đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	77
3.2.7. Đánh giá chung về kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	78
3.3. Thực trạng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học..	80
3.3.1. Thực trạng năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm.....	80
3.3.2. Thực trạng năng lực xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm .	83
3.3.3. Thực trạng năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm.....	84
3.3.4. Thực trạng năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm	86
3.3.5. Thực trạng năng lực đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm.....	87
3.3.6. Thực trạng năng lực sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để tổ chức hoạt động trải nghiệm	88
3.3.7. Đánh giá chung về thực trạng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học.....	89
3.4. Thực trạng bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	91

3.4.1. Các hoạt động bồi dưỡng về năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm giáo viên tiểu học đã tham gia.....	91
3.4.2. Kết quả thực hiện mục tiêu bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học.....	93
3.4.3. Kết quả thực hiện nội dung bồi dưỡng về năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	94
3.4.4. Kết quả thực hiện hình thức, phương pháp bồi dưỡng về năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	95
3.4.5. Kết quả thực hiện hoạt động đánh giá kết quả bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	97
3.4.6. Đánh giá chung về kết quả bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học.....	98
Kết luận chương 3	101
Chương 4. TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC	
4.1. Nguyên tắc bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học.....	103
4.1.1. Đảm bảo tính khoa học	103
4.1.2. Đảm bảo tính kế thừa.....	103
4.1.3. Đảm bảo tính thực tiễn.....	103
4.1.4. Đảm bảo tính hệ thống và toàn diện	104
4.1.5. Đảm bảo tính hiệu quả	104
4.2. Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cần bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học	104
4.3. Chủ đề bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	106
4.3.1. Chủ đề 1: Hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	107
4.3.2. Chủ đề 2: Tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	117
4.3.3. Chủ đề 3: Phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	126

4.4. Kế hoạch tổng thể bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học.....	137
Kết luận chương 4.....	142
Chương 5. KIỂM NGHIỆM ĐÁNH GIÁ	
5.1. Mục đích kiểm nghiệm	143
5.2. Nội dung và đối tượng kiểm nghiệm.....	143
5.2.1. Nội dung kiểm nghiệm	143
5.2.2. Đối tượng kiểm nghiệm.....	143
5.3. Phương pháp kiểm nghiệm	143
5.3.1. Phương pháp chuyên gia	143
5.3.2. Phương pháp thực nghiệm sư phạm.....	145
5.4. Kết quả kiểm nghiệm.....	148
5.4.1. Kết quả kiểm nghiệm bằng phương pháp chuyên gia	148
5.4.2. Kết quả kiểm nghiệm bằng phương pháp thực nghiệm sư phạm	152
Kết luận chương 5.....	164
Kết luận và khuyến nghị	
1. Kết luận	166
2. Khuyến nghị	168
2.1. Đối với các cơ quan quản lý ngành giáo dục và đào tạo	168
2.2. Đối với cán bộ quản lý trường tiểu học	169
2.3. Đối với giáo viên tiểu học	169
Tài liệu tham khảo	170
Phụ lục	
Phụ lục 1. Phiếu khảo sát ý kiến giáo viên tiểu học	1
Phụ lục 2. Phiếu phỏng vấn sâu cán bộ quản lý trường tiểu học	9
Phụ lục 3. Biên bản phỏng vấn sâu cán bộ quản lý trường tiểu học	10
Phụ lục 4. Phiếu phỏng vấn sâu giáo viên tiểu học	29
Phụ lục 5. Biên bản phỏng vấn sâu giáo viên tiểu học	30

Phụ lục 6. Phiếu đánh giá năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học trước thực nghiệm	42
Phụ lục 7: Phiếu đánh giá năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học sau thực nghiệm	44
Phụ lục 8: Mẫu phiếu nhận xét của chuyên gia	47
Phụ lục 9: Kết quả nhận xét của chuyên gia.....	48
Phụ lục 10. Độ tin cậy của thang đo	65
Phụ lục 11. Kết quả kiểm định Paired Sample T-test sau thực nghiệm	80
Phụ lục 12. Hình ảnh minh chứng hoạt động thực nghiệm sư phạm.....	89

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu, chữ viết tắt	Viết đầy đủ
1.	BD	Bồi dưỡng
2.	CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
3.	CBQL	Cán bộ quản lý
4.	ĐTB	Điểm trung bình
5.	ĐLC	Độ lệch chuẩn
6.	GD	Giáo dục
7.	GVTH	Giáo viên tiểu học
8.	GDPT	Giáo dục phổ thông
9.	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
10.	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
11.	NL	Năng lực
12.	NLTC	Năng lực tổ chức
13.	NTN	Nhóm thực nghiệm
14.	PVS	Phỏng vấn sâu
15.	SGK	Sách giáo khoa
16.	TC	Tổ chức
17.	TCBD	Tổ chức bồi dưỡng
18.	TCHĐTN	Tổ chức hoạt động trải nghiệm
19.	TN	Thực nghiệm
20.	TH	Tiểu học
21.	TH LĐT	Trường thực nghiệm 1
22.	TH NVX	Trường thực nghiệm 2
23.	TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
24.	XDKH	Xây dựng kế hoạch

DANH MỤC CÁC BẢNG

BẢNG	TRANG
Bảng 3.1: Nhận thức của giáo viên tiểu học về hoạt động trải nghiệm	69
Bảng 3.2: Mức độ thực hiện mục tiêu hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	70
Bảng 3.3: Kết quả thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	72
Bảng 3.4: Kết quả vận dụng dụng hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	73
Bảng 3.5: Kết quả vận dụng phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	75
Bảng 3.6: Kết quả về sự phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm	76
Bảng 3.7: Kết quả vận dụng hình thức đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm	77
Bảng 3.8: Năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	81
Bảng 3.9: Năng lực xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	83
Bảng 3.10: Năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	84
Bảng 3.11: Năng lực phối hợp các lực lượng tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	86
Bảng 3.12: Năng lực đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	87
Bảng 3.13: Năng lực sử dụng các nguồn lực, phương tiện, thiết bị để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	89
Bảng 3.14: Xếp hạng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	90
Bảng 3.15: Các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm giáo viên tiểu học đã tham gia	91
Bảng 3.16: Mục tiêu các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	93

Bảng 3.17: Nội dung các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	94
Bảng 3.18: Hình thức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	96
Bảng 3.19: Đánh giá kết quả bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học	97
Bảng 3.20: Kết quả bồi dưỡng về năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	98
Bảng 4.1: Chủ đề bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	107
Bảng 4.2: Thiết bị, dụng cụ để bồi dưỡng năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm.....	107
Bảng 4.3: Năng lực cần đạt của học sinh khi tham gia hoạt động trải nghiệm	109
Bảng 4.4: Kế hoạch bồi dưỡng năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	113
Bảng 4.5: Thiết bị, dụng cụ để bồi dưỡng năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	117
Bảng 4.6: Kế hoạch bồi dưỡng năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	123
Bảng 4.7: Thiết bị, dụng cụ để bồi dưỡng năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	126
Bảng 4.8: Kế hoạch bồi dưỡng năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	133
Bảng 4.9: Kế hoạch tổng thể bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học	138
Bảng 5.1: Năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học sau thực nghiệm.....	152
Bảng 5.2: Năng lực phối hợp các lực lượng để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học trước thực nghiệm.....	155
Bảng 5.3: Năng lực phối hợp các lực lượng để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học sau thực nghiệm.....	156
Bảng 5.4: Năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học trước thực nghiệm	159

Bảng 5.5: Năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học sau thực nghiệm	160
Bảng 5.6: Đánh giá của giáo viên tiểu học về các yếu tố của hoạt động bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm.....	163

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

BIỂU ĐỒ	TRANG
Biểu đồ 5.1: Năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học trước và sau thực nghiệm.....	153
Biểu đồ 5.2: Năng lực chuyên môn về về hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học hai trường trước và sau thực nghiệm.....	154
Biểu đồ 5.3: Năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học trước và sau thực nghiệm.....	157
Biểu đồ 5.4: Năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học hai trường trước và sau thực nghiệm	158
Biểu đồ 5.5: Năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học trước và sau thực nghiệm.....	161
Biểu đồ 5.6: Năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học hai trường trước và sau thực nghiệm	161

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thế giới đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với những chuyển biến và đột phá mạnh mẽ, lợi thế đang thuộc về các nước phát triển có nguồn nhân lực chất lượng cao. Để không tụt hậu lại phía sau mỗi quốc gia phải không ngừng đổi mới, cải tiến các yếu tố của hệ thống GD, trong đó cải thiện và nâng cao chất lượng giáo viên là nhiệm vụ hàng đầu. Ở nước ta, quá trình đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT theo Nghị quyết 29-NQ/TW đã khẳng định “*Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo*” là giải pháp chủ yếu (Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng, 2013, tr.14). Triển khai giải pháp này được quán triệt trong tất cả các cấp học từ tiểu học đến đại học.

Tiểu học là cấp học đầu tiên với mục tiêu được xác định là hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển của của HS, chuẩn bị cho HS tiếp tục học trung học cơ sở (Quốc hội, 2019, tr.12). Để thực hiện được mục tiêu này thì quá trình thực hiện hoạt động dạy học, GD ở TH cần phát huy vai trò của nhiều yếu tố trong đó GVTH là lực lượng có vai trò quyết định chất lượng GD TH. GVTH là người chịu trách nhiệm, thực hiện chương trình, kế hoạch, hoạt động dạy học, GD của nhà trường TH; chủ động phối hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ dạy học, giáo dục. Đặc biệt trong bối cảnh đổi mới chương trình, SGK GDPT đang triển khai thực hiện thì vai trò của đội ngũ GVTH càng được khẳng định. Do đó, tiếp tục phát huy vai trò, chất lượng, NL của GVTH đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ dạy học, GD ở TH trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện GD và đổi mới chương trình, SGK GDPT ở nước ta hiện nay là cần thiết.

Chủ trương đổi mới chương trình, SGK GDPT theo nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội được bắt đầu thực hiện từ năm 2020 theo cách thức cuốn chiếu. Trong lần đổi mới này, HĐTN là hoạt động mới, bắt buộc thực hiện từ bậc TH nhằm hình thành những phẩm chất chủ yếu, NL chung và một số NL thành phần đặc thù cho học sinh TH như: NL thiết kế và TC hoạt động, NL định hướng nghề nghiệp, NL thích ứng với những biến động trong cuộc sống và các kỹ năng sống khác (Bộ GD&ĐT,

2018). Để thực hiện hiệu quả HĐTN, hướng đến hình thành, phát triển cho học sinh TH những phẩm chất, NL trên đòi hỏi GVTH cũng phải có NLTC HĐTN tương ứng. Hiện nay, HĐTN ở TH đã thực hiện đến lớp 4 tuy nhiên quá trình thực hiện HĐTN ở TH trong thời gian qua gặp khá nhiều khó khăn như các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, GD để thực hiện HĐTN còn hạn chế; tình hình dịch Covid – 19 kéo dài trong những năm đầu triển khai chương trình HĐTN... Và một trong những khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến quá trình TCHĐTN liên quan trực tiếp đến đội ngũ GVTH. HĐTN là hoạt động mới trong chương trình GDPT do đó GVTH chưa có nhiều kinh nghiệm triển khai TC hoạt động trong thực tiễn; chưa xác định được rõ hệ thống những NLTC cần thiết, phù hợp để GVTH tổ chức HĐTN hiệu quả do đó GVTH còn khá nhiều lúng túng, khó khăn khi TCHĐTN cho học sinh. Như vậy, để khắc phục những khó khăn trên, một trong những yêu cầu cấp thiết là phải xác định, làm rõ hệ thống NLTC HĐTN cần có của GVTH để TCHĐTN được hiệu quả, đồng thời làm cơ sở cho quá trình tổ chức đào tạo, BD cho GVTH để củng cố và phát triển hệ thống năng lực này.

Đào tạo và bồi dưỡng là hai biện pháp quan trọng để củng cố, phát triển NL của GVTH. Trong đó, BD vừa là quyền, nhiệm vụ của GVTH, là hoạt động bắt buộc nhằm giúp phát triển phẩm chất, NL cho GVTH. BD cho đội ngũ GV là một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong chiến lược phát triển GD Việt Nam. Với yêu cầu bồi dưỡng GVTH đạt chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD nói chung và TCHĐTN theo yêu cầu của quá trình đổi mới SGK GDPT, ngành GD&ĐT có nhiều chính sách, hoạt động BD cho GVTH về HĐTN như hoạt động BD thường xuyên cho giáo viên các cơ sở GD phổ thông theo thông tư Số: 19/2019/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao NL đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDPT (Chương trình ETEP) cũng như chương trình BD thay SGK HĐTN. Đánh giá tổng quan thì các chương trình, hoạt động BD về HĐTN cho GVTH đã đáp ứng phần nào yêu cầu cập nhật, bổ sung thông tin chung cho GVTH về HĐTN và triển khai thực hiện SGK HĐTN ở tiểu học. Bên cạnh những yếu tố tích cực thì kết quả khảo sát thực tiễn hoạt động BD về HĐTN cho

GVTH còn nhiều vấn đề phải khắc phục. HĐTN là hoạt động mới, chưa xác định rõ được khung NLTC HĐTN đặc thù cần có của GVTH do đó chưa có nhiều chương trình, hoạt động BD chuyên sâu cho từng NLTC HĐTN cho GVTH. Các hoạt động BD hiện hành về HĐTN chủ yếu phổ biến thông tin chung, thiếu hoạt động mang tính thực tiễn. Hình thức, phương pháp BD chưa có thật sự đa dạng và thu hút đông đảo GVTH tham gia. Từ cơ sở những phân tích trên có thể khẳng định rằng để GVTH tổ chức HĐTN được hiệu quả thì xác định, làm rõ khung NLTC HĐTN cần có của GVTH; đánh giá chính xác mức độ đạt được từng NLTC HĐTN của GVTH; từ đó lựa chọn, xác định những NLTC HĐTN còn chưa tốt của GVTH để thực hiện bồi dưỡng nhằm phát triển những NL này cho GVTH là một nhiệm vụ bắt buộc phải thực hiện.

Khái quát kết quả tổng quan nghiên cứu cho thấy đã có một số công trình về bồi dưỡng HĐTN cho GVTH tuy nhiên chưa có những nghiên cứu quy mô, chuyên sâu được thực hiện về bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH. Do đó, tiếp tục nghiên cứu để xác định rõ khung NLTC HĐTN của GVTH, đánh giá thực trạng NLTC HĐTN của GVTH nhằm xác định những NLTC HĐTN cần bồi dưỡng cho GVTH. Trên cơ sở đó, đề xuất chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NLTC HĐTN cho giáo viên là cần thiết. Vì vậy, thực hiện luận án “*Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học*” thực sự cấp thiết và góp phần giải quyết bài toán thực tiễn về nâng cao NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học, đáp ứng yêu cầu thực hiện HĐTN ở trường tiểu học.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu đề xuất chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NLTC HĐTN cho giáo viên để triển khai thực hiện hoạt động trải nghiệm tại các trường tiểu học.

3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên tiểu học.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động bồi dưỡng năng lực tổ chức HĐTN cho giáo viên tiểu học.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Xây dựng cơ sở lý luận về bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH.

- Đánh giá thực trạng TCHĐTN, NLTC HĐTN của GVTH và hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH trên địa bàn TP.HCM.

- Đề xuất chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng để bồi dưỡng 3 NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học.

- Kiểm nghiệm đánh giá tính khả thi, phù hợp và hiệu quả của 3 chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học.

5. Giả thuyết khoa học

Nếu các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH đảm bảo tính khả thi, phù hợp và hiệu quả thì sẽ phát triển được năng lực chuyên môn về HĐTN, năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức HĐTN và năng lực tổ chức thực hiện HĐTN của giáo viên tiểu học.

6. Giới hạn nghiên cứu

6.1. Giới hạn về nội dung

Luận án tập trung nghiên cứu lý luận và thực tiễn về NLTC HĐTN của GVTH để đề xuất chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH.

6.2. Giới hạn về đối tượng và địa bàn khảo sát

Luận án khảo sát 489 GVTH đang công tác tại 19 trường TH trên địa bàn Tp.HCM, gồm các quận cụ thể là Quận Bình Thạnh, Gò Vấp, Thành phố Thủ Đức, Quận 6, Quận 7, Quận 10 và Quận Bình Tân.

6.3. Giới hạn về thời gian

Đánh giá thực trạng TCHĐTN, NLTC HĐTN và bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH được tiến hành trong hai năm học 2020 – 2021 và 2021 – 2022.

6.4. Giới hạn thực nghiệm sư phạm

Thực nghiệm sư phạm bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho 98 GVTH của 2 trường tiểu học tại Quận Gò Vấp, TP.HCM.

7. Hướng tiếp cận nghiên cứu

7.1. Quan điểm tiếp cận hệ thống

Sử dụng hướng tiếp cận hệ thống giúp vấn đề nghiên cứu được xem xét một cách tổng quát, toàn diện trong quan hệ với các thành tố khác. Bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho GVTH được xem xét như một hệ thống gồm nhiều thành tố như mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp, đánh giá kết quả BD và các điều kiện cần thiết để tổ chức hoạt động trải nghiệm.

7.2. Quan điểm tiếp cận lịch sử

Nội dung nghiên cứu được đặt trong tương quan so sánh giữa những bối cảnh, thời gian cụ thể để chứng minh, làm sáng tỏ các luận điểm khoa học. Với hướng tiếp cận này, hoạt động BD NLTC HĐTĐN CHO GVTH được đặt trong tương quan so sánh giữa giai đoạn trước khi thực hiện chương trình GDPT 2018, những đòi hỏi của giai đoạn chuẩn bị tiến hành đổi mới để tìm ra các bài học kinh nghiệm phù hợp.

7.3. Quan điểm tiếp cận thực tiễn

Tiếp cận thực tiễn giúp quá trình nghiên cứu tìm ra được bản chất, quy luật của vấn đề. Vận dụng quan điểm này, tác giả luận án dựa vào thực trạng TCHĐTĐN, thực trạng NLTC HĐTĐN của GVTH và thực trạng BD NLTC HĐTĐN cho GVTH để lý giải tính cấp thiết, phản ánh đúng thực trạng làm cơ sở đề xuất TCBD cho GVTH. Đồng thời, kết quả nghiên cứu thực tiễn của luận án có thể vận dụng để tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho giáo viên tiểu học.

8. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả luận án đã sử dụng phối hợp các phương pháp sau:

8.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Mục đích: sưu tầm, tổng hợp, hệ thống hóa và phân tích để làm rõ lý luận về BD NLTC HĐTĐN cho GVTH, hoàn thiện được khung cơ sở lý luận và công cụ nghiên cứu của luận án.

Nội dung: tập trung tìm kiếm, sưu tầm tài liệu về ba vấn đề chính: tổ chức HĐTĐN ở trường tiểu học; NLTC HĐTĐN của GVTH; bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho giáo viên tiểu học.

Cách thức thực hiện: thu thập, phân tích các văn bản, sách, báo, tạp chí, luận án, các đề tài...về chủ đề bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH. Từ đó, hệ thống hóa các điểm tương đồng và xác định các điểm mới về mặt lý luận luận án sẽ bổ sung, hoàn thiện.

8.2. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi

Mục đích: thu thập thông tin nhằm làm rõ được thực tiễn về bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH tại Tp.HCM, giúp đánh giá đúng thực tiễn bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH và đề xuất tổ chức BD cho GVTH ở các chương tiếp theo của luận án.

Nội dung: Để làm rõ thực tiễn bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH, luận án sẽ được tập trung khảo sát các nội dung chính sau: tổ chức HĐTN ở tiểu học, thực trạng NLTC HĐTN của GVTH, thực trạng bồi dưỡng NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học.

Cách thức thực hiện:

- Xác định các vấn đề thực tiễn cần làm rõ;
- Xây dựng phiếu hỏi và khảo sát thử trên giáo viên tiểu học;
- Chỉnh sửa và hoàn thiện phiếu hỏi;
- Thực hiện khảo sát chính thức trên giáo viên tiểu học.

Đối tượng khảo sát: 489 GVTH của 19 trường TH trên địa bàn TP.HCM.

8.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Mục đích: tìm hiểu kỹ thực trạng bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH tại TP.HCM, qua đó giúp làm rõ kết quả nghiên cứu thực tiễn.

Nội dung: khai thác ý kiến của GVTH về TCHĐTN, thực trạng NLTC HĐTN của GVTH và thực trạng bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH tại TP.HCM.

Các thức tiến hành:

- Lựa chọn nội dung cần làm rõ từ kết quả khảo sát thực tiễn.
- Phát triển công cụ tham khảo ý kiến (phiếu tham khảo ý kiến PVS GVTH).
- Điều chỉnh, hoàn thiện nội dung phiếu phỏng vấn sâu.
- Phỏng vấn sâu chính thức.

Đối tượng phỏng vấn sâu: 9 giáo viên tiểu học và 10 cán bộ quản lý (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường tiểu học).

8.4. Phương pháp chuyên gia

Mục đích: xin ý kiến trực tiếp của chuyên gia có nhiều kinh nghiệm về HĐTN và bồi dưỡng cho GVTH về tính khả thi, phù hợp của các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được luận án đề xuất.

Nội dung: khai thác ý kiến nhận xét của chuyên gia về các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được luận án đề xuất.

Các thức tiến hành: Xây dựng phiếu khảo sát ý kiến chuyên gia; Khảo sát ý kiến chuyên gia; Xử lý thông tin thu được từ ý kiến của chuyên gia.

Chuyên gia tham gia nhận xét: luận án lấy ý kiến của 11 chuyên gia, bao gồm ba nhóm sau: *Nhóm 1:* 3 chuyên gia đến từ các Khoa, trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học; *Nhóm 2:* 2 chuyên gia là hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường tiểu học; *Nhóm 3:* 6 chuyên gia là giáo viên tiểu học.

8.5. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Mục đích: đánh giá tính hiệu quả của các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN và NLTC thực hiện HĐTN cho GVTH do luận án đề xuất.

Nội dung: Thực nghiệm bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN và NLTC thực hiện HĐTN cho GVTH theo chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được luận án đề xuất.

Cách thức tiến hành: Thực nghiệm được thực hiện qua ba giai đoạn cụ thể là chuẩn bị, triển khai và xử lý kết quả thực nghiệm. Các giai đoạn này sẽ được mô tả chi tiết trong chương 5 của luận án.

Đối tượng tham gia thực nghiệm: 98 GVTH của 2 trường tiểu học tại Quận Gò Vấp, TP.HCM.

8.6. Phương pháp xử lý số liệu

Mục đích: xử lý, phân tích kết quả khảo sát lý luận và thực tiễn nhằm lý giải, làm rõ kết quả nghiên cứu luận án.

Nội dung: Các dữ liệu định tính, định lượng từ kết quả các phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, PVS, phương pháp chuyên gia được xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS.

Cách thức tiến hành: Đối với các dữ liệu định lượng sử dụng các thông số và phép toán phân tích thống kê mô tả và thống kê suy luận như tính tần số, điểm trung bình (ĐTB) cộng (Mean), độ lệch chuẩn (Std. Deviation), kiểm định tương quan t-test hai mẫu độc lập, phân tích phương sai một yếu tố (ANOVA)... Đối với các dữ liệu định tính được tổng hợp, phân tích để khẳng định, làm rõ thông tin về thực trạng nghiên cứu. Các biên bản PVS, phiếu xin ý kiến chuyên gia được hệ thống và trình bày chi tiết trong phụ lục của luận án.

9. Đóng góp của luận án

9.1. Đóng góp về mặt lý luận

- Xây dựng được khung NLTC HĐTĐN cho GVTH với 6 năng lực và 34 chỉ báo năng lực.
- Hệ thống, xây dựng được lý luận về bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho giáo viên tiểu học.

9.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

- Làm rõ thực trạng tổ chức HĐTĐN theo của GVTH trên địa bàn Tp.HCM.
- Làm rõ thực trạng NLTC HĐTĐN của GVTH trên địa bàn Tp.HCM.
- Làm rõ thực trạng hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho GVTH trên địa bàn TP.HCM.
- Đề xuất được ba chuyên đề và kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTĐN, NLTC thực hiện HĐTĐN và NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTĐN cho giáo viên tiểu học.

10. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị, tài liệu tham khảo, phụ lục thì luận án có 5 chương. Nội dung cụ thể của luận án gồm:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Chương 2: Cơ sở lý luận về bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Chương 3: Thực trạng bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Chương 4: Tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Chương 5: Kiểm nghiệm đánh giá

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

1.1. Nghiên cứu về tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

Học tập thông qua trải nghiệm được tìm hiểu khá sớm trên thế giới với những nhà nghiên cứu như Lev Vygotsky (1934), Kurt Lewin (1938) John Dewey (1938). Kế thừa quan điểm trước đó, David Kolb (1984) trong nghiên cứu “*Học tập trải nghiệm, kinh nghiệm là nguồn gốc của học tập và phát triển*” đưa ra mô hình học tập thông qua trải nghiệm với gồm 4 giai đoạn: kinh nghiệm cụ thể (Concrete Experience), quan sát phản ánh (Reflective Observation), khái niệm trừu tượng (Abstract Conceptualization), thử nghiệm chủ động (Active Experimentation). Mô hình của David Kolb được xem là mô hình tiêu biểu cho hướng tiếp cận về học tập thông qua trải nghiệm. Tiếp nối David Kolb, các tác giả khác như Lewis and Williams (1994), Carver (1996) cũng nghiên cứu về khái niệm học tập thông qua trải nghiệm.

Nghiên cứu về vai trò của học tập thông qua trải nghiệm Cantor (1995) khẳng định người học là người thụ hưởng đầu tiên và lớn nhất. Nghiên cứu của Carver (1996), Therese Moylan, Niamh Gallagher và Conor Heagney (2016) cũng thống nhất cho rằng người học sẽ phát triển NL cá nhân qua tham gia các sự kiện thực tế, lĩnh hội và hình thành các kinh nghiệm thực tiễn. Valentina Sharlanova (2004) cho rằng mô hình này cung cấp cơ sở về học chủ động, học bằng cách làm, học tập dựa trên công việc và học tập dựa trên vấn đề (tr. 36-39).

Các nghiên cứu cũng làm rõ vai trò của giáo viên khi TC học tập thông qua trải nghiệm. Theo Warren (1995), Angela Passarelli và Davia A. Kolb (2012) thì giáo viên là người hướng dẫn, cố vấn, hỗ trợ (tr.137-161). Tiếp tục hướng nghiên cứu này, theo Carver (1996) giáo viên là phải kiến tạo được môi trường GD để người học có thể phát triển được “ABC”. Trong đó, “A” đại diện cho sự phát triển của cá

nhân HS, "B" đề cập đến việc duy trì và phát triển cộng đồng nơi người học thuộc về như một là thành viên có quyền và trách nhiệm và "C" đại diện cho NL, đề cập đến sự phát triển NL của HS ở về nhận thức, thể chất, âm nhạc, xã hội (tr.8-13).

Hình thức TC cũng là chủ đề thu hút khá nhiều sự quan tâm nghiên cứu của các tác giả. Houle (1980) nhấn mạnh sự phản ánh kinh nghiệm của người học, sự tham gia trực tiếp và các cuộc gặp gỡ trực tiếp trong các sự kiện của cuộc sống hàng ngày. Carver (1996) đề xuất các hình thức học tập trải nghiệm như thực tập và học nghề, học tập phục vụ cộng đồng, các chương trình học tập theo định hướng và GD sớm (tr.8-13). Lewis và Williams (1994) chia thành hai hình thức cơ bản là học tập qua trải nghiệm thực tế và học tập tập trung trên lớp. Moon (2004) thì cho rằng giáo viên cần quan tâm thiết kế chuẩn đầu ra, lựa chọn tài liệu học tập, TC các buổi các buổi trao đổi ngắn, xây dựng cách thức đánh giá phù hợp và TC cho sinh viên phản hồi (tr.165).

Đánh giá kết quả học tập thông qua trải nghiệm cũng là hướng nghiên cứu phổ biến. Bassett và Jackson (1994) cho rằng đánh giá giúp người dạy và người học xác nhận, phản ánh kết quả học tập (tr.73 – 86). Theo Wurdinger (2005) giáo viên cần tìm hiểu kỹ các kỹ thuật đánh giá (Wurdinger, 2005, tr.69). Moon (2004) đề xuất những cách đánh giá như thuyết trình về những gì đã học; phân tích điểm mạnh, điểm yếu của kế hoạch trải nghiệm; làm bài luận; dự án cá nhân, bài tập tự đánh giá; thi vấn đáp (tr.165).

Tuy còn khá mới mẻ ở nước ta nhưng cũng đã có một số công trình nghiên cứu được thực hiện để tìm hiểu về HĐT. Khá giống với các nhà khoa học nước ngoài, các nhà khoa học trong nước cũng thừa nhận vai trò quan trọng của mô hình học tập thông qua trải nghiệm. Tác giả Nguyễn Văn Hạnh (2017) cho rằng trong đào tạo theo NL thì lý thuyết về học tập trải nghiệm đóng vai trò trung tâm (tr.179-187). Cùng hướng nghiên cứu này, tác giả Nguyễn Hữu Lễ (2016) cho rằng NL trải nghiệm là NL tiền đề để hình thành nên các NL khác, HĐT là con đường đưa người học đến với sự sáng tạo. Nghiên cứu về HĐT trong CTGDPT, Phùng Thái Dương (2016) cho rằng HĐT có vai trò rất lớn đối với việc thực hiện mục tiêu GD (tr.12).

Vận dụng, tích hợp quan điểm về học tập trải nghiệm vào dạy học cũng thu hút các tác giả trong nước. Đào Thị Ngọc Minh - Nguyễn Thị Hằng (2018) đã đề xuất 4 bước thiết kế HĐTN trong môn học gồm: *Bước 1*: TC cho HS tham gia các trải nghiệm cụ thể; *Bước 2*: TC phân tích/xử lí trải nghiệm; *Bước 3*: tổng quát/khái quát hóa; *Bước 4*: ứng dụng/thử nghiệm tích cực (tr.36-40). Cùng hướng nghiên cứu này, các tác giả Bùi Thị Thanh Thủy, Vũ Quốc Khánh (2017) thiết kế quy trình 8 bước để TCHĐTN ở trường trung học cơ sở (tr.145). Tác giả Đào Thị Ngọc Minh (2018) nghiên cứu hình thức TCHĐTN cho HS trong dạy học GD công dân (tr.254-257). Tác giả Phạm Văn Mạo (2017) cũng đề xuất hướng vận dụng hình thức TCHĐTN trong dạy học lịch sử địa phương. Tác giả Nguyễn Thị Ngọc (2019) đưa ra điều kiện để HĐTN, hướng nghiệp phát triển được kĩ năng giao tiếp cho HS trung học cơ sở (tr.36-40).

Cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu, vận dụng HĐTN vào các môn học ở bậc tiểu học. Tác giả Dương Giáng Thiên Hương (2017) đưa ra nguyên tắc để thực hiện HĐTN sáng tạo một cách có hiệu quả như đảm bảo tính trải nghiệm và phát huy khả năng sáng tạo; đảm bảo mục tiêu GD; đảm bảo tính vừa sức; đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò của HS và GV (tr.98- 108). Tác giả Trần Doãn Vinh (2018) cũng đề xuất 7 bước của quá trình thiết kế và TCHĐTN: *Bước 1*: đặt tên cho hoạt động; *Bước 2*: xác định mục tiêu; *Bước 3*: xác định nội dung và hình thức; *Bước 4*: chuẩn bị hoạt động; *Bước 5*: lập kế hoạch; *Bước 6*: thiết kế chi tiết hoạt động; *Bước 7*: kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình (tr.54 -58). Nghiên cứu TC học toán qua HĐTN ở TH, Nguyễn Quang Nhữ (2015) cho rằng cần đảm bảo điều kiện học tập thuận lợi, hình thức, phương pháp tổ chức dạy học và cải tiến công tác kiểm tra, đánh giá (tr. 110 – 112). Tác giả Vũ Minh Trung (2015) gợi ý nội dung, quy trình, điều kiện GD môi trường dựa vào trải nghiệm trong dạy học môn khoa học ở tiểu học. Tác giả Nguyễn Thị Dung (2017) tìm hiểu về thực hiện HĐTN của HS lớp 4 khi đọc hiểu văn bản (tr. 24). Tác giả Lê Thị Cẩm Nhung (2018) nghiên cứu tìm hiểu HĐTN trong dạy học môn hình học ở tiểu học.

Các đặc trưng của HĐTN cũng thu hút khá nhiều tác giả trong nước. Tác giả

Nguyễn Thị Liên (2016) và cộng sự đã nghiên cứu về khái niệm, nội dung, cách thức TCHĐTN ở trường phổ thông. Tác giả Phạm Văn Mạo (2017) cho rằng HĐTN có hình thức phong phú; nội dung mang tích hợp và phân hóa cao và có sự tham gia của nhiều lực lượng giáo dục. Tác giả Đỗ Ngọc Thống (2015) thì cho rằng để TCHĐTN trong CTGDPT 2018 cần xác định, lựa chọn các hình thức HĐTN, kinh nghiệm quốc tế về HĐTN, các điều kiện để TCHĐTN. Tìm hiểu sâu hơn về đặc điểm HĐTN, tác giả Bùi Ngọc Diệp (2015) cho rằng nội dung HĐTN mang tính tích hợp, phân hóa cao; hình thức thực hiện đa dạng. Tác giả cũng đề xuất nhiều hình thức TCHĐTN cho HS (tr. 37). Nghiên cứu thiết kế và TC triển khai HĐTN sáng tạo trong thực tiễn, tác giả Ngô Thị Thu Dung (2015) đã đề xuất quy trình với 8 bước như sau: *Bước 1*: xác định nhu cầu TCHĐTN; *Bước 2*: đặt tên cho hoạt động; *Bước 3*: xác định MT; *Bước 4*: xác định nội dung, hình thức, phương tiện; *Bước 5*: lập kế hoạch; *Bước 6*: thiết kế chi tiết; *Bước 7*: kiểm tra điều chỉnh và hoàn thiện chương trình và *Bước 8*: lưu kết quả vào hồ sơ học sinh. Tác giả Nguyễn Văn Hạnh (2017) đề xuất 3 mô hình thiết kế bài học trong đào tạo theo NL dựa vào lý thuyết trải nghiệm gồm mô hình cảm – hiểu – làm; mô hình hiểu – làm – cảm và mô hình làm – cảm – hiểu (tr.179-187). Tìm hiểu các giải pháp dạy học trải nghiệm hiệu quả trong thực tiễn, hai tác giả Nguyễn Hữu Lễ (2016), Phùng Thái Dương (2016) cho rằng cần phải xây dựng đội ngũ giáo viên, sử dụng phương pháp, hình thức trải nghiệm đa dạng và tìm kiếm các nguồn lực thực hiện hoạt động trải nghiệm.

Hoạt động trải nghiệm theo là hoạt động bắt buộc ở bậc tiểu học. Đã có một số công trình nghiên cứu được thực hiện để làm rõ thực tiễn TCHĐTN ở tiểu học. Tác giả Nguyễn Thị Hồng Phượng (2019) cho rằng giáo viên gặp khá nhiều khó khăn khi TCHĐTN như chưa được trang bị, cập nhật phương pháp TC và tài liệu hướng dẫn TCHĐTN. Cũng nghiên cứu về TCHĐTN cho HS, Lê Thị Hoài Thương (2019) đã làm rõ đặc trưng của TCHĐTN cho HS và đề xuất 5 biện pháp TCHĐTN cho học sinh. Nguyễn Thị Dung, Phạm Quỳnh Phương (2019) tìm hiểu HĐTN trong dạy học bài tập đọc “*tranh làng hồ*” cho HS lớp 5; Huỳnh Mộng Tuyên (2020) nghiên cứu mô hình HĐTN để GD lịch sử địa phương cho HS ở trường TH; Đoàn

Thị Ngân (2021) tìm hiểu về TCHĐTN trong dạy học môn khoa học ở trường TH theo định hướng phát triển NL học sinh; Đoàn Thị Mỹ Linh (2022) nghiên cứu HĐTN cho HS TH theo mô hình học tập trải nghiệm của John Dewey; Đặng Thị Thúy Hồng (2020), Lương Thị Thu Hương, Kim Ngọc (2020) nghiên cứu về TC một số HĐTN trong dạy môn toán cho HS TH; Nguyễn Thị Thu Hằng (2022) tìm hiểu về thiết kế và TC hoạt động sinh hoạt lớp theo chủ đề cho HS TH; Nguyễn Thị Ngọc Chi (2022) nghiên cứu TC một số HĐTN để dạy môn tin học ở TH theo CTGDPT 2018; Phạm Thị Ánh Hồng (2019) nghiên cứu TC một số HĐTN GD phòng chống thiên tai cho HS lớp 4,5 gắn với thực tiễn địa phương Hải Phòng. Ngoài ra cũng có một số công trình được thực hiện về TCHĐTN cho HS TH ở các địa phương. Nguyễn Phan Lâm Quyên (2022) nghiên cứu về TCHĐTN trong dạy học ở trường TH tại Thành phố Đà Nẵng; Nguyễn Văn Hiến, Nguyễn Thị Thu Huyền, Đào Thị Duy Duyên, Nguyễn Thị Thu Trang, Đặng Ánh Hồng (2021); Nguyễn Văn Chiến (2022) nghiên cứu thực trạng HĐTN khoa học ngoài giờ lên lớp cho HS ở các trường TH tại TP.HCM.

Như vậy, các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã tập trung tìm hiểu sâu lý luận về học tập thông qua trải nghiệm. Các nghiên cứu đã xác định vai trò, đặc điểm mô hình học tập thông qua trải nghiệm; vai trò của giáo viên trong học tập trải nghiệm; hình thức học tập trải nghiệm; đánh giá kết quả học tập của học sinh thông qua trải nghiệm. Các nghiên cứu cũng đã tìm hiểu về khái niệm, nội dung, hình thức TCHĐTN trong nhà trường phổ thông; nghiên cứu về vận dụng HĐTN vào dạy học một số môn học, nội dung hoạt động ở tiểu học. Tuy nhiên HĐTN và TCHĐTN với tư cách là một hoạt động độc lập trong chương trình GD nhà trường theo CTGDPT đang triển khai thực hiện ở nước ta thì chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều, chưa có nhiều công trình nghiên cứu quy mô được thực hiện để làm rõ về lý luận, thực tiễn TCHĐTN. Vì vậy, tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu để xây dựng lý luận về TCHĐTN, làm rõ thực tiễn TCHĐTN trong trường tiểu học là yêu cầu cấp thiết.

1.2. Nghiên cứu về năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Giáo viên tiểu học là lực lượng quan trọng, quyết định chất lượng GD tiểu học vì vậy phát triển năng lực cho GVTH là một trong những yêu cầu của quá trình đổi mới giáo dục. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về NL của giáo viên và giáo viên tiểu học.

Nghiên cứu về các NL cần có của giáo viên, Whitty (1996) cho rằng phẩm chất nghề nghiệp cá nhân và NL chuyên môn là hai yếu tố ảnh hưởng đến thành công của giáo viên (tr.89 – 90). Hai tác giả Birgitta Malm và Horst Lofgren (2006) cho rằng giáo viên cần có ba nhóm NL cơ bản là NL giao tiếp, NL quản lý lớp học và NL chuyên môn về môn học mình giảng dạy (tr.64). Tiếp tục hướng nghiên cứu này, nhóm tác giả Chang Zhu, Di Wang, Yonghong và Nadine Engels (2013) chỉ ra 4 NL cốt lõi giáo viên cần có là NL giáo dục, NL học tập, NL xã hội và NL công nghệ thông tin (tr.3-5). Cũng nghiên cứu về các NL cốt lõi của giáo viên, theo Martin Bernard (2015) giáo viên cần có các NL như NL chuyên môn về môn học, NL quản lý lớp học, NL đánh giá, NL thích ứng với thực tiễn giảng dạy, NL thấu hiểu và giao tiếp với học sinh (tr.32-33). Tác giả Trần Bá Hoành (2010) cũng chia NL của giáo viên thành 4 nhóm: NL chuẩn đoán; NLTC thực hiện kế hoạch; NL giám sát; NL giải quyết vấn đề. Tác giả Trần Khánh Đức (2016) cũng cho rằng giáo viên cần có hiểu rõ về nhà trường, môi trường; biết mục tiêu, tính chất của khối học, bậc học; nắm vững chương trình đào tạo; hiểu rõ người học; biết vận dụng quy luật, nguyên tắc, hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học (tr.126).

Ngoài các NL cốt lõi thì còn nhiều đòi hỏi khác giáo viên phải có để có thể trở thành những giáo viên tốt và thực hiện có hiệu quả công việc của mình. Vậy đó là những đòi hỏi gì? Theo tổ chức Unesco (1996) người giáo viên tốt trước hết là một người bạn tốt của HS, biết lắng nghe, thấu hiểu và tin tưởng HS, học hỏi từ chính học trò của mình; giáo viên tốt là một hình mẫu cho HS noi theo, giúp HS thay đổi, hướng dẫn cho HS con đường phù hợp để đạt được mục tiêu (tr.20). Tiếp cận nghiên cứu những yêu cầu để đảm bảo hiệu quả làm việc của người giáo viên, tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2012) nhấn mạnh nếu giáo viên không có lý tưởng sư phạm thì không có sự

thôi thúc giáo viên sáng tạo, không thúc đẩy giáo viên không ngừng học hỏi. Tác giả đã chỉ ra 11 yêu cầu mà giáo viên cần phải đáp ứng. Cụ thể giáo viên phải có (1) Sự am hiểu về môn học; (2) Tri thức sư phạm; (3) Tri thức về sự phát triển; (4) Hiểu biết về sự khác biệt; (5) Hiểu biết về động cơ học tập; (6) Có kiến thức về học tập; (7) Làm chủ được các chiến lược dạy học; (8) Hiểu biết về đánh giá HS; (9) Hiểu biết về chương trình và công nghệ dạy học; (10) Am hiểu, đánh giá cao sự cộng tác; (11) Có khả năng phân tích thực tiễn dạy học (tr. 489).

Các nghiên cứu về GVTH cũng đã khái quát hóa và chỉ ra được các NL cụ thể cho GVTH. Tác giả Chế Thị Ngọc Linh (2017) đề cập đến ba nhóm NL cơ bản của GVTH là NL chung, NL nghề nghiệp và NL hành vi, đã đề cập đến NL thiết kế, TC hoạt động GD ở tiểu học (tr.8-10). Trong khi đó, theo Đậu Thị Hòa (2018) thì cần tập trung phát triển cho GVTH NLTC hoạt động sư phạm. Chương trình đảm bảo chất lượng GD (SEQAP) của Bộ GD&ĐT cũng cho rằng khả năng TC hoạt động dạy học, GD là một trong những NL cần thiết của GVTH (Bộ GD&ĐT, 2013, tr.36). Bộ GD&ĐT (2018) đã đưa ra bộ chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở GDPT cũng đã đưa ra tiêu chuẩn về phẩm chất nhà giáo trong cơ sở GDPT, trong đó có giáo viên tiểu học.

HĐTN là hoạt động mới trong CTGDPT đang được triển khai thực hiện ở nước ta. Để TCHĐTN cho HS, GVTH cần có NLTC HĐTN. Đã có những công trình tiêu biểu được thực hiện về NLTC nói chung và NLTC HĐTN. Coates (2008) về NL tổ chức ở doanh nghiệp. Dự án IPMA OCB (2016) cũng đề cập đến khái niệm NLTC, tác động của NLTC đến thành công dự án. Raed M., Keaing và Bradley (2018) trong nghiên cứu của mình cũng đề cập đến khái niệm NLTC. Tác giả Nguyễn Thị Hoàng Vi (2022) tìm hiểu về giải pháp phát triển NLTC hoạt động làm quen với biểu tượng toán theo hướng trải nghiệm cho sinh viên.

Nghiên cứu về NLTC HĐTN cho sinh viên sư phạm, hai tác giả Dương Thị Kim Oanh, Nguyễn Văn Hiến (2023) đề xuất khung NLTC HĐTN gồm ba tiểu NL (1) NL lập kế hoạch TCHĐTN, (2) NL triển khai HĐTN và (3) NL đánh giá kết quả HĐTN, 8 NL thành phần và 42 chỉ báo. Tác giả Hà Mỹ Hạnh (2019) tìm hiểu con đường phát triển NLTC HĐTN cho sinh viên ngành GD tiểu học ở Trường Đại học Tân Trào.

Theo tác giả phát triển năng lực HĐTN cho sinh viên ngành GD tiểu học bao hàm: phát triển và hoàn thiện về mặt kiến thức TCHĐTN; phát triển và hoàn thiện về kỹ năng TCHĐTN và phát triển và hoàn thiện về thái độ TCHĐTN. Trong một nghiên cứu khác, tác giả Hà Mỹ Hạnh (2021) cũng đã chỉ ra được các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển NLTC HĐTN cho sinh viên ngành GD tiểu học. Trong đó, trong đó yếu tố ảnh hưởng nhất là sự tích cực hoạt động của sinh viên và NL dạy học, NLTC HĐTN của giảng viên. Các yếu tố ảnh hưởng thấp là cơ sở vật chất, tài liệu; thời gian; sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục.

Một số công trình được thực hiện để tìm kiếm giải pháp phát triển NLTC HĐTN. Cụ thể, tác giả Huỳnh Thị Kiều Trâm (2020) đề xuất giải pháp nâng cao NLTC HĐTN cho sinh viên ngành GD tiểu học Trường Đại học Đồng Tháp, bao gồm nâng cao nhận thức, tăng cường tự học của sinh viên, bồi dưỡng NLTC HĐTN, tăng cường vật lực, tài lực, tài liệu, thông tin về HĐTN. Nhóm tác giả Lê Thị Lành, Lương Thị Vân (2015) trong nghiên cứu về NLTC cho sinh viên ngành sư phạm địa lý cũng đã đưa ra khái niệm về NLTC, biện pháp để phát triển NLTC cho sinh viên như đổi mới tổ chức seminar, phương pháp dự án.

Như vậy, khái quát tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy các tác giả đã đi sâu xác định, làm rõ những phẩm chất, NL cốt lõi của giảng viên. Các nghiên cứu cũng đã tổng hợp, khái quát được những NL cần có của GVTH như NLTV hoạt động dạy học, NL tổ chức hoạt động sư phạm... Một số nghiên cứu trong và ngoài nước cũng đã đề cập về NLTC nói chung và NLTC HĐTN cho sinh viên và giải pháp phát triển NLTC HĐTN cho sinh viên. Kết quả phân tích tổng quan cũng cho thấy chưa có những công trình quy mô, chuyên sâu về NLTC HĐTN của GVTH được thực hiện. Vì vậy, đẩy mạnh nghiên cứu để xác định, làm rõ khung NLTC HĐTN của GVTH; đánh giá chính xác, khách quan mức độ đạt được NLTC HĐTN của GVTH trong giai đoạn hiện nay để có biện pháp đào tạo, bồi dưỡng nhằm củng cố, phát triển NLTC HĐTN cho GVTH là cần thiết.

1.3. Nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

1.3.1. Nghiên cứu về bồi dưỡng cho giáo viên

Các tác giả Hite và Howey (1977), Locke (1984), Trần Thị Hải Yến (2016) trong các công trình nghiên cứu của mình đã làm sáng tỏ quan niệm về hoạt động bồi dưỡng. Các nghiên cứu cũng làm rõ vai trò, mục đích của BD trong quá trình phát triển về chuyên môn của giáo viên. Desmarais (1992) tìm hiểu những đặc điểm tích cực của các chương trình BD; Samupwa (2008) tìm hiểu về ảnh hưởng của BD đến hành vi trong công việc của giáo viên. Gusky (1986), Ngô Thành Can (2002), Cao Thị Thúy Diễm (2016) nghiên cứu về vai trò của BD bồi niềm tin và thái độ của giáo viên. Các nghiên cứu cũng tập trung làm rõ mục đích của hoạt động BD đối với giáo viên. Các công trình của Hite và Howey (1977), Bolam (1993), Kakkar (2001) khẳng định BD giúp giáo viên thay đổi, thành công trong sự nghiệp, thích ứng với sự thay đổi.

Các nghiên cứu về hoạt động BD còn tập trung vào nội dung, hình thức, mô hình BD giáo viên. Bonstingl (1996) nghiên cứu về sự chuẩn bị và lựa chọn chương trình BD cho giáo viên. Ấn bản “*Giáo viên và hoạt động dạy học trong một thế giới thay đổi*” của UNESCO (1998) cho rằng chương trình BD dành cho giáo viên phải thay đổi vì vai trò của giáo viên đang thay đổi nhằm thích ứng sự thay đổi về chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Nghiên cứu về BD cho giáo viên theo hướng phát triển NL nghề nghiệp, tác giả Nguyễn Thị Kim Oanh (2017) cho rằng cần BD cho giáo viên NL chuyên môn, NL dạy học, NL nghiên cứu khoa học (tr.168). Tác giả Vũ Lan Hương (2014) thì cho rằng cần chuyển các chương trình BD nặng về tư duy lý luận và phân tích, ít định hướng thực tiễn sang mô đun tích hợp (tr.46).

Nghiên cứu về tổ chức BD, các tác giả Michael Armstrong (1997), Nguyễn Tiến Phúc (2010) nghiên cứu về XDKH bồi dưỡng cho giáo viên. Tác giả cho rằng kế hoạch bồi dưỡng phải xây dựng từ xuất phát điểm là đánh giá thực trạng chất lượng và nhu cầu của giáo viên (tr.7 - 9). Tác giả Hoàng Quốc Vinh (2011) cũng cho rằng việc XDKH để tiến hành BD cho giáo viên, quản lý trường TH là cần thiết và phải dựa vào cơ sở như các quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng (tr.47 - 49).

Nghiên cứu về hình thức BD cho giáo viên, các tác giả Bolam (1986), Anna Craft (2002), Phan Đoàn Thái (2017) đưa ra những hình thức BD như: hội thảo, tập huấn về kỹ năng, phương pháp và những vấn đề mới về chuyên môn; tư vấn và kèm cặp tại chỗ, sử dụng các tài liệu học từ xa, tham gia vào các hội đoàn nghề nghiệp. Các tác giả Florentino Blázquez Entonado và Laura Alonso Díaz (2006) cho rằng BD trực tuyến thông qua internet với sự linh động cao và dễ dàng tiếp cận sẽ đáp ứng được nhu cầu của giáo viên. Eleonora Villegass-Reimers (2003) giới thiệu các mô hình BD cho giáo viên như hợp tác giữa các trường với nhau, mô hình BD theo quy mô nhỏ tại từng trường học, lớp học. Các nghiên cứu của Bùi Văn Quân, Nguyễn Hữu Độ (2013) về phát triển nghề nghiệp cho giáo viên giới thiệu mô hình hướng dẫn đồng nghiệp cho giáo viên phổ thông.

Đánh giá kết quả BD cho giáo viên là chủ đề thu hút nhiều nghiên cứu. Nguyễn Ngọc Hợi và Thái Văn Thành (2009) nghiên cứu quy trình đánh giá chất lượng BD giáo viên cho rằng cần phối hợp giữa tự đánh giá của giáo viên với đánh giá của các cấp quản lý giáo dục (tr.9-11).

Bồi dưỡng cho giáo viên là hoạt động bắt buộc, được quy định cụ thể trong Luật GD cũng như các văn bản của ngành GD&ĐT. Đã có một số công trình đã được thực hiện nhằm đánh giá thực tiễn BD và đề xuất cải tiến hoạt động BD cho giáo viên. Các tác giả Trần Thị Hải Yến (2015), Lê Văn Huân (2016) nghiên cứu về BD cho giáo viên phổ thông khẳng định hoạt động BD đã được quan tâm, số lượng giáo viên tham gia BD lớn, thái độ về tự BD của giáo viên từng bước đi vào nề nếp. Bên cạnh đó, hoạt động BD cho giáo viên vẫn còn những điểm phải khắc phục như: nội dung BD mang tính đồng loạt, chưa phù hợp với mong đợi của giáo viên nên giáo viên không hứng thú và tích cực tham gia; hình thức BD chủ yếu là BD tập trung, trực tiếp, qua nhiều tầng bậc dẫn đến bị rơi rụng, phương pháp BD chưa coi trọng tự BD của giáo viên; chưa quan tâm đến đánh giá kết quả bồi dưỡng.

Các tác giả cũng gợi ý những giải pháp BD giáo viên. Tác giả Lê Thị Thanh Tâm (2017) trong công trình của mình đã đề nghị: tiếp tục thay đổi nhận thức của giáo viên; rèn luyện đạo đức, trình độ; cần bổ sung một số nội dung, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu

thực tiễn từng địa phương; linh hoạt về hình thức BD; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động bồi dưỡng (tr.1-2). Tác giả Nguyễn Thị Tuyết (2013) nghiên cứu về quản lý bồi dưỡng NL dạy học cho giáo viên cho rằng cần thực hiện đổi mới BD theo ba hướng: thay đổi, phát triển nhận thức của giáo viên về BD, tăng cường đào tạo, BD và cải tiến đánh giá BD. Tác giả Trần Thị Hải Yến (2016) cho rằng hình thức BD cho giáo viên cần đa dạng như sinh hoạt chuyên đề ở trường, cụm trường; tham quan học hỏi kinh nghiệm trường bạn; phân công kèm cặp và BD trực tuyến (tr.347). Tác giả Phạm Công Hiệp (2016) quan tâm đến các giải pháp về công tác đánh giá hoạt động BD, trong khi đó, theo tác giả Nguyễn Đức Cường (2016) thì cần phải chú trọng đến chương trình bồi dưỡng.

Đổi mới CTGDPT là chủ trương lớn của ngành GD&ĐT ở nước ta. Để đạt được mục tiêu thì vấn đề đào tạo, BD giáo viên là yếu tố then chốt. Tác giả Nguyễn Minh Thuyết (2017) cho rằng giáo viên là nhân tố quan trọng nhất để thực hiện chương trình. Bộ GD&ĐT cũng cần có một chương trình BD giáo viên để thực hiện chương trình, SGK GDPT. Tiếp tục cho thấy sự cần thiết phải BD giáo viên theo yêu cầu đổi mới GDPT, Trần Hoài Thanh (2017) cho rằng cần cải tiến việc xây dựng giáo trình BD theo hướng chuẩn hóa; liên thông giữa các trình độ BD và cơ sở BD giáo viên, thay đổi cơ chế hợp tác giữa các trường sư phạm với sở GD&ĐT trong công tác BD giáo viên. Tác giả Hoàng Tiến Chính (2017) lý giải sự cần thiết phải cải tiến hiệu quả BD cho giáo viên dưới các khía cạnh về nội dung, hình thức, các lực lượng tham gia bồi dưỡng. Theo tác giả Nguyễn Vinh Hiền (2018) cần đổi mới đối tất cả các thành tố như mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp BD, đánh giá, công tác quản lý và những điều kiện thực hiện phù hợp.

Hội thảo "*Nâng cao NL sư phạm cho đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới CTGDPT*" do Trường Đại học Sư phạm Huế tổ chức vào tháng 12 năm 2017 cũng tập trung bàn luận các vấn đề như: cơ sở khoa học về nâng cao chất lượng đào tạo và BD NL sư phạm cho giáo viên; thực tiễn đào tạo, bồi dưỡng NL sư phạm cho đội ngũ giáo viên ở nước ta; giải pháp đào tạo, bồi dưỡng NL sư phạm cho đội ngũ giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT (Đại học Sư phạm Huế, 2017). Hai tác giả Nguyễn

Như An, Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh (2019) trong nghiên cứu của mình cũng đã làm rõ sự cấp thiết phải cải tiến đào tạo, BD giáo viên, những cơ sở để cải tiến đào tạo, BD giáo viên và gợi ý biện pháp đổi mới đào tạo, BD giáo viên (tr.1- 4). Cùng hướng nghiên cứu này, tác giả Nguyễn Thị Lan Anh (2019) đã đưa ra 1 số biện pháp cải tiến chương trình, phương pháp BD giáo viên theo CTGDPT 2018 (tr.23-26).

Từ kết quả tổng quan về hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên có thể khẳng định các nhà khoa học trong và ngoài nước đã có nhiều sự quan tâm, nghiên cứu về chủ đề này. Phân tích khái quát cho thấy các nghiên cứu đã tập trung tìm hiểu về khái niệm hoạt động BD; xác định được mục đích, vai trò của hoạt động BD trong quá trình phát triển về chuyên môn của giáo viên; làm rõ được nội dung, hình thức, mô hình tổ chức, xây dựng kế hoạch BD cho giáo viên và đánh giá kết quả BD cho giáo viên. Các tác giả cũng đã tập trung nghiên cứu, đánh giá thực tiễn hoạt động BD và đề xuất các biện pháp cải tiến hoạt động BD cho giáo viên. Một số nghiên cứu cũng đã đề cập đến sự cần thiết phải tiến hành hoạt động BD cho giáo viên theo yêu cầu của quá trình đổi mới căn bản, toàn diện GD và đổi mới chương trình, SGK GDPT ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, khái quát kết quả tổng quan cũng cho thấy chưa có những nghiên cứu quy mô về hoạt động BD cho giáo viên giảng dạy các môn học và tổ chức hoạt động GD cụ thể trong nhà trường phổ thông theo chương trình GDPT đang thực hiện ở nước ta. Do đó, tiếp tục nghiên cứu, làm rõ hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên theo từng môn học, học động GD trong giai đoạn hiện nay là cần thiết.

1.3.2. Nghiên cứu về bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học

Chủ đề BD cho GVTH đã thu hút sự quan tâm, nghiên cứu của nhiều nhà khoa học. Tác giả Phạm Văn Hiền (2020) tìm hiểu về đào tạo, bồi dưỡng GVTH đã khái quát hóa mô hình đào tạo, BD GVTH của Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức, Mỹ. Tác giả đưa ra những tổng kết và bài học cho quá trình đào tạo, BD cho GVTH ở nước ta. Theo đó cần lưu ý quan điểm về mục tiêu đào tạo, BD; về trình độ đào tạo, mô hình, nội dung, quản lý ; hoạt động BD, tuyển dụng, sử dụng và đánh giá giáo

viên. Ngoài ra, tác giả cũng cho rằng Việt Nam cần hoàn thiện chiến lược đào tạo, BD GVTH theo tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế (tr.7-11).

Tác giả Đậu Thị Hòa (2018) đã làm rõ những NL của GVTH trong thế kỉ XXI và đã đề xuất giải pháp bồi dưỡng NL dạy học cho GVTH nói chung và đề xuất đối với các cấp quản lí trong bồi dưỡng NL dạy học cho GVTH (tr.17-20). Tác giả Huỳnh Thái Lộc (2018) nghiên cứu về đặc trưng của mô hình trường học mới tại nước ta, làm rõ biểu hiện, mức độ một số NL dạy học Toán của GVTH, đề xuất cách thức phát triển NL này cho giáo viên tiểu học (tr.35-39).

Tác giả Vũ Thị Thu Huyền (2015) đã đưa ra nhiều biện pháp quản lý bồi dưỡng NL dạy học theo chuẩn nghề nghiệp cho GVTH như: đổi mới công tác tổ chức BD theo hướng tinh gọn, hiệu quả; đổi mới hoạt động kiểm tra đánh giá bồi dưỡng; xây dựng môi trường lành mạnh, tạo động lực cho giáo viên tích cực tham gia bồi dưỡng. Tác giả Trần Thanh Phúc (2008) trong đề tài cấp bộ *“Nghiên cứu khả năng đáp ứng của giáo viên trong việc triển khai chương trình và SGK tiểu học mới ở vùng dân tộc”* đã đề xuất các giải pháp về BD nghiệp vụ chuyên môn cho GVTH vùng dân tộc.

Hội thảo quốc gia về *“Đào tạo, bồi dưỡng GVTH đáp ứng yêu cầu đổi mới GD trong bối cảnh hội nhập quốc tế”* do Đại học Sư phạm Huế tổ chức vào tháng 5 năm 2016 đã tập trung bàn về lý luận về bồi dưỡng GVTH theo hướng tiếp cận NL; thực trạng đào tạo, bồi dưỡng GVTH ở các cơ sở đào tạo giáo viên; kinh nghiệm thế giới về đào tạo, bồi dưỡng GVTH; giải pháp đào tạo, bồi dưỡng GVTH (Đại học Sư phạm Huế, 2016). Tác giả Trần Thị Hương (2017) đề xuất biện pháp bồi dưỡng NL đánh giá HS cho GVTH như: nâng cao nhận thức của giáo viên và người quản lý về đánh giá, XDKH BD, phát triển các chương trình BD, đổi mới cách thức tổ chức BD và đánh giá kết quả bồi dưỡng (tr.173-180).

Ngoài những nghiên cứu tổng quát về BD cho GVTH thì cũng có một số nghiên cứu tập trung, làm rõ thực tiễn bồi dưỡng GVTH ở các địa phương.

Hai tác giả Đỗ Viết Long, Trần Văn Hiếu (2020) tìm hiểu về quản lý bồi dưỡng GVTH theo hướng đổi mới GDPT tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk cho rằng một bộ phận GVTH tại địa phương NL dạy học có nhiều bất cập, chưa phù hợp yêu cầu.

Nhóm tác giả cũng đã đề xuất nhiều biện pháp quản lí BD cho giáo viên tiểu học (tr.54-59).

Tác giả Vũ Thị Bình (2018) nghiên cứu về BD năng lực chuyên môn cho GVTH vùng cao tỉnh Lào Cai đã khái quát hóa về NL chuyên môn của GVTH, khảo sát, đánh giá NL chuyên môn của GVTH ở các trường vùng cao tỉnh Lào Cai và đưa ra một số giải pháp BD NL chuyên môn cho GVTH ở các trường vùng cao (tr.11-15). Tác giả Lê Văn Chín (2012) nghiên cứu về BD đội ngũ GVTH tại tỉnh Bến Tre. Tác giả Trần Thị Yên (2016) trong luận án về phát triển đội ngũ GVTH đã làm rõ lí luận về phát triển đội ngũ GVTH, thực trạng GVTH người dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc đồng thời đề xuất định hướng phát triển GVTH của vùng.

Tác giả Đoàn Thị Ngân (2017) đề xuất giải pháp BD kỹ năng dạy học theo hướng phát triển NL học sinh cho GVTH quận Thủ Đức, TP.HCM. Nhóm tác giả Phan Thị Tình, Lê Thị Hồng Chi, Hà Thị Huyền Diệp (2019) nghiên cứu về BD năng lực dạy học tìm tòi, khám phá cho GVTH theo yêu cầu đổi mới GDPT. Hai tác giả Trần Thị Hương, Cao Xuân Hùng (2017) nghiên cứu về BD NL đánh giá HS của giáo viên các trường TH quận 3, TP.HCM. Nguyễn Ngọc Hà, Nguyễn Hải Thom (2021) nghiên cứu về bồi dưỡng NL sư phạm cho giáo viên vận dụng mô hình “*nghiên cứu bài học*” trong các trường TH ở tỉnh Sơn La.

Tổng hợp kết quả tổng quan về bồi dưỡng cho GVTH cho thấy các tác giả đã nghiên cứu, khái quát chung được những vấn đề cơ bản về hoạt động BD cho GVTH. Các nghiên cứu đã tập trung làm rõ thực tiễn và đề xuất được nhiều biện pháp quản lý hoạt động BD cho GVTH; đề xuất BD một số NL cho GVTH theo chuẩn nghề nghiệp GVTH và khái quát hóa được thực tiễn hoạt động BD cho GVTH ở các địa phương. Kết quả phân tích tổng quan cũng cho thấy chưa có những nghiên cứu quy mô về BD cho GVTH theo môn học, hoạt động GD theo CTGDPT đang triển khai ở nước ta hiện nay và cũng chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động BD cho GVTH ở TP.HCM. Vì vậy, tiếp tục nghiên cứu để làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn về hoạt động BD cho GVTH theo môn học, hoạt động GD cụ thể là cần thiết.

1.3.3. Nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Đã có một số công trình nghiên cứu có liên quan của nhiều nhà khoa học thực hiện về bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH. Cụ thể:

Tác giả Nguyễn Đức Mậu (2016) và các cộng sự trong công trình về BD giáo viên xây dựng và TCHĐTN sáng tạo đã nghiên cứu nội dung, quy trình xây dựng, TC triển khai, đánh giá kết quả HĐTN sáng tạo ở trường phổ thông. Nhóm tác giả đưa ra một số biện pháp để BD cho giáo viên như: cần bổ sung mục tiêu đào tạo dạy trải nghiệm theo định hướng phát triển NL; cần biên soạn các nội dung đào tạo phù hợp hơn; phương pháp đào tạo cần chú ý tiếp cận dạy trải nghiệm trong các môn phương pháp dạy học cũng như các môn khoa học cơ bản; kiểm tra, đánh giá cần xây dựng và sử dụng bộ công cụ đánh giá NL dạy học trải nghiệm của sinh viên trong các môn phương pháp dạy học, trong đánh giá giáo án, giảng thử (tr.69-75).

Tác giả Lê Thanh Bình (2016) trong bài viết về BD công tác triển khai và quản lý HĐTN sáng tạo cho giáo viên phổ thông cho rằng cần TC tập huấn nâng cao nhận thức, NL tổ chức, ý thức trách nhiệm cho giáo viên về HĐTN trong các nhà trường hiện nay (tr.7). Hai tác giả Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Hằng (2014) tìm hiểu về những phương pháp giảng dạy giáo viên cần được phải trang bị để TCHĐTN. Theo tác giả, giáo viên cần được trang bị 4 phương pháp: giải quyết vấn đề, sắm vai, trò chơi, làm việc nhóm.

Nhóm tác giả Nguyễn Quang Linh, Dương Thị Thu Hương (2019) trong công trình về BD năng lực thiết kế và TCHĐTN cho sinh viên sư phạm vật lý theo mô hình GD STEM đề xuất quy trình BD năng lực theo 7 bước: (1) Thống nhất mục đích nghiên cứu với sinh viên; (2) Tìm hiểu lí luận về dạy học theo phương thức giáo dục STEM, hoạt động TN; (3) Xây dựng chủ đề trải nghiệm theo phương định hướng giáo dục STEM; (4) Thảo luận, tư vấn; (5) Thực nghiệm trên đối tượng HS ; (6) Phân tích kết quả TN, điều chỉnh chủ đề đã thiết kế; (7) Điều chỉnh quy trình dạy/BD và NL này của các học viên đạt được ở mức độ khá, giỏi chiếm tỷ lệ cao. Tác giả Nguyễn Thị

Ngọc (2022) nghiên cứu về bồi dưỡng NL lập kế hoạch HĐTĐN cho GVTH đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông.

Từ kết quả tổng hợp và phân tích trên có thể nhận thấy chủ đề nghiên cứu về bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho GVTH đã được một số nhà khoa học trong nước quan tâm, tuy nhiên các công trình nghiên cứu còn khá chung, mang tính khái quát cao; chưa nghiên cứu cụ thể về thực trạng hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho GVTH hướng đến thực hiện CTGDPT HĐTĐN đang triển khai ở tiểu học.

Cùng với các nghiên cứu về bồi dưỡng NLTC HĐTĐN, đã có những chương trình BD của Bộ GD&ĐT thực hiện để BD cho GVTH về NLTC HĐTĐN. Đầu tiên là Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao NL đội ngũ GV và cán bộ quản lý cơ sở GDPT (tên tiếng Anh: Enhancing Teacher Education Program), viết tắt là ETEP, do Bộ GD&ĐT điều phối, Ngân hàng Thế giới tài trợ, thực hiện từ 2017 đến 2022. Mục tiêu của ETEP là hình thành mô hình BD thường xuyên, liên tục, tại chỗ, phát triển NL đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở GDPT bằng nguồn học liệu mở và mạng lưới đồng nghiệp hỗ trợ tự BD, vừa trực tiếp, vừa qua mạng internet. Chương trình ETEP được thiết kế thành 09 mô đun để tiến hành BD cho giáo viên phổ thông. Cụ thể hóa chương trình này đối với HĐTĐN ở TH, chương trình ETEP có các mô đun cụ thể:

Mô đun 1: Hướng dẫn thực hiện CTGDPT HĐTĐN 2018, giới thiệu các văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện chi tiết CTGDPT và HĐTĐN 2018.

Mô đun 2: Sử dụng phương pháp dạy học và GD phát triển phẩm chất, NL học sinh tiểu học (HĐTĐN) giới thiệu chung về phương pháp, kỹ thuật dạy học và GD phát triển phẩm chất, NL học sinh tiểu học; lựa chọn, sử dụng được phương pháp, kỹ thuật dạy học, GD phù hợp ở TH qua HĐTĐN theo GDPT HĐTĐN;

Mô đun 3: Kiểm tra, đánh giá HS theo hướng phát triển phẩm chất, NL (HĐTĐN) giới thiệu lý thuyết và phân tích yêu cầu, quy trình, phương pháp kiểm tra, đánh giá HS TH theo hướng phát triển phẩm chất, NL; minh họa các phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá HS TH về HĐTĐN.

Mô đun 4: XDKH dạy học và GD nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, NL học sinh tiểu học (HĐT) giới thiệu cách XDKH dạy học và GD ở HĐT.

Mô đun 9: Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và GD học sinh tiểu học HĐT giới thiệu về vai trò của công nghệ thông tin, học liệu số, thiết bị công nghệ, học liệu số, phần mềm hỗ trợ ở TH; lựa chọn, ứng dụng thiết bị công nghệ, học liệu số và phần mềm trong HĐT ở tiểu học.

Có thể khẳng định Chương trình ETEP là chương trình BD chi tiết, cụ thể nhất về HĐT cho GVTH đã từng được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, trong 9 mô đun của chương trình dành cho HĐT ở TH, chỉ có 5 mô đun có liên quan đến HĐT như đã liệt kê ở trên. Nội dung các mô đun vẫn thiên về giới thiệu thông tin, kiến thức chung, chưa gắn kết chắc chẽ với đặc thù địa phương, nhà trường cũng như nhu cầu thực tiễn của GVTH. Bên cạnh đó, đối tượng tham gia BD chủ yếu là giáo viên và cán bộ quản lý cốt cán, sau đó đội ngũ này sẽ hỗ trợ việc tự BD của GVTH, điều này cũng có thể tác động đến hiệu quả triển khai BD. Đồng thời, dự án thực hiện chương trình ETEP đã kết thúc vào năm 2022, việc thực hiện tiếp hoạt động BD và tự BD cho GVTH khi dự án đã kết thúc cũng là một thử thách đối với các địa phương và trường tiểu học. Như vậy, tiếp tục phát huy những kết quả tích cực của chương trình ETEP đồng thời tìm hiểu, đề xuất bồi dưỡng NLTC HĐT cho GVTH là cần thiết.

Bên cạnh Chương trình ETEP thì Bộ GD&ĐT cũng có chương trình BD thường xuyên giáo viên cơ sở GDPT theo 17/2019/TT-BGDĐT (Bộ GD&ĐT, 2019). Cụ thể hóa thông tư này, BD thường xuyên cho giáo viên cơ sở GDPT được xây dựng với 15 module, trong đó có một số module về TC dạy học, GD cho GVTH như mô đun 4: XDKH dạy học và GD theo hướng phát triển phẩm chất, NL học sinh; mô đun 5: sử dụng phương pháp dạy học và GD phát triển phẩm chất, NL học sinh; mô đun 6: kiểm tra, đánh giá HS trong các cơ sở GDPT theo hướng phát triển phẩm chất NL học sinh; mô đun 11: tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ HS và các bên liên quan trong hoạt động dạy học và GD học sinh trong các cơ sở GDPT; mô đun 12: phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho HS trong các cơ sở GDPT. Từ nội dung BD thường xuyên cho giáo viên cơ sở GDPT của ngành GD&ĐT

cho thấy nội dung BD còn khá khái quát, chưa có module cụ thể, riêng biệt BD cho GVTH về HĐTĐ và NLTC HĐTĐ.

Khái quát chung tổng quan nghiên cứu về bồi dưỡng NLTC HĐTĐ cho GVTH cho thấy đã có một số nghiên cứu về biện pháp BD cho giáo viên tiểu học xây dựng và TCHĐTĐ trong nhà trường phổ thông; bồi dưỡng NL thiết kế và TCHĐTĐ cho sinh viên sư phạm. Bên cạnh đó, cũng đã có một số chương trình, hoạt động BD cho GVTH về HĐTĐ và các chủ đề có liên quan đến NLTC HĐTĐ cho GVTH được triển khai, thực hiện. Từ kết quả trên cũng có thể khẳng định chưa có nhiều nghiên cứu thật sự quy mô, bài bản về bồi dưỡng NLTC HĐTĐ cho GVTH được thực hiện. Vì vậy, để giúp GVTH có thể TCHĐTĐ được hiệu quả cần đẩy mạnh nghiên cứu, làm rõ lý luận và thực tiễn hoạt động BD cho GVTH về NLTC HĐTĐ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Kết quả nghiên cứu tổng quan đã hệ thống hóa, phân tích khá chi tiết các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước về các phương diện tổ chức HĐTĐ, NLTC HĐTĐ của GVTH và bồi dưỡng NLTC HĐTĐ cho giáo viên tiểu học. Từ kết quả phân tích tổng quan ở chương 1 có thể rút các kết luận như sau:

- Những nghiên cứu về tổ chức HĐTĐ đã xác định được vai trò, đặc điểm mô hình học tập thông qua trải nghiệm; vai trò của GVTH trong học tập trải nghiệm; phân tích được những đặc trưng cơ bản của HĐTĐ; đề xuất nguyên tắc, giải pháp vận dụng HĐTĐ vào giảng dạy các môn học ở tiểu học. Tuy nhiên chưa có những công trình nghiên cứu chuyên sâu, quy mô về lý luận và thực tiễn tổ chức HĐTĐ trong nhà trường tiểu học được triển khai thực hiện.

- Nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước đã tổng hợp, khái quát được những NL cốt lõi của GVTH. Đã có một số nghiên cứu đề cập đến NLTC và phát triển NLTC HĐTĐ. Tuy nhiên kết quả phân tích tổng quan cũng cho thấy chưa có những nghiên cứu chuyên sâu về NLTC HĐTĐ của GVTH trong bối cảnh triển khai, thực hiện HĐTĐ trong nhà trường tiểu học hiện nay.

- Những công trình của các tác giả trong và ngoài nước cũng đã nghiên cứu, làm rõ những đặc điểm cơ bản của hoạt động BD cho giáo viên như mục đích, vai trò, nội dung, hình thức, kế hoạch BD, kiểm tra đánh giá kết quả BD, thực tiễn hoạt động BD và đề xuất các biện pháp cải tiến hoạt động BD cho giáo viên theo yêu cầu của quá trình đổi mới căn bản, toàn diện GD và đổi mới chương trình, SGK GDPT ở nước ta.

- Tổng hợp kết quả nghiên cứu tổng quan về BD cho GVTH cho thấy các nhà khoa học đã khái quát hóa được những vấn đề cơ bản về hoạt động BD cho GVTH, đánh giá thực tiễn hoạt động BD và hướng đến đề xuất biện pháp quản lý hoạt động BD cho GVTH. Kết quả phân tích tổng quan này cũng cho thấy chưa có những nghiên cứu quy mô về BD cho GVTH theo môn học, hoạt động GD của chương trình GDPT đang triển khai ở nước ta hiện nay và cũng chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về

hoạt động BD cho GVTH ở TP.HCM. Do đó, tiếp tục triển khai nghiên cứu ý luận, thực tiễn về hoạt động BD cho GVTH theo môn học, hoạt động GD cụ thể là cần thiết.

- Đã có một số nghiên cứu khái quát về những biện pháp bồi dưỡng, phát triển NLTC HĐTN tuy nhiên chưa có nhiều công trình nghiên cứu quy mô, chuyên sâu về bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH được thực hiện.

- Như vậy, để giúp GVTH tổ chức hiệu quả HĐTN trong giai đoạn hiện nay thì tiếp tục triển khai nghiên cứu nhằm xác định được khung NLTC HĐTN của GVTH; đánh giá mức độ đạt được NLTC HĐTN của GVTH. Từ đó, đề xuất chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng phù hợp nhằm củng cố, phát triển NLTC HĐTN cho GVTH là cần thiết.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1. Hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học

HĐTN là một khái niệm phổ biến. Theo Hoàng Phê (2003) "*trải có nghĩa là đã từng qua, từng biết, từng chịu đựng; còn nghiệm có nghĩa là kinh qua thực tế nhận thấy điều nào đó là đúng*" (tr.1020). Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003) thì trải nghiệm là "*bất kì một trạng thái có màu sắc xúc cảm nào được chủ thể cảm nhận, trải qua, đọng lại thành bộ phận (cùng với tri thức, ý thức...) trong đời sống của từng người*" (Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, 2003). Cũng định nghĩa về trải nghiệm nhưng dưới góc độ học tập trải nghiệm, theo David Kolb (1984) đó là quá trình nơi kiến thức được tạo ra thông qua việc chuyển đổi kinh nghiệm và kết quả của kiến thức là sự kết hợp giữa nắm bắt và chuyển đổi kinh nghiệm của người học. Trong khi đó, Boreham (1987) cho rằng "*học tập trải nghiệm là học tập bằng cách phản ánh về những kinh nghiệm mà con người học đã trải qua*" (tr. 89-97). Hai tác giả Lewis và Williams (1994) cho rằng "*học tập trải nghiệm nghĩa là học tập từ trải nghiệm hoặc học tập qua làm việc*" (tr. 5-6).

Định nghĩa về HĐTN, theo Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý GD (2018) đây là hoạt động GD dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà GD, từng cá nhân HS được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong nhà trường hoặc trong xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà GD, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất, nhân cách, các NL và tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân (tr. 9). Đồng quan điểm này, tác giả Bùi Ngọc Diệp (2015) cũng cho rằng HĐTN là các hoạt động GD thực tiễn được tiến hành song song với hoạt động dạy học trong nhà trường phổ thông, là một bộ phận của quá trình GD, được TC ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp và có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ cho hoạt động dạy học (tr.37).

Theo CTGDPT 2018, HĐTN cũng được xem là hoạt động GD do nhà GD định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai (Bộ GD&ĐT, 2018, tr. 3).

Trong luận án này, HĐTN là hoạt động GD do GV, nhà trường TH và các lực lượng phối hợp tổ chức để học sinh TH có thể trải nghiệm đời sống nhà trường và thực tiễn xã hội nhằm củng cố, lĩnh hội và phát triển các kiến thức, năng lực, phẩm chất cần thiết cho hoạt động học tập và cuộc sống.

2.1.2. Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Để làm rõ khái niệm NLTC, cần làm rõ các khái niệm năng lực, tổ chức.

Năng lực: Có nhiều quan điểm khác nhau đã được đưa ra về khái niệm năng lực. Ở nhóm quan điểm thứ nhất, NL được xem là khả năng của con người nhằm đáp ứng yêu cầu của các hoạt động, cuộc sống. Theo McClelland (1973), OECD (2002) NL là khả năng áp dụng hoặc sử dụng kiến thức, kỹ năng, khả năng, hành vi và đặc điểm cá nhân để đáp ứng và thực hiện thành công các công việc, nhiệm vụ trong bối cảnh cụ thể (tr. 1-14). Theo Bùi Hiền (chủ biên) (2001) thì NL là khả năng được hình thành hoặc phát triển, cho phép một người đạt thành công trong một hoạt động thể lực, trí lực hoặc nghề nghiệp. Tác giả Nguyễn Lộc (2014) cho rằng NL là khả năng của cá nhân làm một công việc một cách chuẩn mực” (tr.5 - 6).

Ở nhóm quan điểm thứ hai, NL được xem là kết hợp các thành phần, yếu tố khác nhau của cá nhân. Theo Epstein và Hundert (2002) thì NL là việc cá nhân sử dụng thường xuyên, hợp lý và có hiệu quả các kỹ năng giao tiếp, kiến thức, kỹ năng chuyên môn, các cảm xúc, giá trị và quá trình tư duy trong thực tiễn hoạt động hằng ngày vì lợi ích của cá nhân và của cộng đồng mà mình đang phục vụ (tr. 226 - 235). Katane (2006) thì nhấn mạnh NL là tập hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ, niềm tin, và kinh nghiệm để mọi người có thể thành công trong công việc (tr. 41 - 59).

Theo chương trình GDPT của nước ta thì NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người

huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí...thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể (Bộ GD&ĐT, 2018, tr.37).

Trong phạm vi luận án này, tác giả cho rằng NL là khả năng của cá nhân hình thành trên cơ sở huy động, tổng hợp các kiến thức, kỹ năng, thái độ và các thuộc tính cá nhân khác để thực hiện có chất lượng, hiệu quả một hoạt động, nhiệm vụ cụ thể trong điều kiện nhất định. NL cá nhân có thể hình thành và phát triển nhờ các tố chất bẩm sinh và quá trình được đào tạo, bồi dưỡng.

Tổ chức: là một khái niệm cũng được nhìn nhận dưới nhiều cách hiểu. Ở cách hiểu thứ nhất, tổ chức được xem là một nhóm, một đơn vị. Theo Gunter Buschger (1996) thì tổ chức là “*tập thể một số người có sự phân công công việc*” (tr.64). Nguyễn Bá Dương (1999) cũng cho rằng “*Tổ chức là một nhóm xã hội chính thức trên cơ sở tập hợp những con người có sự thống nhất về mục đích, có sự phối hợp chặt chẽ về hành động và có văn bản pháp quy quy định*” (tr.264).

Tổ chức còn được xem xét như hoạt động đặc trưng của xã hội. Theo P.M. Kecientxep (1999) tổ chức là hành động liên hiệp nhiều người lại để làm một công việc. Các tác giả Harold Koontz, Cyril Odonnell và Heinz Weihrich nhấn mạnh TC là “*việc nhóm gộp các hoạt động cần thiết để đạt được các mục tiêu, là việc giao phó mỗi nhóm cho một người quản lý với quyền hạn cần thiết để giám sát nó*” (dẫn theo Đào Duy Huân, 2002, tr. 177). Trần Kiểm (2006) cũng cho rằng đây là việc thiết kế cơ cấu các bộ phận cho phù hợp với mục tiêu của tổ chức (tr.96).

Từ phân tích trên, luận án tiếp cận khái niệm TC là hoạt động sắp xếp, vận hành, phối hợp nhằm giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong quá trình TC hoạt động thực tiễn của cá nhân và tổ chức.

Năng lực tổ chức: Cullen Coates và cộng sự (2008) cho rằng NLTC có thể được mô tả là sự pha trộn của các kỹ năng cần thiết, thông tin cần thiết, các biện pháp hoạt động phù hợp và văn hóa doanh nghiệp đúng đắn mà tổ chức cần có để được sứ mệnh của mình.

Dự án nghiên cứu về NLTC làm cơ sở để phát triển NL quản lý dự án (IPMA OCB) (2016) thì cho rằng NLTC là khả năng cần có để kết hợp các yếu tố con người, tài nguyên, quy trình công việc, cấu trúc và văn hóa của tổ chức kết hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược của TC nhằm đạt được kết quả cũng như đảm bảo sự phát triển liên tục của tổ chức (tr. 37-38).

Khá tương đồng với quan điểm trên, theo Jaradat, Keaing và Bradley (2018) NLTC là khả năng nắm bắt và phát triển tri thức, khả năng và các thuộc tính cần thiết để giải quyết tốt các vấn đề mà cá nhân gặp phải trong một tổ chức (tr. 1203).

NLTC cũng có thể được hiểu là sự huy động linh hoạt, có tổ chức các kiến thức, kỹ năng, thái độ và tình cảm của GV để thực hiện có hiệu quả hoạt động GD ở trường phổ thông (Lê Thị Lành, Lương Thị Vân, 2015, tr.71).

Từ những phân tích, tác giả luận án cho rằng NLTC là khả năng cá nhân huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và thuộc tính cá nhân khác nhằm lên kế hoạch, sắp xếp, tổ chức, vận hành, phối hợp, đánh giá kết quả và giải quyết nhiệm vụ đặt ra trong quá trình tổ chức hoạt động thực tiễn của cá nhân và tổ chức.

Năng lực tổ chức HĐTN của GVTH: trên cơ sở phân tích, xác định rõ các khái niệm về HĐTN, NLTC, trong phạm vi luận án này NLTC HĐTN của GVTH được hiểu là khả năng GVTH huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và thuộc tính cá nhân khác nhằm lên kế hoạch, sắp xếp, tổ chức, vận hành, phối hợp, đánh giá kết quả và giải quyết các nhiệm vụ đặt ra trong quá trình tổ chức HĐTN cho học sinh tiểu học.

2.1.3. Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Bồi dưỡng: Có khá nhiều định nghĩa đã được đưa ra về khái niệm bồi dưỡng.

Hite và Howey (1977) định nghĩa BD là bao gồm tất cả các kinh nghiệm giáo viên đạt được sau khi họ bắt đầu công việc giảng dạy. Gusky (1986) lại khẳng định BD là những hoạt động mang lại sự thay đổi song song trong thực tiễn dạy học cho GV, đó là thay đổi niềm tin, thái độ của giáo viên và thay đổi trong kết quả đầu ra của học sinh.

Theo Bùi Hiền (chủ biên), (2001) thì bồi dưỡng là “*trang bị thêm các kiến thức, kỹ năng nhằm mục đích nâng cao và hoàn thiện NL hoạt động trong các lĩnh vực cụ thể*” (tr. 30). Đồng quan điểm này, Nguyễn Minh Đường (1996) cũng khẳng định bồi dưỡng là “*quá trình cập nhật kiến thức, kỹ năng còn thiếu cho giáo viên*” (tr.13).

Bồi dưỡng cũng được xem là quá trình bổ sung, nâng cao NL chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên. Theo Vũ Thị Thu Huyền (2015) BD “*là quá trình bổ sung, nâng cao và hoàn thiện NL chuyên môn, nghiệp vụ, các kỹ năng tương ứng theo nội dung các NL dạy học của giáo viên một cách thường xuyên*” (tr.34).

Trong phạm vi luận án này, BD được hiểu là hệ thống các hoạt động, được TC thường xuyên, liên tục nhằm bổ sung, cập nhật, củng cố và phát triển kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy đồng thời góp phần phát triển và nâng cao các phẩm chất, NL của giáo viên. Từ đây, có thể hiểu bồi dưỡng giáo viên tiểu học là quá trình bổ sung, cập nhật, củng cố và phát triển kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy, phẩm chất và NL giảng dạy, GD cho GVTH, giúp GVTH thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Như vậy, *bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học* là quá trình bổ sung, cập nhật, củng cố và phát triển những NLTC HĐTN cần thiết cho GVTH nhằm đáp ứng yêu cầu TCHĐTN ở trường TH, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng GD của nhà trường đồng thời tạo cơ hội để phát triển nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học.

2.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

2.2.1. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

Theo chương trình, SGK GDPT đang được triển khai thực hiện ở nước ta theo tinh thần của nghị quyết 88/2014/QH13 thì HĐTN và HĐTN hướng nghiệp trở thành hoạt động bắt buộc trong CTGDPT. Tổ chức HĐTN ở trường TH có những đặc điểm cơ bản sau:

Về tên gọi: ở trường tiểu học HĐTN và HĐTN hướng nghiệp được gọi là hoạt động trải nghiệm.

Về tính chất của hoạt động: HĐTN là hoạt động giáo dục bắt buộc, được thực hiện độc lập với các môn học và hoạt động GD khác trong nhà trường tiểu học.

Về thời lượng: số tiết dành cho HĐTN ở trường TH với thời lượng khá nhiều so với các môn học khác trong chương trình GD TH với có HĐTN ở trường TH với 105 tiết/năm học.

Về nội dung HĐTN ở tiểu học: đa dạng, mang tính tổng hợp, tích hợp kiến thức, kỹ năng của nhiều môn học, lĩnh vực học tập.

Về hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN ở tiểu học: HĐTN được tổ chức với hình thức và phương pháp rất đa dạng và phong phú giúp việc GD cho HS được thực hiện tự nhiên, hấp dẫn và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học.

Về quy mô tổ chức HĐTN ở tiểu học: HĐTN được tổ chức với những quy mô khác nhau như theo nhóm, theo lớp, theo khối, liên khối, theo trường hoặc cụm trường. Tuy nhiên, với đặc điểm về lứa tuổi và đảm bảo tính an toàn cho HS thì những HĐTN với quy theo nhóm, lớp sẽ phù hợp và hiệu quả.

Về địa điểm TCHĐTN ở trường tiểu học: HĐTN có thể TC ở nhiều địa điểm khác nhau ở trong và ngoài nhà trường TH tuy nhiên cần phải căn cứ vào yếu tố an toàn cho HS tiểu học và mục tiêu, yêu cầu của từng loại HĐTN để lựa chọn địa điểm phù hợp.

Về lực lượng tham gia TCHĐTN ở tiểu học: HĐTN thu hút sự tham gia và phối hợp của nhiều lực lượng GD trong và ngoài nhà trường. Tùy theo nội dung, tính chất của từng loại HĐTN mà huy động sự tham gia, phối hợp của từng lực lượng GD cụ thể.

Như vậy, HĐTN là hoạt động GD mới trong nhà trường TH với nhiều điểm đặc trưng, phù hợp với quá trình TC hoạt động dạy học, GD ở TH. Để TCHĐTN trong thực tiễn được hiệu quả, cần làm rõ được các đặc điểm của quá trình TCHĐTN. Cụ thể:

2.2.2. Mục tiêu tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

Mục tiêu là yếu tố định hướng cho quá trình TCHĐTN trong thực tiễn. Xác định được mục tiêu TCHĐTN quyết định quá trình lựa chọn nội dung, phương pháp, hình

thức tổ chức, đánh giá kết quả cũng như cách thức tổ chức hoạt động của giáo viên, học sinh và các lực lượng liên quan.

Tìm hiểu về HĐTN, theo Cantor (1995) thì học sinh là người thụ hưởng đầu tiên và lớn nhất khi họ được cung cấp những kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu công việc thông qua HĐTN. Therese Moylan, Niamh Gallagher và Conor Heagney (2016) khẳng định HĐTN giúp người học tham gia vào các sự kiện thực tế, qua đó lĩnh hội và hình thành các kinh nghiệm thực tiễn.

Tác giả Carver (1996) cho rằng HĐTN phát triển NL cá nhân của người học (tr. 8 – 13). Trong khi đó, Warren, Angela Passarelli và David A. Kolb (2012) nhấn mạnh HĐTN tạo môi trường học tập tích cực, cần sử dụng đa dạng phương pháp giảng dạy để GD người học.

Tương đồng với các quan điểm trên, theo các tác giả trong nước thì mục tiêu của HĐTN là phát triển các phẩm chất và NL cho học sinh. Theo Phùng Thái Dương (2015) thì HĐTN hình thành, phát triển NL thực tiễn cho HS, đa dạng hóa tiềm năng sáng tạo, nuôi dưỡng và phát triển đời sống tình cảm, tạo động lực hoạt động, tích cực hóa bản thân, lựa chọn nghề nghiệp...(tr.12). Trong khi đó, theo Nguyễn Hữu Lễ (2016) HĐTN là con đường đưa học sinh đến với sự sáng tạo.

Quá trình TCHĐTN ở trường tiểu học phải hướng đến đạt được các mục tiêu sau:

- Hình thành ở học sinh tiểu học thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động;
- Thực hiện trách nhiệm của người học sinh tiểu học ở nhà, ở trường và địa phương;
- Học sinh tiểu học biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân;
- Tạo điều kiện hình thành và phát triển những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá cho học sinh tiểu học;
- Phát triển ở học sinh tiểu học ý thức hợp tác nhóm;
- Hình thành được NL giải quyết vấn đề trong thực tiễn cho học sinh tiểu học (Bộ GD&ĐT, 2018, tr.5).

2.2.3. Nội dung tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

Trong chương trình GD của một số, nội dung HĐTN được thiết kế khá đa dạng, phong phú. Ở Hàn Quốc, HĐTN được thực hiện từ lớp 1 đến 12. Ở Úc, HĐTN là hoạt động GD ngoài trời (outdoor education activities) cũng được thực hiện từ mẫu giáo đến hết lớp 12. Trong khi đó, ở Singapore, hoạt động ngoại khóa và CT học tập năng động là một thành phần cốt lõi của toàn bộ trải nghiệm ở nhà trường (Đỗ Ngọc Thống, 2014).

Nội dung chương trình HĐTN ở xoay quanh các mối quan hệ giữa cá nhân HS với bản thân; giữa HS với người khác, cộng đồng và xã hội; giữa HS với môi trường xung quanh; giữa HS với thế giới nghề nghiệp. Nội dung HĐTN được triển khai qua 4 hoạt động chính với các hoạt động cụ thể tương ứng với từng cấp học, bậc học. Đối với giáo dục TH, nội dung HĐTN gồm các hoạt động cụ thể là hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên, hoạt động nghề nghiệp (Bộ GD&ĐT, 2018, tr.13 - 22).

Từ bốn hoạt động chính này, quá trình tổ chức HĐTN ở TH phải hướng đến thực hiện các nội dung sau: hoạt động khám phá bản thân; rèn luyện bản thân; chăm sóc gia đình; xây dựng nhà trường; xây dựng cộng đồng nơi HS sinh sống; tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; tìm hiểu và bảo vệ môi trường sống và tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp (Bộ GD&ĐT, 2018, tr.13 - 22).

Như vậy, mạch nội dung TCHĐTN ở TH khá phong phú và toàn diện, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển các phẩm chất, NL của HS đến tương quan giữa HS với gia đình, nhà trường, cộng đồng và thế giới nghề nghiệp. Để thực hiện hiệu quả nội dung HĐTN ở TH đặt ra rất nhiều thử thách cho GVTH, đòi hỏi GVTH phải am hiểu, nắm vững từng mạch nội dung của hoạt động trải nghiệm.

2.2.4. Hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

Có nhiều hình thức TC hoạt động GD khác nhau như giảng giải, thuyết trình, thảo luận, tham quan, hoạt động ngoại khóa, xã hội - từ thiện, sinh hoạt tập thể, phê bình, tự phê bình, nêu gương (Bùi Hiền (chủ biên), 2001, tr.187).

Tìm hiểu về hình thức TC hoạt động GD ở TH, theo Lê Thị Thanh Chung (2008) có các hình thức như: nhóm năng khiếu, lễ hội theo chủ đề, tổ chức triển lãm, các cuộc thi, tham quan, liên hoan văn nghệ... nhưng có 3 hình thức cơ bản là hoạt động theo chủ đề, tiết chào cờ đầu tuần, tiết sinh hoạt tập thể cuối tuần.

Hoạt động trải nghiệm là hoạt động GD trong ở bậc TH, do đó việc TCHĐTN cũng sử dụng các hình thức phù hợp của hoạt động GD. Để đạt được mục tiêu HĐTN, chuyển tải được các nội dung theo phân bố chương trình thì quá trình TCHĐTN cần phải lựa chọn và sử dụng được các hình thức phù hợp.

Theo Bùi Ngọc Diệp (2015) có những hình thức TCHĐTN trong nhà trường phổ thông như: câu lạc bộ, trò chơi, diễn đàn, sân khấu tương tác, tham quan dã ngoại, hội thi/cuộc thi, tổ chức sự kiện, hoạt động giao lưu, chiến dịch và hoạt động nhân đạo (tr.37).

Theo chương trình GDPT HĐTN ở tiểu học thì HĐTN sẽ được tổ chức với 4 phương thức:

Phương thức khám phá: là cách tổ chức tạo cơ hội cho HS trải nghiệm thế giới tự nhiên, thực tế cuộc sống và công việc, giúp HS khám phá những điều mới lạ, tìm hiểu, phát hiện vấn đề từ môi trường xung quanh, BD những cảm xúc tích cực và tình yêu quê hương đất nước. Phương thức này được thực hiện qua các hình thức tham quan, cắm trại, thực địa.

Phương thức thể nghiệm, tương tác: là cách tổ chức tạo cơ hội cho HS giao lưu, tác nghiệp và thể nghiệm ý tưởng thông qua các hình thức cụ thể như diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi.

Phương thức cống hiến: là cách tổ chức tạo cơ hội cho HS mang lại những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế của mình. Phương thức cống hiến được thực hiện thông qua các hình thức là hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền.

Phương thức nghiên cứu: là cách tổ chức tạo cơ hội cho HS tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học. Phương thức này bao gồm các hình thức như: hoạt động

khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ, nghệ thuật (Bộ GD&ĐT, 2018, tr.43).

Phương pháp GD là thành tố quan trọng để TCHĐTN cho HS tiểu học. Theo Phạm Viết Vượng (2014) thì “*Phương pháp GD là hệ thống những tác động của nhà GD đến đối tượng GD thông qua TC cuộc sống, hoạt động và giao lưu xã hội nhằm giúp người học hình thành ý thức, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội*” (tr.271). Để cụ thể hóa các hình thức TCHĐTN, GVTH cần lựa chọn các phương pháp GD phù hợp, trong đó GVTH đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh.

Để tổ chức HĐTN ở tiểu học, GVTH có thể sử dụng phối hợp các phương pháp như sau: nêu gương; GD bằng tập thể; thuyết phục; tranh luận; luyện tập; khích lệ, động viên và tạo sản phẩm (Bộ GD&ĐT, 2018, tr.42).

Như vậy, để tổ chức HĐTN ở tiểu học thành công đòi hỏi GVTH phải biết cách vận dụng phối hợp nhiều hình thức, phương pháp giáo dục khác nhau.

2.2.5. Lực lượng tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

Hoạt động trải nghiệm được thiết kế với mạch nội dung đa dạng và được triển khai thực hiện trong phạm vi trong và ngoài nhà trường tiểu học. Do đó, để TCHĐTN phải huy động và phát huy tối đa sự tham gia của nhiều lực lượng GD như: GV chủ nhiệm lớp, GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội, cán bộ quản lý nhà trường TH, cha mẹ HS, chính quyền địa phương, Hội Khuyến học, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ở địa phương, Hội Cựu chiến binh, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương, các nhà hoạt động xã hội, những nghệ nhân, những người lao động tiêu biểu ở địa phương... Mỗi lực lượng GD có tiềm năng, thế mạnh riêng. Cụ thể:

Các lực lượng GD trong nhà trường (Cán bộ quản lý trường TH, GVTH, Tổng phụ trách Đội): là lực lượng đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình TCHĐTN cho HS. Chịu trách nhiệm chính trong quá trình XDKH, tổ chức thực hiện HĐTN theo phân bố chương trình HĐTN đồng thời phối hợp cùng các lực lượng GD ngoài nhà trường để gia để TCHĐTN cho học sinh.

Cha mẹ học sinh: lực lượng GD đóng vai trò là cầu nối giữa HS TH với các

lực lượng GD trong và ngoài nhà trường. Cha mẹ HS là lực lượng đồng hành cùng GVTH và các lực lượng GD khác trong nhà trường để hỗ trợ, TCHĐTN trong phạm vi nhà trường, đồng thời giúp đỡ, theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện HĐTN ở gia đình của học sinh tiểu học.

Các lực lượng GD của cộng đồng xã hội (chính quyền địa phương, Hội Khuyến học, Hội Phụ nữ, các cơ quan, tổ chức, các nhà hoạt động xã hội...): là lực lượng đóng vai trò cung cấp nhân lực, vật lực, tài lực giúp nhà trường TH và cha mẹ HS thực hiện TCHĐTN cho HS; đồng thời tham gia quản lí, giám sát quá trình TC và hỗ trợ TCHĐTN trong phạm vi nhà trường và ngoài cộng đồng xã hội.

Như vậy, quá trình tổ chức HĐTN ở tiểu học có sự tham gia, phối hợp và đồng hành của nhiều lực lượng GD trong và ngoài nhà trường, trong đó GVTH là lực lượng đóng vai trò chủ đạo do đó GVTH cần có NL phối hợp các lực lượng GD để tổ chức HĐTN cho HS được hiệu quả.

2.2.6. Đánh giá kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

Đánh giá là thành tố quan trọng giúp giáo viên và HS khẳng định những thành quả đạt được và định hướng những mục tiêu cần phấn đấu, cải thiện trong tương lai. Đánh giá cũng là thành tố không thể thiếu trong quá trình tổ chức HĐTN cho học sinh. Theo Bassett và Jackson (1994) đánh giá cung cấp cơ sở cho người dạy và người học xác nhận và phản ánh kết quả quá trình trải nghiệm (tr.73-86). Wurdinger (2005) khẳng định nếu không có công cụ đánh giá phù hợp, giáo viên khó có thể nhận biết được những tình huống xảy ra khi thực hiện hoạt động trải nghiệm (tr. 69). Nhân mạnh vai trò của đánh giá, theo Moon (2004) cần phải xây dựng phương pháp thiết kế duy nhất có thể đánh giá cả quá trình lẫn sản phẩm hoạt động trải nghiệm.

Quá trình đánh giá kết quả HĐTN theo CTGDPT HĐTN ở trường TH có những đặc điểm sau:

Mục đích đánh giá: nhằm thu thập thông tin chính xác, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt so với chương trình; sự tiến bộ của HS TH trong và sau trải nghiệm. Để đạt được mục đích đánh giá đòi hỏi GVTH phải nắm rõ yêu cầu đánh giá theo từng mạch nội dung và loại hình HĐTN cần tổ chức cho học sinh.

Nội dung đánh giá: là các biểu hiện của phẩm chất và NL đã được xác định trong CT thông qua các loại hình HĐTN. Để thực hiện được đầy đủ nội dung đánh giá, GVTH phải nắm rõ yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL của HS TH ở từng HĐTN để xây dựng và lựa chọn nội dung đánh giá phù hợp.

Hình thức đánh giá: để đánh giá kết quả tham gia HĐTN của HS TH, GVTH vận dụng kết hợp các hình thức sau: đánh giá của GVTH; tự đánh giá của HS; đánh giá đồng đẳng của HS; đánh giá của cha mẹ HS; đánh giá của cộng đồng.

Cứ liệu đánh giá: giáo viên chủ nhiệm lớp sẽ tổng hợp kết quả đánh giá căn cứ trên thông tin thu thập được từ quan sát của giáo viên, từ ý kiến tự đánh giá của HS, đánh giá đồng đẳng của các HS trong lớp, ý kiến nhận xét của cha mẹ HS và cộng đồng; thông tin về số giờ (số lần) tham gia HĐTN; số lượng và chất lượng các sản phẩm hoàn thành được lưu trong hồ sơ HĐTN (Bộ GD&ĐT, 2018, tr.45).

Như vậy, để đánh giá hiệu quả tham gia HĐTN của HS, GVTH phải thật sự am hiểu, nắm rõ mục đích, nội dung đánh giá; vận dụng phối hợp được các hình thức đánh giá và biết cách tổng hợp kết quả đánh giá từ nhiều nguồn khác nhau. Đồng thời, GVTH phải hướng dẫn được cho HS, cha mẹ HS, các lực lượng GD khác trong và ngoài nhà trường tham gia đánh giá kết quả HĐTN cho học sinh.

2.2.7. Những yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

Quá trình TCHĐTN ở TH theo CTGDPT 2018 bị tác động, ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, nếu các yếu tố này thuận lợi sẽ ảnh hưởng tốt đến quá trình TCHĐTN ở trường tiểu học. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình TCHĐTN ở TH bao gồm:

Vai trò quản lý, lãnh đạo của lãnh đạo nhà trường TH: Để TCHĐTN hiệu quả thì vai trò của lãnh đạo trường TH rất quan trọng. Vai trò này được thể hiện từ việc chú trọng BD cho GVTH về HĐTN, đến chỉ đạo, quản lý lập kế hoạch, triển khai TCHĐTN, đảm bảo các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho TCHĐTN. Nếu lãnh đạo nhà trường TH nhận thức tích cực, phát huy vai trò lãnh đạo, quản lý quá trình TCHĐTN thì GVTH sẽ TCHĐTN tốt hơn, hiệu quả hơn.

Năng lực của GVTH: GVTH là lực lượng chính TCHĐTN cho HS do đó, NLTC HĐTN của GVTH có ảnh hưởng quyết định đến kết quả và chất lượng TCHĐTN cho HS TH. Vì vậy, để TCHĐTN được hiệu quả cần phát triển NLTC HĐTN cho GVTH.

Hoạt động BD cho GVTH về NLTC HĐTN: Hoạt động BD là giải pháp trọng tâm để củng cố, phát triển NL cho GVTH. HĐTN là hoạt động mới, GVTH chưa có sự chuẩn bị tốt nhất về kiến thức, kinh nghiệm để TCHĐTN hiệu quả. Vì vậy, nếu GVTH được BD kỹ về HĐTN và NLTC HĐTN sẽ có ảnh hưởng, tác động tích cực đến quá trình TCHĐTN ở trường tiểu học.

Sự tham gia, phối hợp của các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường: Quá trình TCHĐTN ở trường TH cần phối hợp của nhiều lực lượng GD. Quá trình TCHĐTN chỉ hiệu quả khi các lực lượng GD ý thức được nhiệm vụ, vai trò của mình, đồng thời phối hợp tích cực với nhau để TCHĐTN cho học sinh.

Điều kiện về nguồn lực, phương tiện, thiết bị TCHĐTN: Để TCHĐTN được thuận lợi cần đảm bảo điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, GD. Nếu các yếu tố này đầy đủ thì GVTH sẽ thuận lợi hơn trong quá trình TCHĐTN. Vì vậy, cải thiện điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho TCHĐTN là cần thiết.

2.3. Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

2.3.1. Vai trò của giáo viên tiểu học trong tổ chức hoạt động trải nghiệm

Quá trình TCHĐTN ở trường tiểu học có sự tham gia hỗ trợ, phối hợp của nhiều lực lượng GD trong và ngoài nhà trường, trong đó người GVTH là lực lượng có vai trò chủ đạo. Vai trò chủ đạo của người GVTH trong quá trình tổ chức HĐTN được thể hiện như sau:

- Chịu trách nhiệm chính trong quá trình nghiên cứu chương trình HĐTN để triển khai tổ chức /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh.

- Chịu trách nhiệm chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về TCHĐTN cho HS phù hợp với đặc điểm của HS và điều kiện cụ thể của nhà trường tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch TCHĐTN cho HS của lớp, trường, bảo đảm thực hiện đúng quy định của chương trình HĐTN.
- Triển khai thực hiện HĐTN cho HS của lớp, trường theo đúng yêu cầu của phân bố CTGDPT cấp TH về HĐTN và kế hoạch TCHĐTN của nhà trường tiểu học.
- Phối hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường để phối hợp TC có hiệu quả và chất lượng HĐTN cho học sinh.
- Phối hợp chặt chẽ với GV bộ môn, với HS, với cha mẹ HS và cộng đồng nhằm hỗ trợ và hợp tác tốt hơn trong quá trình TCHĐTN cho học sinh.
- Đánh giá chính xác, khách quan kết quả HĐTN cho HS, đồng thời phối hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường để đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá HĐTN phù hợp, hướng đến sự phát triển những phẩm chất và NL tương ứng của HS theo từng loại hoạt động trải nghiệm.
- Lựa chọn, sử dụng các thiết bị, dụng cụ và phương tiện hỗ trợ phù hợp với đặc điểm của từng loại hình HĐTN để TCHĐTN cho học sinh.

Để phát huy được tất cả những vai trò trên đòi hỏi GVTH phải có những NLTC HĐTN tương ứng do đó xác định, làm rõ được khung NLTC HĐTN cần có của giáo viên tiểu học là yêu cầu cần thiết.

2.3.2. Khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Khái quát kết quả nghiên cứu tổng quan cho thấy NLTC hoạt động dạy học, GD là NL cần có của GVTH. Nghiên cứu về khung NLTC, Sanchez (2004) cho rằng NLTC bao gồm các NL: NL nhận thức linh hoạt, thích ứng sự thay đổi; NL nhận thức về quy trình quản lý trong TC; NL phối hợp; NL sử dụng linh hoạt các nguồn lực và NL sử dụng linh hoạt các nguồn lực sẵn có. Trong khi đó, Colin Murray (2015) lại cho rằng NLTC bao gồm 7 NL cụ thể : NL lãnh đạo chiến lược; NL nhận thức về TC; NL (can đảm) sẵn sàng đối với TC; NL quản lý linh hoạt; NL nhận thức về công tác quản lý; NL chuyên môn và niềm tin. Khá đồng tình với các quan điểm trên, tác giả luận án cho rằng để TC hoạt động GD ở trường TH thì GVTH cần có các NLTC cụ thể: NL nhận thức về hoạt động và TC hoạt động GD, NL chuyên môn có liên quan đến hoạt động GD, NL xây dựng kế hoạch TC hoạt động GD, NLTC thực hiện hoạt

động GD, NL phối hợp các lực lượng GD, NL đánh giá kết quả và NL vận dụng thiết bị, dụng cụ và phương tiện.

HĐTN là hoạt động GD bắt buộc trong nhà trường TH do đó, để phát huy và thực hiện tốt vai trò của mình trong quá trình TCHĐTN thì GVTH cần có NLTC HĐTN tương ứng. Đồng thời, căn cứ vào yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN; quy định của pháp luật về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở GDPT; nhiệm vụ của GVTH, chuẩn nghề nghiệp GVTH, và khung NLTC HĐTN cho GVTH được đề xuất gồm những năng lực cụ thể sau:

2.3.2.1. Năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Năng lực chuyên môn về HĐTN là khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cụ thể về HĐTN của GVTH. NL chuyên môn về HĐTN là NL cần có của GVTH để TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN dựa trên những căn cứ sau:

Căn cứ pháp lý về phát triển NL chuyên môn về HĐTN cho GVTH:

Thực hiện có hiệu quả, có chất lượng hoạt động dạy học, GD là nhiệm vụ của GVTH được quy định cụ thể trong hệ thống văn bản pháp quy của ngành GD&ĐT. Điều 69, Luật GD quy định nhà giáo có nhiệm vụ “*Giảng dạy, GD theo mục tiêu, nguyên lý GD*” (Quốc hội, 2019, tr.31). Điều lệ trường TH cũng quy định nhiệm vụ của GVTH “*là người chủ động thực hiện, chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn*” (Bộ GD&ĐT, 2020, tr.24).

Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở GDPT cũng đòi hỏi “*Giáo viên nắm vững chuyên môn, thường xuyên cập nhật, nâng cao NL chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới GD*” (Bộ GD&ĐT, 2018, tr.5). Tiêu chuẩn về NL chuyên môn của GVTH các trường công lập cũng quy định thầy cô phải giảng dạy, GD đảm bảo chất lượng, áp dụng được phương pháp dạy học, GD phát triển phẩm chất, NL cho học sinh (Bộ GD&ĐT, 2021, tr.2-8).

Như vậy, về mặt pháp lý thì phát triển NL chuyên môn là nhiệm vụ, tiêu chuẩn bắt buộc đối với GVTH. HĐTN là hoạt động GD bắt buộc ở TH, do đó GVTH cần được phát triển NL chuyên môn về hoạt động trải nghiệm.

Căn cứ yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN:

HĐTN hướng đến hình thành, phát triển phẩm chất và NL cho HS TH với mạch nội dung, phương thức TC và loại hình hoạt động đa dạng cùng với yêu cầu về đánh giá, phối hợp lực lượng GD và sử dụng phương tiện để TCHĐTN. Do đó, để chuyển tải, thực hiện được đặc trưng của CT HĐTN trong thực tiễn, GVTH phải phát triển được NL chuyên về HĐTN, nhất là khi HĐTN mới được đưa vào thực hiện trong trường tiểu học.

Từ những căn cứ trên, có thể khẳng định GVTH cần có NL chuyên môn về HĐTN để thực hiện hiệu quả HĐTN theo CTGDPT 2018. Do đó, phát triển NL chuyên môn về HĐTN là cần thiết. NL chuyên môn của GVTH về HĐTN được cụ thể hóa với các chỉ báo năng lực sau sau:

- Mô tả được đặc điểm của chương trình GDPT hoạt động trải nghiệm;
- Xác định được mục tiêu của HĐTN ở bậc tiểu học;
- Phân tích được các yêu cầu đạt về phẩm chất, NL của HS TH theo từng hoạt động và mạch nội dung hoạt động trải nghiệm;
- Kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTN cho HS tiểu học;
- Xác định được hình thức và loại hình hoạt động HĐTN ở tiểu học;
- Nhận biết được các yêu cầu cần thiết để triển khai thực thi chương trình hoạt động trải nghiệm.

2.3.2.2. Năng lực xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Kế hoạch GD HĐTN là bản dự kiến về kế hoạch thực hiện CT HĐTN ở mỗi khối lớp. Năng lực XDKH là khả năng GVTH huy động, tổng hợp các kiến thức, kỹ năng, thái độ và các thuộc tính cá nhân để XDKH TCHĐTN cho HS theo CTGDPT HĐTN 2018. Đây là cơ sở để GVTH TCHĐTN, do đó phát triển năng lực XDKH cho GVTH là cần thiết với những căn cứ sau:

Căn cứ pháp lý về phát triển Năng lực XDKH TCHĐTN cho GVTH:

Để hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, GVTH phải tiến hành XDKH dạy học, GD tương ứng với yêu cầu của CT cấp học, môn học và hoạt động GD. Do đó, phát

triển NL XDKH dạy học, GD là nhiệm vụ, tiêu chuẩn cần có của GVTH và đã được luật hóa trong hệ thống văn bản pháp quy của ngành GD&ĐT.

Theo điều lệ trường TH, nhiệm vụ của GVTH là “*tham gia xây dựng kế hoạch GD*” (Bộ GD&ĐT, 2020, tr 25). GVTH chủ động, sáng tạo triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch GD; chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học, GD phù hợp với điều kiện thực tế của trường TH; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc XDKH dạy học và GD cũng là nhiệm vụ, yêu cầu cơ bản đối với GVTH được quy định trong chuẩn nghề nghiệp GVTH (Bộ GD&ĐT, 2021). Như vậy, phát triển NL XDKH TCHĐTN cho GVTH là tương thích với nhiệm vụ, chuẩn NL nghề nghiệp của GVTH.

Căn cứ yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN

Chương trình HĐTN cấp TH được thiết kế đa dạng về nội dung, phương pháp và hình thức TCHĐTN, mô hình, địa điểm trải nghiệm, đối tượng tham gia trải nghiệm với HSTH,... Cụ thể là chương trình HĐTN cấp TH chỉ quy định tổng số tiết học/1 năm là (105 tiết/lớp/năm); quy định các mạch nội dung với các yêu cầu cần đạt cụ thể và tỉ lệ thời lượng thực hiện; quy định chỉ số hành vi của các phẩm chất cơ bản, NL chung và các NL đặc thù.

Như vậy nội dung trải nghiệm và các kỹ năng cần hình thành cho HS được “*ân*” sau các yêu cầu cần đạt. SGK HĐTN không còn được coi là một văn bản pháp lí mà chỉ là một tài liệu cụ thể hoá chương trình, mỗi bộ SGK lại có cách riêng để cụ thể hoá chương trình. Điều này lúng túng không nhỏ cho GVTH khi thực hiện chương trình HĐTN (Phó Đức Hòa (CB), 2020). Do đó, phát triển NL XDKH, giúp GVTH xác định mục tiêu, nội dung GD và TC thực hiện chương trình HĐTN cấp TH là cần thiết.

Kết hợp căn cứ pháp lý về nhiệm vụ, NL cần có của GVTH cùng với yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT 2018 thì phát triển năng lực XDKH TCHĐTN cho GVTH là phù hợp. Năng lực XDKH TCHĐTN được cụ thể hóa qua các chỉ báo:

- Phân tích được mục đích, yêu cầu XDKH tổ chức hoạt động trải nghiệm;
- Chỉ ra được cách thức thu thập, phân tích, xử lý thông tin liên quan đến TCHĐTN;
- Xác định được mục tiêu, nội dung phù hợp cho từng loại kế hoạch HĐTN;

- Xác định được hình thức, phương pháp tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp;
- Xác định được lực lượng, phương tiện và điều kiện hỗ trợ phù hợp để thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm;
- Lập được kế hoạch tổ chức HĐTN cho học sinh tiểu học.

2.3.3.3. Năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Năng lực tổ chức thực hiện HĐTN là khả năng GVTH huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và thuộc tính cá nhân nhằm lên kế hoạch, sắp xếp, tổ chức, tiến hành phối hợp các lực lượng GD, đánh giá kết quả và giải quyết các nhiệm vụ đặt ra trong quá trình TCHĐTN cho học sinh.

Giáo viên tiểu học là người trực tiếp tổ chức HĐTN vì vậy phát triển NLTC, thực hiện HĐTN cho GVTH quyết định sự thành công của quá trình tổ chức HĐTN. Sự cần thiết phải phát triển NL này dựa vào những căn cứ sau:

Căn cứ pháp lý về phát triển NLTC thực hiện HĐTN cho GVTH:

Tổ chức hoạt động dạy học, GD là nhiệm vụ chính yếu của GVTH được quy định trong hệ thống văn bản luật của ngành GD&ĐT.

Luật GD khẳng định nhiệm vụ của giáo viên là “*thực hiện đầy đủ và có chất lượng CT GD*” (Quốc hội, 2019, tr.31). Thực hiện chương trình, hoạt động GD phổ thông cấp TH và kế hoạch GD của nhà trường cũng là nhiệm vụ chủ yếu của GVTH theo điều lệ trường TH (Bộ GD&ĐT, 2020, tr.20).

Đảm bảo chất lượng, hiệu quả việc triển khai chương trình GD cấp TH phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương cũng là tiêu chuẩn GVTH phải đáp ứng theo quy định chuẩn nghề nghiệp GVTH (Bộ GD&ĐT, 2021, tr.6-8).

HĐTN là hoạt động GD bắt buộc ở bậc TH, do đó GVTH vừa phải thực hiện nhiệm vụ TCHĐT theo phân bổ CT, vừa phải đáp ứng tốt tiêu chuẩn cần có của ngành GD&ĐT về chuẩn giáo viên khi thực hiện CTGDPT. Như vậy, phát triển NLTC, thực hiện HĐTN giúp GVTH đáp ứng nhiệm vụ công việc và chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

Căn cứ yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN:

Tổ chức HĐTN cần có sự tham gia nhiều lực lượng GD tuy nhiên nhân tố đóng vai trò chủ đạo là GVTH. Giáo viên XDKH, lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp để TCHĐTN cho HS; TC và phối hợp đánh giá kết quả tham gia HĐTN của HS; Sử dụng hợp lý nguồn lực, phương tiện, thiết bị GD phù hợp với điều kiện của trường TH. Phát triển NLTC, thực hiện HĐTN cho GVTH sẽ giúp phát huy được vai trò chủ đạo của GVTH trong tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Xuất phát từ quy định về nhiệm vụ, tiêu chuẩn cần có của GVTH; yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT thì phát triển NLTC thực hiện HĐTN cho GVTH là tất yếu, NL này được cụ thể hóa với các chỉ báo:

- Xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm;
- Thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch;
- Áp dụng thành thạo các hình thức và phương pháp TC hoạt động trải nghiệm;
- Tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được HS và các lực lượng GD thực hiện HĐTN theo kế hoạch;
- Sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để TC hoạt động trải nghiệm;
- Đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh.

2.3.3.4. Năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Năng lực phối hợp các lực lượng GD là khả năng GVTH huy động, tổng hợp các kiến thức, kỹ năng, thái độ và các thuộc tính cá nhân để phối hợp các lực lượng GD TCHĐTN cho học sinh tiểu học theo CTGDPT HĐTN.

Phối hợp được các lực lượng GD giúp GVTH thực hiện HĐTN hiệu quả do đó phát triển NL này cho GVTH là hợp lý, với hai căn cứ cơ bản sau:

Căn cứ pháp lý về phát triển NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho GVTH:

Để thực hiện nhiệm vụ dạy học, GD ở TH hiệu quả cần có sự chung tay, phối hợp và đồng hành của nhiều lực lượng GD khác nhau, trong đó GVTH là cầu nối, gắn kết các lực lượng giáo dục.

Điều lệ trường TH quy định, GVTH có nhiệm vụ “*xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ với cha mẹ HS và cộng đồng; Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ HS, giáo viên bộ môn, tổng phụ trách Đội, các TC xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động GD cho học sinh*” (Bộ GD&ĐT, 2020, tr.24-26). Tích cực, chủ động phối hợp với cha mẹ HS, đồng nghiệp, lực lượng xã hội để nâng cao hiệu quả giáo dục HS cũng là tiêu chuẩn cơ bản GVTH phải đáp ứng trong quy định chuẩn nghề nghiệp GVTH (Bộ GD&ĐT, 2021). Như vậy, để thực hiện nhiệm vụ dạy học GD ở TH, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp GVTH thì phát triển NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho GVTH là phù hợp.

Căn cứ yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN:

Hoạt động trải nghiệm ở TH được TC trong và ngoài lớp học, trong và ngoài trường học với quy mô nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy mô toàn trường. HĐTN có bốn loại hình hoạt động chủ yếu là sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động GD theo chủ đề và hoạt động câu lạc bộ.

Để thực hiện HĐTN hiệu quả với những loại hình trên cần sự phối hợp nhiều lực lượng GD như: giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn, cán bộ phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong, ban giám hiệu, cha mẹ HS, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

Với đặc thù của giáo dục TH, thì GVTH thường xuyên phối hợp cha mẹ HS và những lực lượng GD khác để thực hiện nhiệm vụ dạy học, GD cho HS tuy nhiên HĐTN mới được đưa vào CTGDPT, sự phối hợp tích cực các lực lượng GD quyết định sự thành công của quá trình TCHĐTN. Vì vậy, phát triển NL phối hợp các lực lượng GD cho GVTH là đòi hỏi khách quan.

Phát triển NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho GVTH qua các chỉ báo NL sau:

- Xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục;
- Xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp;
- Xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp;
- Xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp;
- Huy động được các lực lượng GD có liên quan để tổ chức HĐTN;
- Huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp.

2.3.3.5. Năng lực đánh giá kết quả tổ chức động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Năng lực đánh giá kết quả TCHĐTN là khả năng GVTH huy động, tổng hợp các kiến thức, kỹ năng, thái độ và các thuộc tính cá nhân để đánh giá kết quả tham gia HĐTN của học sinh TH theo CTGDPT HĐTN. Đây là thành tố quan trọng của quá trình TCHĐTN, giúp GVTH đánh giá chính xác kết quả trải nghiệm của HS, điều chỉnh, hoàn thiện quá trình TCHĐTN cho nên phát triển NL đánh giá kết quả TCHĐTN cho GVTH là cần thiết, xuất phát từ những căn cứ sau:

Căn cứ pháp lý về phát triển NL đánh giá kết quả TCHĐTN cho GVTH:

Đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS là nhiệm vụ bắt buộc đối với GVTH, được quy định cụ thể trong điều lệ trường TH. GVTH phải chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kiểm tra đánh giá HS, tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh (Bộ GD&ĐT, 2020).

Sử dụng được phương pháp kiểm tra đánh giá, chủ động cập nhật, vận dụng sáng tạo các hình thức, công cụ kiểm tra đánh giá và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả việc kiểm tra đánh giá cũng là tiêu chí bắt buộc trong chuẩn nghề nghiệp của giáo viên cơ sở GDPT, trong đó có GVTH (Bộ GD&ĐT, 2018).

Như vậy, phát triển NL đánh giá nói chung và NL đánh giá kết quả TCHĐTN vừa giúp GVTH thực hiện tốt nhiệm vụ của nhà giáo, vừa hướng đến đáp ứng chuẩn nghề nghiệp cho GVTH, góp phần thực hiện hiệu quả HĐTN.

Căn cứ yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN:

Để đánh giá kết quả TCHĐTN theo CTGDPT 2018 đặt ra những vấn đề cho GVTH như:

Về mục đích: GVTH phải thu thập thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng của HS để định hướng HS điều chỉnh cách thức tham gia HĐTN và cách thức TCHĐTN của giáo viên.

Về nội dung: GVTH phải đánh giá toàn diện phẩm chất và NL đã được xác định trong CTGDPT HĐTN theo cấp lớp tương ứng với các hoạt động theo chủ đề, hoạt động hướng nghiệp, hoạt động tập thể và các sản phẩm của học sinh trong mỗi hoạt động.

Về hình thức: HĐTN có sự tham gia của nhiều lực lượng GD, vì vậy GVTH phải phối, kết hợp nhiều hình thức là đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của cha mẹ HS và đánh giá của cộng đồng. Giáo viên chủ nhiệm lớp chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá.

Như vậy, để giải quyết vấn đề đặt ra khi đánh giá kết quả TCHĐTN của HS, GVTH phải được phát triển NL đánh giá. Kết hợp với nhiệm vụ và chuẩn nghề nghiệp của GVTH thì cần phát triển NL này cho GVTH. Cụ thể, cần phát triển cho GVTH các chỉ báo NL sau:

- Xác định được mục đích, yêu cầu đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm;
- Xác định được nội dung đánh giá hoạt động trải nghiệm;
- Sử dụng được hình thức đánh giá phù hợp với yêu cầu từng loại HĐTN;
- Hướng dẫn được các lực lượng giáo dục tham gia đánh giá kết quả HĐTN;
- Sử dụng được kết quả đánh giá từ các nguồn khác nhau để đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm;
- Thiết kế được bài tập và tiêu chí đánh giá kết quả HĐTN của học sinh.

2.3.3.6. Năng lực sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Năng lực sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN là khả năng GVTH huy động, tổng hợp các kiến thức, kỹ năng, thái độ và các thuộc tính cá nhân

để sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN cho HS theo chương trình GDPT hoạt động trải nghiệm.

Để TCHĐTN GVTH cần sử dụng phối kết hợp nhiều nguồn lực, phương tiện, thiết bị khác nhau do đó cần phát triển NL đánh giá cho GVTH với những căn cứ cụ thể sau:

Căn cứ pháp lý về phát triển NL sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN cho giáo viên tiểu học:

Sử dụng hiệu quả nguồn lực, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động dạy học, GD là nhiệm vụ cơ bản của GVTH. Theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở GDPT thì giáo viên phải khai thác, sử dụng được và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao NL ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học, GD (Bộ GD&ĐT, 2018).

Điều lệ trường TH cũng quy định GVTH phải “*ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học*” (Bộ GD&ĐT, 2020, tr.25). Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, làm đồ dùng, thiết bị dạy học cấp TH cũng là nhiệm vụ của GVTH được quy định trong tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giáo viên tiểu học (Bộ GD&ĐT, 2021, tr.5).

Như vậy, có thể khẳng định, phát triển NL sử dụng nguồn lực, thiết bị, phương tiện để TCHĐTN cho GVTH là phù hợp với nhiệm vụ của GVTH, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp GVTH trong bối cảnh thực hiện CTGDPT hoạt động trải nghiệm.

Căn cứ yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN:

TCHĐTN với mạch nội dung, loại hình hoạt động đa dạng đòi hỏi GVTH phải khai thác, sử dụng hiệu quả nhiều nguồn lực, thiết bị và phương tiện khác nhau như: video clip về các nội dung GD; phần mềm về hướng nghiệp; dụng cụ lao động phù hợp với hoạt động lao động; loa đài, ampli; bộ lều trại; bộ tranh ảnh về quần áo, giày dép,... theo mùa, theo giới tính, theo lứa tuổi của học sinh; bộ tranh ảnh về trang phục các dân tộc Việt Nam; bộ tranh ảnh về trang phục các dân tộc trên thế giới; bộ tranh về các nghề, làng nghề truyền thống; bộ tranh về các lễ hội; bảng trắc nghiệm nhân cách; dụng cụ lao động phù hợp với hoạt động lao động (Bộ GD&ĐT, 2018).

HĐTN là hoạt động mới, vì vậy để GVTH có thể thiết kế, khai thác, sử dụng, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phương tiện để TCHĐTN cho HS là không dễ dàng. Do đó, phát triển NL này cho GVTH là phù hợp với yêu cầu của TCHĐTN theo CTGDPT hoạt động trải nghiệm đang triển khai ở nước ta.

Từ những căn cứ trên, cần phát triển NL sử dụng nguồn lực, thiết bị, phương tiện TCHĐTN theo các chỉ báo sau:

- Xác định được các nguồn lực, thiết bị, phương tiện cần có để TCHĐTN;
- Xác định được các nguồn lực, thiết bị, phương tiện phù hợp để TCHĐTN theo yêu cầu cụ thể của từng hoạt động;
- Sử dụng được các loại thiết bị, phương tiện phục vụ cho quá trình TCHĐTN;
- Thiết kế được các loại thiết bị, phương tiện phục vụ cho quá trình TCHĐTN;

Có thể khẳng định NLTC HĐTN là NL cần thiết phải phát triển cho GVTH nhằm thực hiện CTGDPT HĐTN. Căn cứ quy định pháp lý về nhiệm vụ, tiêu chuẩn của GVTH hướng đến đáp ứng chuẩn nghề nghiệp GVTH; căn cứ yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN tác giả luận án đã xác định khung NLTC HĐTN cho GVTH với 6 NL và 34 chỉ báo NL. NLTC HĐTN của GVTH được hình thành, củng cố và phát triển trong đào tạo từ trường sư phạm, quá trình dạy học, GD của GVTH và quá trình BD cho GVTH. Vì vậy, để củng cố và phát triển NLTC HĐTN cho GVTH cần quan tâm đầy mạnh và thực hiện hiệu quả hoạt động BD cho giáo viên tiểu học.

2.4. Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

2.4.1. Đặc điểm, vai trò của hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học

Giáo viên tiểu học “là người thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục HS trong trường TH và cơ sở GD khác thực hiện CTGDPT cấp tiểu học” (Bộ GD&ĐT, 2020, tr.23). Giáo viên tiểu học có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc trang bị tri thức nền tảng, xây dựng nhân cách HS tiểu học. Giáo viên là người thiết kế, tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy, cổ vũ và đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh. Giáo viên cũng thực hiện những chức năng cơ bản như truyền đạt những thông tin, kiến thức cho HS và TC, hướng dẫn, điều khiển quá trình nhận thức của học sinh. Giáo viên tiểu học

còn tổ chức các hoạt động GD, góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất, NL cần thiết cho học sinh.

Giáo viên tiểu học cũng thực hiện nhiều nhiệm vụ đa dạng như chịu trách nhiệm chính trong thực hiện chương trình GDPT cấp TH; Tổ chức dạy học và đánh giá HS; Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với HS, với cha mẹ HS và cộng đồng; Tự học, tự BD nâng cao NL nghề nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học (Bộ GD&ĐT, 2020, tr.25).

Để phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ của GVTH trong bối cảnh thực hiện CTGDPT ở bậc TH thì GVHT cần được BD để củng cố, phát triển những phẩm chất, NL cần thiết. Hoạt động BD chung cho GVTH có những đặc điểm cơ bản sau:

- Hoạt động BD cho GVTH được xem là một khía cạnh của hoạt động GD cho người lớn. Khi tham gia BD, GVTH có những đặc trưng cơ bản của GD cho người lớn như: GVTH đã có thâm niên, kinh nghiệm dạy học, GD; Có vị trí xã hội khá vững chắc; Có trình độ học vấn, chuyên môn; GVTH bận nhiều công việc; GVTH muốn được tôn trọng; GVTH ngại thay đổi thói quen, kinh nghiệm đã có (Hà Văn Như, 2017).

- Mục tiêu của hoạt động BD cho GVTH nhằm BD nhằm nâng cao phẩm chất, NL chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, nâng cao mức độ đáp ứng của GVTH đối với hoạt động dạy học, GD ở trường TH và yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp GVTH.

- Nội dung của hoạt động BD cho GVTH khá đa dạng và phong phú, bao gồm các chương trình BD cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp cho GVTH.

- Các chương trình, hoạt động BD cho GVTH được thực hiện định kỳ, thường xuyên bằng nhiều hình thức khác nhau, thu hút sự tham gia của tất cả GVTH tùy theo vị trí việc làm và yêu cầu, nhiệm vụ của năm học.

Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục mới ở trường TH do đó để giúp GVTH củng cố, phát triển được NLTC HĐTĐ thì bồi dưỡng hoạt động trọng tâm. Hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTĐ cho GVTH cũng sẽ có các đặc điểm chung của

hoạt động BD cho GVTH. Nếu được tiến hành nghiêm túc thì hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH sẽ phát huy được những vai trò sau:

- Giúp GVTH khẳng định được vai trò, vị trí quan trọng của mình trong quá trình thực hiện thành công HĐTN ở tiểu học.

- Giúp bổ sung, cập nhật kiến thức về chương trình GDPT HĐTN ở bậc tiểu học.

- Giúp phát triển cho giáo viên tiểu học NL chuyên môn về HĐTN; NL xây dựng kế hoạch TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NL đánh giá kết quả HĐTN; NL sử dụng các nguồn lực, phương tiện, thiết bị để tổ chức hoạt động trải nghiệm.

- Giúp củng cố niềm tin, phát triển thái độ tích cực cho GVTH đồng thời nâng cao ý thức, trách nhiệm của GVTH trong việc học tập, bồi dưỡng kiến thức về HĐTN và NLTC hoạt động trải nghiệm.

Như vậy, hoạt động bồi dưỡng có vị trí, vai trò rất quan trọng để củng cố và phát triển NLTC HĐTN cho GVTH. Tùy theo mục tiêu, nội dung, chương trình bồi dưỡng mà hoạt động hoạt động NLTC HĐTN có thể được tổ chức bởi các chủ thể như lãnh đạo các cơ quan quản lý GD&ĐT, hiệu trưởng trường tiểu học và giáo viên tiểu học.

Để thực hiện hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH, các chủ thể BD trên có thể phối hợp với các trường Đại học sư phạm, cơ sở GD có khoa sư phạm, cơ sở GD được phép đào tạo, bồi dưỡng GVTH hoặc có thể mời chuyên gia BD (báo cáo viên) là nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ quản lý giáo dục, GVTH cốt cán để tham gia bồi dưỡng cho GVTH về NLTC hoạt động trải nghiệm.

2.4.2. Mục tiêu bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Bồi dưỡng hướng đến thay đổi, phát triển NL cho GV trong quá trình làm việc. Theo Hite, Howey (1977) và Bolam (1993) thì BD nhằm giúp cho các cá nhân giáo viên thay đổi và có thể thành công trong sự nghiệp, thích ứng với sự thay đổi. Kakkar (2001) cũng xem BD như là một phương thức để phát triển cá nhân cho giáo viên.

Chương trình BD thường xuyên GV cơ sở GDPT của Bộ GD&ĐT năm 2019 cũng xác định mục tiêu BD là “*nhằm nâng cao phẩm chất, NL chuyên môn, nghiệp vụ của GV cơ sở GDPT* (Bộ GD&ĐT, 2019, tr.2). Như vậy có thể khẳng định, MT chính của BD là củng cố, phát triển, nâng cao phẩm chất, NL cho GV. Từ đây suy ra, BD cũng là con đường cơ bản để củng cố, phát triển NLTC HĐTĐN cho giáo viên tiểu học.

Từ kết quả nghiên cứu lý luận về NLTC HĐTĐN, luận án đã xác định và đề xuất được khung NLTC HĐTĐN của GVTH gồm 6 năng lực cụ thể: NL chuyên môn về HĐTĐN; NL xây dựng kế hoạch TCHĐTĐN; NLTC thực hiện HĐTĐN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTĐN; NL đánh giá kết quả HĐTĐN; NL sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TC HĐTĐN. Do đó, mục tiêu trọng tâm của hoạt động bồi dưỡng NLTC cho GVTH cũng phải hướng đến củng cố và phát triển được các NL này. Cụ thể như sau:

- Củng cố và phát triển NL chuyên môn về hoạt động trải nghiệm;
- Củng cố và phát triển NL XDKH tổ chức hoạt động trải nghiệm;
- Củng cố và phát triển NL phối hợp các lực lượng giáo dục;
- Củng cố và phát triển NL đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm;
- Củng cố và phát triển NL sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để tổ chức hoạt động trải nghiệm;
- Củng cố và phát triển NLTC, thực hiện hoạt động trải nghiệm;

2.4.3. Nội dung bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Để nâng cao phẩm chất và NL cho giáo viên cơ sở GDPT, Bộ GD&ĐT đã ban hành chương trình BD cho giáo viên phổ thông kèm theo thông tư 17/2019/TT-BGDĐT. Chương trình có 3 mảng nội dung chính là BD cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học; BD cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ phát triển GDPT theo từng thời kỳ của mỗi địa phương; BD NL nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (Bộ GD&ĐT, 2019, tr. 1-2). Từ quy định này, các địa phương và trường TH đã tổ chức BD cho GVTH tuy

nhiên với thời lượng ngắn, nội dung dàn trải nhiều vấn đề trong đó nội dung BD về HĐTN chưa tường minh.

Chương trình ETEP cũng có các mô đun BD về HĐTN cho GVTH với nội dung về hướng dẫn thực hiện CTGDPT HĐTN 2018 (mô đun 1); sử dụng phương pháp dạy học và GD phát triển phẩm chất, NL học sinh TH (mô đun 2 HĐTN); kiểm tra, đánh giá HS theo hướng phát triển phẩm chất, NL (mô đun 3 HĐTN); XDKH dạy học và GD nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, NL học sinh TH (mô đun 4 HĐTN); ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và GD học sinh TH (mô đun 9, HĐTN) (Bộ GD&ĐT, 2017). Có thể khẳng định ETEP là chương trình BD khá đầy đủ về HĐTN cho GVTH đã từng được triển khai thực hiện ở nước ta tuy nhiên đối tượng tham gia BD chủ yếu là giáo viên và cán bộ quản lý GD cốt cán chứ không phải tất cả GVTH sẽ tham gia BD từ đầu. Bên cạnh đó nội dung các mô đun mang tính khái quát cao, chưa đi sâu phát triển các NLTC HĐTN cụ thể cho GVTH.

Trên cơ sở kế thừa những nội dung của các chương trình BD hiện hành của Bộ GD&ĐT, yêu cầu của quá trình TCHĐTN ở trường TH, yêu cầu phát triển NLTC HĐTN cho GVTH, luận án đề xuất nội dung bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH bao gồm :

- Hoạt động trải nghiệm trong chương trình GDPT, trong đó chú trọng đến các nội dung BD về mục tiêu, phẩm chất, NL của HS; những phẩm chất, NL cần có của GVTH để TCHĐTN, nội dung SGK HĐTN đang áp dụng ở trường tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN ở tiểu học, chú trọng BD cách thức xây dựng và thực hiện kế hoạch TCHĐTN ở tiểu học .

- Tổ chức thực hiện HĐTN ở TH, chú trọng BD thực hành TCHĐTN cho HS .

- Đánh giá kết quả TCHĐTN, tập trung BD về kỹ thuật đánh giá, lực lượng đánh giá, tổng hợp và sử dụng kết quả đánh giá.

- Phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN ở TH, chú trọng BD vai trò, nhiệm vụ của từng lực lượng, cách thức phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho HS.

- Sử dụng các nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN ở tiểu học.

Để triển khai các nội dung bồi dưỡng NLTC HĐTN trong thực tiễn cần tiếp tục khảo sát, đánh giá nhu cầu về nội dung BD NLTC HĐTN của GVTH, thực trạng NLTC HĐTN của GVTH cũng như điều kiện cụ thể của nhà trường TH để điều chỉnh, hoàn thiện nội dung BD cho phù hợp. Đồng thời, nội dung BD phải có sự liên thông, tích hợp và được xây dựng theo hướng mở để có thể bổ sung, cập nhật định kỳ và thường xuyên sau mỗi chu trình BD. Nội dung BD cần tính toán để đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết với thực hành, cân đối giữa thời gian BD trực tiếp với tự BD của GVTH để GVTH có thể tham gia đầy đủ và tích cực.

2.4.4. Hình thức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Các nghiên cứu đã đề xuất nhiều hình thức để bồi dưỡng cho giáo viên. Theo Bolam (1986), Anna Craft (2002) có thể sử dụng những hình thức BD như: BD qua tổ chức hội thảo, tập huấn về chuyên môn và kỹ năng, phương pháp giảng dạy; BD bằng cách tư vấn và kèm cặp tại chỗ; BD học từ xa; BD qua tham gia vào các hội đoàn nghề nghiệp. Bồi dưỡng trực tuyến cũng là một hình thức cần thiết trong bối cảnh xã hội thông tin.

Các tác giả Florentino Blázquez Entonado và Laura Alonso Díaz (2006) cho rằng BD trực tuyến thông qua internet với sự linh động cao và dễ dàng tiếp cận sẽ phù hợp với GV.

Từ tổng hợp ở trên có thể nhận thấy có nhiều hình thức BD có thể vận dụng để tổ chức BD cho GVTH. Tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung BD, điều kiện cụ thể của mỗi địa phương, nhà trường TH, có thể lựa chọn, sử dụng phối hợp các hình thức BD dưới đây để bồi dưỡng NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học:

- *Bồi dưỡng trực tiếp, tập trung*: do cơ quan quản lý GD&ĐT ở mỗi địa phương tiến hành. Đối tượng tham gia BD là cán bộ quản lý trường TH, GVTH chủ chốt và toàn thể GVTH ở địa phương.

- *Bồi dưỡng trực tiếp tại trường tiểu học*: là hình thức do chính các trường TH chủ động TC BD cho GVTH của trường với sự tham gia của toàn thể GVTH hoặc tổ, khối GVTH tùy theo nội dung bồi dưỡng.

- *Bồi dưỡng trực tiếp tại cụm trường/liên trường*: hình thức này hướng đến tạo sự kết nối/liên kết giữa các nhà trường TH trong khu vực thành một cụm trường cùng phối hợp tổ chức BD cho GVTH tại cụm trường.

- *Bồi dưỡng trực tiếp kết hợp trực tuyến*: hình thức này hướng đến TC BD theo hướng kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, tận dụng các nền tảng học tập trực tuyến đồng thời tạo điều kiện cho GVTH vừa đảm bảo thời gian công tác vừa tham gia đủ các chương trình bồi dưỡng.

- *Bồi dưỡng qua tự học của GVTH*: phát huy sự chủ động, tích cực của GVTH trong tự BD để phát triển NLTC HĐTN của GVTH. Để thực hiện hình thức BD hiệu quả cần có cơ chế giám sát, đánh giá quá trình tham gia tự BD của giáo viên tiểu học.

- *Bồi dưỡng trực tuyến qua mạng Internet*: với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, internet, các nền tảng học tập trực tuyến thì hình thức BD thành xu hướng phổ biến. GVTH có thể tham gia BD dễ dàng, thuận lợi tuy nhiên thầy cô phải vững về NL sử dụng công nghệ thông tin mới có thể tham gia BD hiệu quả.

- *Bồi dưỡng thông qua hoạt động sinh hoạt tổ khối chuyên môn*: hoạt động sinh hoạt tổ, khối ở trường TH cũng là một hình thức BD cho giáo viên tiểu học.

- *Bồi dưỡng thông qua hoạt động dự giờ, thao giảng*: dự giờ, thao giảng tại trường TH, cụm trường TH được xem là hình thức BD cho GVTH về NLTC HĐTN.

- *Bồi dưỡng thông qua tư vấn mạng lưới chuyên môn*: tư vấn chuyên môn là hình thức BD thông qua quá trình tư vấn, trao đổi giữa GVTH với các nhà GD hoặc nhà chuyên môn đến từ các cơ quan quản lý GD về các ý tưởng, các vấn đề GVTH còn gặp khó khăn, khúc mắc trong quá trình triển khai TC hoạt động trong thực tiễn.

Như vậy, có khá nhiều hình thức BD có thể vận dụng để bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH. Tùy theo mục tiêu, nội dung BD, điều kiện của địa phương và trường TH mà có thể chủ động sử dụng phối hợp các hình thức BD phù hợp để BD cho GVTH. Đồng thời, để chủ động BD, trường TH có thể tăng cường sử dụng các hình thức BD do nhà trường, cụm trường TC và khuyến khích GVTH tham gia tự bồi dưỡng.

2.4.5. Phương pháp bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Phương pháp BD là cách thức hoạt động phối hợp thống nhất của giảng viên/chuyên gia/giáo viên thực hiện BD và GVTH trong quá trình BD nhằm thực hiện tối ưu mục tiêu và các nhiệm vụ bồi dưỡng.

Phương pháp BD chịu sự chi phối của mục tiêu, nội dung BD. Với đặc thù BD cho đối tượng GVTH, do đó để bồi dưỡng NLTC HĐTN được hiệu quả, có thể vận dụng phối hợp những phương pháp sau đây:

Phương pháp thuyết trình: giảng viên/chuyên gia/giáo viên dùng lời để trình bày, giải thích, phân tích nội dung BD một cách có hệ thống, logic cho GVTH tiếp thu, lĩnh hội tri thức.

Phương pháp vấn đáp: giảng viên/chuyên gia/giáo viên thực hiện quá trình hỏi và đáp với GVTH nhằm sáng tỏ những tri thức mới, rút ra những kết luận cần thiết từ tài liệu đã học, hoặc từ kinh nghiệm trong thực tiễn về NLTC hoạt động trải nghiệm.

Phương pháp quan sát: giảng viên/chuyên gia/giáo viên TC cho GVTH tri giác một cách có chủ định quá trình TCHĐTN ở trường TH để học hỏi, rút kinh nghiệm.

Phương pháp giải quyết vấn đề: giảng viên/chuyên gia/giáo viên tạo nên một chuỗi những tình huống có vấn đề về TCHĐTN và điều khiển GVTH giải quyết vấn đề học tập đó.

Phương pháp tình huống: giảng viên/chuyên gia/giáo viên TC cho GVTH giải quyết các tình huống thực tiễn TCHĐTN, qua đó giúp GVTH lĩnh hội, củng cố hoặc vận dụng kiến thức.

Phương pháp thực hành: giảng viên/chuyên gia/giáo viên hướng dẫn cho GVTH vận dụng kết quả BD để TCHĐTN cho HS ở trường tiểu học.

Phương pháp thảo luận nhóm: giảng viên/chuyên gia/giáo viên chia GVTH tham gia BD thành nhiều nhóm nhỏ, các thành viên trong nhóm suy nghĩ, trao đổi từ đó đưa ra ý kiến chung của cả nhóm về vấn đề được thảo luận.

2.4.6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Đánh giá là một trong những thành tố quan trọng trong quá trình bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho GVTH. Đánh giá giúp khẳng định, xác định kết quả đạt được của hoạt động BD so với mục tiêu đề ra. Đánh giá cũng giúp cho GVTH biết được điểm mạnh, điểm yếu khi tham gia quá trình BD, từ đó có biện pháp cải tiến phù hợp.

Từ mục tiêu, nội dung, hình thức bồi dưỡng NLTC HĐTĐN đã đề xuất ở trên, đồng thời thu thập chính xác, khách quan kết quả bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho GVTH, cần sử dụng phối hợp các hình thức đánh giá sau:

Đánh giá quá trình BD của cơ sở tổ chức BD: đây là hình thức do cơ sở BD thực hiện nhiệm vụ BD thực hiện đánh giá kết quả BD của giáo viên tiểu học.

Đánh giá của nhà trường TH: hình thức này được tiến hành tại trường TH đối với những hoạt động BD do trường TH/cụm trường TH tổ chức nhằm khẳng định kết quả bồi dưỡng NLTC HĐTĐN của giáo viên tiểu học.

Tự đánh giá của GVTH: sau quá trình tham gia BD, GVTH tự đánh giá kết quả để khẳng định mức độ đạt được sau BD của cá nhân giáo viên.

Đánh giá đồng đẳng của tập thể GVTH: các hoạt động sinh hoạt tổ, khối, dự giờ TCHĐTĐN cũng được sử dụng như một hình thức để đánh giá kết quả BD cho GVTH. Hình thức này được thực hiện bởi tập thể giáo viên của tổ, khối của trường tiểu học.

Như vậy có thể lựa chọn, vận dụng hình thức đánh giá phù hợp tùy theo mục tiêu, nội dung, hình thức bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho GVTH. Đồng thời, để phát huy được hiệu quả của BD, phát triển được NLTC HĐTĐN cho GVTH thì phải quan tâm, sử dụng kết quả BD. Tùy theo kết quả xếp loại BD của GVTH, nhà trường có thể đề ra các yêu cầu BD khác nhau đối với từng GVTH và nhóm GVTH, tạo được động lực cho thầy cô tiếp tục tham gia các hoạt động BD và tự BD trong tương lai. Cần tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý nghĩa quan trọng của hoạt động đánh giá kết quả BD cho GVTH để GVTH và trường TH thực hiện nghiêm túc.

2.4.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố do đó để BD thành công cần quan tâm đến những yếu tố sau:

2.4.7.1. Những yếu tố ảnh hưởng từ bên trong nhà trường tiểu học

Các yếu tố thuộc về vai trò quản lý của cán bộ quản lý trường tiểu học

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, khối trưởng chuyên môn là lực lượng tham gia quản lý trường TH, quản lý các hoạt động chuyên môn của nhà trường. Bồi dưỡng NLTC về HĐTN cho GVTH là một hoạt động chuyên môn do đó cũng chịu sự ảnh hưởng, tác động rất lớn từ cán bộ quản lý trường tiểu học.

Các yếu tố thuộc về đội ngũ giáo viên tiểu học

Giáo viên tiểu học là nhân tố chủ chốt tham gia bồi dưỡng NLTC HĐTN do đó hoạt động BD có thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào chính GVTH. Nếu GVTH có nhận thức tốt, thấy rõ được vị trí và vai trò quan trọng và sự tác động tích cực của BD đối với bản thân thì thầy cô sẽ chủ động sắp xếp thời gian tham gia BD. Giáo viên TH sẽ có sự tự tin và sự chuẩn bị tốt về NLTC để triển khai TCHĐTN cho học sinh.

Các yếu tố thuộc về điều kiện tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động BD cho GVTH

Cùng với cán bộ quản lý, GVTH thì tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học, GD cũng tác động đến sự thành công của hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH. Một trong những khó khăn rất lớn của các trường TH là thiếu ngân sách để chủ động BD cho GVTH cũng như hỗ trợ GVTH tham gia các hoạt động BD khác ngoài phạm vi trường TH cũng như hoạt động tự BD của giáo viên.

Hệ thống phòng học, giáo trình, tài liệu, đồ dùng phục vụ BD, máy tính, mạng internet là những điều kiện hỗ trợ không thể thiếu để thực hiện bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH. Nếu các yếu tố này được trang bị đầy đủ sẽ tác động lớn đến sự thành công của hoạt động BD cho GVTH tuy đây cũng là vấn đề nan giải của các địa phương, trường TH hiện nay, đặc biệt là các trường TH ở vùng có điều kiện khó khăn về kinh tế.

2.4.7.2. Những yếu tố khách quan tác động từ bên ngoài nhà trường tiểu học Xu thế phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ

Hoạt động GD của trường TH nói chung và BD NLTC HĐTN cho GVTH cũng chịu sự ảnh hưởng của điều kiện về phát triển kinh tế, chính trị, xã hội và khoa học công nghệ. Các nhân tố này ảnh hưởng, chi phối đến quá trình xác định nhu cầu, kế hoạch, mục tiêu, nội dung, phương pháp BD cho GVTH đặc biệt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay thì yêu cầu, đòi hỏi đối với hoạt động GD, đào tạo và BD GV lại càng cao.

Chủ trương, chính sách của ngành GD&ĐT về hoạt động bồi dưỡng

Ngành GD&ĐT đã ban hành nhiều văn bản pháp lý quy định, hướng dẫn khá chi tiết tổ chức BD thường xuyên cho giáo viên các cơ sở GD phổ thông các cấp, trong đó có GVTH. Có thể nói với hệ thống văn bản luật này thì hoạt động BD cho GVTH đã có đầy đủ các cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện trong thực tiễn. Tuy nhiên các văn bản này còn quy định các nội dung khá chung chung, chưa cụ thể, khó triển khai nếu như không có các văn bản hướng dẫn kèm theo.

Chủ trương đổi mới giáo dục, đổi mới chương trình SGK giáo dục phổ thông

Đổi mới GD&ĐT, đổi mới chương trình, SGK GDPT là hai chủ trương lớn đang được triển khai thực hiện. Điều này đang có tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ đến tất cả các khâu, các thành tố của hoạt động GD, trong đó có hoạt động BD cho giáo viên tiểu học.

Chủ trương đổi mới GD&ĐT, chương trình, SGK GDPT cũng đặt ra những yêu cầu cụ thể về kiến thức, phẩm chất, NL đối với GVTH. Để thích ứng với đòi hỏi của quá trình đổi mới, hoạt động BD cho GVTH phải được chú trọng và thực hiện hiệu quả để GVTH củng cố, phát triển được NL cần thiết.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Kết quả nghiên cứu lý luận đã hệ thống và xây dựng được cơ sở lý luận về tổ chức HĐTN, NLTC HĐTN của GVTH và bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH. Cụ thể như sau:

- Làm rõ được hệ thống khái niệm công cụ cơ bản của luận án gồm khái niệm về HĐTN ở TH, NLTC HĐTN của GVTH và bồi dưỡng BDTC HĐTN cho GVTH. Xác định được đặc điểm của TCHĐTN và xác định được các thành tố cơ bản của quá trình TCHĐTN ở trường TH theo chương trình GDPT HĐTN. Theo đó, HĐTN phải được hướng đến thực hiện được mục tiêu, mạch nội dung theo chương trình GDPT HĐTN ở bậc TH; HĐTN được TC qua hệ thống các hình thức, phương pháp phù hợp với từng loại hình hoạt động; Hệ thống hóa được cách thức kiểm tra đánh giá kết quả TCHĐTN và xác định được các lực lượng GD để TCHĐTN; Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình TCHĐTN ở trường tiểu học. Những đặc điểm, thành tố cơ bản của TCHĐTN ở TH là một trong những cơ sở quan trọng để xác định và đề xuất khung NLTC HĐTN cần có của giáo viên tiểu học.

- Đồng thời, dựa trên những cơ sở gồm yêu cầu của quá trình TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN; yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và chuẩn nghề nghiệp của GVTH, và vai trò của GVTH trong HĐTN xác định được khung NLTC HĐTN của GVTH là cơ sở quan trọng để tiến hành hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học. Khung NLTC HĐTN cho GVTH gồm 6 NL và 34 chỉ báo. Đó là NL chuyên môn về HĐTN; NL XDKH TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NL đánh giá kết quả TCHĐTN; NL sử dụng các nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN.

- Làm rõ được đặc điểm, vai trò của hoạt động bồi dưỡng cho GVTH; xác định được các đặc điểm cơ bản của hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH gồm mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp BD, đánh giá kết quả hoạt động BD cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH. Kết quả nghiên cứu lý luận ở chương 2 là cơ sở khoa học để thiết kế hệ thống công cụ, chỉ báo phục vụ nghiên cứu thực tiễn hoạt động bồi dưỡng về NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học.

Chương 3

THỰC TRẠNG BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

3.1. Khái quát về tổ chức khảo sát

3.1.1. Mục đích khảo sát

Đánh giá thực trạng tổ chức HĐTN theo chương trình GDPT HĐTN, thực trạng NLTC HĐTN của GVTH và thực trạng bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH trên địa bàn TP.HCM.

3.1.2. Nội dung khảo sát

Để có được thông tin tường minh về chủ đề nghiên cứu, luận án khảo sát những nội dung sau:

- Thực trạng tổ chức HĐTN theo CTGDPT HĐTN của GVTH tại TP.HCM.
- Thực trạng NLTC HĐTN của GVTH tại TP.HCM hiện nay.
- Thực trạng hoạt động bồi dưỡng về NLTC HĐTN của GVTH tại TP.HCM.

3.1.3. Đối tượng và địa bàn khảo sát

Trong luận án này, tác giả khảo sát GVTH đang làm việc tại 19 trường tiểu học trên địa bàn TP.HCM gồm các quận Bình Thạnh, Gò Vấp, quận 6, quận 7, quận 10, quận Bình Tân và Thành phố Thủ Đức. Việc lựa chọn này dựa trên các lý do:

- *Thứ nhất*, vì mục đích khảo sát là hướng tới đánh giá thực trạng TCHĐTN, thực trạng NLTC HĐTN của GVTH và thực trạng hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH tại TP.HCM nên số liệu cần thu thập phải đảm bảo tính đại diện đặc thù theo các khu vực trên địa bàn TP.HCM.

- *Thứ hai*, nếu chỉ khảo sát GVTH tại một số quận sẽ làm giảm tính đại diện của mẫu khảo sát.

Cách thức chọn mẫu khảo sát:

- Tổng thể: tất cả GVTH đang làm việc tại các trường TH trên địa bàn TP.HCM

- Đơn vị mẫu: cá nhân
- Phương pháp chọn mẫu: sử dụng chọn mẫu ngẫu nhiên theo cụm với các bước như sau:

Bước 1: Xác định khung mẫu khảo sát là GVTH tại TP.HCM.

Theo thống kê của Sở GD&ĐT TP.HCM (tính đến tháng 4/2022), tổng số GVTH tại thời điểm khảo sát là 25.204 giáo viên. Trong luận án này, tác giả sử dụng công thức tính dung lượng mẫu cần thiết với trường hợp biết được tổng thể theo Yamane Taro (1967) như sau:

$$n = \frac{N}{1 + (N * e^2)} = 393,75$$

Trong đó: N là quy mô dân số (tổng thể), e = sai số mong muốn, n = qui mô mẫu. Như vậy, dung lượng mẫu tối thiểu cần có của luận án là 398 với mức sai số mong muốn là $\pm 0,05$. Tuy nhiên, với mong muốn đảm bảo độ tin cậy của thông tin và kết quả khảo sát, tác giả luận án đã thực hiện khảo sát với 489 GVTH tại TP.HCM.

Bước 2: Lập danh sách tất cả GVTH của trường và xin phép được khảo sát trực tiếp trên GVTH.

Bước 3: Tiến hành thực hiện thu thập thông tin khi nhận được sự đồng ý của GVTH.

Bước 4: tiến hành kiểm tra thông tin trên phiếu khảo sát, loại bỏ các phiếu không hợp lệ và thu được 489 phiếu trả lời hợp lệ để tiến hành phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu thực tiễn.

3.1.4. Đặc điểm mẫu khảo sát

Thời điểm tiến hành khảo sát thực tiễn, ở trường TH thì HDTN đã được triển khai thực hiện đến hết lớp 2. Giáo viên đang giảng dạy lớp 1, 2 là lực lượng chủ đạo tổ chức HDTN cho HS, tuy nhiên giáo viên giảng dạy các khối lớp khác và giáo viên bộ môn cũng tham gia TC/hỗ trợ TC các HDTN trong phạm vi và ngoài nhà trường tiểu học. Do đó, luận án lựa chọn tiến hành khảo sát trên tất cả GVTH các khối với những đặc điểm cơ bản sau:

Về giới tính: có 80.9 % GVTH nữ, 19.1 % GVTH nam.

Về độ tuổi và thâm niên giảng dạy: có 71.6% GV có độ tuổi từ 30 trở lên và 28.4% GV có độ tuổi dưới 30. Hầu hết GVTH có thâm niên giảng dạy trên 10 năm.

Về lớp giảng dạy của giáo viên: lớp 1 (19.7%), lớp 2 (20.2%), lớp 3 (21.4%), lớp 4 (19.8%), lớp 5 (18.9%).

Về địa bàn công tác: có 40.1% GVTH công tác tại quận Gò Vấp; 19.2% GVTH công tác ở Quận Bình Thạnh và Thành phố Thủ Đức; có 21.3% GVTH công tác ở Quận 6, 7, 10 và 19.4 % GVTH công tác ở Quận Bình Tân.

3.1.5. Phương pháp, công cụ và thời gian khảo sát

3.1.5.1. Phương pháp, công cụ khảo sát

Trong luận án, tác giả sử dụng hai phương pháp là điều tra bằng phiếu hỏi và PVS đối với GVTH và cán bộ quản lý trường tiểu học.

a. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi

Để đánh giá thực trạng TCHĐTN, NLTC HĐTN của GVTH, bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH trên địa bàn TP.HCM, luận án sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi. Cụ thể như sau:

Công cụ khảo sát: phiếu khảo sát ý kiến dành cho GVTH (*xem phụ lục 1*).

Nội dung khảo sát: phiếu khảo sát ý kiến dành cho GVTH được chia thành các phần sau:

Thực trạng tổ chức HĐTN ở trường tiểu học: gồm 9 câu hỏi (câu 1 đến câu 9) tập trung tìm hiểu về nhận thức của GVTH về HĐTN; mức độ tham tổ chức HĐTN; đánh giá về kết quả thực hiện mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN; hoạt động phối hợp các lực lượng GD, đánh giá kết quả HĐTN và các yếu tố ảnh hưởng đến TCHĐTN cho học sinh.

Thực trạng bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH: gồm 7 câu hỏi (câu 10 đến câu 16) tìm hiểu đánh giá của GVTH về các hoạt động, chương trình bồi dưỡng GVTH đã tham gia; kết quả thực hiện mục tiêu, nội dung, hình thức bồi dưỡng, kiểm tra đánh giá kết quả BD và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động BD cho GVTH; kết quả hoạt động BD về NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học.

Thực trạng NLTC HĐTĐ của GVTH (câu 17) tìm hiểu đánh giá về mức độ đạt được NLTC HĐTĐ của giáo viên tiểu học.

Thông tin cá nhân: gồm 5 câu hỏi về thông tin nhân khẩu của GVTH tham gia khảo sát (giới tính, thâm niên giảng dạy, lớp giảng dạy, độ tuổi và nơi công tác).

Đối tượng tham gia khảo sát: 489 GVTH đang công tác tại 19 trường tiểu học trên địa bàn TP.HCM.

b. Phương pháp phỏng vấn sâu

Để bổ sung, làm rõ hơn các kết quả có được từ phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, tác giả luận án sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu đối với cán bộ quản lý trường tiểu học và giáo viên tiểu học.

Phỏng vấn sâu cán bộ quản lý trường tiểu học:

Công cụ phỏng vấn sâu: phiếu phỏng vấn sâu với 10 câu hỏi (*xem phụ lục 2*).

Nội dung phỏng vấn sâu: mức độ tham gia quản lý TC/hỗ trợ TCHĐTĐ; những thuận lợi, khó khăn của GVTH khi tham gia TC/hỗ trợ TCHĐTĐ; kết quả TCHĐTĐ của GVTH; mức độ thể hiện NLTC HĐTĐ của GVTH; hoạt động BD về HĐTĐ cho giáo viên tiểu học; kết quả bồi dưỡng và mong muốn về hoạt động BD về HĐTĐ cho GVTH trong thời gian tới.

Cách thức xử lý kết quả phỏng vấn sâu: kết quả phỏng vấn sâu được ghi nhận bằng các biên bản phỏng vấn sâu (*xem phụ lục 3*); thông tin thu thập được sẽ được xem xét, lựa chọn sử dụng để làm rõ thực trạng nghiên cứu.

Đối tượng phỏng vấn sâu: 10 cán bộ quản lý trường tiểu học (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng).

Phỏng vấn sâu giáo viên tiểu học:

Công cụ phỏng vấn sâu: phiếu phỏng vấn sâu với 10 câu hỏi (*xem phụ lục 4*).

Nội dung phỏng vấn sâu: những thuận lợi, khó khăn của GVTH khi tham gia TC/hỗ trợ TCHĐTĐ; kết quả TCHĐTĐ cho HS theo CTGDPT HĐTĐ; NLTC HĐTĐ của GVTH; hoạt động BD về NLTC HĐTĐ cho GVTH; kết quả bồi dưỡng và nhu cầu BD về NLTC HĐTĐ của giáo viên tiểu học.

Cách thức xử lý kết quả phỏng vấn sâu: kết quả phỏng vấn sâu GVTH được ghi nhận bằng các biên bản phỏng vấn sâu (*xem phụ lục 5*); thông tin thu thập được sẽ được xem xét, lựa chọn sử dụng để làm rõ thực trạng nghiên cứu về bồi dưỡng NLTC HDTN cho giáo viên tiểu học.

Đối tượng phỏng vấn sâu: 9 giáo viên tiểu học

3.1.5.2. Thời gian khảo sát

Khảo sát thực tiễn được tiến hành trong 8 tuần, bắt đầu từ tháng 4, học kỳ 2, năm học 2021 – 2022.

3.1.6. Xử lý dữ liệu và cách đánh giá kết quả khảo sát

Luận án sử dụng phần mềm SPSS để xử lý kết quả khảo sát thực tiễn. Các thông số và phép toán thống kê được sử dụng là phân tích thống kê mô tả và thống kê suy luận.

+ *Phân tích thống kê mô tả*: sử dụng các chỉ số là tần số, ĐTB cộng (Mean), độ lệch chuẩn (Std. Deviation), kiểm định tương quan t-test hai mẫu độc lập, phân tích phương sai một yếu tố (ANOVA)...

- Ngoài ra, những thông tin định tính được tổng hợp, giải thích, chứng minh để khẳng định thông tin về thực tiễn vấn đề nghiên cứu.

+ *Cách qui đổi điểm*: đối với các câu hỏi sử dụng thang đo likert 5 mức độ thì tính theo ĐTB, điểm thấp nhất là 1, cao nhất là 5, chia thành 5 mức, mỗi mức cách nhau 0,8 điểm (khoảng giá trị các mức độ sẽ là: $(n-1)/n=0.8$) và ý nghĩa các mức giá trị trung bình được xác định như sau: Từ 1,00 đến 1,80: Hoàn toàn không đồng ý/Kém/Không bao giờ; Từ 1,81 đến 2,60: Không đồng ý/Yếu/Hiếm khi; Từ 2,61 đến 3,40: Phân vân/Trung bình/Thỉnh thoảng; Từ 3,41 đến 4,20: Đồng ý/Khá/Thường xuyên; Từ 4,21 đến 5,00: Hoàn toàn đồng ý/Tốt/Luôn luôn.

Độ tin cậy của thang đo được xác định bằng hệ số tin cậy Cronbach's alpha đã được tích hợp sẵn trong phần mềm IBM SPSS. Nunnally (1978) cho rằng hệ số Cronbach's alpha sử dụng trong các nghiên cứu có độ tin cậy cao với giá trị từ 0.7 và lớn hơn. Kết quả phân tích là tất cả các thang đo đều đạt yêu cầu về hệ số tin cậy Cronbach's alpha, với hệ số dao động từ 0.738 đến 0.891 (*kết quả cụ thể ở phụ lục 10*). Như vậy, đây là chỉ số cho thấy bộ câu hỏi nghiên cứu này là tin cậy và có thể sử dụng trong các bước phân tích tiếp theo. Việc phân tích độ tin cậy của thang đo cho

kết quả với hệ số α cao giúp khẳng định thêm tính giá trị của các công cụ đo lường dùng trong luận án.

3.2. Thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

3.2.1. Nhận thức của giáo viên tiểu học về hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm đã chính thức được thực hiện từ năm 2020 theo hình thức cuốn chiếu. Để thực hiện thành công HĐTN, cần nhiều yếu tố trong đó sự hiểu biết của GVTH về HĐTN đóng vai trò quan trọng. Nghiên cứu trên GVTH cho thấy thầy cô đã có nhận thức khá về những thành tố của HĐTN nói chung và HĐTN ở bậc tiểu học. Kết quả được trình bày dưới đây:

Bảng 3.1: Nhận thức của GVTH về hoạt động trải nghiệm

TT	Các thành tố của hoạt động trải nghiệm	ĐTB	ĐLC
1	Hiểu rõ mục tiêu GD của HĐTN	3.84	1.012
2	Hiểu rõ yêu cầu cần đạt về phẩm chất và NL của học sinh	3.90	.846
3	Hiểu rõ nội dung của chương trình HĐTN	3.92	.878
4	Hiểu rõ phương pháp tổ chức HĐTN	3.95	.816
5	Hiểu rõ hình thức tổ chức HĐTN	4.02	.810
6	Hiểu rõ phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả HĐTN	4.02	.813
7	Hiểu rõ các lực lượng tổ chức HĐTN	4.06	.829
8	Hiểu rõ yêu cầu về phẩm chất, NL của GVTH để TCHĐTN	4.11	.826

Kết quả bảng 3.1 cho thấy GVTH đã có nhận thức khá về HĐTN, trong đó yếu tố được GVTH đồng thuận cao nhất là “*Hiểu rõ yêu cầu về phẩm chất, NL của GVTH để TCHĐTN*” với ĐTB là 4.11. Đây là dấu hiệu tích cực vì GVTH hiểu rõ những yêu cầu bản thân cần có thì thầy cô sẽ chuẩn bị tích cực để tổ chức HĐTN cho HS được hiệu quả hơn. GVTH cũng có nhận thức khá về “*các lực lượng tổ chức HĐTN*” (ĐTB = 4.06); “*hình thức TCHĐTN*”, “*Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả HĐTN*” với cùng ĐTB= 4.02. Yếu tố GVTH thể hiện ít am hiểu nhất là “*Mục tiêu giáo dục của HĐTN*”, với ĐTB là 3.84.

Từ kết quả khảo sát có thể khẳng định GVTH đã có nhận thức khá về các yếu tố của HĐTN, giúp cho GVTH chuẩn bị tốt để TCHĐTN cho học sinh. Tiến hành PVS GVTH về các cách thức thầy cô sử dụng để tìm hiểu thông tin về HĐTN cho thấy,

GVTH có nhận thức khá về HĐTN do GVTH được tham gia một số hoạt động BD giới thiệu về chương trình HĐTN ở tiểu học, SGK HĐTN ở bậc TH; các hoạt động sinh hoạt chuyên đề về HĐTN do nhà trường, tổ khối chuyên môn thực hiện. Bên cạnh đó, GVTH cũng có tìm hiểu về HĐTN qua các phương tiện truyền thông (báo chí, internet). Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy GVTH chưa có nhận thức tốt về mục tiêu của HĐTN, trong khi đó đây lại là yếu tố đóng vai trò định hướng cho việc thực hiện hoạt động trải nghiệm.

Tiến hành so sánh sự khác biệt theo giới tính của GVTH bằng kiểm định T-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa (Sig.<0.05) giữa GVTH nam và GVTH nữ ở các yếu tố số 1, 2 và 7, 8. Kết quả so sánh cho thấy, ĐTB nhận thức của GVTH nữ (giao động từ 3.85 đến 4.11) cao hơn GVTH nam (giao động từ 3.74 đến 4.08) ở các yếu tố này. Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt giữa theo giới tính của GVTH do đặc thù của GD tiểu học phần lớn giáo viên là nữ, chiếm tỷ lệ áp đảo so với giáo viên nam. Bên cạnh đó, hầu hết giáo viên nữ sẽ làm chủ nhiệm lớp, tham gia nhiều hơn trong quá trình tổ chức HĐTN cho HS vì thế có sự hiểu biết tốt hơn giáo viên nam về hoạt động trải nghiệm.

Tóm lại, GVTH ở TP.HCM đã có nhận thức khá cơ bản về HĐTN tuy nhiên GVTH chưa có hiểu biết tốt về mục tiêu của HĐTN; GVTH nam còn chưa có nhận thức tốt về các yếu tố của HĐTN do đó cần đẩy mạnh các hoạt động BD để nâng cao nhận thức cho giáo viên tiểu học.

3.2.2. Mức độ thực hiện mục tiêu hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Tiếp tục tìm hiểu về quá trình tổ chức HĐTN của GVTH cho thấy GVTH đã triển khai thực hiện các mục tiêu của HĐTN ở bậc tiểu học cho học sinh. Kết quả khảo sát chi tiết được trình bày dưới đây:

Bảng 3.2: Mức độ thực hiện mục tiêu HĐTN của giáo viên tiểu học

TT	Mục tiêu của HĐTN	ĐTB	ĐLC
1	Hình thành ở HS thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày	3.97	1.002
2	Biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân	4.04	.889
3	Hình thành, phát triển những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá	4.15	.870
4	Phát triển ở HS ý thức hợp tác nhóm	4.13	.812
5	Hình thành được NL giải quyết vấn đề trong thực tiễn	4.10	.898

Đánh giá tổng quát cho thấy GVTH đã triển khai và thực hiện các mục tiêu của HĐTN trong CTGDPT HĐTN cho HS tiểu học. Theo đó, “*Hình thành, phát triển những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá*” là mục tiêu GVTH thực hiện tốt nhất, xếp vị trí đầu tiên, với ĐTB= 4.15. Mục tiêu được GVTH đánh giá thấp nhất là “*Hình thành cho HS thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày*”, với ĐTB= 3.97. Kết quả kiểm định T-Test có khác biệt có ý nghĩa (Sig.<0.05) trong đánh giá của GVTH theo giới tính ở các yếu tố số 1, 2, 5. ĐTB đánh giá của GV nữ (ĐTB= 3.99, 4.08 và 4.14) cao hơn so với GV nam (ĐTB= 3.89, 3.96 và 4.02).

Từ kết quả trên có thể nhận thấy, về cơ bản các mục tiêu của HĐTN ở TH đã được thực hiện. Tuy nhiên, khi tiến hành PVS giáo viên và cán bộ quản lý trường TH thì kết quả cho thấy, GVTH còn nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu của HĐTN. Theo GV8 thì “*mình chưa nắm rõ mục tiêu của HĐTN ở tiểu học*”; GV3, GV4 cùng quan điểm cho rằng “*thời gian ít; sĩ số lớp học đông, đồng thời không đủ dụng cụ, thiết bị để thực hiện tất cả các hoạt động và đạt được mục tiêu theo yêu cầu*”. GV5 chia sẻ “*đối với lớp 1, các em mới đầu cấp còn chậm chạp, giáo viên mất thời gian để hướng dẫn do đó khó đạt được các mục tiêu như mong muốn*”. Khác đồng tình với GVTH, CBQL trường TH cũng cho rằng giáo viên còn khó khăn thi thực hiện các mục tiêu của HĐTN. CBQL7, 8 thống nhất cho rằng “*HĐTN là hoạt động mới, GVTH mới được tiếp cận nên nhiều thầy cô còn lúng túng do đó khó đạt mục tiêu như mong đợi*”. Trong khi đó, CBQL 9 thì cho rằng những khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí tổ chức HĐTN ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu của HĐTN. Như vậy, để đảm bảo thực hiện được tốt các mục tiêu của HĐTN thì nhà trường TH, GVTH cần có biện pháp khắc phục những hạn chế, khó khăn trên.

3.2.3. Kết quả thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Hoạt động trải nghiệm ở bậc tiểu học có nội dung khá đa dạng. Quá trình tổ chức HĐTN cho HS, GVTH ở TP.HCM đã thực hiện các nội dung theo yêu cầu của CTGDPT HĐTN ở bậc tiểu học. Kết quả cụ thể ở bảng 3.3.

Bảng 3.3: Kết quả thực hiện nội dung HĐTĐN của GVTH

TT	Nội dung của hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	ĐTB	ĐLC
1	Hoạt động khám phá bản thân	3.89	.976
2	Hoạt động rèn luyện bản thân	4.13	.867
3	Hoạt động chăm sóc gia đình	4.07	.829
4	Hoạt động xây dựng nhà trường	4.07	.818
5	Hoạt động xây dựng cộng đồng nơi học sinh sinh sống	4.00	.901
6	Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	4.09	.868
7	Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường sống	4.07	.833
8	Hoạt động tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp	3.96	.885

Khái quát số liệu bảng trên thì “*Hoạt động rèn luyện bản thân*” cho HS là nội dung GVTH thực hiện nhiều nhất, với ĐTB= 4.13; tiếp đến là “*Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên*” với ĐTB= 4.09. Các nội dung về hoạt động chăm sóc gia đình, xây dựng nhà trường, tìm hiểu và bảo vệ môi trường cũng được GVTH thực hiện khá thường xuyên, với cùng ĐTB=4.16. Những nội dung HĐTĐN ít được GVTH thực hiện nhất lần lượt là “*Xây dựng cộng đồng nơi học sinh sinh sống*”, ĐTB= 4.00; “*Tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp*”, ĐTB= 3.96 và “*Khám phá bản thân*” với ĐTB= 3.89.

Nhìn chung GVTH đã thực hiện các nội dung HĐTĐN theo phân bố CTGDPT HĐTĐN ở bậc tiểu học. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy những nội dung về khám phá bản thân, tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp...chưa được GVTH thực hiện nhiều. Tìm hiểu nguyên nhân GVTH chưa thực hiện đầy đủ, thường xuyên các nội dung của chương trình HĐTĐN qua PVS cho thấy có nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 do đó những HĐTĐN tập trung đông HS rất khó tiến hành, ảnh hưởng đến việc thực hiện đầy đủ các nội dung của HĐTĐN. GV1 chia sẻ “*Nói chung khối 2 khi mới áp dụng thì nửa đầu học kỳ là các em đã học trực tuyến, những bài học cần hoạt động dưới sân trường hay mình cần trực tiếp cho các em tham gia thì không thuận lợi, các em làm ở nhà thì rất là khó tại vì không có ai hướng dẫn*”. Thứ hai, do các em còn nhỏ tuổi, giáo viên khó hướng dẫn các em làm thành thạo các nội dung theo yêu cầu. GV1 nhấn mạnh “*Các em học sinh lớp 1 còn nhỏ, giáo viên*

chỉ hướng dẫn và giảng cho các em biết được là mình làm cái này, cái kia chứ không có cho thực hành đất cát hay thực hành tại lớp được nhiều, vì lớp vừa là nơi học bán trú với lại trường mình cũng đất ít, không có khu vườn riêng để cho các em thực hành”. Thứ 3, HĐTN mới được thực hiện, GVTH còn lúng túng khi thực hiện. GV8 chia sẻ “mình cũng cảm thấy khó khăn khi nội dung thì rất đa dạng, muốn làm tốt phải đầu tư nhiều thời gian, công sức để nghiên cứu nhưng thời gian tiếp cận môn học ít, mình không đủ để chuẩn bị và thực hiện tốt. Thứ tư, điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí của nhà trường không đảm bảo để GVTH thực hiện đầy đủ các nội dung HĐTN theo yêu cầu. CBQL7, 9 thống nhất cho rằng “*khuôn viên của trường nhỏ, thiếu kinh phí nên khó thực hiện đầy đủ các nội dung của HĐTN*”. Như vậy, để GVTH thực hiện đầy đủ các nội dung của HĐTN thì cần nâng cao nhận thức cho GVTH về HĐTN; cải thiện điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường và tăng cường sự hỗ trợ, phối hợp của cha mẹ HS giúp HS thực hiện các nội dung HĐTN tại nhà.

3.2.4. Kết quả vận dụng hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Giáo viên tiểu học đã vận dụng nhiều hình thức để tổ chức HĐTN cho học sinh, kết quả cụ thể được thể hiện ở bảng 3.4.

Bảng 3.4: Kết quả vận dụng hình thức tổ chức HĐTN của GVTH

TT	Hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm của GVTH	ĐTB	ĐLC
1	Hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa tại địa phương	3.50	1.112
2	Diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi	3.87	1.002
3	Hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích	3.76	1.054
4	Hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu,	3.69	1.094
5	Hoạt động sáng tạo công nghệ, nghệ thuật	3.89	1.014

Theo số liệu từ bảng 3.4 thì GVTH đã có vận dụng các hình thức đặc thù để TCHĐTN cho HS, với ĐTB tự đánh giá tương đối thấp, từ 3.50 đến 3.89. Trong đó, hình thức được GVTH vận dụng thường xuyên nhất là “*Hoạt động sáng tạo công nghệ, nghệ thuật*” với ĐTB= 3.89; kế đến là “*diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi*” với ĐTB= 3.87. Ba hình thức còn lại cũng được GVTH vận dụng tuy nhiên ĐTB không cao, trong đó thấp nhất là “*hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa*” với ĐTB chỉ có 3.50.

Tiến hành kiểm định T-Test thì kết quả cho thấy có khác biệt có ý nghĩa (Sig.<0.05) trong đánh giá của GVTH theo giới tính ở việc vận dụng các hình thức TCHĐTN số 4, 5, 6 khi TCHĐTN cho HS. Kết quả phân tích ĐTB lại cho thấy ĐTB của GVTH nam (ĐTB từ 4.02 đến 4.11) cao hơn so với ĐTB của GVTH nữ (ĐTB từ 3.62 đến 3.83). Sự khác biệt này do đặc thù TCHĐTN cần sự năng động, hoạt náo nên phù hợp hơn với giáo viên nam, do đó các thầy có lợi thế hơn khi TCHĐTN cho học sinh.

Tóm lại, GVTH đã vận dụng những hình thức đặc thù để TCHĐTN cho HS, tuy nhiên những hình thức như tham quan, thực địa, cắm trại chưa được thực hiện thường xuyên. Đi sâu tìm hiểu qua PVS thì nguyên nhân chủ yếu liên quan đến điều kiện cơ sở vật chất, không gian của nhà trường còn hạn chế; sĩ số học sinh/lớp đông; kinh phí cho HĐTN chưa nhiều đồng thời do ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19. Chia sẻ về vấn đề này, GV2 cho rằng *“Những HĐTN tập trung đông HS và bên ngoài lớp học, trường học không thể thực hiện được thường xuyên. GVTH phải đầu tư, chuẩn bị nhiều về đồ dùng và dụng cụ phải đầy đủ để học sinh tham gia HĐTN trong khi điều kiện của cá nhân và nhà trường có hạn. Một phần nữa sĩ số lớp đông, khó quản lý nên cũng hạn chế tổ chức các HĐTN ngoài trường cho HS”*. Đồng quan điểm, CBQL 8 cho rằng *“khuôn viên của nhà trường nhỏ, chưa đảm bảo đủ các điều kiện cần thiết để tổ chức các hoạt động trải nghiệm quy mô toàn trường, ngoài trời cho toàn thể học sinh”*. Trong khi đó, theo một số CBQL thì nguyên nhân cũng xuất phát từ GVTH. CBQL9, 10 cho rằng *“giáo viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng nhiều về HĐTN, nhiều giáo viên lớn tuổi thích nghi chậm với yêu cầu tổ chức HĐTN cho học sinh, nên chưa thực hiện hiệu quả các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức HĐTN. Như vậy, để thực hiện đầy đủ, hiệu quả các hình thức TCHĐTN cho HS thì cần tiếp tục đầu tư, cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và tăng cường tài chính cho HĐTN. Đồng thời, phải nâng cao hiểu biết và khả năng vận dụng hình thức TCHĐTN của giáo viên.*

GVTH đã vận dụng để nhiều phương pháp để TCHĐTN cho HS. Kết quả cụ thể được thể hiện ở bảng 3.5:

Bảng 3.5: Kết quả vận dụng phương pháp tổ chức HĐTN của GVTH

TT	Phương pháp TCHĐTN của GVTH	ĐTB	ĐLC
1	Phương pháp nêu gương	3.87	1.020
2	Phương pháp giáo dục bằng tập thể	4.02	.854
3	Phương pháp thuyết phục	4.02	.872
4	Phương pháp tranh luận	4.04	.866
5	Phương pháp luyện tập	4.11	.828
6	Phương pháp khích lệ, động viên	4.14	.807
7	Phương pháp tạo sản phẩm	4.10	.849

Từ kết quả bảng trên thì “*Khích lệ, động viên*” là phương pháp được GVTH vận dụng nhiều nhất khi TCHĐTN cho HS, với ĐTB= 4.14; kế tiếp là “*Luyện tập*”, với ĐTB= 4.11; “*Tạo sản phẩm*”, với ĐTB= 4.10. Mục tiêu HĐTN ở trường TH là hình thành cho HS thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân, hình thành và phát triển những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá...(Bộ GD&ĐT, 2018). Để đạt được những mục tiêu này thì phương pháp GVTH vận dụng phải hướng đến khích lệ, động viên được HS để HS tích cực tham gia trải nghiệm, thực hành các hoạt động cũng như tìm tòi, khám phá, giải quyết vấn đề. Điều này lý giải vì sao khích lệ, động viên, luyện tập, tạo sản phẩm là phương pháp chiếm ưu thế trong quá trình GVTH TCHĐTN.

Hai phương pháp được GVTH vận dụng ít nhất là “*Tranh luận*” với ĐTB = 4.04 và “*Nêu gương*” với ĐTB= 4.87. Kiểm định T-Test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa (Sig.< 0.05) trong đánh giá của GVTH theo giới tính vận dụng các phương pháp số 1,2, 4, 5, 6 khi TCHĐTN cho học sinh. Kết quả phân tích trung bình cho thấy ĐTB đánh giá của GVTH nữ (ĐTB từ 4.04 đến 4.18) cao hơn GV nam (ĐTB từ 3.71 đến 4.08). Sự khác biệt trong việc vận dụng phương pháp TCHĐTN xuất phát từ việc giáo viên nữ tham gia nhiều hơn vào quá trình TCHĐTN so với giáo viên nam.

Như vậy, GVTH đã vận dụng một số phương pháp để TCHĐTN cho HS, tuy nhiên để đạt được mục tiêu HĐTN ở TH thì GVTH cần vận dụng phương pháp đa dạng hơn, chú ý đến các phương pháp như nêu gương, tranh luận, thuyết phục, GD

bằng tập thể; cần tăng cường khả năng sử dụng phương pháp TCHĐTN cho giáo viên nam.

3.2.5. Kết quả phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Để tổ chức HĐTN được hiệu quả cần có sự phối hợp của nhiều lực lượng GD trong và ngoài nhà trường. Kết quả khảo sát về hoạt động phối hợp các lực lượng GD để tổ chức HĐTN cho HS được thể hiện ở bảng 3.6.

Bảng 3.6: Kết quả hoạt động phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN của GVTH

TT	Lực lượng phối hợp để TCHĐTN	ĐTB	ĐLC
1	Cán bộ quản lý nhà trường tiểu học	3.87	1.025
2	Thầy/cô chủ nhiệm lớp khác	4.15	.878
3	Thầy/cô giảng dạy bộ môn khác	4.07	.869
4	Tổng phụ trách đội	4.11	.943
5	Cha mẹ học sinh	4.16	.888
6	Chính quyền địa phương	3.89	1.036

Kết quả tự đánh giá ở bảng trên cho thấy GVTH đã phối hợp với nhiều lực lượng GD trong và ngoài nhà trường để TCHĐTN cho học sinh. Trong đó, lực lượng GVTH phối hợp nhiều nhất là “*Cha mẹ học sinh*” với ĐTB= 4.16. GVTH thường xuyên chủ động liên hệ với cha mẹ HS để thông báo về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh. Tuy nhiên, kết quả PVS cũng cho thấy GVTH ở một số trường TH còn gặp khó khăn với cha mẹ học sinh để phối hợp TCHĐTN. CBQL 10 cho rằng “*học sinh của trường có nhiều bố mẹ là lao động nhập cư, thường xuyên làm theo ca kíp nên giáo viên gặp khó khăn khi phối hợp với cha mẹ học sinh*”. GVTH cũng phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp khác (ĐTB= 4.15), tổng phụ trách đội (ĐTB= 4.11), giáo viên giảng dạy bộ môn khác (ĐTB= 4.07) để TCHĐTN cho học sinh. Hai lực lượng mà GVTH ít phối hợp nhất là Cán bộ quản lý nhà trường TH (ĐTB = 3.87) và chính quyền địa phương (ĐTB = 3.89). Nguyên nhân là do một phần tâm lý còn e ngại của GVTH, ít dám trao đổi thẳng thắn với lãnh đạo để tìm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong quá trình TCHĐTN. GV5 chia sẻ “*mỗi khi gặp khó khăn mình thường hỏi đồng nghiệp cùng khối chứ ít khi nào trao đổi với cán bộ quản lý*”. Bên cạnh đó, vì sĩ số HS trên

lớp đông để đảm bảo an toàn cho HS thì hầu hết các HĐTN được tổ chức chủ yếu trong phạm vi lớp học, trường học do đó GVTH chưa phối hợp nhiều với chính quyền địa phương.

Khái quát chung thì GVTH đã phối hợp với một số lực lượng GD để TCHĐTN cho HS, tuy nhiên khả năng phối hợp còn chưa đồng đều giữa giáo viên nam và nữ; hoạt động phối hợp chỉ tập trung vào một số lực lượng, trong khi những lực lượng đóng vai trò quan trọng thì GVTH chưa phối hợp thường xuyên. Do đó, cần nâng cao khả năng phối hợp của GVTH, đặc biệt là giáo viên nam; thực hiện đa dạng hóa loại hình HĐTN để GVTH có cơ hội, điều kiện phối hợp với nhiều lực lượng GD trong và ngoài nhà trường.

3.2.6. Đánh giá kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Giáo viên tiểu học đã vận dụng các hình thức để đánh giá kết quả HĐTN của học sinh. Kết quả cụ thể ở bảng 3.7.

Bảng 3.7: Kết quả vận dụng hình thức đánh giá kết quả HĐTN của GVTH

TT	Hình thức đánh giá kết quả HĐTN	ĐTB	ĐLC
1	Giáo viên tiểu học tự đánh giá	4.04	1.027
2	Học sinh tự đánh giá	4.16	.857
3	Đánh giá đồng đẳng của học sinh	3.89	.967
4	Đánh giá của cha mẹ học sinh	3.96	.912
5	Đánh giá của cộng đồng	4.01	.882

Kết quả bảng trên cho thấy hình thức đánh giá GVTH vận dụng nhiều nhất là “*Học sinh tự đánh giá*” với ĐTB= 4.16. GVTH cũng vận dụng phối hợp với các hình thức “*Giáo viên tiểu học đánh giá*” (ĐTB=4.04), “*Đánh giá của cộng đồng*” (ĐTB=4.01) để đánh giá kết quả tham gia HĐNT của học sinh. Hai hình thức được sử dụng ít nhất là “*Đánh giá của cha mẹ học sinh*” (ĐTB= 3.96) và “*Đánh giá đồng đẳng của HS*” (ĐTB= 3.89).

Có thể khẳng định GVTH đã có vận dụng phối hợp một số hình thức để đánh giá kết quả HĐTN cho học sinh. Tuy nhiên, việc vận dụng các hình thức còn chưa đồng đều, chưa phát huy được tốt vai trò của tập thể học sinh và cha mẹ học sinh trong

quá trình đánh giá kết quả tham gia HĐTN của học sinh. Tiến hành PVS giáo viên về nội dung này thì GVTH cho rằng còn nhiều khó khăn khi đánh giá kết quả tham gia HĐTN của học sinh. GV6 cho rằng “*HĐTN là hoạt động mới, bản thân chưa quen với cách đánh giá*”. GV2 cho rằng “*cứ liệu đánh giá từ nhiều nguồn, giáo viên mất nhiều thời gian để tổng hợp*”. Trong khi đó, theo GV4 thì “*các em còn nhỏ, chưa hình dung được yêu cầu tự đánh giá và đánh giá bạn của mình*”. GV5 lại gặp khó khăn từ sự không hợp tác tích cực của cha mẹ học sinh “*nhiều khi gọi yêu cầu nhờ cha mẹ học sinh hỗ trợ quan sát, đánh giá những cha mẹ ít thực hiện hoặc thực hiện không theo yêu cầu*”. Đồng quan điểm, CBQL 10 cho rằng “*đánh giá kết quả HĐTN đòi hỏi GVTH phải tổng hợp nhiều cứ liệu, tốn nhiều thời gian do đó giáo viên khó thực hiện đầy đủ*”.

Như vậy, để đánh giá chính xác kết quả HĐTN của học sinh, cần tiếp tục nâng cao nhận thức và kỹ thuật đánh giá cho GVTH; hướng dẫn cho cha mẹ học sinh và học sinh đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm.

3.2.7. Đánh giá chung về kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Từ kết quả phân tích thực trạng tổ chức HĐTN của GVTH tại TP.HCM có thể rút ra một số đánh giá như sau:

- Giáo viên tiểu học tại TP.HCM đã có nhận thức khá cơ bản về HĐTN, đã thực hiện mục tiêu, nội dung HĐTN theo phân bố chương trình GDPT HĐTN ở bậc tiểu học. GVTH cũng đã vận dụng cơ bản các hình thức, phương pháp TCHĐN; GVTH cũng đã thực hiện đánh giá kết quả HĐTN của HS, phối hợp với các lực lượng GD để TCHĐTN. Cùng với những kết quả cơ bản trên thì quá trình TCHĐTN của GVTH còn một số vấn đề như sau:

- Giáo viên tiểu học chưa có nhận thức quá tốt về mục tiêu của HĐTN, còn có sự chênh lệch khá lớn trong nhận thức của GVTH theo giới tính về mục tiêu của HĐTN.

- Giáo viên tiểu học chưa thực hiện đồng đều các nội dung HĐTN; những hình thức như tham quan, thực địa, cắm trại và những phương pháp như nêu gương, tranh luận, thuyết phục, GD bằng tập thể chưa được GVTH thực hiện thường xuyên.

- Giáo viên tiểu học chưa vận dụng thường xuyên hình thức đánh giá của tập thể HS và cha mẹ HS; chưa phối hợp thường xuyên với cán bộ quản lý trường TH và lãnh đạo địa phương trong quá trình TCHĐTN cho học sinh.

Từ kết quả khảo sát thực tiễn, phỏng vấn sâu GVTH, CBQL trường TH thì quá trình TCHĐTN của GVTH còn nhiều vấn đề như trên xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

- Hoạt động trải nghiệm là hoạt động mới được triển khai thực hiện ở trường TH, do đó GVTH chưa có nhiều kinh nghiệm, năng lực tổ chức và chưa tham gia nhiều hoạt động BD nhiều về HĐTN. Có 91% GVTH tham gia khảo sát cho rằng NLTC HĐTN và kinh nghiệm của GVTH ảnh hưởng đến kết quả TCHĐTN; 85% giáo viên cho rằng hoạt động BD cho GVTH về HĐTN và NLTC HĐTN ảnh hưởng đến kết quả thực hiện của thầy cô.

- Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn ngân sách của trường TH cho TCHĐTN còn hạn chế, do đó GVTH không thể thực hiện đầy đủ nội dung, hình thức HĐTN cho học sinh theo yêu cầu. Có 82% GVTH được khảo sát cho rằng các điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí ảnh hưởng đến kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm.

- Hoạt động phối hợp các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường để TCHĐTN còn chưa được thực hiện tốt, 78% giáo viên cho rằng chưa phối hợp hiệu quả với các lực lượng giáo dục ảnh hưởng đến quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm.

- Dịch Covid – 19 kéo dài trong thời gian hai năm đầu triển khai thực hiện HĐTN do đó nhà trường TH và GVTH không thể TCHĐTN cho HS trực tiếp và nhiều nội dung của HĐTN, hình thức TCHĐTN ngoài trời, đông HS tham gia không thể thực hiện.

- Sĩ số học sinh/lớp khá đông; độ tuổi của học sinh tiểu học còn nhỏ do đó để vừa đảm bảo an toàn cho học sinh, vừa đảm bảo tổ chức HĐTN theo yêu cầu của chương trình làm cho GVTH gặp nhiều khó khăn.

Từ những tổng kết trên có thể khẳng định về cơ bản GVTH đã triển khai, tổ chức HĐTN cho học sinh và đạt được những kết quả bước đầu. Tiến hành PVS CBQL trường TH và GVTH cũng cho rằng kết quả TCHĐTN hiện nay chỉ ở mức cơ bản chứ

chưa thật sự tốt. GV1 cho rằng “*để kết luận tốt thì thật sự chưa được tốt lắm, cũng cần có sự điều chỉnh lại phù hợp*”. Đồng ý kiến với GV1, GV3 cho rằng “*Mình thấy kết quả cũng đạt được như mục đích yêu cầu nhưng nói chung là không được đạt ở mức độ xuất sắc*”. GV5, GV8, GV9 tự đánh giá kết quả TCHĐTN ở mức độ “*Đạt ở mức cơ bản chứ chưa tốt lắm*”. Khá tương đồng với các nhận định trên, CBQL 3, CBQL 9, 10 cho rằng kết quả TCHĐTN của nhà trường “*chỉ ở mức khá thôi chứ tốt chưa thật sự tốt lắm, cần phải cải thiện về cơ sở vật chất, tài chính, đội ngũ*”. CBQL 4 cũng cho rằng “*chưa có bước đột phá và chưa đạt yêu cầu như mong muốn*”. CBQL7 cho rằng “*kết quả chỉ đạt ở mức trung bình khá, đáp ứng cơ bản yêu cầu của chương trình HĐTN*”. CBQL 8 thì khá lo ngại và cho rằng “*Đánh giá khách quan thì chỉ tạm ổn chứ chưa thật sự tốt như mong đợi*”. Như vậy, để thực hiện hiệu quả hơn HĐTN cho học sinh trong giai đoạn cần quan tâm, cải tiến những vấn đề như sau: đẩy mạnh hoạt động BD để củng cố, phát triển NLTC HĐTN của GVTH; cải tiến các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, trang thiết bị để TCHĐTN; tăng cường phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho học sinh.

3.3. Thực trạng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Hoạt động trải nghiệm là hoạt động GD mới do đó để tổ chức HĐTN thì GVTH phải có những NLTC HĐTN đặc thù. Kết quả nghiên cứu lý luận của luận án đã đề xuất được khung NLTC HĐTN cho GVTH với 6 năng lực và 34 chỉ báo năng lực. Để tiến hành hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH được hiệu quả, phải đánh giá chính xác mức độ đạt được năng lực này của GVTH trong thực tiễn. Kết quả khảo sát trên 489 GVTH tại TP.HCM cho thấy, về cơ bản GVTH đã có NLTC HĐTN. Mức độ đạt được NLTC HĐTN của GVTH tại TP.HCM được thể hiện dưới đây.

3.3.1. Thực trạng năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Kết quả khảo sát về NL chuyên môn của GVTH được thể hiện ở bảng 3.8.

Bảng 3.8: Năng lực chuyên môn về HĐTĐ của giáo viên tiểu học

TT	Năng lực chuyên môn về HĐTĐ của GVTH	ĐTB	ĐLC
1	Mô tả được đặc điểm của chương trình GDPT HĐTĐ	3.84	1.061
2	Xác định được mục tiêu của HĐTĐ	4.04	.877
3	Phân tích được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL của HS theo từng hoạt động và mạch nội dung HĐTĐ	4.04	.859
4	Kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTĐ	3.95	.991
5	Xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTĐ	3.96	.883
6	Nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện chương trình HĐTĐ	4.08	.846
TRUNG BÌNH CHUNG		3.98	0.92

Kết quả khảo sát cho thấy, GVTH về đã đạt được NL chuyên môn về HĐTĐ ở mức khá cơ bản, với ĐTB đánh giá chung tất cả các chỉ báo là 3.98. Trong đó, chỉ báo NL được GVTH đánh giá tốt nhất là “*Nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện chương trình HĐTĐ*” (ĐTB = 4.08); đứng ở các vị trí tiếp theo là các chỉ báo NL “*Xác định được mục tiêu của HĐTĐ*”, “*Phân tích được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL của HS*” với cùng ĐTB là 4.04. GVTH cũng có khả năng kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTĐ; xác định được hình thức và loại hình HĐTĐ tuy nhiên ĐTB đạt được khá thấp (lần lượt là 3.95 và 3.96). Chỉ báo năng lực GVTH đánh giá thấp nhất trong NL chuyên môn về HĐTĐ là “*Mô tả được đặc điểm của CTGDPT HĐTĐ*” với ĐTB = 3.84.

Kết quả phân tích T-Test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa (sig.<0.05) giữa thâm niên giảng dạy của GVTH về NL chuyên môn về HĐTĐ. Theo đó, nhóm GVTH có thâm niên giảng dạy từ 16 – 20 năm với nhóm GVTH giảng dạy dưới 10 năm ở chỉ báo NL “*Mô tả được đặc điểm của CTGDPT HĐTĐ*”. Kết quả phân tích ĐTB đánh giá theo thâm niên cho thấy, GVTH có thâm niên từ 16 – 20 năm đạt ĐTB thấp nhất ở chỉ báo NL này (ĐTB=3.55). Kết quả kiểm định T-Test cũng có sự khác biệt có ý nghĩa (sig.<0.05) theo giới tính giữa GVTH nữ và GVTH nam ở một số chỉ báo số 1, 2 và 5 của NL chuyên môn về HĐTĐ. ĐTB đánh giá của giáo viên nữ (ĐTB lần lượt là 3.87, 4.08, 4.01) cao hơn giáo viên nam (ĐTB lần lượt 3.59, 3.81, 3.69).

Như vậy, GVTH tại TP.HCM đã có NL chuyên môn về HĐTĐN ở mức khá cơ bản, tuy nhiên ĐTB chung (3.98) đạt được không quá cao, mức độ đạt được các chỉ báo NL chỉ dao động từ 3.84 đến 4.08. Còn có sự chênh lệch trong mức độ đạt được NL ở các nhóm GVTH theo thâm niên giảng dạy, giới tính. Với mức độ NL hiện có thì GVTH sẽ gặp nhiều khó khăn khi TCHĐTĐN cho học sinh.

Đi sâu tìm hiểu về mức độ đạt được NL chuyên môn của GVTH qua PVS thì GVTH và CBQL trường TH cũng cho rằng NL chuyên môn của thầy cô chưa thật sự tốt, thầy cô có nhu cầu bồi dưỡng thêm. Cụ thể, CBQL3, CBQL7 cho rằng GVTH có NL chuyên môn về HĐTĐN chưa cao, đặc biệt là thầy cô lớn tuổi vì *“HĐTĐN là hoạt động mới, trong khi đó thời gian tập huấn cho GVTH ngắn, nhiều thầy cô lớn tuổi thì họ cảm thấy rất khó”*. CBQL 8, CBQL 9 đồng tình cho rằng *“giáo viên của trường chưa thể hiện tốt năng lực chuyên môn về HĐTĐN, vì đây là hoạt động mới nên giáo viên chưa có thời gian tiếp cận, chưa được đào tạo, bồi dưỡng nhiều”*. CBQL4, CBQL 10 cũng cho rằng NL chuyên môn về HĐTĐN của GVTH trường cô *“chỉ ở mức khá, cần phải BD thêm vì kiến thức về HĐTĐN thật sự rộng, GVTH cần hiểu biết sâu hơn nữa mới có thể TCHĐTĐN tốt”*. Tương đồng với đánh giá của CBQL, tất cả GVTH được PVS điều cho rằng NL chuyên môn về HĐTĐN không phải NL tốt nhất của mình. GV7 cho rằng *“bản thân cần phát triển NL chuyên môn về HĐTĐN bởi vì CTĐTĐN có nhiều nội dung mới mà bản thân chưa đáp ứng được”*; GV8, GV9 cũng cho rằng NL chuyên môn về HĐTĐN mình chưa tốt như mong đợi, cần được bồi dưỡng thêm.

Qua PVS, hầu hết CBQL và GVTH điều thống nhất cho rằng sở dĩ giáo viên còn chưa đạt được NL chuyên môn về HĐTĐN cao vì HĐTĐN là hoạt động mới, thời gian tiếp cận của GVTH chưa lâu và chưa có nhiều hoạt động BD cho GVTH tham gia (xem phụ lục 3, 5). Như vậy, để chú trọng bồi dưỡng để phát triển NL chuyên môn về HĐTĐN cho GVTH, giúp GVTH tổ chức HĐTĐN được hiệu quả hơn.

3.3.2. Thực trạng năng lực xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Xây dựng kế hoạch là đòi hỏi bắt buộc để tổ chức hoạt động GD nói chung và HĐTN theo CTGDPT HĐTN ở bậc tiểu học. Kết quả khảo sát về mức độ đạt được năng lực XDKH của GVTH tại TP.HCM được mô tả ở bảng 3.9.

Bảng 3.9: Năng lực XDKH TCHĐTN của giáo viên tiểu học

TT	Năng lực XDKH tổ chức HĐTN của GVTH	ĐTB	ĐLC
1	Phân tích được mục đích, yêu cầu của việc XDKH TCHĐTN	4.01	.991
2	Chỉ ra được cách thức thu thập, phân tích, xử lý thông tin liên quan đến việc TCHĐTN	4.07	.882
3	Xác định được mục tiêu, nội dung phù hợp cho từng loại kế hoạch HĐTN	4.13	.854
4	Xác định được hình thức, phương pháp TC thực hiện kế hoạch phù hợp	4.11	.896
5	Xác định được lực lượng, phương tiện, điều kiện hỗ trợ phù hợp để thực hiện kế hoạch TCHĐTN	4.12	.886
6	Lập được kế hoạch TCHĐTN cho học sinh tiểu học	4.15	.838
TRUNG BÌNH CHUNG		4.10	.891

Đánh giá tổng quát cho thấy GVTH tại TP.HCM đã có năng lực XDKH TCHĐTN ở mức khá, với ĐTB chung là 4.10, các chỉ báo NL giao động từ 4.01 đến 4.15. Trong đó, “*lập được kế hoạch TCHĐTN cho HS tiểu học*” là chỉ báo tốt nhất ở NL này, với ĐTB = 4.15. Trước khi HĐTN trở thành hoạt động chính thức thì GVTH đã có kinh nghiệm TC nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS. Phỏng vấn sâu cán bộ quản lý cũng cho kết quả tương đồng. CBQL4 cho rằng “*Giáo viên có mức độ hiểu biết về NL xây dựng kế hoạch vì đã có nhiều kinh nghiệm XDKH trước đó*”. Kết quả ở bảng 3.10 cũng cho thấy GVTH đã đạt được các chỉ báo khác thuộc năng lực XDKH, với ĐTB giao động từ 4.07 đến 4.13. Chỉ báo NL được GVTH đánh giá thấp nhất là “*phân tích được mục đích, yêu cầu của việc XDKH TCHĐTN*” với ĐTB= 4.01.

Kết quả phân tích kiểm định T-Test cho thấy có khác biệt ý nghĩa giữa GVTH nữ và GVTH nam (Sig.<0.05) ở hai chỉ báo “*lập được kế hoạch TCHĐTN cho HS TH*” (ĐTB so sánh là 4.12 và 4.09), “*xác định được lực lượng, phương tiện và điều*

kiện hỗ trợ phù hợp để thực hiện kế hoạch TCHĐTN” (ĐTB so sánh là 4.11 và 4.07). Phân tích ANOVA cũng có sự khác biệt ý nghĩa giữa nhóm GVTH có thâm niên giảng dạy từ 16 – 20 năm với các nhóm GVTH giảng dạy dưới 10 năm ở chỉ báo NL “*phân tích được mục đích, yêu cầu của việc XDKH TCHĐTN*”. Kết quả so sánh cho thấy, ĐTB đạt được của GVTH nam (3.90) thấp hơn so với GVTH nữ (4.0).

Như vậy, GVTH đã đạt được năng lực XDKH tổ chức HĐTN ở mức khá, giúp GVTH xây dựng được kế hoạch để TCHĐTN cho HS. Tuy nhiên, ĐTB đạt được của NL này cũng chưa quá vượt trội, mức độ đạt được ở nhiều chỉ báo năng lực của GVTH nam còn thấp hơn so với GVTH nữ. Vì vậy, cần tiếp tục củng cố và phát triển năng lực XDKH tổ chức HĐTN cho GVTH trong thời gian tới.

3.3.3. Thực trạng năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Giáo viên tiểu học là lực lượng chịu trách nhiệm chính TCHĐTN ở trường tiểu học. Kết quả khảo sát GVTH ở TP.HCM về mức độ đạt được NLTC thực hiện HĐTN thì cơ bản GVTH đã có NL này ở mức khá cơ bản, tuy nhiên ĐTB tự đánh giá không quá cao, dao động từ 3.96 đến 4.10. Kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 3.10.

Bảng 3.10: NLTC thực hiện HĐTN của giáo viên tiểu học

TT	NLTC thực hiện HĐTN của GVTH	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng được kế hoạch, quy trình TCHĐTN	4.04	.974
2	Thực hiện được nội dung HĐTN theo kế hoạch	3.96	.883
3	Vận dụng thành thạo các hình thức và phương pháp TCHĐTN	3.97	.886
4	Tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng GD thực hiện HĐTN theo kế hoạch	4.03	.874
5	Sử dụng kết hợp được nguồn lực, phương tiện để TCHĐTN	4.10	.828
6	Đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh	4.08	.930
TRUNG BÌNH CHUNG		4.03	.896

Số liệu thống kê ở bảng trên cho thấy “*Sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để TCHĐTN*” là chỉ báo GVTH tốt nhất, với ĐTB = 4.10. Chỉ báo NL đứng ở vị trí thứ 2 là “*Đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của HS*” với ĐTB = 4.08. GVTH cũng “*Tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được HS và các lực lượng GD thực*

hiện HĐTĐ theo kế hoạch” (ĐTB=4.03); “*Xây dựng được kế hoạch, quy định TCHĐTĐ*” (ĐTB=4.04). “*Vận dụng thành thạo các hình thức và phương pháp TCHĐTĐ*” và “*Thực hiện được nội dung HĐTĐ theo kế hoạch*” là hai chỉ báo GVTH đạt được thấp nhất ở NL này, với ĐTB lần lượt là 3.97 và 3.96.

Tiến hành phân tích ANOVA có sự khác biệt ý nghĩa (Sig.<0.05) giữa nhóm GVTH giảng dạy từ 16 – 20 năm (ĐTB = 3.71 và 4.0) và nhóm GVTH giảng dạy từ 6 – 10 năm (ĐTB = 4.10 VÀ 4.02) ở hai chỉ báo NL “*Xây dựng được kế hoạch, quy trình TCHĐTĐ*”, “*Vận dụng thành thạo các hình thức và phương pháp TCHĐTĐ*”. Kiểm định T-test cũng có sự khác biệt có ý nghĩa (Sig.<0.05) theo giới tính của GVTH ở chỉ báo “*Đánh giá được kết quả tham gia HĐTĐ của HS*”, ĐTB giáo viên nữ (4.11) cao hơn giáo viên nam (ĐTB = 3.84).

Từ kết quả trên có thể nhận thấy GVTH đã có NLTC thực hiện HĐTĐ, tuy nhiên ĐTB chung (4.03) chỉ ở mức cơ bản, chưa vượt trội so với các NL khác, còn chênh lệch giữa các nhóm GVTH theo giới tính và thâm niên giảng dạy ở nhiều chỉ báo thuộc NLTC thực hiện HĐTĐ.

Kết quả khảo sát ở NLTC thực hiện HĐTĐ đạt được ở mức khá cơ bản tuy nhiên khi tiến hành PVS đối với CBQL và GVTH thì thầy cô lại chưa tán đồng hoàn toàn và cho rằng phần lớn GVTH chưa thể hiện tốt NL này trong thực tiễn. GV3 cho rằng mình còn “*hạn chế khả năng TCHĐTĐ trong lớp*”. GV4 thì cho rằng NLTC của mình còn chưa tốt vì “*chưa huy động HS tham gia tích cực vào HĐTĐ, NLTC rất quan trọng, cần tiếp tục BD cho giáo viên năng lực này*”. GV8, GV9 cũng thống nhất cho rằng “*NLTC thực hiện HĐTĐ mình chưa thật sự tốt, còn lúng túng khi thực hiện*”. Tán thành ý kiến của GVTH, hầu hết CBQL cho rằng đây là NL còn chưa tốt của GVTH. CBQL 6 cho rằng “*Giáo viên cần được BD nhiều hơn NLTC thực hiện HĐTĐ, vì nhiều giáo viên còn lúng túng, chưa tự tin khi triển khai thực hiện HĐTĐ cho học sinh*”. CBQL 8 nhấn mạnh “*NLTC thực hiện HĐTĐ của GVTH chưa tốt vì nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức HĐTĐ đa dạng và mới do đó GVTH chưa đáp ứng được*”. CBQL 7, CBQL 9, CBQL 10 cũng đồng tình với nhận định trên và cho rằng cần tiếp tục củng cố, phát triển NLTC thực hiện HĐTĐ cho GVTH (xem phụ lục 3,

5). Như vậy, để TCHĐTN được hiệu quả cần phát triển NLTC thực hiện HĐTN cho GVTH bằng hoạt động, chương trình BD phù hợp.

3.3.4. Thực trạng năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Kết quả đánh giá mức độ đạt được NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN của GVTH ở TP.HCM được thể hiện ở bảng 3.11.

Bảng 3.11: Năng lực phối hợp các lực lượng để TCHĐTN của GVTH

TT	Năng lực phối hợp các lực lượng để TCHĐTN của GVTH	ĐTB	ĐLC
1	Xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng GD	4.04	.878
2	Xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp	4.08	.850
3	Xác định được hình thức, phương pháp thực hiện phối hợp	4.07	.830
4	Xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp	4.07	.849
5	Huy động được các lực lượng GD có liên quan để TCHĐTN	3.88	1.004
6	Huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành phối hợp	4.07	.873
TRUNG BÌNH CHUNG		4.04	0.881

Theo kết quả thống kê ở bảng 3.11 thì GVTH đã có khả năng phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN. Mức độ đạt được NL của GVTH ở mức độ khá (ĐTB chung =4.04), tương đối đồng đều ở chỉ báo NL (ĐTB phổ biến từ 3.88 đến 4.08). Chỉ báo nổi trội nhất là “*Xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp*”, với ĐTB = 4.08. Năng lực phối hợp các lực lượng GD thường được xem là một trong những thế mạnh của GVTH, tuy nhiên GVTH chưa đánh giá quá cao khả năng của bản thân ở việc “*Xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng GD*” (ĐTB =4.04), “*Huy động được các lực lượng GD có liên quan để TCHĐTN*” (ĐTB = 3.88) để TCHĐTN. Đây cũng là hai chỉ báo GVTH đánh giá thấp nhất trong NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho học sinh.

Kết quả kiểm định ANOVA cho thấy có khác biệt ý nghĩa (Sig.<0.05) giữa nhóm GVTH có thâm niên từ 16 – 20 năm (ĐTB thấp nhất, 3.48) với các nhóm GVTH khác (ĐTB giao động từ 3.85 – 3.97). Kết quả kiểm định theo độ tuổi của GVTH cũng cho thấy có khác biệt ý nghĩa giữa GVTH trên 50 tuổi với các nhóm GVTH còn lại. Theo

đó ĐTB đạt được của GVTH trên 50 tuổi ở các chỉ báo 1, 2, 3, 5 (chỉ từ 3.74 đến 4.0) thấp hơn so với các nhóm tuổi còn lại, với ĐTB từ 3.76 đến 4.10.

Tóm lại, GVTH đã đạt được NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN ở mức khá cơ bản tuy nhiên giáo viên còn chưa thể hiện tốt ở việc xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể và huy động được các lực lượng GD để TCHĐTN. Đồng thời, nhóm GVTH lớn tuổi chưa thể hiện tốt NL này so với các nhóm còn lại. Tiến hành PVS thì GVTH và CBQL cũng cho rằng một bộ phận GVTH chưa thể hiện tốt NL này. GV7 cho rằng “*em là giáo viên trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm nên khó phối hợp với các thầy cô khác và phụ huynh*”. Trong khi đó, GV3 cho rằng “*HĐTN nó đa dạng quá, mỗi bài một kiểu nên em bối rối trong việc xác định bài nào cần ai phối hợp, thực hiện*”. Đồng tình với GVTH, CBQL 3 cho rằng hoạt động phối hợp “*gây khó khăn cho GVTH, cụ thể là nhóm GVTH trẻ và nhóm lớn tuổi*”. CBQL 1 cũng cho rằng “*hầu hết do các thầy cô trẻ làm, còn thầy cô lớn tuổi chỉ là phụ chạy vòng ngoài thôi*”. CBQL 6 cũng cho rằng cần “*Bồi dưỡng cho GVTH năng lực phối hợp*”.

Như vậy, cải thiện khả năng xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể và huy động được các lực lượng GD để TCHĐTN; thu hẹp khoảng cách giữa các nhóm GVTH theo độ tuổi là yêu cầu cần thực hiện để phát triển NL phối hợp các lực lượng GD để tổ chức hoạt động trải nghiệm.

3.3.5. Thực trạng năng lực đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Mức độ đạt được NL đánh giá kết quả TCHĐTN của GVTH tại TP.HCM qua khảo sát thực tiễn được mô tả ở bảng 3.12.

Bảng 3.12: Năng lực đánh giá kết quả HĐTN của giáo viên tiểu học

TT	Năng lực đánh giá kết quả HĐTN của GVTH	ĐTB	ĐLC
1	Xác định được mục đích, yêu cầu đánh giá kết quả HĐTN	3.98	1.051
2	Xác định được nội dung đánh giá HĐTN	4.09	.897
3	Vận dụng được hình thức đánh giá phù hợp với yêu cầu của từng loại HĐTN	4.12	.852
4	Hướng dẫn được các lực lượng giáo dục khác tham gia đánh giá kết quả HĐTN	4.10	.870
5	Sử dụng được kết quả từ các nguồn để đánh giá kết quả HĐTN	4.17	.814
6	Thiết kế được bài tập và tiêu chí đánh giá kết quả HĐTN của học sinh	4.13	.886
TRUNG BÌNH CHUNG		4.10	.895

Tổng hợp số liệu thống kê ở bảng 3.12 thì GVTH ở Tp.HCM đã đạt mức khá ở hầu hết các chỉ báo, với ĐTB đánh giá bằng 4.10. Trong đó, “*Sử dụng được kết quả đánh giá từ các nguồn để đánh giá kết quả HĐTN*” là chỉ báo GVTH đạt cao nhất, với ĐTB= 4.17. GVTH còn thể hiện khả năng khá tốt ở hai chỉ báo “*Vận dụng được hình thức đánh giá phù hợp với yêu cầu của từng loại HĐTN*”, “*Thiết kế được bài tập và tiêu chí đánh giá kết quả HĐTN của HS*”, với ĐTB =4.13 và 4.12. Trong khi đó, “*Xác định được mục đích, yêu cầu đánh giá kết quả HĐTN*” là chỉ báo mà GVTH đạt được thấp nhất, với ĐTB =3.98.

Kết quả phân tích ANOVA thì có khác biệt có ý nghĩa giữa nhóm GVTH có thâm niên từ 16-20 năm với các nhóm có thâm niên giảng dạy dưới 15 năm ở chỉ báo NL “*Xác định được mục đích, yêu cầu đánh giá kết quả HĐTN*”. Kết quả này khá tương đồng với các NL trước đó, nghĩa là GVTH có thâm niên cao thì NL đánh giá kết quả HĐTN thấp hơn so với các nhóm GVTH trẻ.

Như vậy, GVTH tại TP.HCM đã có NL đánh giá kết quả HĐTN cho HS ở mức khá, thầy cô có khả năng đánh giá được kết quả TCHĐTN cho học sinh. Kết quả PVS trên GVTH thì giáo viên không đề xuất bồi dưỡng NL này. Tuy nhiên, để giúp GVTH có thể đánh giá chính xác, khách quan kết quả tham gia HĐTN của HS thì vẫn cần củng cố và phát triển NL này cho thầy cô.

3.3.6. Thực trạng năng lực sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Để tổ chức HĐTN hiệu quả thì GVTH sử dụng phối hợp nhiều nguồn lực, phương tiện và thiết bị. Kết quả khảo sát 489 GVTH ở TP.HCM về mức độ đạt được NL sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN thì GVTH đã có NL này ở mức khá cao, với ĐTB chung là 4.11, cao nhất trong 6 năng lực. Trong đó, “*Thiết kế được các loại thiết bị, phương tiện phục vụ cho quá trình TCHĐTN*” là chỉ báo GVTH đạt được cao nhất, với ĐTB= 4.18. Chỉ báo GVTH đạt được thấp nhất trong NL này là “*Xác định được nguồn lực, thiết bị, phương tiện cần có để TCHĐTN*” với ĐTB =4.00.

Bảng 3.13: NL sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN của GVTH

TT	NL sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN	ĐTB	ĐLC
1	Xác định được nguồn lực, thiết bị, phương tiện cần có để TCHĐTN	4.00	1.030
2	Xác định được nguồn lực, thiết bị, phương tiện phù hợp để TCHĐTN theo yêu cầu cụ thể của từng hoạt động	4.11	.922
3	Sử dụng được các loại thiết bị, phương tiện phục vụ cho quá trình TCHĐTN	4.13	.900
4	Thiết kế được các loại thiết bị, phương tiện phục vụ cho quá trình TCHĐTN	4.18	.852
TRUNG BÌNH CHUNG		4.11	.926

Kết quả phân tích tương quan, so sánh giữa các nhóm yếu tố về giới tính, lứa tuổi và thâm niên giảng dạy của GVTH cho thấy không có khác biệt có ý nghĩa, phản ánh mức độ thống nhất và tương đồng cao về mức độ đạt được NL của giáo viên tiểu học.

3.3.7. Đánh giá chung về thực trạng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng hợp kết quả đánh giá mức độ đạt được NLTC HĐTN của GVTH tại TP.HCM có thể rút ra một vài đánh giá sau:

GVTH đã có NLTC HĐTN với ĐTB đánh giá ở mức khá cơ bản, dao động từ 3.98 đến 4.11. Với năng lực hiện có, GVTH đã cơ bản đáp ứng yêu cầu TCHĐTN cho HS theo CTGDPT HĐTN ở bậc tiểu học. Kết quả đánh giá về mức độ đạt được NLTC HĐTN của GVTH tại TP.HCM cũng đặt ra một số vấn đề cần giải quyết. Đó là:

- Mức độ đạt được NLTC HĐTN của GVTH chưa đồng đều ở giữa các năng lực. Kết quả xếp hạng mức độ đạt được các năng lực thể hiện ở bảng 3.14.

Bảng 3.14: Xếp hạng NLTC HĐTN của giáo viên tiểu học

TT	Năng lực tổ chức HĐTN của GVTH	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
1	Năng lực sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN	4.11	.926	1
2	Năng lực xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN	4.10	.891	2
3	Năng lực đánh giá kết quả HĐTN	4.10	.895	3
4	Năng lực phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN	4.04	.881	4
5	Năng lực tổ chức thực hiện HĐTN	4.03	.896	5
6	Năng lực chuyên môn về HĐTN	3.98	.920	6

Kết quả bảng 3.14 cho thấy NL có ĐTB đánh giá cao nhất (4.11) là NL sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN; đứng ở vị trí thứ 2, 3 lần lượt là NL xây dựng kế hoạch TCHĐTN và NL đánh giá kết quả HĐTN. Ba NL xếp ở vị trí cuối là NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN (ĐTB=4.04), hạng 4; NLTC thực hiện HĐTN (ĐTB=4.03), hạng 5 và NL chuyên môn về HĐTN (ĐTB=3.98), hạng 6.

Kết quả phỏng vấn sâu GVTH và CBQL trường TH cũng cho rằng GVTH chưa thật sự vượt trội ở NLTC thực hiện HĐTN; NL chuyên môn về HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN. Sự chênh lệch trong mức độ đạt được giữa các NLTC HĐTN sẽ ảnh hưởng và tác động không tích cực đến quá trình TCHĐTN của GVTH.

- Còn có sự chênh lệch trong mức độ đạt được NLTC HĐTN của GVTH theo giới tính, thâm niên giảng dạy và độ tuổi. Năng lực tổ chức HĐTN của GVTH lớn tuổi và thâm niên giảng dạy lâu năm chưa cao.

- Cán bộ quản lý trường TH và GVTH thể hiện mong muốn cần phải tiếp tục củng cố và phát triển NLCT HĐTN cho GVTH. Đặc biệt là NLTC thực hiện HĐTN, NL chuyên môn về HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN.

Như vậy, để tổ chức hiệu quả HĐTN thì tiếp tục củng cố, phát triển NLTC HĐTN cho GVTH là yêu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Căn cứ vào kết quả đạt được các NL thuộc khung NLTC HĐTN của GVTH; xem xét mong muốn của CBQL và

GVTH thì trong giai đoạn hiện nay cần tiếp tục củng cố, phát triển cho GVTH ba năng lực là NLTC thực hiện HĐTĐN; NL chuyên môn về HĐTĐN và NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTĐN.

3.4. Thực trạng bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh

3.4.1. Các hoạt động bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm giáo viên tiểu học đã tham gia

Hoạt động bồi dưỡng về HĐTĐN, NLTC HĐTĐN cho GVTH đã được thực hiện. Kết quả khảo sát về các hoạt động BD mà GVTH đã tham gia trong thời gian gần đây được thể hiện ở bảng 3.15.

Bảng 3.15: Các hoạt động bồi dưỡng giáo viên tiểu học đã tham gia

TT	Các hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTĐN	Tỷ lệ (%)
1	Bồi dưỡng thường xuyên theo quy định của ngành GD&ĐT	66.7
2	Bồi dưỡng thay SGK HĐTĐN	57.1
3	Bồi dưỡng về HĐTĐN của nhà trường tiểu học	56.4
4	Bồi dưỡng về HĐTĐN trên các nền tảng trực tuyến	51.8
5	Bồi dưỡng về HĐTĐN của khối chuyên môn	54.0
6	Tự bồi dưỡng của cá nhân GVTH	49.7

Theo số liệu thống kê ở bảng 3.15 thì GVTH tại TP.HCM đã tham gia một số hoạt động BD về HĐTĐN và NLTC HĐTĐN. Hoạt động BD GVTH tham gia nhiều nhất là “*Bồi dưỡng thường xuyên theo quy định của ngành GD&ĐT*”, chiếm tỷ lệ 66.7%. Kế đến là “*Bồi dưỡng thay SGK HĐTĐN*” với tỷ lệ 57.1% giáo viên lựa chọn. Tiếp đến là “*Bồi dưỡng về HĐTĐN của nhà trường*”, với tỷ lệ 56.4%. GVTH cũng tham gia các hoạt động BD về HĐTĐN do khối chuyên môn tổ chức (tỷ lệ 54%). Như vậy, hoạt động BD về HĐTĐN, NLTC HĐTĐN cho GVTH đã có tuy nhiên tỷ lệ GVTH tham gia BD còn thấp, hoạt động GVTH tham gia nhiều nhất cũng chỉ đạt 66.7%. Chỉ có 49.7% giáo viên tự thực hiện hoạt động BD về hoạt động trải nghiệm.

Tiến hành phân tích thực tiễn tham gia hoạt động BD của GVTH và PVS cán bộ quản lý trường tiểu học, GVTH thì có những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tỷ lệ GVTH tham gia hoạt động BD về HĐTĐ và NLTC HĐTĐ chưa cao như sau:

Thứ nhất, các hoạt động BD cho GVTH được tổ chức theo nhiều cách thức khác nhau. Có những hoạt động sẽ yêu cầu tất cả GVTH phải tham gia, có hoạt động thì chỉ có cán bộ quản lý trường TH, GVTH cốt cán tham gia sau đó phổ biến lại cho giáo viên của nhà trường. Bên cạnh đó, tại thời điểm thực hiện nghiên cứu thì chương trình HĐTĐ chỉ mới triển khai đến hết lớp 2, do đó chỉ có GVTH dạy lớp 1, 2 được tham gia BD. Giáo viên dạy các lớp 3, 4, 5 có tham gia hỗ trợ TCHĐTĐ cho HS nhưng không được tham gia bồi dưỡng.

Thứ hai, chưa có nhiều hoạt động BD về HĐTĐ và NLTC HĐTĐ cho GVTH. GV1 chia sẻ “*năm ngoái có tham gia BD chuyên đề còn năm nay thì chưa tham gia BD về HĐTĐ*”. GV7 cũng cho rằng “*Chưa tham gia nhiều hoạt động BD về HĐTĐ, em cũng muốn là có thêm nhiều lớp BD hơn để em tiếp thu và học hỏi thêm kiến thức liên quan đến HĐTĐ và TCHĐTĐ*”. GV8, GV9 cũng cho rằng “*bản thân chỉ tham gia BD thay SGK HĐTĐ cho lớp 1,2*”. Đồng ý với nhận định trên, CBQL3, CBQL 7, CBQL 8 khẳng định “*Nói chung chỉ có hoạt động BD thay SGK HĐTĐ tuy nhiên chỉ thầy cô dạy HĐTĐ thì mới được đi thôi*”; CBQL 9 chia sẻ thêm “*Nhà trường cũng chưa có điều kiện để tổ chức nhiều hoạt động BD cho GVTH của trường về hoạt động trải nghiệm*”.

Tóm lại, đã có một số hoạt động BD về HĐTĐ và TCHĐTĐ cho GVTH tuy nhiên các chương trình, hoạt động BD chưa phong phú, chưa có chương trình, hoạt động BD đặc thù cho từng NLTC HĐTĐ cho GVTH; các hoạt động BD chưa thu hút được đông đảo GVTH tham gia. Do đó, cần nhiều hơn hoạt động BD về HĐTĐ; cần có chương trình, hoạt động BD đặc thù cho từng NLTC HĐTĐ; có biện pháp khuyến khích GVTH tham gia hoạt động BD để thầy cô có thể TCHĐTĐ được hiệu quả hơn.

3.4.2. Kết quả thực hiện mục tiêu bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Mục tiêu của hoạt động BD là nhằm củng cố, phát triển được NLTC HĐTĐN cho GVTH. Kết quả khảo sát về vấn đề được trình bày ở bảng 3.16.

Bảng 3.16: Mục tiêu các hoạt động bồi dưỡng về NLTC HĐTĐN cho GVTH

TT	Mục tiêu các hoạt động BD về NLTC HĐTĐN	ĐTB	ĐLC
1	Củng cố và phát triển năng lực chuyên môn về HĐTĐN	3.83	1.025
2	Củng cố và phát triển năng lực XDKH TCHĐTĐN	4.07	.851
3	Củng cố và phát triển, năng lực tổ chức thực hiện HĐTĐN	3.91	.838
4	Củng cố và phát triển năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục	4.01	.827
5	Củng cố và phát triển năng lực đánh giá kết quả HĐTĐN	4.09	.824
6	Củng cố và phát triển năng lực sử dụng phương tiện, thiết bị để TCHĐTĐN	4.14	.847

Theo đánh giá của 489 GVTH tại TP.HCM thì các hoạt động BD mà giáo viên tham gia đã phần nào thực hiện được mục tiêu củng cố, phát triển NLTC HĐTĐN. Theo đó, “Củng cố và phát triển NL sử dụng phương tiện, thiết bị để TCHĐTĐN”, với ĐTB=4.14 là mục tiêu GVTH đánh giá cao nhất; kế đến là mục tiêu “Củng cố và phát triển NL đánh giá kết quả HĐTĐN” với ĐTB= 4.09. Các mục tiêu xếp các vị trí cuối là củng cố và phát triển NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTĐN, NLTC thực hiện HĐTĐN và NL chuyên môn về HĐTĐN, với ĐTB đánh giá từ 3.83 đến 4.01. Tiến hành phân tích tương quan giữa các nhóm GVTH theo giới tính, độ tuổi, thâm niên công tác, khối lớp đang giảng dạy của GVTH thì không sự khác biệt có ý nghĩa, điều này cho thấy sự thống nhất trong đánh giá của GVTH về mục tiêu bồi dưỡng.

Như vậy, các hoạt động BD về HĐTĐN và NLTC HĐTĐN đã hướng đến mục tiêu củng cố, phát triển các NLTC HĐTĐN của GVTH. Tuy nhiên, mục tiêu củng cố và phát triển NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTĐN, NLTC thực hiện HĐTĐN và NL chuyên môn về HĐTĐN chưa được GVTH đánh giá quá cao trong khi đó đây là những NL mà GVTH còn chưa nổi bật và có nhu cầu được bồi dưỡng. Kết quả PVS trên GVTH và CBQL trường TH cũng cho thấy sự chưa hài lòng về kết quả BD (xem phụ lục 3, 5), điều đó cũng có nghĩa là mục tiêu BD chưa thật sự đạt được như mong đợi.

Do vậy, các hoạt động bồi dưỡng trong giai đoạn tới cần chú trọng thực hiện đồng bộ các mục tiêu nhằm phát triển đồng đều NLTC HĐTĐN cho giáo viên tiểu học.

3.4.3. Kết quả thực hiện nội dung bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Tìm hiểu về những nội dung BD về NLTC HĐTĐN thì GVTH tại TP.HCM cho rằng thầy cô đã được BD những nội dung có liên quan đến NLTC HĐTĐN. Số liệu cụ thể ở bảng 3.17.

Bảng 3.17: Nội dung bồi dưỡng về NLTC HĐTĐN cho giáo viên tiểu học

TT	Nội dung bồi dưỡng về NLTC HĐTĐN cho GVTH	ĐTB	ĐLC
1	Mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL của HS tiểu học	3.82	1.011
2	Nội dung chương HĐTĐN bậc tiểu học	3.94	.887
3	Nội dung SGK HĐTĐN theo khối lớp	4.02	.842
4	Phương pháp TCHĐTĐN ở tiểu học	4.02	.839
5	Hình thức TCHĐTĐN ở tiểu học	4.12	1.017
6	Phương pháp đánh giá kết quả HĐTĐN ở tiểu học	4.09	.851
7	Hoạt động phối hợp các lực lượng giáo dục TCHĐTĐN	3.87	.858
8	Phẩm chất, năng lực của GVTH để TCHĐTĐN	3.94	.839

Nhìn chung GVTH đã tham gia BD một số nội dung về HĐTĐN và NCTC HĐTĐN. Trong đó, “*Hình thức TCHĐTĐN ở tiểu học*” là nội dung xếp vị trí thứ nhất, với ĐTB= 4.12. Các nội dung ở vị trí tiếp theo là “*Phương pháp đánh giá kết quả HĐTĐN*”, “*Nội dung SGK HĐTĐN*”, “*Phương pháp TCHĐTĐN*” với ĐTB từ 4.02 đến 4.12. Như vậy, những hoạt động BD hiện hành về HĐTĐN và NLTC HĐTĐN đã trang bị cho GVTH những nội dung cơ bản về HĐTĐN ở bậc tiểu học. Phòng vấn sâu GVTH và CBQL trường TH cũng cho kết quả tương tự. GV2, GV3, GV6, GV8, GV9 cho rằng có tham gia “*Bồi dưỡng thay SGK HĐTĐN theo CTGDPT HĐTĐN*”. CBQL1 cho rằng giáo viên của trường mình “*Chủ yếu tham gia chương trình bồi dưỡng thay SGK HĐTĐN do Sở GD&ĐT tổ chức*”. Tuy nhiên những nội dung về “*Hoạt động phối hợp các lực lượng giáo dục TCHĐTĐN*” (ĐTB= 3.87), “*Mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL của HS tiểu học*” (ĐTB= 3.82) lại không được GVTH đánh giá quá cao. Khát quát hóa các chương trình BD có liên quan trực tiếp đến BD cho GVTH nói chung và BD về HĐTĐN

và NLTC HĐTĐN cho thấy chưa có nhiều chủ đề, nội dung BD riêng cho từng NLTC HĐTĐN. Cụ thể:

Chương trình BD thường xuyên giáo viên cơ sở GDPT theo 17/2019/TT-BGDĐT (Bộ GD&ĐT, 2019) có 15 module, trong đó có các mô đun 4, 5, 6, 11, 12 khái quát chung về XDKH dạy học và GD; sử dụng phương pháp dạy học; kiểm tra, đánh giá; phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Không có mô đun cụ thể cho HĐTĐN ở tiểu học.

Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao NL đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở GDPT (Chương trình ETEP) có 5 mô đun (mô đun 1, 2, 3, 4, 9) có nội dung BD về hướng dẫn thực hiện CTGDPT HĐTĐN; sử dụng phương pháp dạy học, GD; kiểm tra đánh giá HS; XDKH dạy học và GD; ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị TCHĐTĐN. Tuy khá toàn diện nhưng nội dung các mô đun của chương trình chưa bao hàm hết các NLTC HĐTĐN của GVTH; đối tượng tham gia BD trực tiếp chương trình ETEP là cán bộ quản lý và GVTH cốt cán chứ không phải tất cả GVTH và chương trình cũng đã kết thúc vào năm 2022 do đó quá trình triển khai BD cho GVTH theo chương trình này trong giai đoạn hiện nay như thế nào cũng là một vấn đề chưa được tường minh.

Tóm lại, một số nội dung về HĐTĐN và NLTC HĐTĐN đã được bồi dưỡng cho GVTH. Tuy nhiên chưa có nhiều chương trình, hoạt động BD đầy đủ, chi tiết cho từng NLTC HĐTĐN cho GVTH, do đó cần tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các chủ đề, nội dung bồi dưỡng gắn liền với từng NL cụ thể của khung NLTC HĐTĐN của GVTH để tiến hành BD cho giáo viên.

3.4.4. Kết quả thực hiện các hình thức, phương pháp bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Kết quả khảo sát về hình thức BD về HĐTĐN và NLTC HĐTĐN cho GVTH được thể hiện ở bảng 3.18.

Bảng 3.18: Hình thức bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH

TT	Hình thức bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH	Tỷ lệ (%)
1	Bồi dưỡng trực tiếp, tập trung	24.3
2	Bồi dưỡng trực tiếp tại trường tiểu học	62.9
3	Bồi dưỡng trực tiếp tại cụm trường/liên trường	14.2
4	Bồi dưỡng trực tiếp kết hợp trực tuyến	66.2
5	Bồi dưỡng trực tuyến qua mạng Internet	29.7
6	Tự bồi dưỡng của GVTH	46.1
7	Bồi dưỡng GVTH thông qua hoạt động dự giờ, thao giảng	59.8

Kết quả nghiên cứu ở bảng trên cho thấy GVTH tham gia BD bằng nhiều hình thức khác nhau. Trong đó, “*Bồi dưỡng trực tiếp kết hợp với trực tuyến*” là hình thức GVTH tham gia nhiều nhất, với tỷ lệ 66.2%. “*Bồi dưỡng trực tiếp tại trường TH*” (62.9%), “*Bồi dưỡng thông qua hoạt động dự giờ, thao giảng*” (59.8%) cũng là những hình thức được sử dụng để BD cho GVTH. Phỏng vấn sâu CBQL về hình thức BD do trường TH thực hiện, CBQL 4, CBQL 5 cho rằng “*trường mình mời chuyên gia về tập huấn GV. Nhà trường cũng động viên giáo viên tham gia chia sẻ kinh nghiệm cho đồng nghiệp về quá trình TCHĐTN. Trường còn mời giáo viên người nước ngoài để TCHĐTN bằng tiếng Anh hằng tháng để giáo viên của nhà trường học hỏi*”. Đây là một mô hình khá tích cực trong việc đa dạng hình thức tổ chức BD về NLTC HĐTN cho GVTH, tuy nhiên với điều kiện thực tiễn hiện nay thì không nhiều trường tiểu học có thể thực hiện được. CBQL 9 chia sẻ “*Trường mình chưa có điều kiện để tổ chức nhiều hoạt động BD cho giáo viên của trường về HĐTN vì không có người làm*”.

Tự bồi dưỡng là một hình thức quan trọng để GVTH tự cập nhật, củng cố và phát triển phẩm chất, NL nghề nghiệp tuy nhiên chỉ có 46.1% GVTH sử dụng hình thức “*Tự bồi dưỡng*” để bồi dưỡng về HĐTN và NLTC HĐTN. Qua PVS thì GVTH cho rằng khối lượng công việc quá nhiều do đó bản thân giáo viên không có nhiều thời gian để thực hiện tự BD. GV3 cho rằng “*mình chỉ có thời gian trống vào dịp hè, vào năm học công việc quá nhiều, không có thời gian để tự bồi dưỡng*”. Trong khi đó GV4 cho rằng “*Mình có tự BD qua các video clip hướng dẫn trên youtube, tuy nhiên mình vẫn thích được BD trực tiếp*”. Kết quả khảo sát cũng cho thấy những hình thức bồi

dưỡng trực tiếp, tập trung tại cụm trường/liên trường và bồi dưỡng trực tiếp, tập trung cho toàn bộ giáo viên chưa được thực hiện thường xuyên, chỉ có 24.3% và 14.2% GVTH lựa chọn.

Về các phương pháp để BD cho GVTH thì qua PVS hầu hết giáo viên cho rằng có nhiều phương pháp được sử dụng, trong đó những phương pháp được sử dụng phổ biến là phương pháp thuyết trình, vấn đáp và phương pháp giải quyết vấn đề.

Như vậy, GVTH đã tham gia BD bằng một số hình thức, phương pháp khác nhau. Tuy nhiên những hình thức BD trực tiếp cho toàn thể GVTH về HĐTN chưa được thực hiện thường xuyên; tỷ lệ giáo viên thực hiện “*tự bồi dưỡng*” chưa cao. Nhiều trường TH chưa thể chủ động tổ chức BD cho giáo viên vì điều kiện về nhân lực (đội ngũ giáo viên cốt cán), tài chính, cơ sở vật chất chưa đáp ứng. Do đó, đa dạng hóa hình thức BD, chú trọng BD trực tiếp cho GVTH; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho GVTH về vai trò của hoạt động BD để phát huy tính tích cực của GVTH trong quá trình tự BD; cải tiến điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và chú trọng đào tạo, BD cho đội ngũ GVTH cốt cán cho các trường tiểu học là nhiệm vụ quan trọng.

3.4.5. Kết quả thực hiện hoạt động đánh giá kết quả bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Tiến hành khảo sát trên 541 GVTH tại TP.HCM thì thầy cô đã được đánh giá kết quả BD bằng một số hình thức. Số liệu cụ thể ở bảng 3.19.

Bảng 3.19: Hình thức đánh giá kết quả bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH

TT	Hình thức đánh giá kết quả BD NLTC HĐTN cho GVTH	ĐTB	ĐLC
1	Đánh giá của cơ sở tổ chức bồi dưỡng	3.84	1.031
2	Đánh giá của nhà trường tiểu học	4.08	.882
3	Tự đánh giá của giáo viên tiểu học	4.14	.821
4	Đánh giá đồng đẳng của tập thể giáo viên	4.11	.892
5	Giáo viên tiểu học không được đánh giá	3.79	1.124

Theo kết quả nghiên cứu ở bảng 3.19 thì “*Tự đánh giá của GVTH*”, với ĐTB= 4.14 là hình thức được sử dụng thường xuyên nhất; kế đến là “*Đánh giá đồng đẳng của tập thể giáo viên qua sinh hoạt khối chuyên môn*” với ĐTB = 4.11. Ngoài ra, GVTH cũng được đánh giá bởi cơ sở tổ chức BD (ĐTB =3.84); đánh giá của nhà trường TH (ĐTB = 4.08). Tuy nhiên, một bộ phận GVTH cũng cho rằng thầy cô không

được đánh giá kết quả BD (ĐTB= 3.79). Để làm rõ vấn đề này, tác giả tiến hành phỏng vấn sâu GVTH và CBQL trường tiểu học. Kết quả PVS thầy cô cho rằng mặc dù có yêu cầu đánh giá tuy nhiên quá trình thực hiện chưa thật sự nghiêm túc, kết quả đánh giá chưa được sử dụng để cải tiến hoạt động BD và để đánh giá kết quả dạy học của giáo viên sau khi tham gia bồi dưỡng. GV2 chia sẻ “*Những hoạt động BD do nhà trường, tổ chuyên môn tổ chức hầu như giáo viên chỉ tham gia theo yêu cầu, không có đánh giá kết quả tham dự*”. GV5 cũng cho rằng “*mình thực hiện đầy đủ các bài tập đánh giá theo yêu cầu tuy nhiên việc sử dụng kết quả đánh giá thì không rõ*”.

Như vậy, hoạt động đánh giá kết quả BD về NLTC HĐTĐN cho GVTH đã được thực hiện tuy nhiên kết quả đánh giá chưa được quan tâm đúng mức và sử dụng hợp lý; một số hoạt động BD giáo viên tham gia chưa được đánh giá. Để hoạt động BD cho GVTH phát huy được hiệu quả thì cần tiếp tục quan tâm, vận dụng nhiều hình thức đánh giá để ghi nhận chính xác kết quả BD và vận dụng kết quả đánh giá nhằm cải tiến hoạt động BD và chất lượng TCHĐTĐN của giáo viên.

3.4.6. Đánh giá chung về kết quả bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Trên cơ sở phân tích, tổng hợp kết quả nghiên cứu thực tiễn về thực trạng bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho GVTH có thể rút ra những đánh giá sau:

Về mặt tích cực:

Hoạt động BD về HĐTĐN và NLTC HĐTĐN cho GVTH đã được thực hiện. GVTH đã tham gia một số hoạt động BD thường xuyên của ngành GD&ĐT, bồi dưỡng thay SGK HĐTĐN, bồi dưỡng của trường tiểu học.

Hoạt động BD góp phần củng cố, phát triển NLTC HĐTĐN cho GVTH. GVTH cũng đã tham gia BD một số nội dung có liên quan đến NLTC HĐTĐN, SGK HĐTĐN bằng nhiều hình thức và phương pháp khác nhau. Giáo viên cũng đã được đánh giá kết quả BD bằng một số hình thức. Đánh giá chung của GVTH về kết quả bồi dưỡng HĐTĐN và NLTC HĐTĐN được thể hiện ở bảng 3.20.

Bảng 3.20: Kết quả bồi dưỡng về HĐTĐN và NLTC HĐTĐN cho GVTH

TT	Kết quả bồi dưỡng về NLTC HĐTĐN cho GVTH	ĐTB	ĐLC
1	Trình bày và giải thích được các yêu cầu về mục tiêu, phẩm chất, năng lực cần đạt của HS khi tham gia HĐTĐN	3.79	1.018
2	Cập nhật được nội dung kiến thức mới về HĐTĐN	3.93	.878
3	Vận dụng được các phương pháp, hình thức TCHĐTĐN	3.93	.844

TT	Kết quả bồi dưỡng về NLTC HĐTN cho GVTH	ĐTB	ĐLC
4	Phát triển được năng lực đánh giá kết quả HĐTN	4.00	.905
5	Phát triển được NLTC HĐTN	3.82	.857
6	Tổ chức được HĐTN cho học sinh tiểu học	3.86	.898
7	Phát triển được tình cảm tích cực với nghề	4.04	.882

Nhìn chung, hoạt động BD đã đạt được một số kết quả cơ bản, trong đó “*Phát triển được tình cảm tích cực với nghề*” (ĐTB = 4.04) là yếu tố được GVTH đánh giá cao nhất. Phát triển được NL đánh giá kết quả HĐTN (ĐTB = 4.00), cập nhật nội dung kiến thức mới về HĐTN, vận dụng được phương pháp, hình thức TCHĐTN cũng là những kết quả được GVTH đánh giá ở mức khá, với ĐTB = 3.93. Kết quả trên cũng cho thấy hoạt động BD chưa có tác động lớn đến những yếu tố thuộc về NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN của GVTH. Theo đó, “*Tổ chức được HĐTN cho HS*” (ĐTB = 3.86); “*Phát triển được NLTC HĐTN*” (ĐTB = 3.82); “*Trình bày và giải thích được các yêu cầu về mục tiêu, phẩm chất, năng lực cần đạt của HS khi tham gia HĐTN*” (ĐTB = 3.79) là những kết quả chưa được GVTH đánh giá quá cao.

Kết quả khảo sát trên GVTH cũng cho thấy, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động BD của GVTH. Trong đó, ba yếu tố được GVTH cho rằng ảnh hưởng nhiều nhất là “*Nhận thức của giáo viên tiểu học về hoạt động bồi dưỡng*” (chiếm tỷ lệ 87%); “*Chính sách về hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học*” (chiếm tỷ lệ 84%) và “*Chủ trương đổi mới SGK GDPT*” (chiếm tỷ lệ 80%).

Như vậy, hoạt động BD về HĐTN và NLTC HĐTN đã đạt được một số kết quả tương đối, góp phần giúp GVTH tổ chức HĐTN cho học sinh dễ dàng hơn. Tuy nhiên, từ kết quả phân tích thực trạng và phỏng vấn sâu GVTH và CBQL trường tiểu học thì hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH còn những vấn đề cần khắc phục sau:

- Chưa có nhiều chương trình, hoạt động BD về HĐTN; những hoạt động BD hiện hành còn mang tính khái quát cao, chưa thu hút được sự tham gia của GVTH, tỷ lệ GVTH tham gia bồi dưỡng thấp.

- Chưa có chương trình, nội dung BD đặc thù cho từng NL của khung NLTC HĐTN cho GVTH.

- Mục tiêu của hoạt động BD hiện nay chưa được thực hiện đồng điều, chưa hướng đến phát triển đồng bộ các NLTC HĐTN cho GVTH. Hoạt động bồi dưỡng chưa thực hiện tốt các mục tiêu để phát triển NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD để tổ chức hoạt động trải nghiệm.

- Những hoạt động bồi dưỡng trực tiếp, tập trung cho GVTH chưa được thực hiện thường xuyên; GVTH chưa chủ động thực hiện tự bồi dưỡng về NLTC HĐTN.

- Hình thức đánh giá chưa đa dạng, kết quả đánh giá chưa được quan tâm và sử dụng hợp lý.

- Kết quả PVS trên CBQL và GVTH cũng cho thấy kết quả của hoạt động BD chưa được đánh giá cao và chưa đáp ứng được tốt nhu cầu của GVTH để TCHĐTN trong thực tiễn. Theo CBQL 3 thì kết quả hoạt động BD “*chỉ ở mức trung bình*”. CBQL 4, CBQL 5, CBQL 8 cùng cho rằng “*chắc chỉ ở mức độ cơ bản thôi, chưa chuyên sâu vì thời gian bồi dưỡng quá ngắn*”. CBQL6 nhấn mạnh “*chưa thật sự bài bản, vẫn cần bồi dưỡng cho GVTH nhiều lắm*”. CBQL 9, CBQL 10 khẳng định là bồi dưỡng như vậy là “*chưa đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu triển khai thực hiện HĐTN và nhu cầu phát triển NLTC HĐTN của GVTH*”. Đồng ý với nhận định trên, GVTH cũng khẳng định HĐTN là hoạt động mới, thời gian BD chưa đủ để GVTH có thể am hiểu do đó cần BD thêm. GV5, GV8 chia sẻ “*BD như vậy là chưa đủ, chưa đáp ứng nhu cầu*”; trong khi đó GV9 cho rằng “*cần BD bài bản hơn cho GVTH, chứ như hiện nay thì chưa được tốt lắm, nếu không nói là sơ sài*”.

Kết quả phân tích thực trạng bồi dưỡng NLTC HĐTN qua PVS cũng đã chỉ ra nhiều nguyên nhân của những hạn chế này. Theo đó, HĐTN là hoạt động mới, do đó chưa có nhiều chương trình, hoạt động BD về HĐTN và cho từng NLTC HĐTN cho GVTH. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính và đội ngũ giáo viên cốt cán hỗ trợ thực hiện hoạt động BD của các trường TH không đồng đều. Khối lượng công việc của GVTH nhiều, giáo viên không có thời gian tham gia tự BD. Nếu những hạn chế này không được khắc phục thì hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN khó đạt được kết quả như mong muốn.

Từ đánh giá trên có thể khẳng định hoạt động BD cho GVTH NLTC HĐTN cần phải tiếp tục cải tiến theo hướng cần có nhiều hoạt động, chương trình BD cụ thể về NLTC HĐTN cho GVTH; chú trọng thực hiện đầy đủ các mục tiêu, đa dạng hóa nội dung gắn liền với các NL thuộc khung NLTC HĐTN; sử dụng phối hợp nhiều hình thức, phương pháp BD và kiểm tra đánh giá kết quả BD; chú trọng BD những NL cụ thể trong khung NLTC HĐTN mà GVTH chưa đạt được tốt và có mong muốn được bồi dưỡng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 của luận án đã tập trung khảo sát, phân tích và đánh giá khách quan thực trạng tổ chức HĐTN, thực trạng NLTC HĐTN của GVTH và thực trạng hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH trên địa bàn TP.HCM. Từ kết quả nghiên cứu thực tiễn có thể rút ra những kết luận sau:

- Hoạt động trải nghiệm theo chương trình GDPT HĐTN ở bậc TH đã được triển khai thực hiện. GVTH đã triển khai, tổ chức HĐTN cho học sinh và đạt được những kết quả bước đầu. Tuy nhiên, GVTH còn chưa có nhận thức tốt về mục tiêu của HĐTN ở tiểu học; việc thực hiện nội dung của HĐTN chưa đồng đều; nhiều hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN chưa được vận dụng thường xuyên; GVTH chưa phối hợp với lãnh đạo nhà trường tiểu học và lãnh đạo địa phương trong quá trình TCHĐTN cho học sinh.

- Qua PVS thì quá trình tổ chức HĐTN của GVTH còn nhiều bất cập một phần do HĐTN là hoạt động mới; GVTH chưa có kinh nghiệm tổ chức HĐTN; Dịch Covid-19 kéo dài cũng tác động không tốt đến quá trình triển khai thực hiện nhiều nội dung, hình thức HĐTN. Ngoài ra, sĩ số lớp học đông; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn ngân sách cho HĐTN còn hạn chế; hoạt động phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN chưa hiệu quả cũng có tác động lớn đến quá trình TCHĐTN của giáo viên.

- GVTH đã có NLTC HĐTN ở mức khá, đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu tổ chức HĐTN cho HS theo chương trình GDPT HĐTN ở bậc tiểu học. Tuy nhiên, mức độ đạt được NLTC HĐTN của GVTH chưa đồng đều. Ba NLTC GVTH đã đạt được khá là NL sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN; NL xây dựng kế hoạch TCHĐTN và NL đánh giá kết quả HĐTN. Trong khi đó, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN và NL chuyên môn về HĐTN là ba năng lực mà ĐTB tự đánh giá của giáo viên chưa nổi trội.

- Kết quả PVS trên GVTH và CBQL cho thấy giáo viên có nhu cầu và cần được BD để củng cố và phát triển các năng lực: NLTC thực hiện HĐTN; NL chuyên môn về HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN. Có sự chênh lệch trong

mức độ đạt được NLTC HĐTĐ của GVTH theo giới tính, thâm niên giảng dạy và độ tuổi.

- Hoạt động bồi dưỡng về NLTC HĐTĐ cho GVTH đã được thực hiện qua các chương trình BD thường xuyên của ngành GD&ĐT, bồi dưỡng thay SGK HĐTĐ, BD của nhà trường tiểu học. Hoạt động BD đã hướng đến mục tiêu củng cố, phát triển NLTC HĐTĐ, phần nào đáp ứng nhu cầu của GVTH tuy nhiên kết quả nghiên cứu cũng cho thấy hoạt động BD chưa giúp GVTH đạt kết quả cao ở những yếu tố thuộc về NL chuyên môn về HĐTĐ, NLTC thực hiện hoạt động trải nghiệm.

- Hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTĐ cho GVTH cũng còn nhiều hạn chế phải khắc phục như chưa có hoạt động, chương trình BD cụ thể cho từng NLTC HĐTĐ cho GVTH; tỷ lệ GVTH tham gia BD không cao; những hoạt động bồi dưỡng trực tiếp, tập trung cho GVTH chưa được thực hiện thường xuyên và GVTH chưa chủ động thực hiện tự bồi dưỡng về NLTC hoạt động trải nghiệm.

Để phát huy được vai trò, giúp GVTH triển khai thực hiện HĐTĐ được hiệu quả thì cần tiếp tục cải tiến và đẩy mạnh hoạt động bồi dưỡng về NLTC HĐTĐ. Cần tác động đồng bộ đến tất cả các yếu tố của hoạt động bồi dưỡng; nghiên cứu đề xuất chủ đề bồi dưỡng cụ thể cho từng NLTC HĐTĐ; tập trung bồi dưỡng những năng lực GVTH còn chưa thể hiện tốt và có mong muốn được bồi dưỡng gồm NL chuyên môn về HĐTĐ, NLTC thực hiện HĐTĐ và NL phối hợp các lực lượng GD để tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Kết quả nghiên cứu của chương 3 là cơ sở để xác định NLTC cần bồi dưỡng; xây dựng và đề xuất các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng NLTC HĐTĐ cho GVTH ở chương 4 của luận án.

Chương 4

TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

4.1. Nguyên tắc bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Bồi dưỡng NLTC HĐTĐN cho GVTH cần tuân thủ những nguyên tắc sau:

4.1.1. Đảm bảo tính khoa học

Hoạt động trải nghiệm là hoạt động GD bắt buộc ở trường TH được thiết kế với cấu trúc rất chặt chẽ và khoa học, do đó để GVTH thực hiện hiệu quả HĐTĐN đòi hỏi hoạt động bồi dưỡng NLTC cho GVTH cũng phải đảm bảo tính khoa học. Hoạt động BD phải được thực hiện theo cấu trúc chặt chẽ, xuất phát từ mục tiêu BD để xác định nội dung, hình thức, phương pháp BD và kiểm tra đánh giá kết quả bồi dưỡng.

Quá trình này phải xuất phát từ phân tích lý luận, đánh giá thực tiễn về BD NLTC HĐTĐN cho GVTH. Nếu bám sát các yêu cầu này thì hoạt động BD NLTC HĐTĐN cho GVTH sẽ đảm bảo tính khoa học, hiệu quả BD sẽ được củng cố.

4.1.2. Đảm bảo tính kế thừa

Giáo viên tiểu học tại TP.HCM về cơ bản đã có NLTC HĐTĐN ở mức khá; hoạt động BD về HĐTĐN và NLTC HĐTĐN cho GVTH cũng đã được quan tâm, thực hiện nhằm giúp GVTH TCHĐTĐN trong trường TH theo yêu cầu của CTGDPT HĐTĐN. Thực hiện nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa khi BD NLTC HĐTĐN cho GVTH nhằm phát huy kết quả đã đạt được, những ưu điểm của các hoạt động BD hiện hành về HĐTĐN và NLTC HĐTĐN, đồng thời khắc phục những hạn chế đang gặp phải nhằm BD cho GVTH về NLTC HĐTĐN tốt hơn và hiệu quả hơn.

4.1.3. Đảm bảo tính thực tiễn

Hoạt động BD cho GVTH về HĐTĐN và NLTC HĐTĐN hiện nay chưa thật sự hiệu quả một phần xuất phát từ việc không đảm bảo tính thực tiễn. Các hoạt động, chương trình BD cho GVTH thường mang tính khái quát cao, chưa quan tâm nhiều đến thực

tiền của nhà trường TH và nhu cầu cụ thể của GVTH. Hoạt động BD cho GVTH mang tính thực tiễn nghĩa là tất cả các thành tố của hoạt động BD phải phù hợp với thực tiễn TCHĐTN của trường TH, thực trạng NLTC HĐTN của GVTH và nhu cầu BD của giáo viên tiểu học.

4.1.4. Đảm bảo tính hệ thống và toàn diện

Hoạt động BD NLTC HĐTN cho GVTH là một hệ thống bao gồm nhiều thành tố gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp BD, hình thức BD, đánh giá kết quả hoạt động BD... Do đó, hoạt động BD NLTC HĐTN phải đảm bảo nguyên tắc hệ thống và toàn diện, có nghĩa là phải quan tâm đến tất cả các yếu tố để hoạt động BD được hiệu quả.

Bên cạnh đó, khung NLTC HĐTN của GVTH gồm nhiều NL và chỉ báo NL, do đó muốn phát triển được NLTC HĐTN cho GVTH thì phải phát triển có hệ thống và toàn diện tất cả các NL và chỉ báo NL.

4.1.5. Đảm bảo tính hiệu quả

Mục tiêu quan trọng nhất của hoạt động BD là góp phần củng cố và phát triển được NLTC HĐTN cho GVTH do đó quá trình tổ chức hoạt động BD phải đảm bảo tính hiệu quả, thiết thực, hướng đến mục tiêu đề ra. Để thực hiện, đảm bảo được nguyên tắc tính hiệu quả thì phải dựa vào mục tiêu BD để lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp BD để thực hiện hoạt động BD hiệu quả và tiết kiệm nhất.

Tất cả những nguyên tắc trên có liên hệ mật thiết với nhau, do đó quá trình thực hiện hoạt động BD NLTC HĐTN cho GVTH phải quan tâm đến tất cả các nguyên tắc, có như vậy hoạt động BD mới phát huy được hiệu quả, góp phần củng cố, phát triển được NLTC HĐTN cho GVTH, giúp GVTH thực hiện HĐTN trong CTGDPT HĐTN hiệu quả.

4.2. Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cần bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học

Kết quả nghiên cứu lý luận về bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH ở chương 2 của luận án đã khẳng định NLTC HĐTN là năng lực cần thiết của GVTH để tổ chức HĐTN theo CTGDPT đang triển khai thực hiện ở Việt Nam.

Quá trình tổ chức HĐTN ở trường TH cần có sự tham gia, phối hợp của nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, trong đó GVTH là lực lượng nòng cốt, đóng vai trò quyết định chất lượng thực hiện HĐTN ở TH vì vậy cần củng cố, phát triển NLTC HĐTN cho GVTH. Căn cứ yêu cầu tổ chức HĐTN theo chương trình GDPT HĐTN ở tiểu học; căn cứ quy định của pháp luật về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở GDPT; căn cứ nhiệm vụ của GVTH và chuẩn nghề nghiệp cần đáp ứng của GVTH luận án đã xây dựng được khung NLTC HĐTN cho GVTH gồm 6 năng lực: NL chuyên môn về HĐTN; NL XDKH TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NL đánh giá kết quả tổ chức HĐTN; NL sử dụng các nguồn lực, phương tiện, thiết bị để tổ chức HĐTN.

Theo kết quả khảo sát thực tiễn về tổ chức HĐTN của GVTH tại TP.HCM thì GVTH đã cơ bản thực hiện được HĐTN theo yêu cầu triển khai chương trình GDPT HĐTN cho học sinh tiểu học. Tuy nhiên, kết quả khảo sát thực tiễn tổ chức HĐTN cũng cho thấy GVTH chưa thật sự am hiểu sâu về HĐTN; chưa thể triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ, đầy đủ các mục tiêu, nội dung của HĐTN; chưa thực hiện đa dạng hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN và chưa phối hợp hiệu quả với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường để tổ chức hoạt động trải nghiệm. Kết quả tổ chức HĐTN chưa thật sự hiệu quả có nhiều nguyên nhân, và một trong những nguyên nhân chính yếu là GVTH chưa có nhiều kinh nghiệm và NLTC HĐTN tốt vì HĐTN là hoạt động mới.

Hoạt động BD về HĐTN và NLTC HĐTN cho GVTH đã được triển khai thực hiện. Những chương trình, hoạt động BD hiện hành như chương trình BD thường xuyên của ngành GD&ĐT; chương trình ETEP; chương trình BD thay SGK HĐTN ở TH đã có một số mô đun, nội dung có liên quan đến NLTC HĐTN tuy nhiên nội dung BD chưa bao hàm được hết những NLTC HĐTN của GVTH. Thực tiễn hoạt động BD cho GVTH về HĐTN và NLTC HĐTN vẫn còn nhiều vấn đề phải khắc phục như số lượng GVTH tham gia BD còn thấp; nội dung BD mang tính khái quát chung, hướng đến phổ biến thông tin là chủ yếu; hình thức BD còn khá đơn điệu. Kết quả hoạt động

BD về HĐTN và NLTC HĐTN cho GVTH chỉ ở mức tạm chấp nhận được, chưa củng cố và phát triển hiệu quả các NLTC HĐTN của giáo viên tiểu học.

Giáo viên tiểu học tại TP.HCM cũng đã có được NLTC HĐTN ở mức khá cơ bản tuy nhiên chưa có sự đồng đều giữa các năng lực. Trong 6 năng lực thuộc khung NLTC HĐTN thì có 3 năng lực GVTH đạt được khá tốt, với ĐTB xếp hạng khá cao là: NL sử dụng các nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TC HĐTN (ĐTB = 4.11, xếp hạng:1); Năng lực XDKH tổ chức HĐTN (ĐTB = 4.10, xếp hạng: 2); NL đánh giá kết quả HĐTN (ĐTB = 4.10, xếp hạng: 3). Kết quả tự đánh giá của GVTH cũng cho thấy còn 3 NLTC HĐTN mà GVTH chưa thật sự vượt trội, cần tiếp tục phải củng cố và phát triển là NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN (ĐTB = 4.04, xếp hạng: 4); NLTC thực hiện HĐTN (ĐTB = 4.03, xếp hạng: 5) và NL chuyên môn về HĐTN (ĐTB = 3.98, xếp hạng: 6). Kết quả phỏng vấn sâu GVTH và cán bộ quản lý trường TH cũng cho thấy GVTH có mong muốn và cần được BD về NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD để tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Từ khung NLTC HĐTN cho GVTH được luận án đề xuất, đối chiếu với thực trạng TCHĐTN của GVTH; mức độ đạt được ở từng NLTC HĐTN của GVTH; kết quả hoạt động BD hiện hành về HĐTN và NLTC HĐTN; nhu cầu, mong muốn của GVTH về các NLTC HĐTN cần được bồi dưỡng tác giả luận án cho rằng trong giai đoạn hiện nay cần tiếp tục đẩy mạnh bồi dưỡng cho GVTH ba NLTC HĐTN sau:

- Năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm;
- Năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm;
- Năng lực tổ chức, thực hiện hoạt động trải nghiệm.

4.3. Chủ đề bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Để đạt được mục tiêu BD, nhằm phát triển được NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho GVTH, luận án đã được xây dựng và đề xuất ba chủ đề bồi dưỡng cho từng NLTC HĐTN như sau:

Bảng 4.1: Chủ đề bồi dưỡng NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học

TT	Năng lực tổ chức HĐTN	Chủ đề bồi dưỡng
1	Năng lực chuyên môn về HĐTN	HĐTN cho giáo viên tiểu học
2	Năng lực tổ chức thực hiện HĐTN	Tổ chức thực hiện HĐTN ở tiểu học
3	Năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để TCHĐTN	Phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức HĐTN ở tiểu học

4.3.1. Chủ đề 1: Hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Năng lực chuyên môn của GVTH là yếu tố quan trọng để đảm bảo chất lượng TCHĐTN ở trường TH theo CTGDPT HĐTN. NL chuyên môn về HĐTN là một bộ phận của khung NLTC HĐTN của GVTH. Vì vậy, muốn phát triển NLTC HĐTN thì phải phát triển NL chuyên môn cho GVTH. Bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN cho GVTH bằng chủ đề 1 “*Hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học*” được cụ thể hóa như sau:

4.3.1.1. Mục tiêu bồi dưỡng

Chủ đề 1: Hoạt động trải nghiệm cho GVTH hướng đến phát triển năng lực chuyên môn về HĐTN cho giáo viên tiểu học. Sau khi tham gia bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, GVTH có khả năng:

MT1: Mô tả được đặc điểm của CT HĐTN;

MT2: Giải thích được MT của HĐTN ở bậc TH;

MT3: Phân tích được yêu cầu đạt về phẩm chất, NL của HS TH theo từng hoạt động và mạch nội dung HĐTN;

MT4: Giải thích được mạch nội dung của HĐTN cho HS TH;

MT5: Xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTN ở TH;

MT6: Nhận biết được các yêu cầu cần thiết để triển khai thực hiện CT HĐTN.

4.3.1.2. Thiết bị, dụng cụ phục vụ bồi dưỡng

Để BD NL chuyên môn về HĐTN cho GVTH cần các loại thiết bị, dụng cụ sau:

Bảng 4.2: Thiết bị, dụng cụ để BD NL chuyên môn về HĐTN cho GVTH

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính (laptop)	Cái	2
2	Máy chiếu	Cái	1
3	Bảng đen	Cái	1
4	Micro không dây	Cái	3

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng
5	Giấy A0	Tờ	10
6	Bút lông	Cây	10
7	Phấn viết bảng	Hộp	2

4.3.1.3. Nội dung bồi dưỡng

Năng lực chuyên môn về HĐTN là khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cụ thể về HĐTN của GVTH. Cụ thể, GVTH cần thể hiện sự am hiểu về HĐTN theo CTGDPT HĐTN và SGK HĐTN. NL chuyên môn về HĐTN của GVTH được BD với nội dung cụ thể như sau:

Nội dung 1: Giới thiệu chung về CTGDPT HĐTN và HĐTN, hướng nghiệp

1. Khái niệm, đặc điểm HĐTN và HĐTN, hướng nghiệp

HĐTN là hoạt động GD do GV, nhà trường và các lực lượng phối hợp TC để HS có thể trải nghiệm đời sống nhà trường và thực tiễn xã hội nhằm củng cố, lĩnh hội và phát triển các kiến thức, NL, phẩm chất cần thiết cho hoạt động học tập và cuộc sống.

Nội dung HĐTN và HĐTN, hướng nghiệp được phân chia theo hai giai đoạn

– Giai đoạn GD cơ bản: Ở cấp TH: hoạt động khám phá bản thân, rèn luyện bản thân, phát triển quan hệ với bạn bè, thầy cô và người thân trong gia đình. Ở cấp trung học cơ sở, tập trung hơn vào các hoạt động xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp.

– Giai đoạn GD định hướng nghề nghiệp: tập trung hơn vào hoạt động GD hướng nghiệp nhằm phát triển NL định hướng nghề nghiệp (Bộ GD&ĐT, 2018).

2. Mục tiêu của CTGDPT HĐTN

Hình thành, phát triển ở HS NL thích ứng với cuộc sống, NL thiết kế và tổ chức hoạt động, NL định hướng nghề nghiệp

3. Nội dung HĐTN, HĐTN hướng nghiệp

HĐTN và HĐTN hướng nghiệp được thiết kế theo mạch nội dung:

- Hoạt động hướng vào bản thân: khám phá bản thân và rèn luyện bản thân,
- Hoạt động hướng đến xã hội: chăm sóc gia đình, xây dựng nhà trường, xây dựng cộng đồng,

- Hoạt động hướng đến tự nhiên: tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, tìm hiểu và bảo vệ môi trường,

Hoạt động hướng nghiệp: tìm hiểu nghề nghiệp, rèn luyện phẩm chất, NL phù hợp với định hướng nghề nghiệp (Bộ GD&ĐT, 2018).

4. Phương thức tổ chức và các loại hình HĐTN

Phương thức TC: Khám phá, thể nghiệm tương tác, công hiến, nghiên cứu.

Loại hình hoạt động: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động GD theo chủ đề, hoạt động câu lạc bộ.

5. Lực lượng tham gia tổ chức HĐTN

GV chủ nhiệm lớp, GV môn học, cán bộ quản lí nhà trường, cha mẹ HS...

Nội dung 2: Mục tiêu, yêu cầu đạt về phẩm chất, NL của HS TH thi tham gia HĐTN ở TH

1. Mục tiêu HĐTN ở TH

Hình thành cho HS thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động; Thực hiện trách nhiệm của người HS ở nhà, ở trường và địa phương; Biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; Hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; Có ý thức hợp tác nhóm và hình thành được NL giải quyết vấn đề (Bộ GD&ĐT, 2018, tr. 5).

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL của HS TH khi tham gia HĐTN

Yêu cầu về phẩm chất: góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Yêu cầu về NL: góp phần hình thành và phát triển ở HS các NL: thích ứng với cuộc sống, thiết kế và TC hoạt động và định hướng nghề nghiệp.

Mức độ cần đạt cụ thể của các NL này được thể hiện như sau:

Bảng 4.3: Năng lực cần đạt của học sinh TH khi tham gia hoạt động trải nghiệm

Các năng lực		Mức độ cần đạt
<i>1. Năng lực thích ứng với cuộc sống</i>	1.1. Hiểu biết về bản thân và môi trường sống	- Nhận biết được sự thay đổi của cơ thể, cảm xúc, suy nghĩ của bản thân. - Hình thành được một số thói quen, nếp sống sinh hoạt và kĩ năng tự phục vụ.

Các năng lực		Mức độ cần đạt
		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được nhu cầu phù hợp và nhu cầu không phù hợp. - Phát hiện được vấn đề và tự tin trao đổi những suy nghĩ của mình. - Chỉ ra được sự khác biệt giữa các cá nhân về thái độ, năng lực, sở thích và hành động. - Nhận diện được một số nguy hiểm từ môi trường sống đối với bản thân.
	1.2. Kỹ năng điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề. - Làm chủ được cảm xúc, thái độ và hành vi của mình và thể hiện sự tự tin trước đồng người. - Tự lực trong việc thực hiện một số việc phù hợp với lứa tuổi. - Biết cách thỏa mãn nhu cầu phù hợp và kiềm chế nhu cầu không phù hợp. - Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau. - Biết cách xử lý trong một số tình huống nguy hiểm.
2. Năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động	2.1. Kỹ năng lập kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục tiêu cho các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm. - Tham gia xác định được nội dung và cách thức thực hiện hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Dự kiến được thời gian thực hiện nhiệm vụ.
	2.2. Kỹ năng thực hiện kế hoạch và điều chỉnh hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân. - Biết tìm sự hỗ trợ khi cần thiết - Tham gia tích cực vào hoạt động nhóm. - Thể hiện được sự chia sẻ và hỗ trợ bạn trong hoạt động. - Biết cách giải quyết mâu thuẫn nảy sinh trong hoạt động
	2.3. Kỹ năng đánh giá hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của hoạt động đối với bản thân và tập thể. - Chỉ ra được sự tiến bộ của bản thân sau hoạt động.

Các năng lực		Mức độ cần đạt
		– Chỉ ra được những điểm cần rút kinh nghiệm trong tổ chức hoạt động và sự tích cực hoạt động của cá nhân, nhóm.
3. Năng lực định hướng nghề nghiệp	3.1. Hiểu biết về nghề nghiệp	– Nêu được nét đặc trưng và ý nghĩa của một số công việc, nghề nghiệp của người thân và nghề ở địa phương. – Chỉ ra được một số phẩm chất và năng lực cần có để làm một số nghề quen thuộc. – Mô tả được một số công cụ của nghề và cách sử dụng an toàn.
	3.2. Hiểu biết và rèn luyện phẩm chất, năng lực liên quan đến nghề nghiệp	– Thể hiện được sự quan tâm và sở thích đối với một số nghề quen thuộc với bản thân. – Hình thành được trách nhiệm trong công việc và sự tuân thủ các quy định. – Thực hiện và hoàn thành được các nhiệm vụ. – Biết sử dụng một số công cụ lao động trong gia đình một cách an toàn.

(Bộ GD&ĐT, 2018, tr. 6).

Nội dung 3: Nội dung HĐTN ở bậc TH

Nội dung HĐTN xoay quanh các mối quan hệ giữa cá nhân HS với bản thân; giữa HS với người khác, cộng đồng và xã hội; giữa HS với môi trường; giữa HS với nghề nghiệp. Nội dung này được triển khai qua 4 nhóm hoạt động chính: phát triển cá nhân, lao động, hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng và hướng nghiệp (Bộ GD&ĐT, 2018).

Nội dung 4: Phương thức TC, các loại hình hoạt động và phương pháp TC HĐTN ở tiểu học

- Phương thức TC: Khám phá, thử nghiệm, tương tác và công hiến.
- Loại hình hoạt động: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động GD theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ.
- Phương pháp TC: trò chơi, sắm vai, tiểu phẩm, diễn đàn, sân khấu tương tác, hội thi/ cuộc thi, hoạt động giao lưu, hoạt động chiến dịch, hoạt động nhân đạo, tham quan, dã ngoại, lao động công ích (Bộ GD&ĐT, 2018).

Nội dung 5: Chương trình HĐTN theo SGK HĐTN lớp 1, 2, 3

(Bộ Chân trời sáng tạo)

- Sách giáo khoa “*Hoạt động trải nghiệm lớp 1*”

SGK HĐTN (bộ Chân trời sáng tạo) được thiết kế với 8 chủ đề xuyên suốt, tương ứng với từng loại hình hoạt động đặc thù: Em và những người bạn; Một ngày của em; Mái trường thân yêu; Em tự chăm sóc và phục vụ bản thân; Gia đình thân yêu; Cảm xúc của em; Em và những người xung quanh; Quê hương của em (Vũ Quang Tuyên (chủ biên), 2020).

- Sách giáo khoa “*Hoạt động trải nghiệm lớp 2*”

SGK HĐTN lớp 2 (bộ Chân trời sáng tạo) được thiết kế với 9 chủ đề xuyên suốt tương ứng với từng loại hình hoạt động đặc thù: Em và mái trường mến yêu; Vì một cuộc sống an toàn; Kính yêu thầy cô, thân thiện với bạn bè; Truyền thống quê em; Chào năm mới; Chăm sóc và phục vụ bản thân; Yêu thương gia đình, quý trọng phụ nữ; Môi trường xanh cuộc sống xanh; Những người sống quanh em (Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (tổng chủ biên), 2021).

- Sách giáo khoa “*Hoạt động trải nghiệm lớp 3*”

SGK HĐTN lớp 3 (bộ Chân trời sáng tạo) được thiết kế với 9 chủ đề xuyên suốt tương ứng với từng loại hình hoạt động đặc thù: Em và trường TH thân yêu; An toàn trong cuộc sống; Kính yêu thầy cô, thân thiện với bạn bè; Tự hào truyền thống quê em; Năm mới và việc tiêu dùng thông minh; Chăm sóc và phát triển bản thân; Yêu thương gia đình, quý trọng phụ nữ; Cuộc sống xanh; Những người sống quanh em và nghề em yêu thích (Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (tổng chủ biên), 2022).

- Một số lưu ý khi triển khai thực hiện CTHĐTN và SGK HĐTN ở tiểu học.

4.3.1.4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

- Thực hiện BD NL chuyên môn về HĐTN cho GVTH bằng hình thức BD trực tiếp, tập trung do trường TH cho toàn thể GVTH của nhà trường.

- Những phương pháp sau được sử dụng để tổ chức BD NL chuyên môn về HĐTN cho GVTH: thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

4.3.1.5. Thời lượng bồi dưỡng: 20 tiết, 1 tiết/50 phút

4.3.1.6. Kế hoạch bồi dưỡng

Bảng 4.4: Kế hoạch bồi dưỡng năng lực chuyên môn về HĐT

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số tiết	Hoạt động BD	
			Hoạt động của người dạy	Hoạt động của người học
1	<i>Giới thiệu khái quát về tổ chức bồi dưỡng</i>	1	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát mục tiêu, nội dung chủ đề, thời lượng, cách thức tiến hành, đưa ra yêu cầu đối với giáo viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe hướng dẫn của GV - Đặt câu hỏi/đề xuất ý kiến (nếu có) - Thống nhất cách thức tham gia BD với giáo viên
2	<p><i>Nội dung 1: Giới thiệu chung về CTGDPT HĐT và HĐT, hướng nghiệp</i></p> <p>1. Khái niệm, đặc điểm HĐT, HĐT, hướng nghiệp.</p> <p>2. Mục tiêu của CTGDPT hoạt động trải nghiệm.</p> <p>3. Nội dung HĐT, HĐT hướng nghiệp</p> <p>4. Phương thức TC và các loại hình hoạt động trải nghiệm.</p> <p>5. Lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm.</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> -GV thuyết trình giới thiệu nội dung khái quát về CTGDPT HĐT và HĐT hướng nghiệp - Chia GVTH thành các nhóm nhỏ, làm việc nhóm tìm hiểu về các chủ đề: đặc điểm của HĐT, HĐT, hướng nghiệp; Mục tiêu của CTGDPT HĐT; - TC cho người học trình bày kết quả làm việc nhóm - Giải đáp thắc mắc - Tổng kết các vấn đề cần lưu ý cho người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe giới thiệu về nội dung khái quát về CTGDPT HĐT và HĐT hướng nghiệp - Thành lập nhóm theo yêu cầu - Phối hợp làm việc nhóm theo chủ đề được giao - Trình bày kết quả làm việc nhóm -Thảo luận về nội dung trình bày của các nhóm và đặt câu hỏi cho GV (nếu có)
3	<i>Nội dung 2: Mục tiêu, yêu cầu đạt về phẩm chất, NL của HS TH thi tham gia HĐT ở tiểu học</i>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho người học tự nghiên cứu về mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự nghiên cứu nội dung theo yêu cầu của GV - Trình bày kết quả tìm hiểu về mục tiêu,

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số tiết	Hoạt động BD	
			Hoạt động của người dạy	Hoạt động của người học
			chất, NL của HS TH khi tham gia HĐTN - TC cho người học báo cáo về kết quả tự tìm hiểu về chủ đề đã giao	yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL của HS TH khi tham gia HĐTN - Trao đổi với GV nếu có câu hỏi
4	<i>Nội dung 3: Nội dung HĐTN ở bậc tiểu học</i>	2	- Giới thiệu khái quát về mạch nội dung HĐTN ở tiểu học - TC cho người học làm việc nhóm về chủ đề “ <i>Tìm hiểu mạch nội dung HĐTN ở TH</i> ” - TC cho người học trình bày kết quả làm việc nhóm	- Lắng nghe giới thiệu khái quát về mạch nội dung HĐTN ở tiểu học - Làm việc nhóm - Thuyết trình kết quả làm việc nhóm “ <i>Tìm hiểu mạch nội dung HĐTN ở TH</i> ”
5	<i>Nội dung 4: Phương thức TC, các loại hình hoạt động và PP TCHĐTN ở tiểu học</i>	3	- TC cho người học làm việc theo nhóm về các chủ đề: ✓ Phương thức TCHĐTN ở TH ✓ Loại hình HĐTN ở TH ✓ Phương pháp TCHĐTN ở tiểu học - TC cho người học trình bày kết quả làm việc nhóm - Vấn đáp, giải đáp thắc mắc và tổng kết các vấn đề cần lưu ý cho người học	- Làm việc nhóm theo phân công của GV - Thuyết trình kết quả làm việc nhóm - Trao đổi về nội dung trình bày của các nhóm và đặt câu hỏi cho GV (nếu có) - GVTH tự học, tự nghiên cứu thêm theo gợi ý (nếu có)

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số tiết	Hoạt động BD	
			Hoạt động của người dạy	Hoạt động của người học
5	<p>Nội dung 5: chương trình HĐTN lớp 1, 2, 3 theo SGK HĐTN (bộ Chân trời sáng tạo)</p> <p>1. SGK HĐTN lớp 1. 2. SGK HĐTN lớp 2. 3. SGK HĐTN lớp 3. 4. Một số lưu ý khi triển khai thực hiện CTHĐTN và SGK HĐTN ở tiểu học.</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia thuyết trình giới thiệu khái quát về SGK HĐTN lớp 1, 2, 3 (Bộ Chân trời sáng tạo) - Đặt ra vấn đề cho GVTH tham gia chia sẻ ý kiến “<i>Thuận lợi và khó khăn của GV khi thực hiện SGK HĐTN trong thực tiễn</i>” - TC làm việc nhóm cho GVTH “<i>Lựa chọn 1 nội dung trong SGK HĐTN để thiết kế kế hoạch TCHĐTN cho HS</i>” - TC, điều khiển GVTH thuyết trình kết quả - Lắng nghe ý kiến của nhóm và cá nhân. - Trao đổi, tổng kết 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu các chia sẻ của chuyên gia về SGK HĐTN - Tham gia chia sẻ ý kiến với chuyên gia và đồng nghiệp về thực hiện SGK HĐTN - Tham gia làm việc nhóm và chia sẻ kết quả làm việc nhóm - Trao đổi với chuyên gia nếu có thắc mắc

4.3.1.7. Kiểm tra đánh giá

Kết quả bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN của GVTH được đánh giá như sau:

Tên bài tập đánh giá: Bài thu hoạch của GVTH về kết quả BD NL chuyên môn về HĐTN

Hình thức đánh giá: GVTH làm bài thu hoạch (tự luận) tại nhà

Số câu hỏi: 6 câu

Câu 1: Phân tích những đặc điểm cơ bản của CT HĐTN trong CTGDPT 2018?

Câu 2: Giải thích rõ mục tiêu của HĐTN ở tiểu học?

Câu 3: Phân tích các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và NL của HS khi tham gia HĐNT ở bậc tiểu học ?

Câu 4: Phân tích những mạch nội dung và loại hình nào HĐTN ở tiểu học?

Câu 5: Để TCHĐTN ở TH hiệu quả, cần vận dụng những hình thức nào? Vì sao?

Câu 6: Để triển khai thực hiện CTHĐTN và SGK HĐTN ở TH hiệu quả, theo thầy/ cô cần lưu ý gì? Vì sao?

Mối liên hệ giữa mục tiêu với câu hỏi đánh giá:

Câu hỏi đánh giá	Mục tiêu
Phân tích những đặc điểm cơ bản của CT HĐTN trong CTGDPT 2018?	MT1: Mô tả được đặc điểm của chương trình hoạt động trải nghiệm
Giải thích rõ mục tiêu của HĐTN ở tiểu học?	MT2: Giải thích được mục tiêu của HĐTN ở bậc tiểu học
Phân tích các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và NL của học sinh khi tham gia HĐTN ở bậc tiểu học ?	MT3: Phân tích được yêu cầu đạt về phẩm chất, NL của HS tiểu học theo từng hoạt động và mạch nội dung hoạt động trải nghiệm.
Phân tích những mạch nội dung và loại hình nào HĐTN ở tiểu học?	MT4: Giải thích được mạch nội dung của HĐTN cho học sinh tiểu học
Để TCHĐTN ở TH hiệu quả, cần vận dụng những hình thức nào? Vì sao?	MT5: Xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTN ở tiểu học
Để triển khai thực hiện CTHĐTN và SGK HĐTN ở TH hiệu quả, theo thầy/ cô cần lưu ý gì? Vì sao?	MT6: Nhận biết được các yêu cầu cần thiết để triển khai thực hiện CT HĐTN ở tiểu học

4.3.2. Chủ đề 2: Tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

NLTC thực hiện HĐTN thể hiện khả năng TCHĐTN trong thực tiễn của GVTH. Bồi dưỡng NLTC thực hiện HĐTN cho GVTH được thực hiện qua chủ đề 2 “Tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm ở tiểu học” như sau:

4.3.2.1. Mục tiêu bồi dưỡng

Chủ đề 2: Tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm ở tiểu học hướng đến phát triển NLTC thực hiện HĐTN cho giáo viên tiểu học. Sau khi tham gia bồi dưỡng, GVTH có khả năng:

MT1: Xây dựng được kế hoạch, quy trình cụ thể để TCHĐTN cho HS

MT2: Thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch đã xây dựng

MT3: Sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp TCHĐTN

MT4: TC, điều khiển và hướng dẫn được HS và các lực lượng GD thực hiện HĐTN theo kế hoạch

MT5: Sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để TCHĐTN

MT6: Đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của HS

4.3.2.2. Thiết bị, dụng cụ bồi dưỡng

Bồi dưỡng NLTC thực hiện HĐTN của GVTH cần có các thiết bị, dụng cụ sau:

Bảng 4.5: Thiết bị, dụng cụ để BD NLTC thực hiện HĐTN

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính (laptop)	Cái	2
2	Máy chiếu	Cái	1
3	Bảng đen	Cái	1
4	Bút chì, thước kẻ, hồ dán, giấy màu	Cái	3
5	Giấy A4, A3	Tờ	20
6	Bút lông	Cây	10
7	Phấn viết bảng	Hộp	2
8	Hình ảnh, tranh ảnh...	Bộ	theo yêu cầu của chủ đề

4.3.2.3. Nội dung bồi dưỡng

Bồi dưỡng cho GVTH NLTC thực hiện HĐTN với nội dung chi tiết như sau:

Nội dung 1: Hệ thống hóa các thành tố để TCHĐTN cho HS theo CTGDPT 2018

1. Xây dựng kế hoạch TCHĐTN cho HS

Quy trình XDKH TCHĐTN cho HS theo CTGDPT 2018 bao gồm các bước sau:

Bước 1: Xác định chủ đề và mục tiêu

- Chủ đề được xác định phải chính xác, rõ ràng; thể hiện mục tiêu và nội dung.
- Mục tiêu phải nêu rõ được những yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL của HS.

Bước 2: Xác định hình thức tổ chức

- Hình thức TC thường sử dụng trong sinh hoạt dưới cờ: sân khấu tương tác, hoạt động giao lưu, hội thi.

- Hình thức thường được sử dụng trong giờ sinh hoạt lớp: TC các diễn đàn, trò chơi, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, lao động công ích.

- Hình thức thường sử dụng trong HĐTN theo chủ đề: hoạt động mang tính khám phá; hoạt động chiêm nghiệm, kết nối kinh nghiệm; hoạt động rèn luyện KN; hoạt động vận dụng/mở rộng (Phó Đức Hòa (chủ biên), 2020).

Bước 3: Xác định thời gian thực hiện

Thời lượng cho mỗi chủ đề được xác định dựa vào:

- Nội dung GD cho mỗi chủ đề và phân phối thời gian thực hiện giữa các chủ đề HĐTN.

- Số lượng các yêu cầu cần đạt và mức độ cần đạt trong mỗi yêu cầu

Bước 4: Thiết kế chi tiết hoạt động trong kế hoạch

- Đặt tên cho hoạt động

- Xác định mục tiêu của hoạt động: mô tả chi tiết mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, NL của HS.

- Xác định cách thức tổ chức hoạt động: cần liệt kê đầy đủ các nội dung HĐTN phải thực hiện, từ đó lựa chọn hình thức TC hoạt động phù hợp.

- Chuẩn bị cho hoạt động: GV cần nắm vững các nội dung và hình thức HĐTN sẽ thực hiện; dự kiến những phương tiện, điều kiện cần thiết; dự kiến phân công nhiệm vụ cho các tổ, nhóm hay cá nhân GV; dự kiến thời gian, địa điểm; dự kiến những hoạt động của GV và HS (Phó Đức Hòa (chủ biên), 2020).

Bước 5. Đánh giá và hoàn thiện kế hoạch

- Rà soát, kiểm tra lại nội dung và trình tự của các hoạt động, thời gian thực hiện cho từng hoạt động xem xét tính hợp lí, khả năng thực hiện, đối tượng phối hợp và kết quả cần đạt được.

- Hoàn thiện kế hoạch TCHĐTN Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề (Phó Đức Hòa (chủ biên), 2020).

Mẫu kế hoạch gợi ý TCHĐTN cho học sinh

Mẫu 1

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM QUA SINH HOẠT DƯỚI CỜ

I. Mục tiêu

- Về kiến thức
- Về phẩm chất
- Về năng lực

II. Đồ dùng dạy học

- Chuẩn bị của GV
- Chuẩn bị của HS

III. Tiến trình hoạt động

Thời gian	Các hoạt động	Người thực hiện	Người phối hợp	Ghi chú
-	-	-	-	-

Mẫu 2

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THEO CHỦ ĐỀ

I. Mục tiêu

- Về kiến thức
- Về phẩm chất
- Về năng lực

II. Đồ dùng dạy học

- Chuẩn bị của GV
- Chuẩn bị của HS

III. Tiến trình hoạt động

Thời gian	Các hoạt động học	Hoạt động của GVTH	Hoạt động của HSTH	Thiết bị, đồ dùng
-	-	-	-	-

Mẫu 3

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM QUA SINH HOẠT LỚP

I. Mục tiêu

- Về kiến thức
- Về phẩm chất
- Về năng lực

II. Đồ dùng dạy học

- Chuẩn bị của GV
- Chuẩn bị của HS

III. Tiến trình hoạt động

Thời gian	Các hoạt động học	Hoạt động của GVTH	Hoạt động của HSTH	Thiết bị, đồ dùng
-	-	-	-	-

2. Nội dung, phương thức, loại hình HĐTN ở bậc TH

✓ Nội dung HĐTN xoay quanh các mối quan hệ giữa cá nhân HS với bản thân; giữa HS với người khác, cộng đồng và xã hội; giữa HS với môi trường; giữa HS với nghề nghiệp. Nội dung này được triển khai qua 4 nhóm hoạt động chính: phát triển cá nhân, lao động, hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng và hướng nghiệp (Bộ GD&ĐT, 2018).

✓ Phương thức TCHĐTN ở TH: Khám phá, thể nghiệm, tương tác và công hiến.

✓ Loại hình HĐTN ở TH: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động GD theo chủ đề.

✓ Phương pháp TCHĐTN ở tiểu học: trò chơi, sắm vai, tiểu phẩm, diễn đàn, sân khấu tương tác, hội thi/ cuộc thi, hoạt động giao lưu, hoạt động chiến dịch, hoạt động nhân đạo, tham quan, dã ngoại (Bộ GD&ĐT, 2018).

3. Các nguồn lực, phương tiện để TCHĐTN ở tiểu học

✓ Tổ chức HĐTN ở TH cần sự tham gia, phối hợp của các lực lượng GD như: GV chủ nhiệm lớp, GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội, Ban Giám hiệu, phụ huynh HS, chính quyền địa phương, Hội Khuyến học, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ở địa phương, Hội Cựu chiến binh, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương, các nhà hoạt động xã hội, những nghệ nhân, những người lao động tiêu biểu ở địa phương...

✓ Thiết bị GD cần có để TCHĐTN ở TH như:

- Đồ dùng để trình diễn, hướng dẫn: video clip về các nội dung giáo dục;
- Đồ dùng để phục vụ hoạt động tập thể: loa đài, ampli; bộ lều trại;
- Đồ dùng để thực hành: bộ tranh ảnh về quần áo, giày dép,..theo mùa, theo giới tính, theo lứa tuổi của học sinh; bộ tranh ảnh về trang phục các dân tộc Việt Nam; bộ tranh ảnh về trang phục các dân tộc trên thế giới; bộ tranh về các nghề, làng nghề truyền thống; bộ tranh về các lễ hội...(Bộ GD&ĐT, 2018, tr. 47).

4. Đánh giá kết quả tham gia HĐTN của học sinh tiểu học

✓ *Mục đích đánh giá:* là thu thập thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt so với CT; sự tiến bộ của HS trong và sau các giai đoạn trải nghiệm.

✓ *Nội dung đánh giá:* là các biểu hiện của phẩm chất và NL đã được xác định trong chương trình HĐTN ở tiểu học.

✓ *Hình thức đánh giá:* kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của cha mẹ HS và đánh giá của cộng đồng; GV chủ nhiệm lớp chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá.

✓ *Cứ liệu đánh giá:* dựa trên thông tin thu thập được từ quan sát của GV, từ ý kiến tự đánh giá của HS, đánh giá đồng đẳng của các HS trong lớp, ý kiến nhận xét của cha mẹ HS và cộng đồng (Bộ GD&ĐT, 2018, tr. 45).

Nội dung 2: Thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

1. Quy trình TCHĐTN qua sinh hoạt dưới cờ

Tiết sinh hoạt dưới cờ gồm 2 phần: Phần 1: Nghi lễ; Phần 2: Sinh hoạt theo chủ đề

Tổ chức HĐTN qua sinh hoạt dưới cờ gồm các bước:

✓ *Công tác chuẩn bị:* xác định rõ mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của buổi sinh hoạt, lựa chọn nội dung và hình thức phù hợp.

✓ *Thực hiện chương trình:* theo đúng kế hoạch đã xây dựng

✓ *Tổng kết, rút kinh nghiệm:* đánh giá, rút kinh nghiệm về kết quả

2. Quy trình TCHĐTN qua hoạt động GD theo chủ đề

Quá trình TCHĐTN qua hoạt động GD theo chủ đề cần thực hiện các bước sau:

- ✓ *Xác định chủ đề HĐNT sẽ tổ chức cho học sinh*
- ✓ *Xác định mục tiêu:* nêu rõ yêu cầu cần đạt của HS sau khi tham gia HĐNT.
- ✓ *Chuẩn bị:* lập kế hoạch thực hiện và thiết kế chi tiết các hoạt động
- ✓ *Tổ chức hoạt động* cho học sinh theo kế hoạch đã xây dựng
- ✓ *Tổng kết,* rút kinh nghiệm và đánh giá kết quả hoạt động.

3. Quy trình TCHĐTN qua giờ sinh hoạt lớp

Quá trình TCHĐTN qua giờ sinh hoạt cần thực hiện các bước sau:

- ✓ *Xác định chủ đề sinh hoạt lớp*
- ✓ *Xác định mục tiêu:* nêu rõ yêu cầu cần đạt của HS sau khi tham gia các hoạt động trong giờ sinh hoạt lớp
- ✓ *Chuẩn bị:* lập kế hoạch và thiết kế chi tiết các hoạt động cho giờ sinh hoạt lớp
- ✓ *Tổ chức sinh hoạt lớp* cho HS theo kế hoạch đã xây dựng
- ✓ *Tổng kết, đánh giá* kết quả sinh hoạt lớp và rút kinh nghiệm cho hoạt động kế tiếp (Phó Đức Hòa (chủ biên), 2020), (Trần Kiều Dung, 2021).

4. Thực hành xây dựng kế hoạch TCHĐTN cho HS và tiến hành TCHĐTN

5. Đánh giá, tổng kết kinh nghiệm TCHĐTN cho học sinh

4.3.2.4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

- *Hình thức bồi dưỡng:* NLTC, thực hiện HĐNT của GVTH được BD bằng hình thức BD trực tiếp, tập trung; BD qua tự học của GVTH; BD qua hoạt động sinh hoạt khối chuyên môn, dự giờ, thao giảng.

- *Phương pháp bồi dưỡng:* Sử dụng những: thuyết trình, vấn đáp, quan sát, thực hành để BD NLTC, thực hiện HĐNT cho giáo viên tiểu học.

4.3.2.5. Thời lượng bồi dưỡng: 20 tiết (1 tiết/50 phút)

4.3.2.6. Kế hoạch bồi dưỡng

Bảng 4.6: Kế hoạch bồi dưỡng NLTC thực hiện hoạt động trải nghiệm

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số tiết	Hoạt động bồi dưỡng	
			Hoạt động của người dạy	Hoạt động của người học
1	<i>Giới thiệu khái quát về tổ chức bồi dưỡng</i>	1	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về MT, nội dung BD, thời lượng, cách th - ực tiến hành, yêu cầu đối với người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe hướng dẫn - Đặt câu hỏi/đề xuất ý kiến (nếu có) - Thống nhất cách thức tham gia bồi dưỡng
2	<p><i>Nội dung 1: Hệ thống hóa các thành tố để TCHĐTN cho HS theo CTGDPT HĐTN</i></p> <p>1. Xây dựng kế hoạch TCHĐTN cho học sinh.</p> <p>2. Nội dung, phương thức, loại hình HĐTN ở bậc tiểu học.</p> <p>3. Các nguồn lực, phương tiện để TCHĐTN ở tiểu học</p> <p>4. Đánh giá kết quả tham gia HĐTN của HS tiểu học.</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống, tổng hợp các thành tố cơ bản để TCHĐTN cho HS theo yêu cầu CTGDPT 2018 - Giải đáp thắc mắc cho GVTH về các thành tố để TCHĐTN cho HS theo yêu cầu CTGDPT 2018 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, tổng hợp các thành tố cơ bản để TCHĐTN cho HS theo yêu cầu CTGDPT 2018 - Trao đổi với GV (nếu có)
3	<p><i>Nội dung 2: Thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học</i></p> <p>1. Quy trình TCHĐTN qua sinh hoạt dưới cờ.</p> <p>2. Quá trình TCHĐTN qua hoạt động GD theo chủ đề.</p> <p>3. Quy trình TCHĐTN qua giờ sinh hoạt lớp.</p>	10	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn quy trình TCHĐTN cho người học theo nhóm nhỏ, đưa các yêu cầu cụ thể để GVTH thực hành TCHĐTN cho HS. - Theo dõi quá trình làm việc của GVTH để chuẩn bị XDKH và 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, ghi chép hướng dẫn của GV về quy trình TCHĐTN theo từng loại hình HĐTN - Lựa chọn loại hình/nội dung TCHĐTN để thực hành TCHĐTN cho HS

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số tiết	Hoạt động bồi dưỡng	
			Hoạt động của người dạy	Hoạt động của người học
	4. Thực hành xây dựng kế hoạch TCHĐTN cho HS và tiến hành TCHĐTN cho HS.		<p>TCHĐTN của người học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ, giải thích cho người học khi có thắc mắc trong quá trình chuẩn bị - Tham dự HĐTN do GVTH TC cho HS TH - Ghi nhận quá trình TCHĐTN của GVTH - Đánh giá, tổng kết kinh nghiệm TCHĐTN cho người học 	<ul style="list-style-type: none"> - XDKH TCHĐTN cho HS theo nội dung, loại hình HĐTN đã chọn - Phối với với đồng nghiệp thực hành TCHĐTN cho HS - Tự đánh giá kết quả thực hành TCHĐTN
4	<p><i>Nội dung 2 (tt):</i> Đánh giá, tổng kết kinh nghiệm TCHĐTN cho học sinh</p> <p>1.Đánh giá chung về quá trình chuẩn bị để TCHĐTN của GVTH.</p> <p>2. Nhận xét, đánh giá chung về TCHĐTN của GVTH.</p> <p>3. Những thuận lợi, khó khăn của GVTH khi thực hành TCHĐTN.</p> <p>4. Kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức hoạt động trải nghiệm.</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét chung về quá trình TCHĐTN GVTH - TC cho người học chia sẻ về thuận lợi, khó khăn và kinh nghiệm khi thực hành TCHĐTN - Lắng nghe, đưa ra ý kiến nhận xét và rút kinh nghiệm cho người học về TCHĐTN 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, ghi nhận ý kiến nhận xét của GV về quá trình chuẩn bị và TCHĐTN - Chia sẻ về thuận lợi, khó khăn, kinh nghiệm khi thực hành TCHĐTN - Tự đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi thực hành TCHĐTN

4.3.2.7. Kiểm tra đánh giá

Kết quả TCBD NLTC, thực hiện HĐTN cho GVTH được đánh giá qua các công cụ sau:

Bài tập đánh giá số 1: Xây dựng một kế hoạch cụ thể để TC một HĐTN cho HS.

Hình thức thực hiện: GVTH làm việc theo nhóm nhỏ (2-3GVTH/nhóm) để xây dựng một kế hoạch hoàn chỉnh để TC một HĐTN cụ thể cho học sinh.

Sản phẩm đánh giá: Kế hoạch tổ chức một HĐTN cụ thể cho HS tiểu học.

Bài tập đánh giá số 2: Thực hành TCHĐTN cho HS theo kế hoạch.

Hình thức thực hiện: GV thực hiện bồi dưỡng, GV của tổ, khối chuyên môn tham gia dự giờ tiết thực hành TCHĐTN của GVTH và đánh giá kết quả thực hiện HĐTN của GV theo kế hoạch đã xây dựng.

Mối liên hệ giữa mục tiêu với bài tập đánh giá:

Câu hỏi đánh giá	Mục tiêu
Xây dựng một kế hoạch cụ thể để tổ chức một HĐTN cho học sinh	MT1: Xây dựng được kế hoạch, quy trình cụ thể để TCHĐTN cho học sinh
Thực hành TCHĐTN cho HS theo kế hoạch	MT2: Thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch đã xây dựng. MT3: Sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp TCHĐTN. MT4: Tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được HS và các lực lượng GD thực hiện HĐTN theo kế hoạch. MT5: Sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để TCHĐTN. MT6: Đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh.

4.3.3. Chủ đề 3: Phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

Hoạt động trải nghiệm được TC với sự phối hợp của cán bộ quản lý trường TH, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, cha mẹ HS...Do đó, để GVTH tổ chức HĐTN được hiệu quả cần BD để củng cố và phát triển NL phối hợp các lực lượng GD. Hoạt động BD NL phối hợp các lực lượng giáo dục được tiến hành với chủ đề 3 “*Phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học*” như sau:

4.3.3.1. Mục tiêu bồi dưỡng

Chủ đề 3 hướng đến phát triển năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học. Sau khi tham gia bồi dưỡng, GVTH có khả năng:

MT1: Xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục;

MT2: Xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp;

MT3: Xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp;

MT4: Huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp.

MT5: Huy động được các lực lượng GD có liên quan để TCHĐTN;

MT6: Xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp.

4.3.3.2. Thiết bị, dụng cụ bồi dưỡng

Để BD cho GVTH NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cần có các thiết bị, dụng cụ sau:

Bảng 4.7: Thiết bị, dụng cụ để bồi dưỡng NL phối hợp các lực lượng GD để tổ chức hoạt động trải nghiệm

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính (laptop)	Cái	2
2	Máy chiếu	Cái	1
3	Bảng đen	Cái	1
4	Micro không dây	Cái	3
5	Giấy A0	Tờ	10
6	Bút lông	Cây	10
7	Phấn viết bảng	Hộp	2

4.3.3.3. Nội dung bồi dưỡng

Năng lực phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN thể hiện khả năng GVTH về phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN. Bồi dưỡng NL phối hợp các lực lượng GD cho GVTH với nội dung cụ thể như sau:

Nội dung 1: Lực lượng GD tham gia TCHĐTN ở tiểu học

Phối hợp các lực lượng GD là huy động các lực lượng trong nhà trường và các lực lượng xã hội tham gia xây dựng và phát triển nhà trường, TC các hoạt động GD, tạo môi trường GD thống nhất giữa nhà trường – gia đình – xã hội.

HĐTN ở TH được TC với sự tham gia của các lực lượng GD sau:

Giáo dục gia đình: là nơi nuôi dưỡng, chăm sóc, giúp HS phát triển cả về thể chất lẫn trí tuệ để các em vừa có sức khỏe, có đạo đức, tri thức và văn hoá. Gia đình cũng là cầu nối trẻ em với nhà trường và xã hội trong quá trình thực hiện hoạt động GD. Các thành viên trong gia đình (ông bà, bố mẹ, anh chị...) là lực lượng chính tham gia phối hợp cùng nhà trường và xã hội để chăm sóc, GD các em HS nói chung và quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Giáo dục nhà trường: Nhà trường là một tổ chức chuyên biệt của xã hội thực hiện chức năng tái tạo, phát triển xã hội và phát triển nhân cách mỗi thành viên của xã hội, hướng tới sự duy trì và phát triển xã hội. Nhà trường là môi trường GD tốt nhất, có đủ điều kiện nhất trong việc thực hiện các mục tiêu GD. Nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc truyền thụ kiến thức, rèn luyện phẩm chất đạo đức hướng đến sự phát triển toàn diện cho HS. Quá trình TCHĐTN, các lực lượng giáo dục của nhà trường (Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn, Tổng phụ trách đội, nhân viên nhà trường...) là lực lượng chính tham gia TC và hỗ trợ TCHĐTN.

Giáo dục xã hội: là hoạt động của các TC, các nhóm xã hội và cá nhân có chức năng GD và tham gia phối hợp với nhà trường, gia đình để tác động GD cho HS. Các lực lượng GD xã hội như Chính quyền địa phương, Hội Khuyến học, Hội Phụ nữ, Đội thiếu niên tiên phong, Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương, Các nhà hoạt động xã hội, những nghệ nhân, những người lao động tiêu biểu ở địa phương... sẽ tham

gia TC và hỗ trợ TCHĐTN cho học sinh trong phạm vi nhà trường và ngoài cộng đồng.

Nội dung 2: Vai trò, nhiệm vụ của các lực lượng GD trong quá trình TCHĐTN

4. Vai trò của các lực lượng GD trong quá trình TCHĐTN cho học sinh

Hoạt động phối hợp các lực lượng GD có vai trò rất quan trọng đối với sự thành công của các hoạt động GD ở trường tiểu học. Mỗi lực lượng GD có vai trò cụ thể:

Vai trò của gia đình: là cầu nối giữa HS với nhà trường và xã hội, đóng vai trò đồng hành cùng nhà trường để hỗ trợ, TCHĐTN trong phạm vi nhà trường, đồng thời hỗ trợ, giúp đỡ, giám giá và đánh giá kết quả thực hiện HĐTN ở gia đình của học sinh.

Vai trò của nhà trường: là lực lượng đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình TCHĐTN cho HS theo phân bố chương trình HĐTN, phối hợp cùng gia đình và xã hội để TCHĐTN cho học sinh.

Vai trò của cộng đồng xã hội: đóng vai trò cung cấp nhân lực, vật lực, tài lực giúp nhà trường và gia đình TCHĐTN cho HS, đồng thời tham gia quản lí, giám sát TC và hỗ trợ TCHĐTN trong phạm vi nhà trường và ngoài cộng đồng xã hội.

5. Nhiệm vụ của các lực lượng GD trong quá trình TCHĐTN cho học sinh

Trong quá trình TCHĐTN cho HS, nhiệm vụ cụ thể của các lực lượng GD như sau:

Nhiệm vụ của giáo viên tiểu học

- Nghiên cứu chương trình HĐTN để triển khai TC/hỗ trợ TCHĐTN cho HS
- Thực hiện đúng yêu cầu của CTGDPT cấp TH về HĐTN và kế hoạch TCHĐTN của nhà trường.
- Chủ động XDKH TCHĐTN cho HS của lớp, trường, bảo đảm thực hiện đúng quy định của chương trình HĐTN phù hợp với đối tượng HS và điều kiện cụ thể của nhà trường.
- Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về TCHĐTN cho HS phù hợp với đặc điểm của HS và điều kiện cụ thể của nhà trường.

- Chủ động XDKH phối hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường để phối hợp TC có hiệu quả và chất lượng HĐTN cho học sinh.

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện, tích cực và phối hợp chặt chẽ với giáo viên bộ môn, với HS, với cha mẹ HS và cộng đồng nhằm hỗ trợ và hợp tác tốt hơn trong quá trình TCHĐTN cho học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc hoạt động đánh giá kết quả HĐTN cho HS, đồng thời phối hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường để đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá HĐTN phù hợp, hướng đến sự phát triển những phẩm chất và NL tương ứng của HS theo từng loại hoạt động trải nghiệm.

Nhiệm vụ của Ban giám hiệu nhà trường tiểu học

- Chỉ đạo giáo viên và các khối chuyên môn XDKH TCHĐTN cho HS theo yêu cầu và phân bổ chương trình theo từng học kỳ và năm học.

- XDKH phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng GD ngoài nhà trường (gia đình, cộng đồng...) để phối hợp TCHĐTN cho học sinh.

- Phân công giáo viên cốt cán phụ trách HĐTN của nhà trường.

- Quản lý giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn trong quá trình TCHĐTN cho học sinh.

- Chỉ đạo và thực hiện đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện HĐTN của nhà trường và kết quả thực hiện HĐTN của giáo viên.

- Tạo điều kiện hỗ trợ tốt nhất các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, trang thiết bị cho giáo viên tổ chức thực hiện tốt HĐTN cho học sinh.

- Tạo điều kiện và hỗ trợ cho giáo viên tham gia BD để nâng cao NLTC HĐTN.

- Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện để HS trải nghiệm và phát triển phẩm chất, NL phù hợp.

Nhiệm vụ của Tổ, khối chuyên môn ở trường tiểu học

- Tham gia XDKH TCHĐTN của nhà trường và của tổ, khối chuyên môn.

- Tham gia giám sát, kiểm tra việc XDKH TCHĐTN của giáo viên .

- Tổ chức thực hiện kế hoạch TCHĐTN cho học sinh tổ, khối chuyên môn.

- Quản lý giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên bộ môn TCHĐTN theo yêu cầu, phân bổ chương trình, SGKHĐTN ở tiểu học.

- Tham gia đánh giá kết quả TCHĐTN của giáo viên đồng thời có biện pháp hỗ trợ để giáo viên phát huy những kết quả đạt được đồng thời khắc phục những kết quả chưa tốt trong quá trình TCHĐTN.

- Hỗ trợ, giải thích chuyên môn về HĐTN cho giáo viên.

Nhiệm vụ của cha mẹ học sinh

- Tạo điều kiện cho HS được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường, trong đó có hoạt động trải nghiệm.

- Phối hợp tích cực với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên bộ môn để TCHĐTN, tham gia gia sát, hỗ trợ, đánh giá quá trình trải nghiệm của học sinh tại nhà.

- Tham gia đánh giá kết quả thực hiện HĐTN, tiếp nhận thông tin về kết quả trải nghiệm của HS đồng thời có biện pháp phản hồi, tác động, hỗ trợ nhà trường trong quá trình củng cố và điều chỉnh kết quả trải nghiệm của học sinh.

- Hỗ trợ tích cực các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, trang thiết bị dạy học để TCHĐTN cho học sinh.

Nhiệm vụ của cộng đồng xã hội

- Hỗ trợ, hợp tác với nhà trường trong quá trình TCHĐTN cho học sinh.

- Tạo điều kiện cho nhà trường, giáo viên và HS tham quan, tham gia HĐTN tại các cơ sở GD khác, cơ quan, TC ngoài trường tiểu học.

- Tham gia quá trình xây dựng môi trường GD an toàn, lành mạnh, ngăn chặn hoạt động có ảnh hưởng xấu đến người học để HS có được trải nghiệm tích cực.

- Hỗ trợ các điều kiện và nguồn lực như cơ sở vật chất, tài chính, trang thiết bị cho nhà trường TCHĐTN cho học sinh.

Nội dung 3: Mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, hình thức, nguồn lực thực hiện phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho học sinh

1. Mục tiêu phối hợp lực lượng GD để TCHĐTN cho học sinh

HĐTN ở bậc TH được TC với nhiều hình thức như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, HĐTN theo chủ đề. Các hình thức trải nghiệm này được TC tại lớp, tại trường cũng như các HĐTN ngoài nhà trường và tại gia đình. Do đó, việc phối hợp các lực lượng GD trong nhà trường, gia đình và cộng đồng là vô cùng cần thiết, đóng vai trò quan trọng trong quá trình TC thành công HĐTN cho HS. Hoạt động phối hợp này hướng đến những mục tiêu sau:

- Hỗ trợ, đảm bảo quá trình thực hiện kế hoạch TCHĐTN theo yêu cầu của CTGDPT hoạt động trải nghiệm.
- Đảm bảo quá trình TCHĐTN cho HS theo tất cả các mạch nội dung và hình thức phù hợp với yêu cầu của chương trình hoạt động trải nghiệm.
- Phối hợp với nhà trường để TCHĐTN cho HS tại trường, tại gia đình và cộng đồng.
- Hỗ trợ các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, trang thiết bị nhằm giúp nhà trường có điều kiện tốt hơn để TCHĐTN cho học sinh .
- Hỗ trợ và đảm bảo quá trình đánh giá kết quả thực hiện HĐTN của HS theo yêu cầu của từng loại hoạt động trải nghiệm.

2. Nguyên tắc phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho học sinh

- Phải phù hợp, đáp ứng được những mục tiêu về NL và phẩm chất của HĐTN.
- Kế hoạch phối hợp phải được xây dựng trên cơ sở vai trò, vị trí, công việc cụ thể của các lực lượng GD trong quá trình TCHĐTN.
- Nội dung phối hợp phải thiết thực, gắn liền với những yêu cầu về mục tiêu, nội dung, loại hình TCHĐTN.
- Hoạt động phối hợp phải được tiến hành phụ thuộc vào yêu cầu của từng loại HĐTN.

3. Nội dung phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho học sinh

- Thống nhất mục tiêu, kế hoạch TCHĐTN cho HS theo từng mạch nội dung và loại hình hoạt động trải nghiệm.
- Tham gia TC, hỗ trợ TCHĐTN cho HS trong phạm vi nhà trường, gia đình

và cộng đồng.

- Theo dõi, phối hợp đánh giá kết quả thực hiện HĐTN của HS tại trường, ở gia đình và cộng đồng.

- Tạo môi trường thuận lợi cho HS tham gia HĐTN tại trường, ở gia đình và cộng đồng.

- Hỗ trợ điều kiện để TCHĐTN cho học sinh

4. Hình thức phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho học sinh

- Thông báo thông tin qua các bản tin, điện thoại, hòm thư.

- Trao đổi, thảo luận trực tiếp giữa các lực lượng GD tại trường tiểu học

- Thông qua họp phụ huynh định kì của lớp

- Thông qua ban đại diện cha mẹ học sinh

- Gặp gỡ, trao đổi tại nhà của HS/tại cơ quan, TC ở cộng đồng

5. Nguồn lực cần thiết để thực hiện phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN

Để phối hợp các lực lượng GD nhằm TCHĐTN cho học sinh được hiệu quả, cần tận dụng các nguồn lực sau:

- Các quy định pháp lý về vai trò, vị trí và trách nhiệm phối hợp các lực lượng GD để tổ chức hoạt động dạy học, GD cho học sinh.

- Nguồn nhân lực (gia đình, cộng đồng xã hội)

- Nguồn lực về tài chính từ sự hỗ trợ, đóng góp của gia đình và cộng đồng xã hội.

- Nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ hoạt động dạy học, GD từ gia đình và cộng đồng.

Nội dung 4: xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho học sinh

Để hoạt động phối hợp các lực lượng GD được hiệu quả, GVTH và nhà trường cần có kế hoạch phối hợp cụ thể. Quá trình XDKH phối hợp các lực lượng GD để

TCHĐTN cho HS có thể thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xác định mục đích, yêu cầu của hoạt động phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho học sinh

Bước 2: Xác định nội dung phối hợp để TCHĐTN theo mạch nội dung HĐTN

Bước 3: Xác định hình thức phối hợp để TCHĐTN theo mạch nội dung HĐTN

Bước 4: Xác định nhiệm vụ/công việc cụ thể của các lực lượng GD để TCHĐTN cho học sinh tùy theo mục đích, mạch nội dung của hoạt động trải nghiệm

Bước 5: Xác định các điều kiện cần có để phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN

Bước 6: Xây dựng và hoàn thiện kế hoạch

Bước 7: Phê duyệt và triển khai kế hoạch

4.3.3.4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

- *Hình thức bồi dưỡng*: NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho GVTH được tiến hành BD bằng cách phối hợp các hình thức như: BD trực tiếp, tập trung và BD qua tự học của giáo viên tiểu học.

- *Phương pháp bồi dưỡng*: các phương pháp được sử dụng để BD cho GVTH gồm thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm, luyện tập.

4.3.3.5. *Thời lượng bồi dưỡng*: 20 tiết (1 tiết/50 phút)

4.3.3.6. *Kế hoạch bồi dưỡng*

Bảng 4.8: Kế hoạch bồi dưỡng NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số tiết	Hoạt động bồi dưỡng	
			Hoạt động của người dạy	Hoạt động của người học
1	<i>Giới thiệu khái quát về tổ chức bồi dưỡng</i>	1	Giới thiệu chung về mục tiêu, nội dung BD, thời lượng, cách thức tiến hành, yêu cầu đối với người học	- Lắng nghe hướng dẫn của GV - Đặt câu hỏi/đề xuất ý kiến (nếu có) - Thống nhất cách thức tham gia BD
2	<i>Nội dung 1: Lực lượng GD tham gia TCHĐTN ở tiểu học</i> - Khái niệm phối hợp các lực lượng giáo dục. - Gia đình.	4	- Giới thiệu khái quát về khái niệm phối hợp các lực lượng GD ở TH - Yêu cầu người học “ <i>Liệt kê các lực</i>	- Lắng nghe, ghi nhận thông tin người dạy trình bày - Xác định các lực lượng GD cụ thể sẽ tham gia TCHĐTN

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số tiết	Hoạt động bồi dưỡng	
			Hoạt động của người dạy	Hoạt động của người học
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường. - Cộng đồng xã hội. 		<i>lượng GD cụ thể sẽ tham gia TCHĐTN cho học sinh”</i> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe câu trả lời của người học, hệ thống lại các lực lượng GD cụ thể sẽ tham gia TCHĐTN cho học sinh 	cho HS theo yêu cầu của giáo viên <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia chia sẻ câu trả lời, ghi nhận ý kiến tổng kết của giáo viên
3	<i>Nội dung 2: Vai trò, nhiệm vụ của các lực lượng GD trong quá trình TCHĐTN cho HS</i> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò của các lực lượng GD trong quá trình TCHĐTN cho HS - Nhiệm vụ của các lực lượng GD trong quá trình TCHĐTN 	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho người học thảo luận nhóm về: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Vai trò của gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội trong quá trình các lực lượng GD TCHĐTN cho HS ✓ Nhiệm vụ cụ thể của gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội trong quá trình các lực lượng GD TCHĐTN cho HS - TC cho người học trình bày kết quả làm việc/thảo luận nhóm - Tổng kết, giải đáp thắc mắc cho người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với đồng nghiệp thực hiện thảo luận nhóm về: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Vai trò của gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội trong quá trình các lực lượng GD TCHĐTN cho học sinh ✓ Nhiệm vụ cụ thể của gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội trong quá trình các lực lượng GD TCHĐTN cho HS - Trình bày kết quả thảo luận nhóm và đặt câu hỏi cho GV (nếu có) - Tổng kết/ghi nhận những vấn đề cần lưu ý
4	<i>Nội dung 3: Mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, hình thức, nguồn lực thực hiện phối hợp các</i>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát nội dung cơ bản về MT, nguyên tắc, nội dung, hình thức, 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe giới thiệu khái quát và yêu cầu của GV về nội dung tự học/tự nghiên cứu

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số tiết	Hoạt động bồi dưỡng	
			Hoạt động của người dạy	Hoạt động của người học
	<p><i>lực lượng GD để TCHĐTN cho HS</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - MT phối hợp lực lượng GD để TCHĐTN cho HS - Nguyên tắc phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho HS - Nội dung, hình thức, nguồn lực cần có để phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho HS 		<p>nguồn lực thực hiện phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu người học tự nghiên cứu về MT, nguyên tắc, nội dung, hình thức, nguồn lực thực hiện phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho HS - Giải đáp thắc mắc cho GV và tổng kết các vấn đề cần lưu ý cho người học. -TC cho người học thảo luận về chủ đề “<i>Kinh nghiệm phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN ở TH</i>” 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự nghiên cứu về MT, nguyên tắc, nội dung, hình thức, nguồn lực thực hiện phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho HS - Đặt câu hỏi cho GV về nội dung tự học (nếu có) - Tham gia trao đổi kinh nghiệm cá nhân về chủ đề “<i>Kinh nghiệm phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN ở TH</i>”
5	<p><i>Nội dung 4: XDKH phối hợp các lực lượng giáo dục để TCHĐTN cho học sinh</i></p>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát về các bước XDKH để TCHĐTN cho HS - Tổ chức cho người học làm việc theo nhóm nhỏ (2-3GV/nhóm), với chủ đề “<i>Lựa chọn một HĐTN cụ thể cần TC cho học sinh và XDKH để TCHĐTN cho HS</i>” 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận thông tin khái quát về các bước XDKH để TCHĐTN cho HS - Làm việc theo nhóm nhỏ với chủ đề “<i>Lựa chọn một HĐTN cụ thể cần TC cho học sinh và XDKH để TCHĐTN cho HS</i>” - Trình bày kết quả làm việc nhóm, trao đổi với GV về quá

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số tiết	Hoạt động bồi dưỡng	
			Hoạt động của người dạy	Hoạt động của người học
			- Giám sát quá trình làm việc nhóm, hỗ trợ, giải thích cho người học khi có thắc mắc, TC cho người học trình bày kết quả làm việc nhóm.	trình làm việc và thắc mắc để GV hỗ trợ. - Rút kinh nghiệm cho bản thân sau khi tham gia BD

4.3.3.7. Kiểm tra đánh giá

Kết quả BD NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho GVTH được đánh giá theo yêu cầu sau:

Tên bài tập đánh giá: Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng GD để TC một HĐNT cụ thể cho học sinh

Hình thức đánh giá: Bài tập theo nhóm nhỏ (2-3GVTH/nhóm)

Số câu hỏi: Với yêu cầu “*Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng GD để TC một HĐNT cụ thể cho HS*”, GVTH cần trả lời 4 câu hỏi sau:

Câu 1: Xác định được các lực lượng GD cụ thể trong và ngoài nhà trường sẽ tham gia TCHĐTN được chọn?

Câu 2: Xác định vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng GD cụ thể trong và ngoài nhà trường sẽ tham gia TCHĐTN được chọn?

Câu 3: Xác định mục tiêu, nội dung, hình thức, nguồn lực cần có để phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN được chọn?

Câu 4: Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường để TCHĐTN cho học sinh?

Mối liên hệ giữa mục tiêu với câu hỏi đánh giá:

Câu hỏi đánh giá	Mục tiêu
Xác định được các lực lượng GD cụ thể trong và ngoài nhà trường sẽ tham gia TCHĐTN được chọn?	MT1: Huy động được các lực lượng GD có liên quan để TCHĐTN.
Xác định vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng GD cụ thể trong và ngoài nhà trường sẽ tham gia TCHĐTN được chọn?	MT2: Xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục.
Xác định mục tiêu, nội dung, hình thức, nguồn lực cần có để phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN được chọn?	MT3: Xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp. MT4: Xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp. MT5: Huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp.
Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường để TCHĐTN cho học sinh?	MT6: Xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp.

4.4. Kế hoạch tổng thể bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Tổ chức BD NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN và NLTC, thực hiện HĐTN cho GVTH có thể tổng hợp theo kế hoạch như sau:

Bảng 4.9: Kế hoạch tổng thể bồi dưỡng NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học

Mục tiêu bồi dưỡng	Số tiết	Nội dung bồi dưỡng	Hình thức BD	Phương pháp BD	Bài tập đánh giá
Năng chuyên môn về hoạt động trải nghiệm					
Chủ đề 1 - “Hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học”					
<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được đặc điểm của CT HĐTN - Giải thích được MT của HĐTN ở bậc tiểu học - Phân tích được yêu cầu đạt về phẩm chất, NL của HS TH theo từng hoạt động và mạch nội dung HĐTN - Giải thích được mạch nội dung của HĐTN cho HS tiểu học - Xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTN ở tiểu học - Nhận biết được các yêu cầu cần thiết để triển khai thực hiện chương trình hoạt động trải nghiệm 	20	<p><i>Nội dung 1:</i> Giới thiệu chung về CTGDPT HĐTN và HĐTN, hướng nghiệp</p> <p><i>Nội dung 2:</i> Mục tiêu, yêu cầu đạt về phẩm chất, NL của HS TH thi tham gia HĐTN ở tiểu học</p> <p><i>Nội dung 3:</i> Nội dung HĐTN ở bậc tiểu học</p> <p><i>Nội dung 4:</i> Phương thức tổ chức, các loại hình hoạt động và phương pháp TCHĐTN ở tiểu học</p>	Bồi dưỡng trực tiếp, tập trung do trường TH cho toàn thể GVTH của nhà trường	Thuyết trình; Vấn đáp; Thảo luận nhóm	Bài thu hoạch của GVTH về kết quả BD NL chuyên môn về hoạt động trải nghiệm

Mục tiêu bồi dưỡng	Số tiết	Nội dung bồi dưỡng	Hình thức BD	Phương pháp BD	Bài tập đánh giá
		<i>Nội dung 5:</i> chương trình HĐTN lớp 1, 2, 3 theo SGK HĐTN (bộ Chân trời sáng tạo)			
Năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm					
Chủ đề 2 - “Tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm ở tiểu học”					
<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được kế hoạch, quy trình cụ thể để TCHĐTN cho học sinh - Thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch đã xây dựng - Sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm - TC, điều khiển và hướng dẫn được HS và các lực lượng GD thực hiện HĐTN theo kế hoạch - Sử dụng kết hợp được các phương 	20	<p><i>Nội dung 1:</i> Hệ thống hóa các thành tố để TCHĐTN cho học sinh theo CTGDPT HĐTN ở tiểu học</p> <p><i>Nội dung 2:</i> Thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học</p>	BD trực tiếp, tập trung; BD qua tự học của GVTH; BD qua hoạt động sinh hoạt khối chuyên môn, dự giờ, thao giảng	Thuyết trình; Vấn đáp; Quan sát; Luyện tập, Thực hành	Xây dựng một kế hoạch cụ thể để TC một HĐTN cho HS TH; Kết quả thực hành TCHĐTN cho HS theo kế hoạch

Mục tiêu bồi dưỡng	Số tiết	Nội dung bồi dưỡng	Hình thức BD	Phương pháp BD	Bài tập đánh giá
<p>tiện, nguồn lực để tổ chức hoạt động trải nghiệm</p> <p>- Đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh</p>					
<p>Năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm</p> <p><i>Chủ đề 3 - “Phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học”</i></p>					
<p>- Huy động được các lực lượng GD có liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm</p> <p>- Xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục</p> <p>- Xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp</p> <p>- Xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp;</p> <p>- Huy động được các nguồn lực cần thiết để</p>	20	<p><i>Nội dung 1:</i> Lực lượng GD tham gia TCHĐTN ở tiểu học</p> <p><i>Nội dung 2:</i> Vai trò, nhiệm vụ của các lực lượng GD trong quá trình TCHĐTN cho học sinh</p> <p><i>Nội dung 3:</i> Mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, hình thức, nguồn lực thực hiện phối hợp các lực lượng</p>	<p>Bồi dưỡng trực tiếp, tập trung; BD qua tự học của giáo viên tiểu học.</p>	<p>Thuyết trình; Vấn đáp; Thảo luận nhóm; Luyện tập.</p>	<p>Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng GD để tổ chức một HĐNT cụ thể cho học sinh</p>

Mục tiêu bồi dưỡng	Số tiết	Nội dung bồi dưỡng	Hình thức BD	Phương pháp BD	Bài tập đánh giá
tiến hành hoạt động phối hợp		GD để TCHĐTN cho học sinh <i>Nội dung 4:</i> XDKH phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức HĐTN cho học sinh			

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Căn cứ vào kết quả phân tích lý luận và thực tiễn về TCHĐTN, NLTC HĐTN của GVTH và BD NLTC HĐTN cho GVTH, ở chương 4 của luận án đã khái quát và đề xuất được ba chủ đề và kế hoạch để bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH. Trên cơ sở kết quả này, có thể rút ra những kết luận cơ bản sau đây:

- Xác định được nguyên tắc làm cơ sở cho hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN gồm nguyên tắc đảm bảo tính khoa học; đảm bảo tính kế thừa; đảm bảo tính thực tiễn; đảm bảo tính hệ thống; đảm bảo tính toàn diện và hiệu quả. Thực hiện đúng các nguyên tắc này sẽ góp phần thực hiện hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH được hiệu quả và chất lượng.

- Căn cứ vào kết quả TCHĐTN của GVTH, NLTC HĐTN hiện có của GVTH, kết quả hoạt động BD về HĐTN và NLTC HĐTN cho GVTH và nhu cầu của GVTH về các NLTC HĐTN cần được bồi dưỡng, luận án đã xác định được 3 NLTC HĐTN cần tiếp tục đẩy mạnh BD cho GVTH, đó là NL chuyên môn về HĐTN; NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD để tổ chức hoạt động trải nghiệm.

- Đề xuất được 3 chủ đề để bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH. Đó là các chủ đề: Hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học; Tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm ở tiểu học; Phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học. Các chủ đề BD được mô tả chi tiết gồm mục tiêu, thiết bị, dụng cụ; nội dung, hình thức phương pháp BD; kế hoạch BD và kiểm tra đánh giá kết quả bồi dưỡng.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng chi tiết cho từng NLTC HĐTN và kế hoạch tổng thể để bồi dưỡng ba NL thuộc khung NLTC HĐTN cho GVTH. Chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được đề xuất để bồi dưỡng 3 năng lực thuộc khung NLTC HĐTN cho GVTH ở chương 4 sẽ được sử dụng để tiến hành thực nghiệm sư phạm bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH ở chương 5.

Chương 5

KIỂM NGHIỆM ĐÁNH GIÁ

5.1. Mục đích kiểm nghiệm

Kiểm nghiệm tính khả thi, phù hợp và hiệu quả của các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐT, NL phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức HĐT và NLTC thực hiện HĐT cho GVTH do luận án đề xuất, qua đó chứng minh được giả thuyết khoa học của luận án.

5.2. Nội dung và đối tượng kiểm nghiệm

5.2.1. Nội dung kiểm nghiệm

- Đánh giá tính khả thi, phù hợp và hiệu quả của các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐT, NL phối hợp các lực lượng giáo dục để TCHĐT và NLTC thực hiện HĐT đã được đề xuất ở chương 4.

- Đánh giá mức độ thay đổi NLTC HĐT của GVTH khi tham gia bồi dưỡng theo các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được đề xuất trong luận án.

5.2.2. Đối tượng kiểm nghiệm

Tính khả thi, phù hợp và hiệu quả của các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐT, NL phối hợp các lực lượng giáo dục để TCHĐT và NLTC thực hiện HĐT được đề xuất trong luận án được kiểm nghiệm thông qua hai nhóm đối tượng:

Nhóm 1: các chuyên gia là các nhà khoa học đến từ các Khoa, trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo, BD cho GVTH; cán bộ quản lý trường tiểu học (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường tiểu học) và giáo viên tiểu học là cán bộ cốt cán phụ trách về HĐT và tổ chức HĐT cho học sinh tiểu học.

Nhóm 2: 98 giáo viên tiểu học của hai trường TH tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Phương pháp kiểm nghiệm

5.3.1. Phương pháp chuyên gia

Luận án đã lựa chọn phương pháp chuyên gia, thông qua phỏng vấn trực tiếp để thể giúp thu thập thông tin, ý kiến nhận xét về đề xuất của luận án, từ đó có thể điều chỉnh đề xuất cho phù hợp trước khi tiến hành thực nghiệm (Louis Cohen *et al*, 2018).

Quá trình thực hiện phương pháp chuyên gia được cụ thể như sau:

5.3.1.1. Mục đích

Kiểm nghiệm tính khả thi, phù hợp của các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng giáo dục để TCHĐTN và NLTC thực hiện hoạt động trải nghiệm được đề xuất trong luận án.

5.3.1.2. Nội dung

Thu thập ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia về tính khả thi, phù hợp của các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN, NL phối hợp các lực lượng giáo dục để TCHĐTN do luận án đề xuất trước khi thực nghiệm sư phạm bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học.

5.3.1.3. Quy trình thực hiện

Quy trình thực hiện phương pháp chuyên gia gồm các bước sau:

Giai đoạn chuẩn bị: *Bước 1:* Xác định mục đích, nội dung, phương pháp thực hiện; *Bước 2:* Xác định, lựa chọn các nhóm chuyên gia; *Bước 3:* Hoàn thiện nội dung xin ý kiến của chuyên gia ; *Bước 4:* Xây dựng phiếu xin ý kiến chuyên gia

Giai đoạn triển khai xin ý kiến chuyên gia: *Bước 1:* Gửi nội dung đề xuất kèm phiếu xin ý kiến đến chuyên gia; *Bước 2:* Phỏng vấn trực tiếp chuyên gia để xin ý kiến đánh giá về đề xuất qua hệ thống câu hỏi trong phiếu xin ý kiến.

Giai đoạn xử lý kết quả: *Bước 1:* Xử lý kết quả đánh giá của chuyên gia; *Bước 2:* Phân tích, đánh giá về kết quả nhận xét của chuyên gia; *Bước 3:* Kết luận về kết quả phương pháp chuyên gia.

Căn cứ vào các kết quả đánh giá và nhận xét được thu thập từ các chuyên gia, đề xuất của luận án đã được bổ sung, hoàn thiện trước khi tiến hành thực nghiệm BD cho giáo viên tiểu học.

5.3.1.4. Công cụ xin ý kiến

Tính khả thi và phù hợp các nguyên tắc, chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN được các chuyên gia đánh giá thông phỏng vấn trực tiếp bằng hệ thống câu hỏi được thiết kế trong phiếu xin ý kiến của chuyên gia (*xem chi tiết ở phụ lục 8*).

Phiếu xin ý kiến được thiết kế gồm 2 phần; phần 1 gồm 7 câu hỏi mở để xin ý kiến đánh giá của chuyên gia về tính khả thi, phù hợp của các thành tố cụ thể như mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp ở từng chủ đề bồi dưỡng và kế hoạch bồi dưỡng; phần 2 gồm 4 câu hỏi về thông tin cá nhân của chuyên gia tham gia đánh giá.

Kết quả ý kiến đánh giá của chuyên gia qua phỏng vấn đã được hệ thống thành biên bản xin ý kiến chuyên gia (*xem phụ lục 9*) và được sử dụng để phân tích, làm rõ tính khả thi, phù hợp của các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng được luận án đề xuất.

5.3.1.5. Đối tượng xin ý kiến

Để đánh giá tính khả thi, phù hợp của các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTĐ, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTĐ, NLTC thực hiện HĐTĐ thì đội ngũ chuyên gia được lựa chọn phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản gồm: có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp với quá trình đào tạo, BD cho GVTH; có năng lực, kinh nghiệm về tổ chức HĐTĐ ở tiểu học. Trên cơ sở các câu trên, tác giả luận án lựa chọn xin ý kiến của 11 chuyên gia, được chia thành ba nhóm:

Nhóm 1: 3 chuyên gia đến từ các Khoa, trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo, BD cho giáo viên tiểu học.

Nhóm 2: 2 chuyên gia là hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường tiểu học.

Nhóm 3: 6 chuyên gia là giáo viên tiểu học.

5.3.2. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Thực tế hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTĐ cho GVTH cho thấy, GVTH có mong muốn được bồi dưỡng về NLTC HĐTĐ tuy nhiên mức độ đạt được NLTC HĐTĐ của GVTH không đồng đều. Do đó nhu cầu bồi dưỡng của GVTH về NLTC HĐTĐ ở các trường TH là không giống nhau và có thể tiến hành bồi dưỡng linh hoạt theo nhu cầu của GVTH. Điều kiện thực hiện hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTĐ cho GVTH của các trường TH là không tương đồng, do đó có thể tiến hành linh hoạt theo nhu cầu và đặc điểm riêng của từng trường tiểu học. Dựa trên các đặc điểm này, tác giả luận án sử dụng hình thức thực nghiệm trên cùng một nhóm đối tượng giáo viên tiểu học (Quasi – Experimental designs) (Gregory J.Privitera, Lynn Ahlgrim -Delzell, 2018) nhằm đánh giá sự thay đổi của giáo viên trước và sau tác động bồi dưỡng để

khẳng định tính hiệu quả của các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được đề xuất.

Quá trình thực hiện phương pháp thực nghiệm trên cùng một nhóm giáo viên tiểu học (one-group pretest - post test design) được thực hiện như sau:

5.3.2.1. Mục đích thực nghiệm

Đánh giá hiệu quả của các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng giáo dục để TCHĐTN, NLTC thực hiện HĐTN cho GVTH đã được đề xuất.

5.3.2.2. Nội dung thực nghiệm

Thực hiện bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN, NLTC thực hiện HĐTN cho giáo viên tiểu học theo chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được luận án đề xuất.

5.3.2.3. Quy trình thực hiện

Theo McCaleb, Anderson, and Hueston (2008) quá trình thực hiện thực nghiệm trên một nhóm đối tượng (one-group pretest-post test design) được thực hiện theo ba bước: (1) đánh giá trước khi tác động, (2) tác động thực nghiệm, (3) đánh giá sau tác động thực nghiệm (dẫn theo Gregory J.Privitera và Lynn Ahlgrim -Delzell, 2018). Cụ thể hóa các bước này, quá trình thực hiện thực nghiệm bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN, NLTC thực hiện HĐTN cho giáo viên tiểu học được tiến hành với ba giai đoạn sau:

Giai đoạn chuẩn bị: *Bước 1:* Xác định mục đích, nội dung, hình thức bồi dưỡng; *Bước 2:* Lựa chọn cơ sở và đối tượng tiến hành bồi dưỡng; *Bước 3:* Biên soạn, tổng hợp tài liệu phục vụ bồi dưỡng; *Bước 4:* Xây dựng phiếu khảo sát đánh giá NLTC của GVTH trước khi tiến hành bồi dưỡng; *Bước 5:* Đánh giá NLTC của GVTH trước khi tiến hành bồi dưỡng.

Giai đoạn triển khai: Tiến hành BD cho GVTH theo các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng đã được luận án đề xuất.

Giai đoạn xử lý kết quả: *Bước 1:* Đánh giá NLTC sau tác động bồi dưỡng cho GVTH; *Bước 2:* Tiến hành xử lý kết quả đánh giá; *Bước 3:* Phân tích, đánh giá về kết quả bồi dưỡng; *Bước 4:* Kết luận về kết quả thực nghiệm.

Hiệu quả của các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được đánh giá trên cơ sở so sánh kết quả sự thay đổi NLCT HĐTN của GVTH trước khi tác động bồi dưỡng và sau khi tác động bồi dưỡng.

5.3.2.4. Đối tượng thực nghiệm

Hoạt động thực nghiệm bồi dưỡng được tiến hành trên 98 giáo viên của hai trường TH tại quận Gò Vấp, TP.HCM với những thông tin cơ bản sau:

Về giới tính, kết quả thống kê cho thấy tỷ lệ giáo viên nữ cao hơn giáo viên nam. Có 91.3% giáo viên là nữ và 8.7% giáo viên nam

Về thâm niên, có 22.7% GVTH thâm niên dưới 5 năm, 48.5% GVTH có thâm niên từ 6 đến 10 năm và 28.8% GVTH có thâm niên từ 11 năm trở lên.

Về lớp giảng dạy: có 24.7 % GVTH dạy lớp 1, 17.5% GVTH dạy lớp 2, 29.9% GVTH dạy lớp 3, 7.1% GVTH dạy lớp 4, 20.8% GVTH dạy lớp 5.

Về độ tuổi của GVTH: 34% GVTH tuổi dưới 30, 48.9% GVTH tuổi từ 30 đến 40, 17,1% GVTH tuổi từ 41 đến 50.

5.3.2.5. Công cụ khảo sát và phương pháp đánh giá kết quả thực nghiệm

Công cụ đánh giá kết quả là phiếu khảo sát trước và sau tác động bồi dưỡng dành cho GVTH trước khi tiến hành bồi dưỡng và sau khi thực hiện bồi dưỡng theo các chủ đề và kế hoạch được luận án đề xuất.

Phiếu khảo sát trước tác động bồi dưỡng: được thiết kế gồm 2 phần. Phần 1: đánh giá về mức độ đạt được NLTC HĐTN của GVTH. Phần 2: thông tin cá nhân của giáo viên tiểu học (*xem chi tiết ở phụ lục 7*)

Phiếu khảo sát sau tác động bồi dưỡng: được thiết kế gồm 2 phần. Phần 1: đánh giá về mức độ đạt được NLTC HĐTN của GVTH và đánh giá về các yếu tố của quá trình bồi dưỡng cho GVTH. Phần 2: thông tin cá nhân của giáo viên tiểu học tham gia bồi dưỡng (*xem chi tiết ở phụ lục 8*).

Kết quả khảo sát GVTH trước và sau khi tác động bồi dưỡng được xử lý bằng phần mềm xử lý dữ liệu SPSS.

5.3.2.6. Chuyên gia tham gia thực nghiệm

Để hoạt động bồi dưỡng cho GVTH theo các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN, NLTC thực hiện

HĐTN cho giáo viên tiểu học được hiệu quả thì cần lựa chọn đội ngũ chuyên gia phù hợp và đáp ứng các tiêu chí cơ bản sau:

- Phải có am hiểu sâu về hoạt động trải nghiệm và tổ chức HĐTN ở tiểu học
- Phải có kinh nghiệm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học

Trên cơ sở hai tiêu chí trên, tác giả luận án đã tiến hành lựa chọn 4 chuyên gia tham gia thực nghiệm bồi dưỡng cho GVTH gồm: 2 chuyên gia đang là tổng chủ biên, chủ biên của SGK HĐTN ở tiểu học; 2 chuyên gia đang là hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường tiểu học.

Các chuyên gia sẽ tiến hành bồi dưỡng cho GVTH về NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN, NLTC thực hiện HĐTN cho giáo viên tiểu học theo các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng được luận án đề xuất.

5.4. Kết quả kiểm nghiệm

5.4.1. Kết quả kiểm nghiệm bằng phương pháp chuyên gia

Khái quát chung, tất cả chuyên gia đều thống nhất cho rằng các nguyên tắc, chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN và NLTC thực hiện HĐTN đã được đề xuất có tính khả thi, phù hợp để triển khai BD cho GVTH. Kết quả đánh giá chi tiết như sau:

5.4.1.1. Về nguyên tắc bồi dưỡng

100% ý kiến chuyên gia xác nhận những nguyên tắc bồi dưỡng NLTC HĐTN được luận án đề xuất là phù hợp với yêu cầu của hoạt động BD cho GVTH trong giai đoạn hiện nay. CG4 cho rằng “*Các nguyên tắc được xây dựng phù hợp và khả thi*”. Đồng quan điểm, CG1 nhận xét “*Hoạt động BD nếu được thực hiện theo các nguyên tắc này sẽ đảm bảo nâng cao được NLTC HĐTN cho GVTH, đáp ứng được yêu cầu triển khai HĐTN theo CTGDPT HĐTN ở tiểu học*”. CG3 cũng cho rằng “*các nguyên tắc đề xuất đã đảm bảo về mặt lý luận, thực tiễn và tính pháp lý của hoạt động BD*”. Các chuyên gia là GVTH cũng đánh giá cao những nguyên tắc này. CG7 khẳng định “*Nếu hoạt động BD được thực hiện theo những nguyên tắc này sẽ đảm bảo được tính hiệu quả, phù hợp hơn với thực tiễn của trường TH và nhu cầu của GVTH*”. Như vậy, qua ý kiến của chuyên gia thì những nguyên tắc bồi dưỡng NLTC HĐTN được luận

án đề xuất là phù hợp tuy nhiên để hoạt động BD được hiệu quả hơn, có thể xem xét bổ sung nguyên tắc linh hoạt và hiện đại, theo ý kiến của CG1, CG2. CG10 cũng cho rằng “*Cần tuân thủ tất cả các nguyên tắc nhưng nên đặc biệt chú trọng nguyên tắc về tính hiệu quả khi tổ chức BD cho GVTH về NLTC HĐTN*”.

5.4.1.2. Về mục tiêu của các chủ đề bồi dưỡng

Tổng hợp nhận xét của 11 chuyên gia thì 9/11 ý kiến đều xác nhận mục tiêu của các chủ đề BD được đề xuất trong luận án là rõ ràng, phù hợp với định hướng phát triển NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD cho GVTH. Cụ thể, CG5 nhận xét “*mục tiêu BD nhằm củng cố và phát triển NLTC HĐTN cho GVTH, đáp ứng yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN ở tiểu học*”. Đồng ý với nhận định này, CG4 nhấn mạnh “*mục tiêu BD có giá trị thực tiễn, hướng đến phát triển NLTC HĐTN cho đội ngũ GVTH ở các trường TH hiện nay*”. CG3 nhấn mạnh “*Phần lớn các mục tiêu ở mỗi chủ đề được xác định cụ thể, đo lường được*”. GVTH cũng đánh giá cao tính khả thi của mục tiêu các chủ đề BD. GV2 cho rằng “*các mục tiêu được mô tả khá chi tiết, tường minh về NL của GVTH sau khi tham gia BD*”. Tuy nhiên, theo CG1, CG2 thì cần bổ sung, mô tả chi tiết hơn mục tiêu để định hướng cho quá trình bồi dưỡng.

5.4.1.3. Về nội dung của các chủ đề bồi dưỡng

Nội dung của các chủ đề được xây dựng để bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN được các chuyên gia nhận xét là cần thiết và phù hợp. CG1 nhận định “*Nội dung BD cho mỗi NL đã được tác giả thể hiện qua các chủ đề một cách rõ ràng, cụ thể cùng với kế hoạch bồi dưỡng chi tiết*”. CG2 đánh giá “*Nội dung bồi dưỡng đảm bảo hàm lượng tri thức đủ để trang bị cho GVTH NLTC HĐTN*”. Trong khi đó, CG4 nhận xét “*Nội dung bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN khá toàn diện, bao quát và có tính khả thi, giúp GVTH hiểu về CTHĐTN ở bậc TH và SGK HĐTN đang thực hiện ở trường tiểu học*”. Đồng tình với ý kiến trên, chuyên gia là GVTH cũng đánh giá cao nội dung của các chủ đề bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN. CG8, CG10 cùng thống nhất nhận xét “*Nội dung*

được thiết kế và xây dựng ngắn gọn, xúc tích và đi đúng trọng tâm vấn đề cần bồi dưỡng". Tuy nhiên, muốn hoạt động BD hiệu quả thì CG2 cho rằng nên *"tập trung vào chương trình HĐTĐN hơn là tập trung vào SGK, GVTH phải nắm vững chương trình HĐTĐN và chỉ ra được NL đặc thù và mạch nội dung của chương trình thể hiện trong từng bộ SGK HĐTĐN"*. CG11 cũng đồng quan điểm này, Cô cho rằng cần *"tăng thời lượng BD về nội dung chương trình HĐTĐN"*.

5.4.1.4. Về hình thức, phương pháp bồi dưỡng

Theo 11/11 ý kiến đánh giá của chuyên gia thì hình thức, phương pháp BD mà đã được đề xuất để BD cho GVTH về NL chuyên môn về HĐTĐN, NLTC thực hiện HĐTĐN và NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTĐN là đa dạng, phong phú và phù hợp với nhu cầu của GVTH. CG1, CG2 cùng cho rằng *"Hình thức, phương pháp được đề xuất đa dạng, đáp ứng và phù hợp với xu hướng, thực tiễn hoạt động BD cho GVTH"*. Trong khi đó CG3, CG4, CG5 nhận xét hình thức, phương pháp BD được đề xuất đã *"đảm bảo tính phong phú, đa dạng và phù hợp"*. Hình thức, phương pháp BD cũng nhận được sự đánh giá cao về tính khả thi, phù hợp của chuyên gia là GVTH. Theo CG6 thì *"hình thức, phương pháp BD như vậy là hợp lý, đáp ứng được nhu cầu, điều kiện thực tiễn vừa dạy học vừa tham gia BD của GVTH"*.

5.4.1.5. Về kế hoạch bồi dưỡng

Theo đánh giá của 11 chuyên gia thì kế hoạch BD được đề xuất để thực hiện BD NL chuyên môn về HĐTĐN, NLTC thực hiện HĐTĐN và NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTĐN cho GVTH là hợp lý và khả thi. CG4 cho rằng *"Kế hoạch BD được xây dựng cụ thể, rõ ràng về thời gian, nội dung BD, hoạt động của người dạy và người học. Có sự chuẩn bị chu đáo về thiết bị hỗ trợ bồi dưỡng"*. CG2 nhận xét *"Kế hoạch BD cơ bản phù hợp tuy nhiên cần trình bày rõ khung thời gian BD chi tiết để việc thực hiện kế hoạch BD được kiểm soát chặt chẽ"*. Còn theo chuyên gia là GVTH thì kế hoạch BD đã đáp ứng được yêu cầu. GV1, GV2 thống nhất cho rằng *"Kế hoạch được thiết kế chi tiết, rõ ràng và được gửi trước cho giáo viên trước khi thực hiện BD, giúp giáo viên biết rõ mình cần làm gì và như thế nào"*.

5.4.1.6. Về đánh giá kết quả bồi dưỡng

Hệ thống công cụ/bài tập được đề xuất để đánh giá kết quả bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng GD để tổ chức HĐTN cho GVTH theo ý kiến của chuyên gia là đảm bảo tính khách quan, khoa học, phù hợp, đa dạng và khả thi. Chuyên gia là GVTH cũng cho rằng các bài tập đánh giá đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung bồi dưỡng. Tuy nhiên để đánh giá hiệu quả hơn thì CG2 cho rằng có thể xem xét “*bổ sung công cụ đánh giá là bản kế hoạch BD của GVTH và kế hoạch thực hành tổ chức HĐTN của GVTH để đánh giá xác thực hơn về NLTC HĐTN của giáo viên qua hành động thực tiễn*”.

5.4.1.7. Nhận xét chung về kết quả đánh giá của chuyên gia về các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

Qua ý kiến đánh giá chung của chuyên gia có thể rút ra một số nhận xét sau:

- Các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng bồi dưỡng để TCHĐTN cho GVTH có ý nghĩa về mặt khoa học, thực tiễn, phù hợp với quá trình triển khai HĐTN theo chương trình giáo dục phổ thông HĐTN ở bậc tiểu học.

- Các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng mang tính khả thi, có thể vận dụng để thực hiện bồi dưỡng nhằm phát triển NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng bồi dưỡng để TCHĐTN cho giáo viên tiểu học.

- Nguyên tắc, mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp bồi dưỡng, kế hoạch bồi dưỡng và đánh giá kết quả bồi dưỡng chi tiết cho từng chủ đề được đánh giá là phù hợp với thực tiễn và nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên tiểu học.

- Để hoạt động bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng bồi dưỡng để TCHĐTN cho GVTH được hiệu quả hơn có thể xem xét, bổ sung khung thời gian bồi dưỡng chi tiết để việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng được kiểm soát chặt; bổ sung công cụ đánh giá.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến đánh giá của chuyên gia, tác giả luận án đã bổ sung, chỉnh sửa nội dung của các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng để thực hiện thực nghiệm bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện HĐTN và NL phối hợp các lực lượng bồi dưỡng để TCHĐTN cho giáo viên tiểu học.

5.4.2. Kết quả kiểm nghiệm bằng phương pháp thực nghiệm sư phạm

5.4.2.1. Kết quả đánh giá năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Để có cơ sở so sánh, đánh giá kết quả bồi dưỡng cho GVTH bằng phương pháp thực nghiệm, tác giả luận án tiến hành đánh giá mức độ đạt được NL chuyên môn về HĐTĐ của GVTH trước khi tác động bồi dưỡng.

Kết quả cho thấy ở NL chuyên môn về HĐTĐ, chỉ báo NL được GVTH đạt được cao nhất trước TN là “*Nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện chương trình HĐTĐ*” với ĐTB = 4.12. Kế đến là chỉ báo “*Phân tích được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL của học sinh*” và “*Xác định được hình thức và loại hình HĐTĐ*” với cùng ĐTB là 4.03. GVTH cũng mô tả được đặc điểm của CTGDPT HĐTĐ (ĐTB= 4.00), xác định được mục tiêu của HĐTĐ (ĐTB= 3.97) và kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTĐ (ĐTB= 3.95). Như vậy, trước TN sư phạm, GVTH đã có NL chuyên môn về HĐTĐ tuy nhiên ĐTB đánh giá chưa quá vượt trội, còn có sự chênh lệch ở 1 số chỉ báo năng lực.

Sau tác động TN bồi dưỡng cho GVTH về NL chuyên môn về HĐTĐ theo chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng được luận án đề xuất thì NL này của GVTH đã có sự thay đổi và phát triển hơn. Số liệu cụ thể ở bảng 5.1.

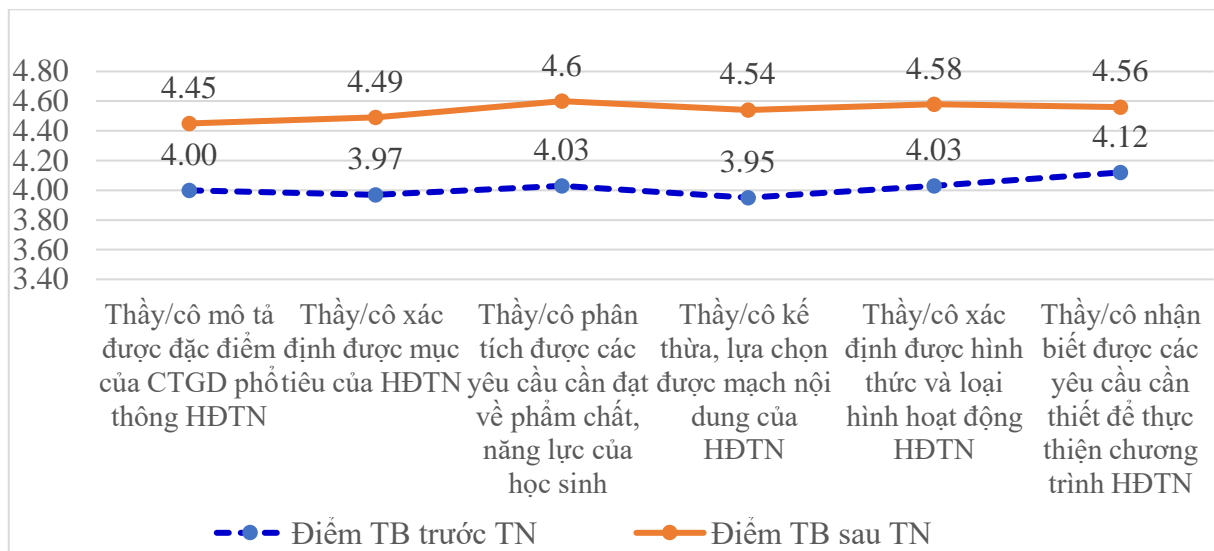
Bảng 5.1: Năng lực chuyên môn về HĐTĐ của GVTH sau thực nghiệm

TT	NL chuyên môn về HĐTĐ của GVTH sau TN	ĐTB	ĐLC
1	Mô tả được đặc điểm của CTGDPT HĐTĐ	4.45	.594
2	Xác định được mục tiêu của HĐTĐ	4.49	.598
3	Phân tích được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL của HS	4.60	.534
4	Kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTĐ	4.54	.559
5	Xác định được hình thức và loại hình HĐTĐ	4.58	.516
6	Nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện CT HĐTĐ	4.56	.539

Số liệu mô tả ở bảng 5.1 cho thấy chỉ báo NL mà GVTH đạt được cao nhất sau TN là “*Phân tích được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL của học sinh*” với ĐTB là 4.60. Các chỉ báo NL khác cũng thay đổi theo hướng tăng, xếp ở các vị trí tiếp theo là “*Xác định được hình thức và loại hình HĐTĐ*”, ĐTB= 4.58; “*Nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện chương trình HĐTĐ*”, ĐTB= 5.46; “*Kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTĐ*”, ĐTB= 4.54. Như vậy, so với trước tác động TN thì

GVTH đã có sự phát triển ở NL chuyên môn về HĐTĐ theo hướng tích cực.

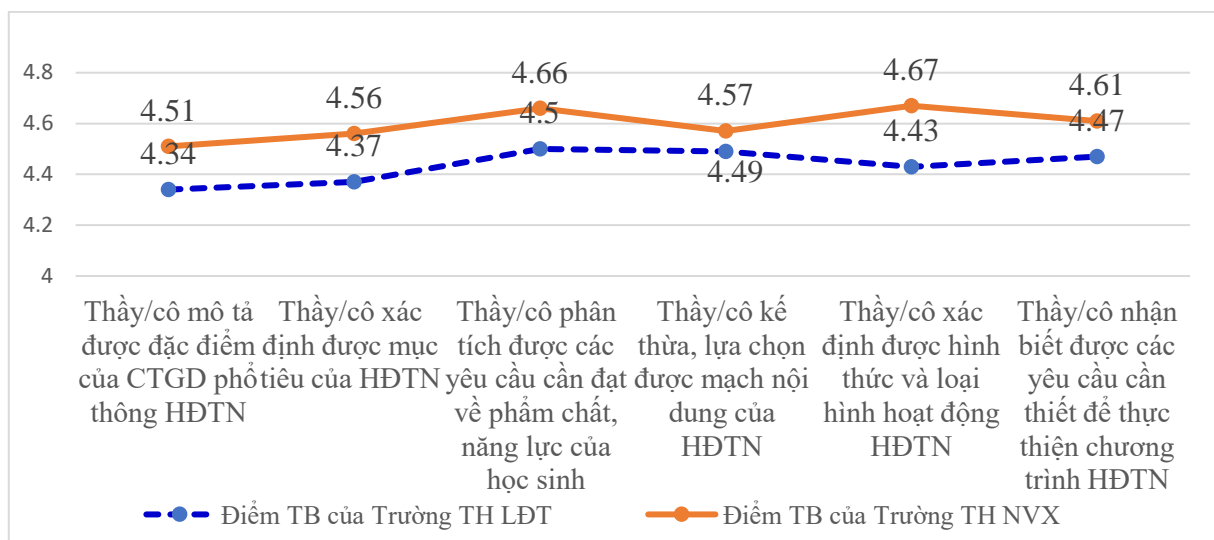
Để thấy rõ sự thay đổi ở NL chuyên môn về HĐTĐ của GVTH sau TN, tác giả luận án so sánh ĐTB đánh giá các chỉ báo NL trước và sau tác động TN ở biểu đồ 5.1.



Biểu đồ 5.1: Năng lực chuyên môn của GVTH trước và sau thực nghiệm

Theo kết quả ở biểu đồ trên thì có sự thay đổi rõ ở các chỉ báo NL chuyên môn về HĐTĐ của GVTH trước và sau tác động thực nghiệm. Những chỉ báo NL được GVTH đạt được thấp trước tác động TN đã có sự thay đổi tích cực. Cụ thể chỉ báo “*Kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của hoạt động trải nghiệm*” được đánh giá thấp nhất trước TN, đã tăng từ ĐTB = 3.95 lên ĐTB = 4.54; chỉ báo “*Xác định được mục tiêu của hoạt động trải nghiệm*”, ĐTB từ 3.97 tăng lên 4.49 và chỉ báo “*Mô tả được đặc điểm của chương trình GDPT hoạt động trải nghiệm*” với ĐTB tăng từ 4.00 lên 4.45. Các chỉ báo NL khác khi đối sánh cũng thay đổi theo chiều hướng tích cực.

Phân tích chi tiết ĐTB các chỉ báo NL thuộc NL chuyên môn về HĐTĐ của GV hai trường TN cũng khẳng định rằng thực nghiệm BD đã góp phần thay đổi NL chuyên môn về HĐTĐ cho giáo viên. Kết quả thể hiện ở biểu đồ 5.2.



Biểu đồ 5.2: Năng lực chuyên môn về HDTN của GVTH hai trường sau thực nghiệm

Kết quả thể hiện ở biểu đồ trên cho thấy GVTH của trường TH LĐT có thay đổi ở NL chuyên môn về HDTN so với trước TN. Trước TN, ĐTB của thầy cô giao động từ 3.52 đến 3.81 và sau TN thì tất cả các chỉ báo đều thay đổi, với ĐTB đánh giá >4.00. Trong đó, chỉ báo thấp nhất trước TN là “Xác định được mục tiêu của HDTN” đã đạt ĐTB =4.37 sau TN BD. So sánh với kết quả trước TN của GV trường NVX cũng tương tự. Chỉ báo NL thấp nhất trước TN là “Kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HDTN” với ĐTB là 4.08 đã tăng lên 4.57 sau khi tham gia bồi dưỡng.

Sự thay đổi theo chiều hướng tăng ở tất cả các chỉ báo thuộc NL chuyên môn về HDTN của GVTH xuất phát từ việc xác định rõ mục tiêu, nội dung bồi dưỡng kết hợp với việc sử dụng đa dạng hình thức, phương pháp để thực hiện bồi dưỡng cho giáo viên. Bên cạnh đó, đội ngũ chuyên gia là tổng chủ biên của bộ SGK HDTN tham gia BD cho giáo viên tiểu học cũng là yếu tố quan trọng làm thay đổi NL chuyên môn về HDTN của thầy cô. Các chuyên gia đã bồi dưỡng cho GVTH về tất cả các vấn đề của chương trình GDPT HDTN và đi hướng dẫn chi tiết cho GVTH cách thức triển khai nội dung HDTN theo SGK HDTN ở bậc tiểu học đồng thời giải đáp tất cả những thắc mắc, khó khăn, trở ngại của giáo viên NTN trong quá trình thực hiện chương trình HDTN và SGK HDTN ở tiểu học.

Thực hiện kiểm định Paired – sample T- Test để so sánh sự khác biệt về ĐTB trước và sau khi tác động bồi dưỡng, kết quả kiểm định ở từng cặp chỉ báo NL đều

cho thấy giá trị Sig.= 000 < 0.05, có nghĩa là có khác biệt ý nghĩa thống kê trong đánh giá của GVTH về sự phát triển các chỉ báo của NL chuyên môn về hoạt động trải nghiệm (xem phụ lục 11).

Như vậy, sự thay đổi theo chiều hướng tăng ở NL chuyên môn về HĐTN của GVTH sau khi tham gia bồi dưỡng đã khẳng định được tính hiệu quả của chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng năng lực chuyên môn về HĐTN được đề xuất trong luận án.

5.3.2.2. Kết quả đánh giá năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Để đánh giá chính xác sự thay đổi của GVTH sau thực nghiệm bồi dưỡng, tác giả luận án đã tiến hành đánh giá mức độ đạt được NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN của giáo viên trước khi thực hiện bồi dưỡng. Kết quả thể hiện ở bảng 5.2.

Bảng 5.2: NL phối hợp các lực lượng để TCHĐTN của GVTH trước thực nghiệm

TT	Năng lực phối hợp các lực lượng để tổ chức HĐTN của GVTH trước thực nghiệm	ĐTB	ĐLC
1	Xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng GD	3.97	1.022
2	Xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp	4.02	1.049
3	Xác định được hình thức, phương pháp thực hiện phối hợp	4.22	.980
4	Xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp	4.04	1.021
5	Huy động được các lực lượng GD có liên quan để TCHĐTN	4.00	1.049
6	Huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành phối hợp	4.13	.997

Kết quả khảo sát trước khi tiến hành bán thực nghiệm cho thấy GVTH đã có NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN ở mức khá, với ĐTB tự đánh giá dao động từ 3.97 đến 4.22. Trong đó, chỉ báo NL được GVTH đánh giá cao nhất là “Xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp”, với ĐTB = 4.22. Kế đến là chỉ báo “Huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành phối hợp” (ĐTB = 4.13). Giáo viên cũng đã có thể xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp (ĐTB = 4.04), Xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp (ĐTB = 4.02) và huy động được các lực lượng GD có liên quan để TCHĐTN (ĐTB = 4.00). “Xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục” (ĐTB =

3.97) là chỉ báo NL giáo viên đánh giá thấp nhất trong NL phối hợp các lực lượng GD để tổ chức HĐTN trước thực nghiệm. Như vậy, trước khi tác động thực nghiệm bồi dưỡng thì GVTH đã đạt được NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN, tuy nhiên ĐTB tự đánh giá không quá vượt trội.

Thực nghiệm bồi dưỡng NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho GVTH được thực hiện theo chủ đề và kế hoạch BD đã được xây dựng và đề xuất ở chương 4 của luận án. Hình thức được sử dụng là bồi dưỡng tập trung, trực tiếp kết hợp với hình thức tự BD của GVTH ở NTN có hỗ trợ của chuyên gia bồi dưỡng.

Chuyên gia thực hiện BD năng lực này là chủ biên SGK HĐTN đồng thời là người có nhiều kinh nghiệm về phối hợp các lực lượng GD trong nhà trường tiểu học. Chuyên gia đã phân tích kỹ vấn đề về phối hợp các lực lượng GD khi TCHĐTN, đưa ra các tình huống cụ thể để GVTH thực hành xác định các lực lượng GD cần thiết và XDKH phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho học sinh tiểu học. Chuyên gia bồi dưỡng cũng trao đổi với giáo viên ở NTN về quá trình thầy cô thực hiện hoạt động phối hợp để TCHĐTN trước đó và giải đáp thắc mắc cho giáo viên.

Tiến hành đánh giá sau tác động bồi dưỡng cho thấy NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN của GVTH ở NTN có sự thay đổi theo hướng tăng. Kết quả cụ thể ở bảng 5.3.

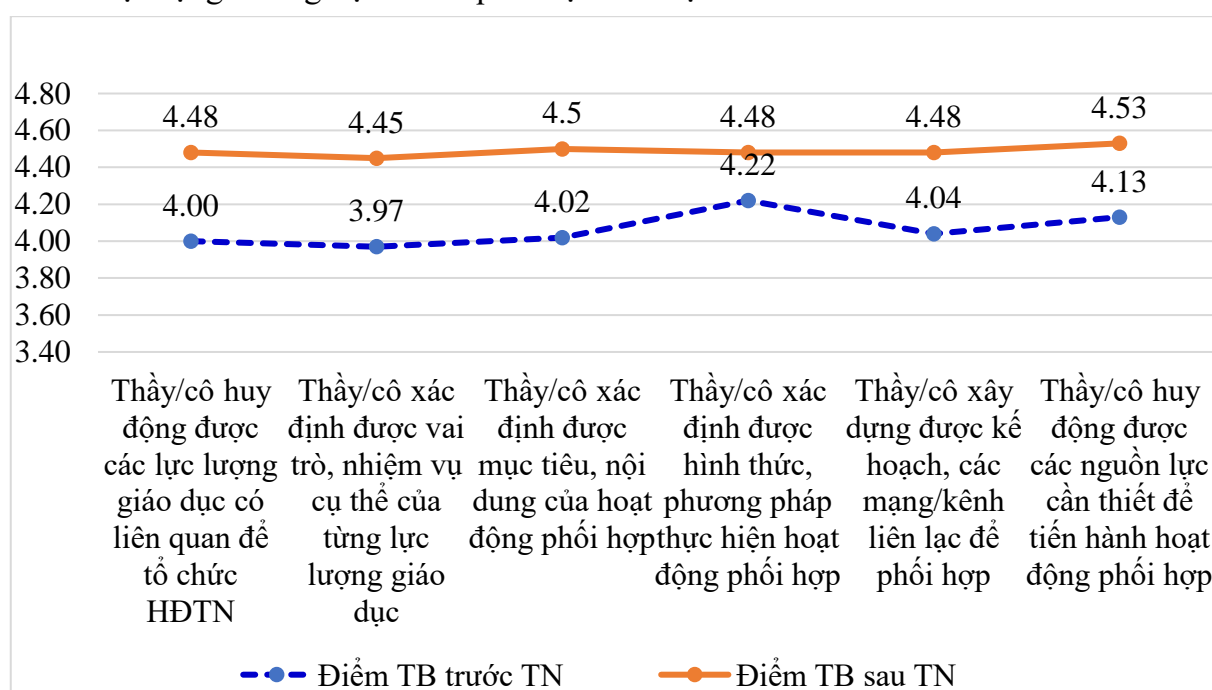
Bảng 5.3: Năng lực phối hợp các lực lượng để TCHĐTN của GVTH sau thực nghiệm

TT	Năng lực phối hợp các lực lượng để TCHĐTN của GVTH sau thực nghiệm	ĐTB	ĐLC
1	Xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng GD	4.45	.611
2	Xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp	4.50	.542
3	Xác định được hình thức, phương pháp thực hiện phối hợp	4.48	.560
4	Xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp	4.48	.578
5	Huy động được các lực lượng GD có liên quan để TCHĐTN	4.48	.560
6	Huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành phối hợp	4.53	.542

Xem xét kết quả tự đánh của GVTH ở bảng 5.3 sau khi tham gia bồi dưỡng cho thấy các chỉ báo thuộc NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN điều tăng và đạt ở mức khá tốt, với ĐTB từ 4.45 đến 4.53. Trong đó, “Huy động được các nguồn lực

cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp” là chỉ báo NL GVTH đạt được cao nhất, với ĐTB = 4.53 sau thực nghiệm. Kế đến là *“Xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp”*, với ĐTB = 4.50. Các chỉ báo còn lại như xác định được hình thức, phương pháp thực hiện phối hợp, xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục, huy động được các lực lượng GD có liên quan để tổ chức HĐTN cũng có sự thay đổi và phát triển khá tốt sau bồi dưỡng, với ĐTB tự đánh giá dao động từ 4.45 đến 4.48.

Đối chiếu với kết quả tự đánh giá trước TN của GVTH thì có thể khẳng định thực nghiệm BD cho GVTH đã phát triển được NL phối hợp các lực lượng GD để tổ chức hoạt động trải nghiệm. Kết quả được thể hiện ở biểu đồ 5.3.

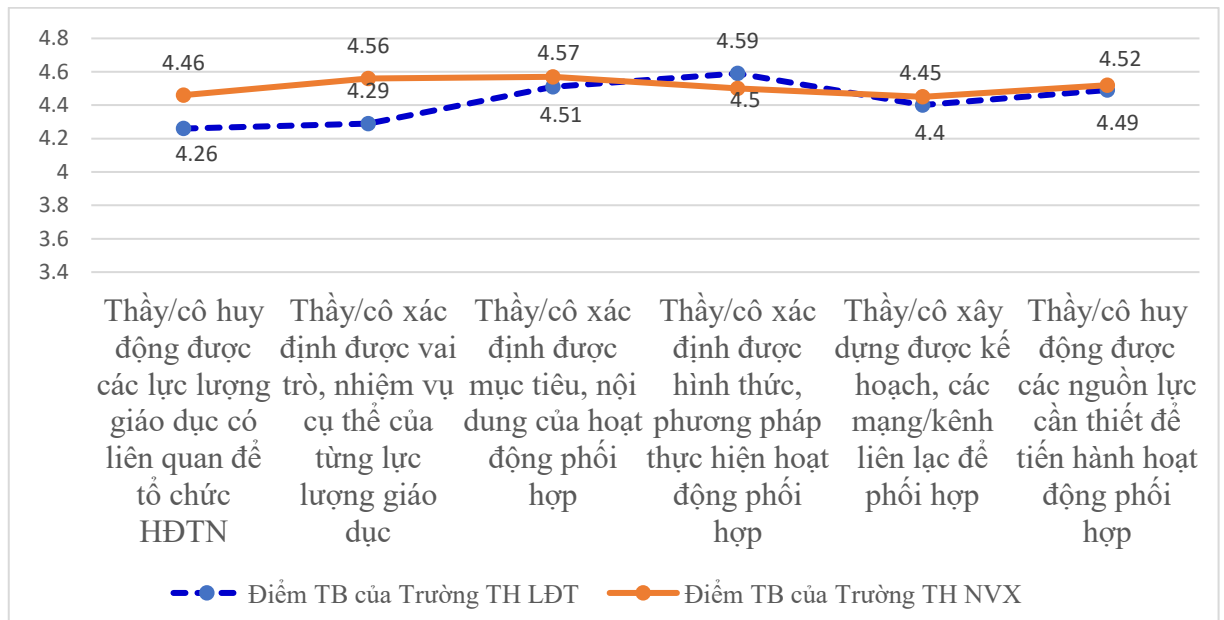


Biểu đồ 5.3: Năng lực phối hợp các lực lượng để TCHĐTN trước và sau thực nghiệm

Đối chiếu đánh giá của GVTH trước và sau bồi dưỡng theo biểu đồ 5.2 thì các chỉ báo NL được đánh giá thấp nhất bồi dưỡng là *“Xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng GD”*, với ĐTB = 3.97 đã có sự thay đổi khá nhiều sau tác động bồi dưỡng, với ĐTB đánh giá là 4.45; chỉ báo *“Xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp”*, ĐTB tăng từ 4.02 lên 4.50; *“Huy động được các lực lượng giáo dục có liên quan để TCHĐTN”*, ĐTB từ 4.00 lên 4.48. Các chỉ báo còn lại của năng lực này đều có sự thay đổi tích cực khi so sánh với kết quả đánh giá trước khi tác động bồi dưỡng.

So sánh NL của GVTH theo từng trường TN cũng thể hiện phát triển tích cực so

với trước khi thực nghiệm. Chỉ báo NL của thầy cô trường LĐT sự thay đổi rõ rệt so với trước TN, với ĐTB tự đánh giá của thầy cô từ 4.26 đến 4.51, trong khi đó chỉ số này trước khi TN chỉ ở mức từ 3.57 đến 4.27. Số liệu cụ thể được trình bày ở biểu đồ 5.4.



Biểu đồ 5.4: NL phối hợp các lực lượng để TCHĐTN của GVTH hai trường sau TN

Kiểm định Paired – sample T- Test theo từng cặp chỉ báo NL trước và sau TN thì có khác biệt ý nghĩa thống kê (giá trị Sig.<0.05) trong đánh giá của GVTH ở các chỉ báo năng lực số 1, 2, 3, 4, 6 (xem phụ lục 11). Điều này cũng có nghĩa là hoạt động bồi dưỡng NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN cho GVTH đã đảm bảo khách quan, khoa học và có tác động tích cực, thay đổi, phát triển được NL của giáo viên. Kết quả này cũng khẳng định tính hiệu quả của hoạt động bồi dưỡng NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN theo chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được đề xuất, do đó có thể vận dụng đề xuất này để tiến hành BD đại trà cho giáo viên tiểu học.

5.3.2.3. Kết quả đánh giá năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm của giáo viên tiểu học

Mục tiêu chính của hoạt động bồi dưỡng là hướng đến phát triển NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học. Sau thực nghiệm bồi dưỡng cho GVTH về NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN đã cho kết quả khả quan, làm thay đổi và phát triển được hai NL này cho giáo viên. Đây là cũng tín hiệu tích cực, làm cơ sở cho thực nghiệm bồi dưỡng NLTC thực hiện HĐTN cho giáo viên.

Để tiến hành thực nghiệm bồi dưỡng cho GVTH được hiệu quả, cần đánh giá chính xác mức độ đạt được NL này của GVTH trước khi thực hiện bồi dưỡng. Kết quả đánh giá thể hiện ở bảng 5.4.

Bảng 5.4: NLTC thực hiện HĐTĐN của GVTH trước thực nghiệm

TT	NLTC thực hiện HĐTĐN của GVTH trước thực nghiệm	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTĐN	4.13	1.073
2	Thực hiện được nội dung HĐTĐN theo kế hoạch	4.18	.990
3	Sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp TCHĐTĐN	3.96	1.038
4	Tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục tổ chức hoạt động trải nghiệm	4.14	1.055
5	Sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức hoạt động trải nghiệm	4.07	1.003
6	Đánh giá được kết quả tham gia HĐTĐN của học sinh	4.22	.982

Theo ý kiến đánh giá của GVTH trước khi thực hiện bồi dưỡng thì thầy cô đã đạt được NLTC thực hiện HĐTĐN ở mức khá, với ĐTB đạt được từ 3.96 đến 4.22. Trong đó, chỉ báo mà GVTH đạt được tốt nhất trước bồi dưỡng ở NL này là “*Đánh giá được kết quả tham gia HĐTĐN của học sinh*” (ĐTB = 4.22). Xếp ở vị trí tiếp theo là “*Thực hiện được nội dung HĐTĐN theo kế hoạch*” với ĐTB là 4.18. Giáo viên cũng đánh giá bản thân có khả năng tổ chức, điều khiển và hướng dẫn HS và các lực lượng GD thực hiện HĐTĐN (ĐTB = 4.14); Xây dựng được kế hoạch, quy trình TCHĐTĐN (ĐTB = 4.13). Chỉ báo GVTH đạt được thấp nhất ở năng lực này trước khi tham gia bán thực nghiệm là “*Sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTĐN*” với ĐTB = 3.96. Như vậy, trước khi tác động bồi dưỡng thì mức độ đạt được NLTC thực hiện HĐTĐN của GVTH ở khá, tuy nhiên ĐTB đạt được không quá vượt trội.

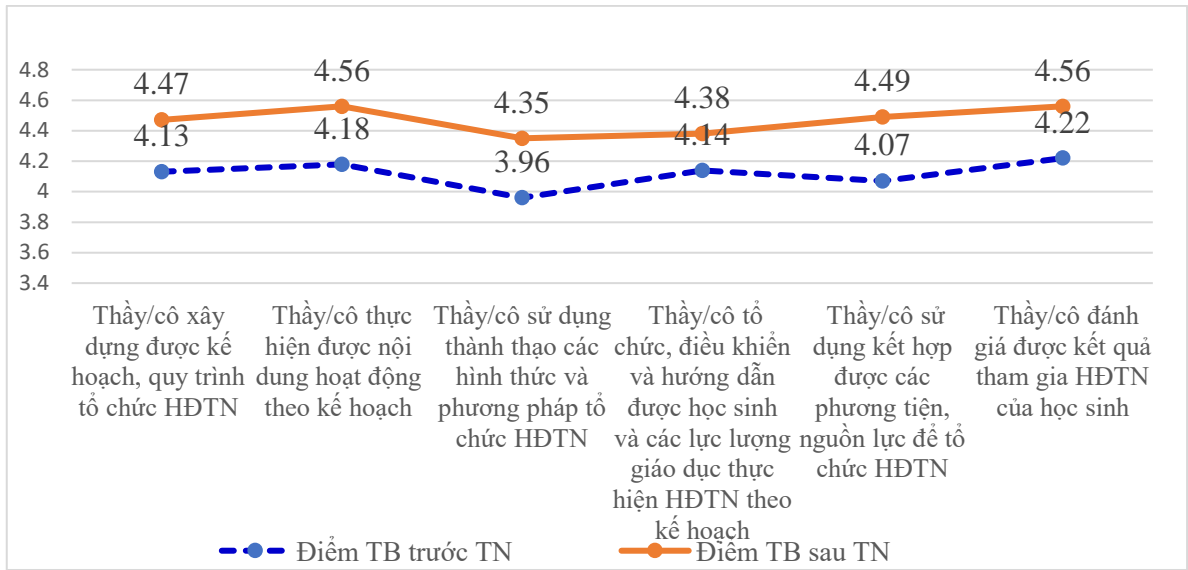
Trên nền tảng NLTC thực hiện HĐTĐN đã có của giáo viên NTN, tác giả luận án đã đề xuất chủ đề và kế hoạch BD chi tiết để phát triển NL này cho giáo viên. Hình thức BD được sử dụng là BD trực tiếp, kết hợp với tự BD của giáo viên NTN và dự giờ thực hành TCHĐTĐN của giáo viên. Những phương pháp BD được sử dụng là thuyết trình, vấn đáp, quan sát và thực hành. Chuyên gia thực hiện bồi dưỡng cho giáo viên NTN là cán bộ quản lý trường TH và giáo viên cốt cán môn HĐTĐN ở trường tiểu học. Kết quả đánh giá mức độ đạt được NLTC thực hiện HĐTĐN sau thực nghiệm được thể hiện ở bảng 5.5.

Bảng 5.5: NLTC thực hiện HĐTĐN của GVTH sau thực nghiệm

TT	NLTC thực hiện HĐTĐN của GVTH sau thực nghiệm	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTĐN	4.47	.541
2	Thực hiện được nội dung HĐTĐN theo kế hoạch	4.56	.539
3	Sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp TCHĐTĐN	4.35	.594
4	Tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được HS và các lực lượng giáo dục để tổ chức HĐTĐN	4.38	.696
5	Sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTĐN	4.49	.580
6	Đánh giá được kết quả tham gia HĐTĐN của học sinh	4.56	.596

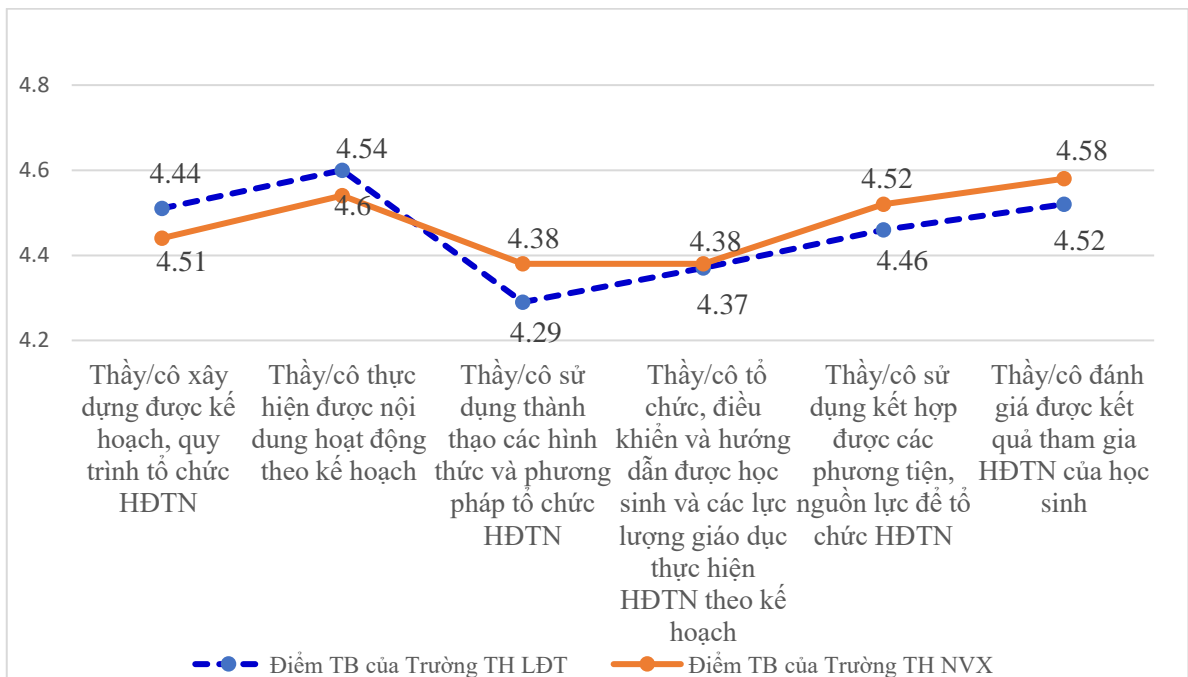
Theo bảng 5.5, ĐTB tự đánh giá của GVTH sau TN khá cao, dao động từ 4.35 đến 4.56. Trong đó, chỉ báo năng lực GVTH đạt được cao nhất sau TN là “*Đánh giá được kết quả tham gia HĐTĐN của học sinh*” và “*Thực hiện được nội dung HĐTĐN theo kế hoạch*” với cùng ĐTB là 4.56. Đây cũng là hai chỉ báo NL GVTH đạt được cao nhất trước thực nghiệm, điều này cũng xác nhận rằng thực nghiệm BD đã tiếp tục củng cố, phát triển được các chỉ báo NL cho giáo viên. Các chỉ báo NL còn lại trong NLTC thực hiện HĐTĐN cũng phát triển sau thực nghiệm bồi dưỡng. Như vậy, có thể khẳng định GVTH tham gia TN đã được củng cố, phát triển NLTC thực hiện HĐTĐN.

So sánh chi tiết từng chỉ báo NL giữa trước và sau TN cũng thể hiện rõ sự thay đổi ở NLTC thực hiện HĐTĐN của GVTH theo chiều hướng tăng. Xem xét từng chỉ báo NL giữa trước và sau TN đều có sự phát triển. Trong đó, chỉ báo GVTH đạt được thấp nhất trước TN là “*Sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp TCHĐTĐN*” (ĐTB=3.96) đã thay đổi tích cực sau khi TN, với ĐTB = 4.35. Chỉ báo “*Sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để TCHĐTĐN*”, ĐTB tăng từ 4.07 lên 4.49; “*Xây dựng được kế hoạch, quy trình TCHĐTĐN*” ĐTB tăng từ 4.12 lên 4.48. Thông tin chi tiết ở biểu đồ 5.5.



Biểu đồ 5.5: NLTC thực hiện HĐTN của GVTH trước và sau thực nghiệm

Phân tích theo trường TN cũng thể hiện rõ sự thay đổi về NLTC thực hiện HĐTN của GVTH theo từng trường. So với trước TN thì chỉ có 2/6 chỉ báo NL của GVTH trường TH LĐT có ĐTB > 4.0, 4/6 chỉ báo NL có ĐTB < 4.0. Sau thực nghiệm BD thì NLTC thực hiện HĐTN của GVTH trường TH LĐT đạt được ở mức cao, với ĐTB các chỉ báo từ 4.29 đến 4.60. Kết quả được thể hiện ở biểu đồ 5.6.



Biểu đồ 5.6: NLTC thực hiện HĐTN của GVTH hai trường sau TN

Tiến hành kiểm định Paired – sample T- Test theo từng cặp chỉ báo NLTC, thực

hiện HĐTN trước và sau TN thì có khác biệt ý nghĩa thống kê (giá trị Sig. < 0.05) ở chỉ báo số 1, 2, 3, 5, 6 theo đánh giá của GVTH (xem phụ lục 11).

Như vậy, sự thay đổi theo chiều hướng tăng ở NLTC thực hiện HĐTN của GVTH sau khi tham gia bồi dưỡng đã khẳng định được hiệu quả của hoạt động nghiêm BD theo chủ đề, kế hoạch BD luận án đã đề xuất. Do đó, có thể xem xét vận dụng chủ đề, kế hoạch này để thực hiện BD cho giáo viên tiểu học.

5.3.2.4. Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm sư phạm

Trên cơ sở phân tích kết quả thực nghiệm bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN, NLTC thực hiện HĐTN cho GVTH có thể rút ra những nhận xét như sau:

- Trước khi tiến hành thực nghiệm, GVTH đã đạt được NL chuyên môn về HĐTN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN, NLTC thực hiện HĐTN ở mức khá tuy nhiên không quá vượt trội.

- Thực nghiệm bồi dưỡng cho giáo viên tiểu tuân thủ các nguyên tắc BD đã được xác định; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung của từng chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng chi tiết được đề xuất. Quá trình thực nghiệm bồi dưỡng cho GVTH đã vận dụng đa dạng các hình thức, phương pháp bồi dưỡng và có sự tham gia của nhiều chuyên gia có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm về HĐTN và TCHĐTN ở tiểu học.

- Kết quả thực nghiệm đã có hiệu quả, phát triển được NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN cho giáo viên tiểu học. Kết quả so sánh cho thấy có sự chênh lệch theo chiều hướng tăng trong mức độ đạt được các chỉ báo của ba NL này của giáo viên trước và sau khi tham gia bồi dưỡng theo chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được luận án đề xuất.

- Kết quả kiểm định sự khác biệt trung bình ở mỗi năng lực điều có khác biệt có ý nghĩa thống kê. Vì vậy, có thể khẳng định hoạt động thực nghiệm bồi dưỡng theo các chủ đề và kế hoạch BD được luận án đề xuất đã có hiệu quả, phát triển được NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN cho giáo viên tiểu học.

Để khẳng định tính hiệu quả của hoạt động thực nghiệm sư phạm theo các chủ đề và kế hoạch BD được đề xuất, tác giả luận án tiến hành xin ý kiến đánh giá của giáo viên NTN với câu hỏi “*Thầy/cô vui lòng đánh giá các yếu tố về hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN mà thầy cô được tham gia vừa qua như thế nào?(với thang đo từ 1: kém; 2: yếu; 3: trung bình; 4: khá; 5: tốt)*”. Tổng hợp ý kiến của GVTH ở NTN

cho thấy thầy cô đã đánh giá tốt các yếu tố thuộc các chủ đề và kế hoạch BD được đề xuất. Kết quả ở bảng 5.6.

Bảng 5.6: Đánh giá của GVTH về các yếu tố của hoạt động BD NLTC HĐTĐN

TT	Các yếu tố của hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTĐN	ĐTB	ĐLC
1	Mục tiêu bồi dưỡng	4.51	.630
2	Nội dung bồi dưỡng	4.77	.450
3	Thời lượng của các chủ đề bồi dưỡng	4.67	.493
4	Hình thức bồi dưỡng	4.61	.530
5	Kế hoạch bồi dưỡng	4.64	.497
6	Đánh giá kết quả bồi dưỡng	4.51	.630
7	Các điều kiện hỗ trợ bồi dưỡng	4.44	.576
8	Đội ngũ chuyên gia/giáo viên tham gia BD cho GVTH	4.64	.503

Số liệu cụ thể ở bảng 5.6 cho thấy, yếu tố giáo viên đánh giá cao nhất là “*Nội dung các chủ đề bồi dưỡng*” với ĐTB= 4.77; kế đến là “*Thời lượng của các chủ đề bồi dưỡng*” với ĐTB= 4.67. GVTH ở NTN đánh giá tốt về “*Đội ngũ chuyên gia/giáo viên tham gia bồi dưỡng*”; “*Kế hoạch bồi dưỡng*” với cùng ĐTB đánh giá là 4.64. Các yếu tố khác cũng được giáo viên NTN đánh giá khá tốt.

Tổng hợp kết quả kiểm nghiệm đánh giá từ phương pháp chuyên gia và phương pháp thực nghiệm sư phạm có thể khẳng định các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTĐN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTĐN; NLTC thực hiện HĐTĐN cho GVTH được đề xuất trong luận án có tính khả thi, phù hợp và hiệu quả. Kết quả thực nghiệm bồi dưỡng đã phát triển được NL chuyên môn về HĐTĐN, NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTĐN và NLTC thực hiện HĐTĐN của giáo viên NTN. Vì vậy, có thể vận dụng những đề xuất này để thực hiện bồi NLTC HĐTĐN cho giáo viên tiểu học.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 5

- Hiện thực hóa các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN cho GVTH được đề xuất ở chương 4, tác giả luận án đã tiến hành kiểm nghiệm đánh giá kết quả đề xuất này ở chương 5. Từ kết quả kiểm nghiệm đánh giá bằng phương pháp chuyên gia và thực nghiệm sư phạm có thể rút ra những kết luận sau:

- Xác định được mục đích kiểm nghiệm đánh giá là nhằm đánh giá tính khả thi, phù hợp và hiệu quả của các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được đề xuất qua đó chứng minh được giả thuyết khoa học.

- Xác định được nội dung kiểm nghiệm và phương pháp kiểm nghiệm để đánh giá các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN cho GVTH được đề xuất.

- Sử dụng phương pháp chuyên gia để đánh giá tính khả thi, phù hợp của các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng và phương pháp thực nghiệm có đối chứng để đánh giá tính hiệu quả của các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng được đề xuất.

- Kết quả đánh giá bằng phương pháp chuyên gia cho thấy có sự tương đồng cao trong ý kiến của 11 chuyên gia về các chủ đề và kế hoạch BD đã đề xuất. Các chuyên gia đánh giá cao tính khả thi, phù hợp của các chủ đề và kế hoạch BD chi tiết NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN. Đề xuất ba chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng trong luận án phù hợp với nhu cầu bồi dưỡng của GVTH về HĐTN và NLTC hoạt động trải nghiệm.

- Kết quả đánh giá bằng phương pháp TN sư phạm cho thấy hoạt động TN bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN theo các chủ đề và kế hoạch BD được đề xuất đã phát huy tính hiệu quả. Hoạt động thực nghiệm bồi dưỡng đã phát triển được NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN của giáo viên ở NTN. Mức độ đạt được ba năng lực này của giáo viên tiểu học ở NTN cao hơn so với trước khi tác động thực nghiệm. Kết quả kiểm định khác biệt trung bình

cũng khẳng định có khác biệt có ý nghĩa thống kê. Giáo viên tiểu học tham gia thực nghiệm cũng đánh giá tốt các yếu tố thuộc các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NLTC HĐTN đã được đề xuất.

Như vậy, kết quả kiểm nghiệm đánh giá đã khẳng định được tính khả thi, phù hợp và hiệu quả của các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng đã đề xuất trong luận án; thực nghiệm sư phạm theo các đề xuất này đã phát triển được NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NLTC thực hiện HĐTN của giáo viên tiểu học.

Kết quả kiểm nghiệm đánh giá đã chứng minh được giả thuyết nghiên cứu của luận án vì vậy có thể vận dụng các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng này để triển khai bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Từ những kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH, có thể rút ra những kết luận sau:

- Thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và chứng minh được giả thuyết nghiên cứu của luận án.

- Tổng quan được nghiên cứu về TCHĐTN ở trường TH; NLTC HĐTN của GVTH và bồi dưỡng NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học. Tuy nhiên kết quả nghiên cứu tổng quan cũng cho thấy chưa có nhiều những công trình nghiên cứu chuyên sâu về bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH theo chương trình GDPT HĐTN đang thực hiện ở nước ta.

- Hệ thống và làm rõ được những khái niệm chính của luận án như hoạt động trải nghiệm, năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm, bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm.

- Xác định, làm rõ được đặc điểm của TCHĐTN ở tiểu học gồm mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp TCHĐTN, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả HĐTN và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình TCHĐTN ở tiểu học theo chương trình GDPT hoạt động trải nghiệm.

- Xây dựng và đề xuất được khung NLTC HĐTN cho GVTH với 6 năng lực: NL chuyên môn về HĐTN; Năng lực XDKH tổ chức HĐTN; NLTC thực hiện HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN; NL đánh giá kết quả HĐTN; NL sử dụng nguồn lực, phương tiện, thiết bị để TCHĐTN.

- Xác định, làm rõ được vai trò của GVTH trong quá trình thực hiện HĐTN ở trường tiểu học; mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp bồi dưỡng NLTC HĐTN, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả BD và các yếu tố ảnh hưởng đến bồi dưỡng NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học.

- Đánh giá được thực trạng TCHĐTN của GVTH tại TP.HCM theo chương trình GDPT hoạt động trải nghiệm. Hầu hết GVTH đã tham gia TC/hỗ trợ TCHĐTN cho học sinh. GVTH đã cơ bản thực hiện mục tiêu, nội dung HĐTN bằng nhiều hình thức,

phương pháp khác nhau; GVTH đã phối với các lực lượng GD để tổ chức HĐTN cho học sinh.

- Quá trình tổ chức HĐTN của GVTH cũng còn nhiều vấn đề cần cải thiện. Đó là GVTH chưa có nhận thức tốt về mục tiêu của HĐTN; một số nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN chưa được thực hiện đầy đủ, thường xuyên; GVTH chưa phối hợp thường xuyên với cán bộ quản lý nhà trường và địa phương trong quá trình tổ chức HĐTN cho học sinh.

- Giáo viên tiểu học đã có NLTC HĐTN ở mức khá, cơ bản đáp ứng được yêu cầu TCHĐTN theo CTGDPT HĐTN ở bậc tiểu học. Tuy nhiên, mức độ đạt được NLTC HĐTN của giáo viên tiểu học chưa đồng đều trong đó ba năng lực GVTH đạt được chưa thật sự nổi trội và có mong muốn được bồi dưỡng là NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN và NLTC thực hiện hoạt động trải nghiệm.

- Hoạt động bồi dưỡng về NLTC HĐTN cho GVTH đã được thực hiện, đã đáp ứng được cơ bản nhu cầu của giáo viên tiểu học. Tuy nhiên hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH cũng còn nhiều hạn chế như chưa có hoạt động, chương trình BD cụ thể cho từng NLTC HĐTN; tỷ lệ GVTH tham gia hoạt động BD thấp; hoạt động bồi dưỡng trực tiếp, tập trung cho GVTH chưa được thực hiện thường xuyên và GVTH chưa chủ động thực hiện tự BD về NLTC hoạt động trải nghiệm. Kết quả hoạt động bồi dưỡng chỉ ở mức chấp nhận được.

- Xác định được 3 năng lực thuộc khung NLTC HĐTN cần bồi dưỡng cho GVTH là NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN và NLTC thực hiện hoạt động trải nghiệm. Xây dựng và đề xuất được 3 chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng chi tiết để bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN và NLTC thực hiện HĐTN cho giáo viên tiểu học.

- Kết quả kiểm nghiệm đánh giá đã khẳng định được tính khả thi, phù hợp và hiệu quả của các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng do luận án đề xuất. Kết quả thực nghiệm sư phạm theo các đề xuất của luận án đã phát triển được NL chuyên môn về HĐTN; NL phối hợp các lực lượng GD để TCHĐTN và NLTC thực hiện HĐTN của giáo viên

tiểu học vì vậy có thể vận dụng các chủ đề, kế hoạch bồi dưỡng này để triển khai bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học.

2. KHUYẾN NGHỊ

Căn cứ vào kết quả đánh giá của luận án về hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH tại TP.HCM có thể khẳng định việc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động bồi dưỡng để phát triển NLTC HĐTN cho GVTH trong giai đoạn hiện nay là cần thiết. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả luận án cho rằng để bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH cần tiếp tục thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

2.1. Đối với các cơ quan quản lý ngành giáo dục và đào tạo

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến thông tin cho GVTH về chương trình GDPT HĐTN; về vị trí, vai trò của hoạt động bồi dưỡng để nâng cao nhận thức cho GVTH về HĐTN và hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học.

- Tăng cường, quán triệt chủ trương chính sách về bồi dưỡng cho GVTH, đồng thời có biện pháp triển khai, thực hiện đầy đủ và có chất lượng hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học về hoạt động trải nghiệm.

- Tăng cường chỉ đạo, quản lý, giám sát việc triển khai thực hiện hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho GVTH ở các địa phương và trường tiểu học thuộc thẩm quyền quản lý.

- Cần thực hiện đầy đủ các nội dung các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm để thu hút sự tham gia của tất cả giáo viên tiểu học.

- Nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình và hoạt động bồi dưỡng về HĐTN và NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học.

- Tăng thời lượng các chương trình, hoạt động bồi dưỡng cho GVTH về HĐTN và NLTC HĐTN, linh hoạt thời điểm tổ chức hoạt động bồi dưỡng để GVTH có thể tham gia bồi dưỡng đầy đủ, tích cực.

- Có chính sách hỗ trợ ngân sách, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động bồi dưỡng để các địa phương và trường tiểu học có thể chủ động thực hiện các hoạt động bồi dưỡng về HĐTN và NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học.

- Chú trọng bồi dưỡng cho đội ngũ GVTH cốt cán của các trường tiểu học về HĐTN và NLTC HĐTN để thầy cô có thể tham gia hỗ trợ, tổ chức bồi dưỡng cho GVTH của các trường.

2.2. Đối với cán bộ quản lý trường tiểu học

- Phổ biến đầy đủ, kịp thời chủ trương, chính sách của ngành GD&ĐT về hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên của trường về HĐTN và NLTC hoạt động trải nghiệm.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý, giám sát việc giáo viên của trường tham gia các hoạt động bồi dưỡng về HĐTN và NLTC hoạt động trải nghiệm.

- Chủ động tìm kiếm, lựa chọn cũng như xây dựng các chủ đề bồi dưỡng và thực hiện bồi dưỡng cho giáo viên của trường mình về HĐTN và NLTC hoạt động trải nghiệm.

- Động viên, khích lệ giáo viên của trường tham gia các hoạt động bồi dưỡng do cơ quan quản lý ngành GD&ĐT địa phương cũng như nhà trường tổ chức về HĐTN và NLTC HĐTN.

- Tạo điều kiện về kinh phí, thời gian để GVTH tham gia các hoạt động bồi dưỡng về HĐTN và NLTC HĐTN theo nhu cầu và nguyện vọng của giáo viên.

2.3. Đối với giáo viên tiểu học

- Chủ động tìm hiểu, học tập để nâng cao nhận thức về HĐTN để triển khai, thực hiện hiệu quả HĐTN cho học sinh.

- Tham gia đầy đủ, tích cực các chương trình, hoạt động bồi dưỡng do cơ quan quản lý ngành GD&ĐT ở địa phương và nhà trường tiểu học tổ chức về HĐTN và NLTC HĐTN.

- Chủ động tìm kiếm đề tự bồi dưỡng và tham gia các chương trình, hoạt động bồi dưỡng về HĐTN và NLTC HĐTN phù hợp với nhu cầu và điều kiện của bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

Nguyễn Như An, Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh (2019), Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới, *Tạp chí Giáo dục*, số 456, kỳ 2, tháng 6/2019, tr.1- 4.

Nguyễn Thị Lan Anh (2019), Đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt, kỳ 1, tháng 5/2019, tr.23-26.

Ban chấp hành trung ương (2013), *Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHNV và hội nhập quốc tế*, Hà Nội, tr.14.

Lê Thanh Bình (2016), *Đại học Đồng Tháp với việc bồi dưỡng công tác triển khai và quản lý hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho đội ngũ giáo viên phổ thông khu vực đồng bằng Sông Cửu Long*, Kỷ yếu hội thảo Đại học Đồng Tháp, trang 7.

Vũ Thị Bình (2018), Bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên tiểu học vùng cao tỉnh Lào Cai đáp ứng yêu cầu chương trình mới, *Tạp chí Giáo dục*, số 440, kì 2, tháng 10/2018, tr.11-15.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông*, <https://etep.moet.gov.vn/tintuc/chitiet?Id=14>.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông, chương trình tổng thể*, trang 37

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông hoạt động trải nghiệm*, Hà Nội.

Bộ Giáo Dục & Đào tạo (2019), *Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên phổ thông*, trang 1-2.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*

Bộ GD&ĐT, 2020, *Điều lệ trường tiểu học*, Hà Nội, tr.27

Nguyễn Thị Ngọc Chi (2022), Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tin học ở tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, *Tạp chí Giáo dục* (2022), 22(1), 8-14

Lê Văn Chín, (2012), *Quản lý đội ngũ giáo viên tiểu học tỉnh Bến Tre đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

Lê Thị Thanh Chung (2008), *Giáo dục học tiểu học – Những vấn đề cơ bản*, NXB Giáo Dục.

Cục nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (2018), *Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường tiểu học*, NXB ĐH Sư phạm, trang 16 -32.

Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Hằng (2014), *Nghiên cứu phát triển năng lực thiết kế chương trình hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho giáo viên phổ thông*, Đề tài NCKH cấp cơ sở, mã số 2014-17-02NV Trường ĐHSP Hà Nội.

Trần Kiều Dung (2021), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm*, Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục Tp.HCM

Bùi Ngọc Diệp (2015), Hình thức tổ chức các HĐTN sáng tạo trong nhà trường phổ thông, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Số 113 – Tháng 02/2015 – Trang 37 (2).

Ngô Thị Thu Dung, *8 bước thiết kế và tổ chức triển khai hoạt động trải nghiệm sáng tạo*, <http://giaoducthoidai.vn/trao-doi/8-buoc-thiet-ke-va-to-chuc-trien-khai-hoat-dong-trai-nghiem-sang-tao-1343837.html>

Nguyễn Thị Dung, (2017), Hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh lớp 4 khi đọc hiểu văn bản, *Tạp chí Giáo dục* số 406, kỳ 2/5/2017, trang 24.

Nguyễn Thị Dung, Phạm Quỳnh Phương (2019), Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học bài tập đọc “tranh làng hồ” cho học sinh lớp 5, *Tạp chí Giáo dục*, Số 459 (Kì 1 - 8/2019), tr 32-37

Nguyễn Bá Dương (chủ biên), (1999), *Tâm lý học quản lý dành cho người lãnh đạo*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, trang 264.

Phùng Thái Dương (2016), *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dự thảo chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015*, Kỷ yếu hội thảo Đại học Đồng Tháp, trang 12.

Nguyễn Minh Đường (1996), *Bồi dưỡng và đào tạo lại đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới*, Hà Nội.

Nguyễn Hữu Độ (2011), Một số mô hình phát triển nghề nghiệp giáo viên, *Tạp chí giáo dục* số 265, kì -7/2011, trang 5.

Trần Khánh Đức (2014), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam, trang 162-163.

Gunter Buschger (1996), *Nhập môn xã hội học tổ chức*, NXB Thế giới, Hn, tr. 64.

Trần Thị Gái (2017), Xây dựng và sử dụng mô hình hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học sinh học ở trường trung học phổ thông, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, Tập 33, Số 3 (2017) 1-6.

Hà Mỹ Hạnh (2019), Cơ sở lý luận về phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, *Tạp chí Khoa học, Đại học Tân Trào*, ISSN: 2354 – 1431, No.14_Dec 2019|Số 14 – Tháng 12 năm 2019|p.42-49

Hà Mỹ Hạnh (2021), Các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học trường đại học tân trào, *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào*, ISSN: 2354 – 1431, No.23_Oct 2021 |p.78-84

Nguyễn Văn Hạnh (2017), Học tập trải nghiệm: một lý thuyết học tập đóng vai trò trung tâm trong đào tạo theo năng lực, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Đại học Sư phạm, Tập 14, Số 1 (2017): 179-187.

Nguyễn Ngọc Hà; Nguyễn Hải Thơm (2021), Bồi dưỡng năng lực nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên thông qua vận dụng mô hình “nghiên cứu bài học” trong các trường tiểu học ở Sơn La, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, - SỐ 250 kỳ 1 - 10 / 2021

Nguyễn Thị Thu Hằng (2022), Thiết kế và tổ chức hoạt động sinh hoạt lớp theo chủ đề cho học sinh tiểu học, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Tập 18, Số S2, Năm 2022

Phạm Công Hiệp (2016), *Một số giải pháp bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, Hà Nội, trang 90.

Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Tự Điển Bách Khoa.

Phạm Văn Hiền (2020), Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học: kinh nghiệm từ một số nước phát triển và đề xuất cho Việt Nam, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt, kỳ 1, tháng 5/2020, tr. 7-11.

Nguyễn Vinh Hiền, (2018), *Đổi mới tất cả các thành tố trong bồi dưỡng giáo viên*, <http://etep.moet.gov.vn/tintuc/chitiet?Id=272>.

Nguyễn Văn Hiến, Nguyễn Thị Thu Huyền, Đào Thị Duy Duyên, Nguyễn Thị Thu Trang¹, Đặng Ánh Hồng (2021), Thực trạng hoạt động trải nghiệm khoa học

ngoài giờ lên lớp cho học sinh ở một số trường tiểu học tại Tp.HCM, *Tạp chí Khoa học, Trường ĐH Sư phạm Tp.HCM*, Tập 18, Số 2 (2021): 248-257

Phó Đức Hòa (CB) (2020), *Tài liệu bồi dưỡng xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học (mô đun 4.12) hoạt động trải nghiệm*, Hà Nội.

Phó Đức Hòa (CB) (2020), *Sử dụng phương pháp dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học (mô đun 4.12) hoạt động trải nghiệm*, Hà Nội.

Đậu Thị Hòa (2018), Bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên tiểu học theo hướng phát triển năng lực học sinh, *Tạp chí Giáo dục*, số 426, kì 2, tháng 3/2018, tr.17-20

Trần Bá Hoàn (2010), *Vấn đề giáo viên – Những nghiên cứu lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

Nguyễn Ngọc Hối, Thái Văn Thành (2009), *Về quy trình đánh giá chất lượng bồi dưỡng giáo viên*, *Tạp chí Giáo dục* số 224, trang 9-11.

Phạm Thị Ánh Hồng (2019), Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm giáo dục phòng chống thiên tai cho học sinh lớp 4,5 gắn với thực tiễn địa phương Hải Phòng, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt tháng 12/2019, tr 199-203

Lê Văn Huân (2016), *Quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông thành phố Hà Nội theo hướng chuẩn hóa*, Luận án Quản lý giáo dục.

Vũ Thị Thu Huyền (2015), *Quản lý công tác bồi dưỡng giáo viên tiểu học theo chuẩn nghề nghiệp*, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục.

Lương Thị Thu Hương, Kim Ngọc (2020), Thiết kế, tổ chức một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Toán lớp 5, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Số 36 tháng 12/2020, tr.49

Đại học Sư phạm Huế (2016), *Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Hội thảo cấp quốc gia.

Đại học Thái Nguyên (2016), *Kỷ yếu hội thảo Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục*, Hội thảo quốc tế, Thái Nguyên

Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (2003), *Từ điển Bách khoa Việt Nam (tập 4)*, NXB Từ điển Bách Khoa.

Đặng Thị Thúy Hồng (2020), Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn toán cho học sinh tiểu học, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt kì 2 tháng 5/2020, tr 55-60.

Trần Thị Hương, Cao Xuân Hùng (2017), Hoạt động bồi dưỡng năng lực đánh giá học sinh của giáo viên các trường tiểu học quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Trường Đại học Sư phạm, Tập 14, Số 10 (2017): 63-71.

Dương Giáng Thiên Hương (2017), Hoạt động trải nghiệm sáng tạo – lý thuyết và vận dụng trong dạy học tiểu học, *Journal of Science of Hnue doi: 10.18173/2354-1075.2017-0035*, Educational Sci., 2017, Vol. 62, No. 1A, pp. 98-108).

Trần Thị Hương (2017), *Biện pháp bồi dưỡng năng lực đánh giá học sinh của giáo viên trường tiểu học theo yêu cầu đổi mới*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Đại học Sư phạm Tp.HCM, tr.173-180.

Vũ Lan Hương (2014), *Công tác giáo dục và công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên*, Kỷ yếu hội thảo khoa học đổi mới đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục Việt Nam, tr.46.

Trần Kiểm (2010), *Khoa học tổ chức và tổ chức giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr. 9.

Lê Thị Lành, Trương Thị Vân (2015), Một số biện pháp phát triển năng lực tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành sư phạm địa lý Đại học Quy Nhơn, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Sư phạm TP.HCM, số 11, 2015.

Nguyễn Hữu Lễ (2016), Một số vấn đề về dạy học trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông, *Tạp chí Giáo dục*, số 373, tháng 1/2016.

Nguyễn Quang Linh, Dương Thị Thu Hương (2019), Bồi dưỡng năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho sinh viên sư phạm vật lý theo mô hình giáo dục STEM, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, 209(16): tr. 101 – 107.

Đoàn Thị Mỹ Linh (2022), Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học theo mô hình học tập trải nghiệm của John Dewey, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Tập 18, Số 01, Năm 2022, tr. 45

Nguyễn Thị Liên (chủ biên) (2016), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.

Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2012), *Phát triển đội ngũ giáo viên trong thế kỉ 21*, Kỷ yếu hội thảo Khoa học giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển, Hải Phòng tháng 2/2011, tr. 489.

Nguyễn Lộc (2014), *Khung năng lực của người hiệu trưởng trường trung học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông giai đoạn 2, Hà Nội, 2014, tr. 5,6.

Huỳnh Thái Lộc (2018), Một số biện pháp phát triển năng lực dạy học môn toán cho giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu của mô hình trường học mới tại Việt Nam, *Tạp chí Giáo dục*, Số 422, kì 2, tháng 1/2018, tr.35-39.

Đỗ Viết Long, Trần Văn Hiếu (2020), Thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên tiểu học theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, *Tạp chí Giáo dục*, số 482, kỳ 2, tháng 7/2020, tr. 54-59.

P.M. Kecientxep (1999), *Những nguyên lý của công tác tổ chức*, NXB Thanh Niên.

Phạm Văn Mạo (2017), Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trong dạy học lịch sử địa phương, *Tạp chí Giáo dục*, số 411, tháng 8/2017.

Nguyễn Đức Mậu, Hoàng Thị Chiên, Trần Trung Ninh (2014), Phát triển một số năng lực nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên qua mô hình nghiên cứu bài học, *Tạp chí Khoa học của đại học Sư phạm Hà Nội*, số 59, tr. 69-75.

Đào Thị Ngọc Minh - Nguyễn Thị Hằng (2018), Học tập trải nghiệm - lí thuyết và vận dụng vào thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn học ở trường phổ thông, *Tạp chí Giáo dục*, Số 433 (Kì 1 - 7/2018), tr 36-40.

Đào Thị Ngọc Minh (2018), Vận dụng một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong dạy học giáo dục công dân lớp 7, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt Kì 2 tháng 5/2018, tr 254-257.

Hà Văn Như (2017), *Nguyên tắc và phong cách học tập của người lớn tuổi*, Trường Đại học Y tế Công cộng.

Nguyễn Quang Nhữ (2015), *Tổ chức cho học sinh học toán thông qua hoạt động trải nghiệm ở tiểu học*, *Tạp chí giáo dục số đặc biệt*, tháng 12/2015, trang 110 – 112.

Lê Thị Cẩm Nhung (2018), Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học hình học ở tiểu học, *Tạp chí Giáo dục*, Số 423 (Kì 1 - 2/2018), tr 39-43.

Đoàn Thị Ngân (2017), Bồi dưỡng kỹ năng dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh cho giáo viên tiểu học Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Số 142 - Tháng 7/2017 • 103.

Nguyễn Thị Ngọc, (2019), Một số hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học cơ sở người dân tộc tày, vùng khu vực miền núi phía bắc, *Tạp chí Giáo dục*, Số 452 (Kì 2 - 4/2019), tr 36-40.

Nguyễn Thị Ngọc (2022), Bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018, *Tạp chí Giáo dục* (2022), 22(10), 35-39.

Dương Thị Kim Oanh , Nguyễn Văn Hiến (2023), Đề xuất khung năng lực tổ chức HĐTN cho sinh viên sư phạm, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật*, JTE, Số 75B, 02/2023.

Nguyễn Thị Kim Oanh (2017), *Bồi dưỡng giáo viên theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp*, Kỹ yếu hội thảo khoa học về quản lý giáo dục của các giám đốc sở giáo dục và đào tạo các tỉnh, thành phía nam, Phú Quốc, trang 168.

Hoàng Phê (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, trang 1020.

Trần Thanh Phúc (2008), *Nghiên cứu khả năng đáp ứng của GV trong việc triển khai chương trình và sách giáo khoa tiểu học mới ở vùng dân tộc*, Đề tài cấp Bộ B2005-81-04.

Nguyễn Tiến Phúc (2010), Vận dụng thuyết quản lí hành chính của Henry Fayol trong quản lí hoạt động bồi dưỡng thường xuyên giáo viên Trung học phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp ở một số tỉnh vùng Tây Bắc, *Tạp chí Giáo dục* số 315, tr. 7-9.

Nguyễn Thị Hồng Phượng (2019), Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong dạy học ở trường phổ thông, *Tạp chí Thiết bị giáo dục - SỐ 197* kỳ 2 - 7/2019.

Bùi Văn Quân, Nguyễn Hữu Độ (2011), *Hướng dẫn đồng nghiệp trong phát triển nghề nghiệp giáo viên*, NXB Giáo Dục Việt Nam & NXB Đại học Sư phạm.

Quốc hội, (2019), *Luật giáo dục*, tr.12; 31.

Lê Thị Thanh Tâm (2017), *Bồi dưỡng thường xuyên theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo*, Kỹ yếu hội thảo khoa học về quản lý giáo dục của các giám đốc sở giáo dục và đào tạo các tỉnh, thành phía nam, Phú Quốc, 2017, trang 1-2.

Trần Hoài Thanh (2017), *Đổi mới hoạt động bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*, Kỹ yếu Hội thảo Quốc tế, Đại học Sư phạm Tp.HCM.

Phan Thị Tình, Lê Thị Hồng Chi, Hà Thị Huyền Diệp (2019), Bồi dưỡng năng lực dạy học tìm tòi, khám phá cho GVTH đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay, *Tạp chí Khoa học Công nghệ, Trường ĐH Hùng Vương*, Tập 16, Số 3, tr. 49-55.

Phan Đoàn Thái (2017), *Bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ nhà giáo từ góc nhìn của nhà quản lý*, Kỹ yếu hội thảo khoa học về quản lý giáo dục của các giám đốc sở giáo dục và đào tạo các tỉnh, thành phía nam, Phú Quốc, tr.23- 24.

Đỗ Ngọc Thống (2015), Hoạt động trải nghiệm sáng tạo từ kinh nghiệm giáo dục quốc tế và vấn đề của Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Giáo Dục*, số 115, tháng 04, 2015.

Nguyễn Thị Thùy (2021), Phát triển năng lực dạy học trải nghiệm cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học, Đại học Tân Trào, *Tạp chí Khoa học, ĐH Tân Trào* ISSN: 2354 – 1431, No.23_Oct 2021 |tr.183-191.

Lê Thị Hoài Thương (2019), Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông, , *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam* Số 19 tháng 7/2019, tr. 43.

Nguyễn Minh Thuyết, 2017, *Chương trình GDPT mới: Tăng cường HĐTN*.

Huỳnh Thị Kiều Trâm (2020), Giải pháp nâng cao năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học trường đại học Đồng Tháp, *Tạp chí khoa học trường Đại học Vinh*, Tập 49 - Số 3B/2020, tr. 81-90.

Vũ Minh Trung (2015), *Giáo dục môi trường dựa vào trải nghiệm dạy học môn khoa học ở tiểu học*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Hà Nội, tr. 9.

Huỳnh Mộng Tuyền (2020), Mô hình hoạt động trải nghiệm giáo dục lịch sử địa phương cho học sinh ở trường tiểu học, *Tạp chí Giáo dục*, Số 483 (Kì 1 tháng 8/2020), tr 22-26.

Nguyễn Thị Tuyết (2013), Quản lí bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên trung học phổ thông thành phố Hà Nội theo chuẩn nghề nghiệp, *Tạp chí Giáo chức Việt Nam* Số 72, tr.13-16.

Hoàng Quốc Vinh (2011), Giải pháp nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên thủ đô, *Tạp chí Khoa học Giáo dục* số 71, trang 47-49.

Trần Doãn Vinh, (2018), Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tin học ở cấp tiểu học theo định hướng phát triển năng lực, *Tạp chí Giáo dục*, Số 437 (Kì 1 - 9/2018), tr 54-58.

Phạm Viết Vượng (2014), *Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 271.

Trần Thị Yên (2016), *Phát triển đội ngũ GVTH người dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo*, Luận án Tiến sĩ QLGD.

Trần Thị Hải Yên (2015), *Quản lý bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên của trường trung học phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp*, Luận án tiến sĩ QLGD.

Trần Thị Hải Yên (2016), *Đào tạo bồi dưỡng giáo viên theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục: xu hướng Việt Nam và thế giới, Hà Nội, tr. 347.

Tài liệu Tiếng Anh

Anna Craft (2002), *Continuing professional development, a practical guide for teachers and school (second editon,)*, Published in the Taylor & Francis e-Library.

Bassett, D.S. & Jackson, L. (1994). *Applying the Model to a Variety of Adult Learning Situations*, San Francisco: Jossey-Bass, page 73-86.

Birgitte Malm and Horst Löfgren (2006), Teacher competence and students' conflict handling strategies, *Research in Education* No. 76, page 64.

Bolam, R, (1993), *Recent developments and emerging issues. In GTC, The continuing professional development of teachers*, Papers presented by M Williams & R Bolam for the General Teaching Council, London, page 17- 41.

Bolam, R. (1986), *Conceptualizing In-service, In-service Training and Educational Development: An Institutional Survey*, London: Croom Helm.

Bonstingl, J. J, (1996), (2ndEdition), *Schools of quality: An introduction to total quality management in education*. Alexandria, Virginia: Association for Supervision and Curriculum Development.

Boreham, N.C. (1987), *Learning from experience in diagnostic problem solving. In Student learning: research in education and cognitive psychology*, eds. J.T.E. Richardson, M.W. Eysenck and D. Warren Piper, pp. 89-97.

Cantor, J.A (1995), *Experiential Learning in Higher Education*. Washington, D.C.: ASHE-ERIC Higher Education Report No.

Carver, R (1996), Theory for practice: A framework for thinking about experiential education, *Journal of Experiential Education*, 19(1), 8–13.

Chang Zhu, Di Wang, Yonghong Cai & Nadine Engels (2013), What core competencies are related to teachers' innovative teaching, *Asia-Pacific Journal of Teacher Education*, 41(1), page, 3-5.

Cullen Coates & Associates, (2008), *Organizational Competencies*, at:http://www.cullencoates.com/images/Managing_OrganizationalCompetencies.pdf

David Kolb (1984), *Experiential Learning: experience as the source of learning and development*, Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.

Desmarais, J (1992), *Teachers' opinions of the characteristics of good in service programs as suggested in current research*, Eric Document Reproduction No. ED 354 592.

Dewey, John (1938), *Experience & Education*, New York, NY: Kappa Delta Pi. ISBN 0-684-83828-1.

Estein R. M & Hundert E.M (2002), *Defining and assessing professional competence*, American Medical Association, 287(2), page 226- 235).

Eleonora Villegass-Reimers (2003), *Teacher Professional Development*, UNESCO: International Institute for Educational Planning.

Florentino, Blázquez Entonado & Laura Alonso Díaz (2006), *A training proposal for e-learning teachers*,

http://www.eurodl.org/materials/contrib/2006/Blazquez_and_Alonso.htm

Gregory J.Privitera, Lynn Ahlgrim -Delzell (2018), *Research Methods for Education*, SAGE Publications, Inc, page 333 – 337.

Gusky, T. R, (1986), *Staff development and the process of teacher change*, Educational researcher, 15 page 5-1.

Hite, H. & Howey, K. R, (1977), *Planning in service teacher education: promising alternatives*. Washington, D.C: American association of colleges for teacher education, Eric Document Reproduction No. ED 137 229.

Houle, C. (1980). *Continuing learning in the professions*, San Francisco, CA: Jossey-Bass.

International Project Management Association (2016), *Organisational competence baseline for developing competence in managing by projects*, Version 1.1 page 37-38.

Kakkar, S.B (2004), *Educational psychology*. New Delhi: Prentice –Hall of India Pvt. Limited, page 3.

Lewis, L.H. & Williams, C.J. (1994), *Experiential Learning: A New Approach* (pp. 5-16). San Francisco: Jossey-Bass.

Locke, L.F, (1984), *Research on teaching teachers: Where are We Now*, Journal of Teaching Physical Education. Monograph 2.

Louis Cohen *et al*, (2018), *Research methods in education*, Eighth edition published 2018 by Routledge, page 508.

Martin Bernard, Jr. (2015), *The Good Teacher: An Investigation Of The Core-Competencies And Attributes Of An Effective Educator*, Teaching and Learning Ontario Institute for Studies in Education of the University of Toronto, page 32-33

McClelland, D. C. (1973), Testing for competence rather than for intelligence, *American Psychologist*, 28, page 1-14.

- Michael Armstrong (1997), *Personnel management Practice*, Kogan Page Limited, London.
- Moon, J.A, (2004), *A Handbook of Reflective and Experiential Learning: Theory and Practice*, New York: Routledge Falmer, page 165.
- Murillo, P (1999), *In-service teachers training*,
www.comune.torino.it/novasres/private/trainingteacher.PDF
- Nunnally, J. (1978), *Psychometric Theory*, New York, McGraw-Hill.
- Passarelli, A.M. & Kolb, D.A (2012), *Using experiential learning theory to promote student learning and development in programs of education abroad*, Student Learning Abroad, page 137-161.
- Pintrich, P.R., & Schunk, D.H. (2002). *Motivation in education* (2nd ed.). Upper Saddle River, NJ: Prentice Hall.
- Raed M. Jaradat, Charles B. Keating, and Joseph M. Bradley (2018), *Individual Capacity and Organizational Competency for Systems Thinking*, IEEE Systems Journal, Vol. 12, No. 2, June 2018, page 1203.
- Samupwa M, (2008), Teacher Training and Work Behavior, *International Journal of Human Resources*, page 65, 88-98.
- Sanchez, R., (2004), Understanding competence-based management: identifying and managing five modes of competence, *Journal of Business Research* 57 (5), page 518–532.
- Therese Moylan, Niamh Gallagher, Conor Heagney (2016), *Exploratory Studies on the use of Experiential Learning in Entrepreneurship Education*, All Ireland Journal of teaching and learning in higher education, Volume 8, Number 1(Spring 2016).
- Unesco (1996), *What Makes a Good Teacher? Children Speak their Minds*. Brochure of the International Children's Contest, page 20.
- UNESCO (1998), *Teachers and teaching in a changing world*, World education report, Educational, Scientific and Cultural Organization, ISBN 92-3-103180-5.
- Valentina Sharlanova (2004), Organizational contribution experiential learning, *Trakia Journal of Sciences*, Vol. 2, No. 4, pp 36-39, 2004.
- Yamane, Taro. (1967). *Statistics: An Introductory Analysis*, 2nd Edition, New York: Harper and Row.

Warren, K. (1995), *The Student-Directed Classroom: A Model for Teaching Experiential Education Theory*, *The Theory of Experiential Education*, page 249-258

Whitty, G. (1996), *Professional competences and professional characteristics: the Northern Ireland approach to the reform of teacher education*, *Developing Competent Teachers*, London, page 89-90.

Wurdinger, (2005), *Using Experiential Learning in the Classroom*. Lanham: Scarecrow Education, page 69.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN

(dành cho giáo viên tiểu học)

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc đề xuất tổ chức bồi dưỡng (BD) nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học, chúng tôi rất mong muốn quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia hỗ trợ thực hiện phiếu khảo sát dưới đây. Thầy/cô vui lòng khoanh tròn hoặc đánh dấu (X) hoặc viết vào chỗ trống ý kiến phù hợp nhất với thầy cô. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự đóng góp và hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Giới tính của thầy/cô là?

a. Nam

b. Nữ

2. Thâm niên giảng dạy của thầy/cô ?

a. Dưới 5 năm b. Từ 6-10 năm c. Từ 11 -15 năm d. Từ 16-20 năm e. Trên 20 năm

3. Thầy/cô đang giảng dạy lớp mấy?

a. Lớp 1 b. Lớp 2 c. Lớp 3 d. Lớp 4 e. Lớp 5

4. Độ tuổi của thầy/cô là?

a. Dưới 30 b. Từ 30 đến 40
c. Từ 41 đến 50 d. Trên 50

5. Nơi công tác của thầy/cô là:

NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1: Thầy/Cô vui lòng cho biết mức độ đồng ý những hiểu biết về HĐTN theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 như thế nào? (các mức độ đánh giá từ 1: Hoàn toàn không đồng ý đến 5: Hoàn toàn đồng ý)

Stt	Các thành tố của hoạt động trải nghiệm	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1	Hiểu rõ mục tiêu giáo dục của HĐTN					
2	Hiểu rõ yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh					
3	Hiểu rõ nội dung của chương trình HĐTN					
4	Hiểu rõ phương pháp tổ chức HĐTN					
5	Hiểu rõ hình thức tổ chức HĐTN					

Stt	Các thành tố của hoạt động trải nghiệm	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
6	Hiểu rõ phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả HĐTN					
7	Hiểu rõ các lực lượng tổ chức HĐTN					
8	Hiểu rõ những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của GVTH để tổ chức HĐTN					

Câu 2: Thầy/Cô vui lòng đánh giá mức độ thường xuyên tham gia tổ chức/hỗ trợ tổ chức HĐTN như thế nào? (các mức độ đánh giá từ 1: Không bao giờ đến 5: Luôn luôn)

Stt	Công việc thầy cô tham gia thực hiện	Mức độ thường xuyên				
		1	2	3	4	5
1	Xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN cho học sinh					
2	Thiết kế giáo án tổ chức HĐTN cho học sinh					
3	Phụ trách chính việc tổ chức HĐTN cho học sinh					
4	Phối hợp với thầy cô khác tổ chức HĐTN cho học sinh					
5	Phối hợp với gia đình, các tổ chức xã hội tổ chức HĐTN cho học sinh					
6	Phụ trách chính việc đánh giá kết quả HĐTN cho học sinh					

Câu 3: Thầy/Cô vui lòng đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu tổ chức HĐTN cho học sinh ? (các mức độ đánh giá từ 1: Không bao giờ đến 5: Luôn luôn)

Stt	Mục tiêu của hoạt động trải nghiệm	Mức độ thường xuyên				
		1	2	3	4	5
1	Hình thành cho học sinh thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày					
2	Giúp học sinh biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân					
3	Hình thành và phát triển những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá					
4	Phát triển ở học sinh ý thức hợp tác nhóm					
5	Hình thành được năng lực giải quyết vấn đề trong thực tiễn					

Câu 4: Thầy/Cô vui lòng đánh giá mức độ thường xuyên thực hiện những nội dung sau khi tổ chức HĐTN cho học sinh ? (các mức độ đánh giá từ 1: Không bao giờ đến 5: Luôn luôn)

Stt	Nội dung của hoạt động trải nghiệm	Mức độ thường xuyên				
		1	2	3	4	5
1	Các nội dung về hoạt động khám phá bản thân					

Stt	Nội dung của hoạt động trải nghiệm	Mức độ thường xuyên				
		1	2	3	4	5
2	Các nội dung về hoạt động rèn luyện bản thân.					
3	Các nội dung về hoạt động chăm sóc gia đình					
4	Các nội dung về hoạt động xây dựng nhà trường					
5	Các nội dung về hoạt động xây dựng cộng đồng nơi học sinh sinh sống.					
6	Các nội dung về hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên					
7	Các nội dung về hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường sống.					
8	Các nội dung về hoạt động tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp					

Câu 5: Thầy/Cô vui lòng đánh giá mức độ thường xuyên sử dụng những phương pháp khi tổ chức HĐTN cho học sinh? (các mức độ đánh giá từ 1: Không bao giờ đến 5: Luôn luôn)

Stt	Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm	Mức độ thường xuyên				
		1	2	3	4	5
1	Phương pháp nêu gương					
2	Phương pháp giáo dục bằng tập thể					
3	Phương pháp thuyết phục					
4	Phương pháp tranh luận					
5	Phương pháp luyện tập					
6	Phương pháp khích lệ, động viên					
7	Phương pháp tạo sản phẩm					

Câu 6: Thầy/Cô vui lòng đánh giá mức độ thường xuyên sử dụng những hình thức tổ chức HĐTN cho học sinh ? (các mức độ đánh giá từ 1: Không bao giờ đến 5: Luôn luôn)

Stt	Hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm	Mức độ thường xuyên				
		1	2	3	4	5
1	Tổ chức hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa tại địa phương					
2	Tổ chức diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi					
3	Tổ chức hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền					
4	Tổ chức hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu,					
5	Tổ chức hoạt động sáng tạo công nghệ, nghệ thuật					

Câu 7: Thầy/Cô vui lòng đánh giá mức độ thường xuyên phối hợp các lực lượng để tổ chức HĐTN cho học sinh ? (các mức độ đánh giá từ 1: Không bao giờ đến 5: Luôn luôn)

Stt	Lực lượng phối hợp tổ chức hoạt động trải nghiệm	Mức độ thường xuyên				
		1	2	3	4	5
1	Cán bộ quản lý nhà trường tiểu học					
2	Thầy/cô chủ nhiệm lớp khác					
3	Thầy/cô giảng dạy bộ môn khác					
4	Tổng phụ trách đội					
5	Phụ huynh học sinh					
6	Chính quyền địa phương					

Câu 8: Thầy/cô vui lòng đánh giá mức độ thường xuyên sử dụng những hình thức đánh giá kết quả tổ chức HĐTN cho học sinh ? (các mức độ đánh giá từ 1: Không bao giờ đến 5: Luôn luôn)

Stt	Hình thức đánh giá kết quả	Mức độ thường xuyên				
		1	2	3	4	5
1	Thầy/cô tự đánh giá					
2	Học sinh tự đánh giá					
3	Đánh giá đồng đẳng của học sinh					
4	Đánh giá cha mẹ học sinh					
5	Đánh giá của cộng đồng					

Câu 9: Theo thầy/cô, quá trình tổ chức HĐTN bị ảnh hưởng bởi những yếu tố nào? (thầy/cô có thể chọn nhiều câu trả lời)

- a. Vai trò của lãnh đạo trường tiểu học
- b. Năng lực của giáo viên tiểu học
- c. Hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học
- d. Sự tham gia của các lực lượng giáo dục
- e. Nguồn lực, phương tiện, thiết bị TCHĐTN

Câu 10: Trong thời gian qua, thầy/cô đã tham gia các chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm bằng hình thức nào? (thầy cô có thể chọn nhiều lựa chọn)

- a. Chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo quy định của ngành
- b. Chương trình bồi dưỡng sách giáo khoa HĐTN
- c. Chương trình bồi dưỡng về HĐTN của nhà trường
- d. Các chương trình bồi dưỡng khác về HĐTN trên các nền tảng trực tuyến
- e. Các chương trình bồi dưỡng về HĐTN của khối chuyên môn
- f. Các chương trình tự bồi dưỡng của cá nhân thầy cô

Câu 11: Thầy/Cô vui lòng đánh giá mức độ đồng ý về mục tiêu bồi dưỡng về HĐTN mà thầy cô tham gia như thế nào? (các mức độ đánh giá từ 1: Hoàn toàn không đồng ý đến 5: Hoàn toàn đồng ý)

Stt	Mục tiêu các chương trình bồi dưỡng về HĐTN	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1	Củng cố và phát triển năng lực chuyên môn về HĐTN					
2	Củng cố và phát triển năng lực xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN					
3	Củng cố và phát triển, năng lực tổ chức thực hiện HĐTN					
4	Củng cố và phát triển năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục					
5	Củng cố và phát triển năng lực đánh giá kết quả HĐTN					
6	Củng cố và năng lực sử dụng phương tiện, thiết bị để tổ chức HĐTN					

Câu 12: Thầy/Cô vui lòng đánh giá mức độ đồng ý về nội dung bồi dưỡng về HĐTN mà thầy cô tham gia như thế nào? (các mức độ đánh giá từ 1: Hoàn toàn không đồng ý đến 5: Hoàn toàn đồng ý)

Stt	Nội dung các chương trình bồi dưỡng về HĐTN	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1	Bồi dưỡng về mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh					
2	Bồi dưỡng về nội dung chương trình HĐTN bậc tiểu học					
3	Bồi dưỡng về nội dung sách giáo khoa HĐTN theo khối lớp					
4	Bồi dưỡng về phương pháp tổ chức HĐTN					
5	Bồi dưỡng về hình thức tổ chức HĐTN					
6	Bồi dưỡng về phương pháp đánh giá kết quả HĐTN					
7	Bồi dưỡng về hoạt động phối hợp các lực lượng tổ chức HĐTN					
8	Bồi dưỡng về phẩm chất, năng lực của giáo viên tiểu học để tổ chức HĐTN					

Câu 13: Thầy/cô tham gia bồi dưỡng về HĐTN bằng hình thức nào? (thầy cô có thể chọn nhiều lựa chọn)

- a. Bồi dưỡng trực tiếp, tập trung
- b. Bồi dưỡng trực tiếp tại trường tiểu học
- c. Bồi dưỡng trực tiếp tại cụm trường/liên trường
- d. Bồi dưỡng trực tiếp kết hợp trực tuyến
- e. Bồi dưỡng trực tuyến qua mạng Internet
- f. Tự bồi dưỡng của giáo viên
- g. Bồi dưỡng giáo viên thông qua hoạt động dự giờ, thao giảng

Câu 14: Thầy/cô vui lòng đánh giá mức độ thường xuyên sử dụng các hình thức đánh giá kết quả bồi dưỡng về HĐTN như thế nào? (các mức độ đánh giá từ 1: Không bao giờ đến 5: Luôn luôn)

Stt	Các hình thức đánh giá kết quả bồi dưỡng	Mức độ thường xuyên				
		1	2	3	4	5
1	Đánh giá của cơ sở tổ chức bồi dưỡng					
2	Đánh giá của nhà trường tiểu học					
3	Tự đánh giá của giáo viên tiểu học					
4	Đánh giá đồng đẳng của tập thể giáo viên					
5	Thầy cô không được đánh giá					

Câu 15: Theo thầy/cô, hoạt động bồi dưỡng cho GVTH về HĐTN bị ảnh hưởng bởi những yếu tố nào? (thầy/cô có thể chọn nhiều câu trả lời)

- Vai trò của lãnh đạo trường tiểu học
- Nhận thức của giáo viên tiểu học về hoạt động bồi dưỡng
- Chính sách về hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học
- Chủ trương đổi mới SGK GDPT
- Nguồn lực, phương tiện, thiết bị phục vụ bồi dưỡng

Câu 16: Thầy/cô vui lòng đánh giá mức độ đồng ý về kết quả đạt được khi tham gia các BD về HĐTN? (các mức độ đánh giá từ 1: Hoàn toàn không đồng ý đến 5: Hoàn toàn đồng ý)

Stt	Kết quả của hoạt động bồi dưỡng	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
1	Thầy cô trình bày và giải thích được các yêu cầu về mục tiêu, phẩm chất, năng lực cần đạt của học sinh khi tham gia HĐTN					
2	Thầy cô cập nhật được nội dung kiến thức mới về HĐTN					
3	Thầy cô vận dụng được các phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN					
4	Thầy cô phát triển được năng lực đánh giá kết quả HĐTN					
5	Thầy cô phát triển được năng lực tổ chức HĐTN					
6	Thầy cô tổ chức được HĐTN cho học sinh					
7	Thầy cô phát triển được tình cảm tích cực với nghề					

Câu 17: Thầy/Cô vui lòng đánh giá mức đạt được những năng lực tổ chức HĐTN của bản thân thầy cô hiện nay ? (Thầy/cô đánh giá theo thang điểm từ 1 điểm là thấp nhất đến 5 điểm là cao nhất)

Năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm		Mức độ đạt được				
		1	2	3	4	5
1	Thầy cô mô tả được đặc điểm của CTGD phổ thông HĐTN					
2	Thầy cô xác định được mục tiêu của HĐTN					
3	Thầy cô phân tích được các yêu cầu đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh					
4	Thầy cô kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTN					
5	Thầy cô xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTN					
6	Thầy cô nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực thiện chương trình HĐTN					
Năng lực xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN		1	2	3	4	5
7	Thầy cô phân tích được mục đích, yêu cầu của việc xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN					
8	Thầy cô chỉ ra được cách thức thu thập, phân tích, xử lý thông tin liên quan đến việc tổ chức HĐTN					
9	Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung phù hợp cho từng loại kế hoạch HĐTN					
10	Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp					
11	Thầy cô xác định được lực lượng, phương tiện và điều kiện hỗ trợ phù hợp để thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN					
12	Thầy cô lập được kế hoạch tổ chức HĐTN cho học sinh tiểu học					
Năng lực tổ chức, thực hiện HĐTN		1	2	3	4	5
13	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTN					
14	Thầy cô thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch					
15	Thầy cô sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN					
16	Thầy cô tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục thực hiện HĐTN theo kế hoạch					

17	Thầy cô sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTN					
18	Thầy cô đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh					
Năng lực phối hợp các LLGD để tổ chức HĐTN		1	2	3	4	5
19	Thầy cô huy động được các lực lượng giáo dục có liên quan trong để tổ chức HĐTN					
20	Thầy cô xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục					
21	Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp					
22	Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp					
23	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp					
24	Thầy cô huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp					
Năng lực đánh giá kết quả HĐTN		1	2	3	4	5
25	Thầy cô xác định được mục đích, yêu cầu đánh giá kết quả HĐTN					
26	Thầy cô xác định được nội dung đánh giá HĐTN					
27	Thầy cô sử dụng được hình thức đánh giá phù hợp với yêu cầu của từng loại HĐTN					
28	Thầy cô hướng dẫn được các lực lượng giáo dục khác tham gia đánh giá kết quả HĐTN					
29	Thầy cô sử dụng được kết quả đánh giá từ các nguồn khác nhau để đánh giá kết quả HĐTN					
30	Thầy cô thiết kế được bài tập và tiêu chí đánh giá kết quả HĐTN của học sinh					
Năng lực sử dụng các nguồn lực, phương tiện, thiết bị để tổ chức HĐTN		1	2	3	4	5
31	Thầy cô xác định được các nguồn lực, thiết bị, phương tiện cần có để tổ chức HĐTN					
32	Thầy cô xác định được các nguồn lực, thiết bị, phương tiện phù hợp để tổ chức HĐTN theo yêu cầu cụ thể của từng hoạt động và điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương					
33	Thầy cô sử dụng được các loại thiết bị, phương tiện phục vụ cho quá trình tổ chức HĐTN					
34	Thầy cô thiết kế được các loại thiết bị, phương tiện phục vụ cho quá trình tổ chức HĐTN					

Xin cảm ơn sự hỗ trợ và giúp đỡ của Quý Thầy Cô!

PHỤ LỤC 2

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ

Kính chào Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tìm hiểu về tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm (HDTN) cho giáo viên tiểu học, chúng tôi rất mong muốn quý Thầy/Cô dành chút ít thời gian tham gia trả lời các câu hỏi dưới đây. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự đóng góp và hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

1. Chức vụ của Thầy/cô tại trường là?
2. Thầy/Cô vui lòng cho biết mức độ tham gia quản lý tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?
3. Theo Thầy/Cô, giáo viên của trường có những thuận lợi nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HDTN cho học sinh của trường hiện nay?
4. Theo Thầy/Cô, giáo viên của trường có những khó khăn nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HDTN cho học sinh của trường hiện nay?
5. Theo Thầy/Cô, kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường đạt được ở mức độ nào? Vì sao?
6. Theo Thầy/Cô, mức độ thể hiện các năng lực tổ chức HDTN của giáo viên của trường hiện nay như thế nào?
7. Giáo viên của trường đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?
8. Nhà trường đã tổ chức những hoạt động bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian qua?
9. Thầy/Cô đánh giá như thế nào về kết quả bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên hiện nay?
10. Thầy/Cô mong đợi gì về hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Cảm ơn sự hỗ trợ và giúp đỡ của Thầy/Cô!

PHỤ LỤC 3

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ 1

Thời gian: 8 giờ 00, ngày 16/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: CBQL 2

Hỏi: Chức vụ của cô tại trường là?

Trả lời: Phó hiệu trưởng

Hỏi: Cô vui lòng cho biết mức độ tham gia quản lý tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?

Trả lời: Nhà trường cũng như tổ trưởng chuyên môn của khối 1 khối 2 đã ra một trao đổi thảo luận với nhau để xây dựng chuyên đề những cái buổi thao giảng để giúp cho những giáo viên mình nắm lại chương trình, nội dung tổng thể về hoạt động trải nghiệm. Đối với cương vị là cán bộ quản lý là phó thì bên chuyên môn cũng đã trao đổi chia sẻ với các thầy cô để hỗ trợ các thầy cô thông qua việc dự giờ thăm lớp rồi tổ chức các cái chuyên đề rồi dự giờ các tiết thao giảng chuyên đề rồi có những rút kinh nghiệm điều chỉnh để các thầy cô nắm hơn đầu tiên là các cái quy trình cơ bản nhất về hoạt động trải nghiệm và sau đó là tích hợp hoạt động trải nghiệm thông qua các hoạt động ngoại khoá hoạt động chung của nhà trường.

Hỏi: Theo Cô, giáo viên của trường có những thuận lợi, khó khăn nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?

Trả lời: Thứ nhất là về thuận lợi thứ nhất thì đây là cái chương trình mới thì hầu như là các cô nhà trường đã tạo điều kiện cho các cô được tập huấn được trao đổi được nắm chương trình của sách của lớp 1 cũng như lớp 2, cái thứ hai nữa đó là có sự chia sẻ trao đổi và đa số các cô dạy khối 1 khối 2 và các cái môn hoạt động trải nghiệm nói riêng là những giáo viên rất là trẻ rất là năng động nên thành ra các cô tiếp cận và tổ chức các hoạt động học rất là tốt.

Tiếp theo nữa là về phía học sinh học sinh cũng có hứng thú và đặc biệt là những cái bé lớp 1 lớp 2 thì các bé tương tác rất là tốt với giáo viên, đó à những thuận lợi về phía sách thì có những cái phần hướng dẫn rất là cụ thể cho sách giáo viên cũng như là những cái hình ảnh minh hoạ và những cái hoạt động được chỉ rõ những cái yêu cầu cần đạt, cũng như là những cái hoạt động nào cần tổ chức như thế nào giúp giáo viên có thể bước đầu định hình và tổ chức rất là tốt nếu như cơ bản các thầy cô đang bước đầu làm quen và bám sách giáo khoa thì đây cũng là một cái giúp cho các giáo viên mình tổ chức các hoạt động khá là tốt

Hỏi: Giáo viên của trường có những khó khăn nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?

Trả lời: Về phía khó khăn thì 2 năm vừa rồi là tình hình dịch bệnh thì cái việc giáo viên rất là khó khăn trong vấn đề là được tiếp tục trao đổi kinh nghiệm chia sẻ được dự giờ thăm lớp, cái vấn đề này nó rất là khó và cái thứ hai nữa là học sinh phụ huynh cũng không có nhiều điều kiện để mà tương tác hoặc là tổ chức phối hợp dựa trên những cái bà tập mà các cô giao nó không có nhiều điều kiện để các con được trải nghiệm trên cái phần bài tập đó, mục tiếp theo nữa đó là thật ra giống như kiểu mình thấy là hoạt động trải nghiệm thì cần có những cái phần trải nghiệm ở ngoài không gian lớp học tuy nhiên thì 2 năm nay thật sự không gian lớp học cái vấn đề đó hầu như không có hoặc rất là ít thì đó là những khó khăn mà nhà trường đang gặp phải chứ còn về tất cả về sách về chương trình về sự nỗ lực của các thầy cô thì rất ổn.

Hỏi: Theo Cô, mức độ thể hiện các năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên của trường hiện nay như thế nào?

Trả lời: Em cũng nghĩ vậy nếu mà 6 năng lực này thì về trường em với cái đội ngũ hiện nay thì bọn em đánh giá là từ 7 80% là các thầy cô đã đáp ứng được vì thực theo mình nói là tất cả các mảng này đều rơi vào trong khoảng tầm 2 năm nay và cái điều kiện để các cô được phát huy 6 năng lực này nó không có nhiều và với cái điều kiện tình hình thực tế như vậy mà các cô đã linh động thì cơ bản em với cái mức của trường thì em cảm nhận là nó khoảng tầm 70 -80% còn nếu khi mà mình đã được bồi dưỡng về chuyên môn về năng lực về việc xây dựng kế hoạch mà sau cả quá trình 1 2 năm mình rút kinh nghiệm thì sau đó cái công tác những cái năng lực khác nó sẽ hỗ trợ và cái công nghệ thông tin cũng vậy thôi thì hiện nay các thầy cô đang phải chịu rất là nhiều áp lực, áp lực từ các môn khác nữa và cũng như rất là nhiều nữa,...

Hỏi: Giáo viên của trường đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Thứ nhất thì mình sẽ có những khung chương trình theo như y text của bộ trải xuống thì như thời điểm này mình đã học xong 9 cái modun và cái thứ 2 nữa là có những cái nội dung tập huấn của sở của phòng về tất cả các môn trong đó có hoạt động trải nghiệm thì từ những cái hoạt động phục vụ buổi tập huấn của phòng thì giáo viên về nhà trường bộ phận chuyên môn sẽ xây dựng lại kế hoạch để tập huấn lại cho toàn bộ giáo viên nắm tất cả sau đó đặc thù của từng tổ khối ví dụ khối 1 khối 2 có môn hoạt động trải nghiệm thì bộ phận tổ khối sẽ xây dựng theo cái hướng là nghiên cứu bài học thì trong đó các thầy cô sẽ trao đổi thảo luận tìm ra những cái bài khó những hoạt động khó những nội dung hay để các thầy cô sẽ làm.

Hỏi: Cô đánh giá như thế nào về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên hiện nay?

Trả lời: Cơ bản là về nội dung học hiện nay các thầy cô đều có những buổi học trực tuyến và những cái buổi nghe trực tiếp thì khi các cô được đánh giá về tốc độ về tiến độ về kết quả những cái bài tập cuối khoá thì ở trên hệ thống sẽ đánh giá và sau đó đưa về trường thì căn cứ vào tiến độ học của thầy cô thì bộ phận chuyên môn sẽ xuất ra được thì mình sẽ thấy được cái chất lượng học của thầy cô để có những cái rút kinh nghiệm đối với thầy cô.

Hỏi: Cô mong đợi gì về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: thứ nhất là nếu được thì có thể có thêm nhiều buổi chuyên đề bồi dưỡng thêm cho giáo viên, thứ hai cần có những tài liệu tham khảo thêm để bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên.

Buổi phỏng vấn kết thúc vào lúc 9g00, ngày 16/05/2022

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ 2

Thời gian: 9 giờ 15, ngày 16/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: CBQL 2

Hỏi: Chức vụ của Cô tại trường là?

- Phó hiệu trưởng

Hỏi: Cô vui lòng cho biết mức độ tham gia quản lý tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?

Trả lời: Nhà trường hỗ trợ chuyên cho giáo viên, trao đổi với giáo viên những nội dung giáo viên chưa nắm rõ. Hỗ trợ thầy cô về nguồn tài liệu tham khảo để thầy cô chuẩn bị soạn bài.

Hỏi: Theo Cô, giáo viên của trường có những thuận lợi nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?

Trả lời: Về khó thì tiết hoạt động trải nghiệm cần phải có sự chuẩn bị của thầy và trò thì mới đạt hiệu quả được nên nếu sự chuẩn bị không tốt sẽ ảnh hưởng đến kết quả. Khó khăn nữa là về hình thức tổ chức lớp các cô chỉ gói gọn trong lớp thôi và trong nhóm thôi còn nếu mà để đủ cái không gian cho các cô làm để cho các cô tổ chức trọn vẹn. Cái nữa là khó khăn đó là về phía chuẩn bị của học sinh nếu như thầy cô không dặn dò kỹ giống như là ví dụ như là làm cái thiệp đó thì các cô phải chuẩn bị rất là chu đáo cho các con chứ để các con tự chuẩn bị thì nó hơi khó.

Hỏi: Cô đánh giá thế nào về kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên?

Trả lời: mình đang cảm nhận được mà giáo viên cũng biết được điều đó chuyên môn bên quản lý cũng thấy được điều đó nhưng mà các cô đã khắc phục được những cái khó khăn đó và nếu mà nói về đạt kết quả thì đây mình đang đạt 60 đến 70%.

Hỏi: Theo Cô, mức độ thể hiện các năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên của trường hiện nay như thế nào?

Trả lời: Nói chung là trong 6 cái nhóm năng lực mà thầy vừa đưa ra á thì là các cô đã làm được hết. Nếu chưa tốt thì chắc là cần cái năng lực phối hợp á nhiều khi các cô hay tự trong khối tự thảo luận với nhau tự mà mình chưa biết tận dụng các cái bộ phận khác để mình phối hợp ví dụ như muốn tổ chức cho các con để cái hoạt động đó là tìm hiểu về lá cây trong trường các loại lá đó thì các cô có thể phối hợp với lại tổng phụ trách phối hợp với lại các bộ phận trong nhà trường để mình có thể dẫn con đi lòng vòng trong sân trường để mình quan sát lá cây đó thì các cô thường thường hay tổ chức độc lập thì mình nghĩ là năng lực phối hợp các cô cần phải tìm hiểu thêm để mình có thể phối hợp những bộ phận nào có thể phối hợp với ai để mình có một cái tiết dạy hoàn chỉnh hơn.

Hỏi: Giáo viên của trường đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Thiên về trải nghiệm thì hiện nay thiên về tổng phụ trách bên tổ tư vấn của nhà trường cũng có tổ chức những cái buổi giao lưu nói chuyện để cho học sinh có những cái buổi nói chuyện thực tế rồi tổ chức các buổi giống như là các con được tự tham gia luôn á tham gia để các con làm luôn, học sơ cứu này nọ nói chung là bên y tế phối hợp...

Hỏi: Cô đánh giá như thế nào về các chương trình bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên hiện nay?

Trả lời: Hai năm rồi không phải vì dịch không ấy đâu mà những năm khác cũng vậy thì thường thường là mỗi một chuyên đề như vậy thì chỉ có 1 2 chuyên đề 1 năm thôi chuyên đề đó mà em nói ví dụ như giáo viên cốt cán được đi tập huấn cái hoạt động trải nghiệm đi của sở đi là mình đi tới mấy buổi mấy ngày nhưng mà mình về mình triển khai cho giáo viên trong ấy thì nó chỉ còn có, thời gian nó rút lại chỉ còn có một buổi thôi thì không thể nào mà mình triển khai hết được cái nội dung mà ấy mình chỉ triển khai cái mức cơ bản thôi thì đó là cái khó đó.

Hỏi: Cô mong đợi gì về các chương trình bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Bây giờ không cần bồi dưỡng trực tiếp cũng được có cần là mình có thể là gửi tài liệu về cho giáo viên tham khảo trước cũng được bằng cái nguồn tài liệu cũng được thì giáo viên tự bồi dưỡng cái đó là cũng cần thiết lắm đó chứ không nhất

thiết là mình phải tổ chức những cái buổi trực tiếp như vậy tốn kém mà nó không mang lại hiệu quả cao nên là cái nguồn tài liệu mình có thể gửi trước cho giáo viên tham khảo.

Buổi phỏng vấn kết thúc vào lúc 9g00, ngày 16/05/2022

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ 3

Thời gian: 14 giờ 00, ngày 17/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: CBQL 3

Hỏi: Chức vụ của Cô tại trường là?

Trả lời: Hiệu trưởng

Hỏi: Cô vui lòng cho biết mức độ tham gia quản lý tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?

Trả lời: Thường thường mình chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN của nhà trường. Khi mình lên kế hoạch thì mình triển với các thầy cô thì các thầy cô dựa vào kế hoạch đó thiết lập từng khối từng lớp xong rồi bắt đầu gom lại trong quá trình các thầy cô làm có gì khó khăn hay có gì vướng mắc thầy cô lên trao đổi tại vì đâu phải là ai cũng không biết mà ai cũng đều biết hết có một số người khi mình triển khai thì họ rất là nhanh nhạy nhưng mà cũng có một số người một số giáo viên mình trao đổi nhưng mà họ vẫn còn lờ mờ người ta chưa hiểu cho nên nhiều khi cái nút gút đó họ chưa mở ra được cái họ phải lên trao đổi với mình thì cứ trao đổi tới đâu mình gỡ cho họ tới đó để lần sau họ làm cái hoạt động này nó tốt hơn đến học sinh

Hỏi: Theo Cô, giáo viên của trường có những thuận lợi nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?

Trả lời: Thuận lợi là được tập huấn chương trình HĐTN, tập huấn SGK chương trình mới. Khó khăn là thì có một vài thầy cô lớn tuổi cho nên là cái phần tổ chức cho học sinh chưa được theo cái ý của mình, theo cái hướng của mình tại vì nếu mà phân hết trẻ thì các khối kia nó lại không có trẻ thì các công việc của các khối khác nó không thuận lợi còn nếu mà để mà vừa lớn tuổi vừa trẻ thì có thể hỗ trợ nhau nhưng mà các cô mà lớn tuổi thì chậm hơn.

Hỏi: Cô đánh giá thế nào về kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên?

Trả lời: chỉ ở mức khá thôi chứ tốt thì chưa thật sự tốt lắm, nó chỉ ở mức khá thôi mình còn phải ở cơ sở vật chất, còn phải kinh phí, còn phải con người nữa chứ còn nói nó tốt toàn diện thì cơ sở phải ok con người phải năng động trẻ trung, kinh phí phải nhiều mình vận động được phụ huynh thì nhà nước chỉ có nhiều đó thôi

nhưng mà ở phụ huynh đó nếu mà họ hỗ trợ được nhiều mình thì cái hoạt động cũng tốt.

Hỏi: Theo Cô, mức độ thể hiện các năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên của trường hiện nay như thế nào?

Trả lời: Nói chung là tạm ổn tuy nhiên còn cần bồi dưỡng thêm về NL chuyên môn vì cái chuyên môn này nó mới quá nó mới lớp 1 lớp 2 mà tụi mình tập huấn trong thời gian hè thời gian rất là ngắn cho nên là cái chuyên môn nó là cần hơn còn cái năng lực tổ chức thì các thầy cô tổ chức được còn cái xây dựng kế hoạch thì nói chung là những bạn trẻ là ok nhưng mà những cái bạn những cái thầy cô mà lớn tuổi thì họ cảm thấy nó rất là khó còn đánh giá thì các thầy cô đánh giá được chỉ có cái chuyên môn với cái khả năng từng người thì nó hơi bị hạn chế chứ còn đánh giá thì cô nhìn cô biết là em này tốt, em này khá, em này trung bình là các cô đánh giá được.

Hỏi: Giáo viên của trường đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: chủ yếu là bồi dưỡng thay sách giáo khoa. Chỉ có ai dạy chương trình mới thì mới được đi thôi.

Hỏi: Cô đánh giá như thế nào về các chương trình bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên hiện nay?

Trả lời: Nói chung là nó chỉ ở cái mức trung bình thôi còn như hồi xưa chương trình thay sách mới là tụi mình học xong soạn giáo án xong dạy mà không phải dạy cho học sinh mà dạy trên giáo viên á thì cái đó nó kỹ hơn và nó sâu hơn còn thời điểm này do là dịch cho nên là khi mà tập huấn cho giáo viên với cái chương trình với cái việc tiếp nhận này kia của giáo viên thì nó cũng tương đối thôi nó chưa có được đi sâu lắm

Hỏi: Cô mong đợi gì về các chương trình bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Muốn bồi dưỡng chuyên sâu hơn để các cô nắm bắt kỹ hơn nhất là những cái cô mà lớn tuổi thì họ hạn chế cái việc mà tìm hiểu thì khi về chuyên sâu thì ép họ phải học còn nói về tìm hiểu trên sách báo, trên... tự nghiên cứu thì không bao giờ họ làm được cái vấn đề đó trẻ thì nhiều khi các cô xem cái này xem cái kia để lòng ghép vô cái bài giảng của mình cho nó tốt hơn thì các cô sẽ tìm hiểu nhưng các thầy cô lớn tuổi thì hạn chế vấn đề đó học nghì họ đọc họ cũng không hiểu nữa thành thử ra là mình nên đi chuyên sâu hơn.

Theo mình thì cũng cần tăng thời gian lên tại vì với cái cách bồi dưỡng thời gian như vậy không đủ để tương tác giữa thầy và trò ví dụ như cô thì muốn thêm cái vấn

đề này nhưng mà do là cái chương trình nó bó hẹp như vậy thì mình không thể nào làm được

Buổi phỏng vấn kết thúc vào lúc 15g10, ngày 17/05/2022

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ 4

Thời gian: 8 giờ 00, ngày 18/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: CBQL 4

Hỏi: Chức vụ của Thầy tại trường là?

Trả lời: Hiệu trưởng

Hỏi: Thầy vui lòng cho biết mức độ tham gia quản lý tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?

Trả lời: Mình là quản lý chung về HĐTN của trường. Trường mình thì nó may mắn hơn các trường là ngay từ khi thành lập trường năm 2015 là đã chú trọng các hoạt động trải nghiệm rồi, lúc đó nhà trường đã hàng tháng đã tổ chức nhiều hoạt động cho các con. Theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 thì lớp 1, lớp 2 nhà trường sẽ thực hiện theo định hướng của chương trình nhưng mà bên cạnh đó thì lớp 3, lớp 4, lớp 5 luôn được lồng ghép và làm thường xuyên

Hỏi: Theo Thầy, giáo viên của trường có những thuận lợi nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?

Trả lời: Một cái khó khăn lớn nhất, là đối với nhà trường hiện nay, đối với phần mà đề định hướng trong cái phần kinh phí tổ chức các hoạt động trải nghiệm và đề cái năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm thì đó là cái mà nhà trường quan tâm nhất. Cái thứ 2 là cái năng lực của giáo viên là giáo viên cũng đang tự làm, tự mày mò, tự rút kinh nghiệm, chứ về cái bài bản thì cũng không thể có một cái chương trình đào tạo, cũng không có một cái chỉ dẫn cụ thể, mà ngay cả Bộ Giáo Dục khi đề ra hoạt động trải nghiệm thì cũng tập huấn theo cái kiểu là có những cái buổi để nói cái môn đó, cái hoạt động đó thì giáo viên chỉ được tiếp cận ở mức độ đó thôi, chứ còn để phát triển năng lực cho người dạy một cách tốt nhất để họ dạy được thì hiện nay là cái mà cần phải nghiên cứu.

Hỏi: Thầy đánh giá thế nào về kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên?

Trả lời: Theo mình thì kết quả đạt được là khá và cần phải tiếp tục cải thiện để đáp ứng yêu cầu tổ chức HĐTN cho học sinh.

Hỏi: Theo Thầy, mức độ thể hiện các năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên của trường hiện nay như thế nào?

Trả lời: Về cơ bản thầy cô đáp ứng được nhưng cần bồi dưỡng năng lực chuyên môn. Năng lực chuyên môn là quan trọng vì giáo viên phải là người hiểu biết và có tầm hiểu biết sâu về cái gọi là trải nghiệm, nó liên quan đến cuộc sống, nó đa dạng nhiều vấn đề lắm thì giáo viên phải trải nghiệm và phải là người hiểu biết chuẩn.

Hỏi: Giáo viên của trường đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Trường mình đặc thù là đến đầu tháng 8 bên bộ phận chuyên môn sẽ tổ chức buổi cho giáo viên đăng ký và chia sẻ kinh nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động trải nghiệm, công tác chủ nhiệm, nói chung là rất nhiều lĩnh vực, trong đó cái hoạt động trải nghiệm được chú trọng.

Thứ hai là trong hàng tháng, các tổ khối đăng ký các hoạt động trải nghiệm là học phải bàn, họ phải đưa ra những cái biện pháp, và họ phải thực hiện và sau khi thực hiện thì họ rút kinh nghiệm, thì đó là cái bồi dưỡng theo nội lực mà trường mình thấy cần thì làm, còn cái bài bản thì chắc chắn là chưa.

Trường mình có một đặc thù là còn tổ chức hoạt động trải nghiệm bằng tiếng Anh hằng tháng nữa, nghĩa là bên cạnh cái chương trình Việt của mình là có hoạt động trải nghiệm bằng tiếng Anh, giáo viên cứ học hỏi qua lại lẫn nhau, trong hoạt động trải nghiệm tiếng Anh thì có mời người nước ngoài tham gia, qua phong cách của người nước ngoài thì cũng có những cái mình học hỏi.

Hỏi: Thầy đánh giá như thế nào về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên hiện nay?

Trả lời: Nói chung là chắc chỉ ở mức độ cơ bản thôi, vì bồi dưỡng không thể gói gọn trong một hai buổi được, để bồi dưỡng năng lực dạy cho giáo viên thì không thể một hai buổi như hiện nay được, hiện nay do cái chương trình sách giáo khoa mới nó rất nhiều môn, do đó thời lượng bồi dưỡng cho từng môn rất là ít, đặc biệt là hoạt động trải nghiệm hầu như có một buổi à, nhưng mà một buổi để giúp cho giáo viên có năng lực thì không thể được. Vậy nên chương trình bồi dưỡng hiện nay chỉ mới là giới thiệu cho giáo viên thôi, còn để giáo viên đạt được sâu giống như năng lực chuyên môn, rồi cái hiểu biết, cái ứng dụng phương tiện, cơ sở vật chất hiện đại vào trong hoạt động thì chưa có được, đặc biệt là những trường có đội ngũ giáo viên càng lớn tuổi

Hỏi: Thầy mong đợi gì về các chương trình bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Tăng thời lượng các hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên. Thứ hai là nội dung bồi dưỡng phải thật là sát với cái khung chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 để giáo viên có thể đối chiếu ngay về những gì họ được bồi dưỡng và ứng dụng

trong thực tế nó hiệu quả. Thứ ba là đối với bồi dưỡng năng lực trải nghiệm thì quan trọng hơn hết nó vẫn là, trong chương trình của mình thì nó có một cái bộ tài liệu, mình phải thiết kế một cái bộ tài liệu thật là chuẩn và thật là hay và nó phong phú để giúp cho giáo viên nào ngoài cái chuẩn theo cái quy định chương trình thì có thêm tài liệu để học mở rộng hoặc là tham khảo thêm.

Buổi phỏng vấn kết thúc vào lúc 9g15, ngày 18/05/2022.

Cảm ơn Thầy.

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU CÁ NHÂN BỘ QUẢN LÝ 5

Thời gian: 9 giờ 20, ngày 18/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: CBQL 5

Hỏi: Chức vụ của Cô tại trường là?

Trả lời: Phó hiệu trưởng

Hỏi: Cô vui lòng cho biết mức độ tham gia quản lý tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?

Trả lời: Hoạt động trải nghiệm thì nó có 3 phần: là sinh hoạt lớp, một cái là làm theo chủ đề, một cái là chào cờ. Đối với chào cờ thì sẽ phối hợp với bên tổng phụ trách thì mình sẽ có tổng phụ trách và giáo viên chủ nhiệm sẽ phối hợp với nhau để làm thành tiết chủ đề lồng ghép vào trong tiết sinh hoạt lớp cho nó phù hợp. Còn tiết sinh hoạt lớp thì mình sẽ có những tiết thao giảng để cho các thầy cô mình nắm được các bước để có thể lên một cái tiết sinh hoạt lớp theo cơ bản, còn cái phần sáng tạo thì để thầy cô thêm, từ cái tiết chuyên đề đó thì các thầy cô sẽ rút kinh nghiệm trong tổ khối và thực hiện theo sự sáng tạo của mình ở mỗi lớp phù hợp. Rồi đối với cái hoạt động chủ đề, thì cái này rất là, hoạt động chủ đề rất là hay và ý nghĩa, nó theo từng chủ đề và rất là phù hợp với lứa tuổi học sinh, thì trường rất là tâm đắc với cái hoạt động trải nghiệm này, các thầy cô cũng cùng với trong tổ khối các thầy cô, trong cái buổi sinh hoạt chuyên môn của tổ khối, mình cùng tham gia với tổ khối xây dựng các tiết để cho nó thật là hoàn chỉnh.

Hỏi: Theo Cô, giáo viên của trường có những thuận lợi nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?

Trả lời: trường mình thì được cái thuận lợi tức là mình đang xây dựng mô hình tiên tiến hiện đại thì cái sĩ số học sinh rất là ít, tầm khoảng 28 em một lớp thôi, do đó tổ chức cái hoạt động rất là dễ. Cái thứ 2 nữa là giáo viên của mình thì các bạn hầu như là những bạn rất là trẻ và rất là nhiệt tình, tâm huyết với nghề, nhất là rất thích cái chương trình 2018 này vì nó có nhiều hoạt động rất là hay cho học sinh. Còn ví dụ khó khăn đi, thì khó khăn ví dụ có những cái hoạt động nó cần kinh phí gì đó, có thể là có những cái nào dễ, ít thì các thầy cô cũng tự mua cho học sinh luôn, có những

cái lớn thì cũng phải nhờ phụ huynh, ví dụ như là nhắc các con có thể chuẩn bị từ ở nhà đem lên hay cái gì đó. Nói về khó khăn thì ở trường mình chắc là thuận lợi nhiều hơn, mình thuận lợi về sĩ số học sinh cũng như là giáo viên, cơ sở vật chất cũng vậy, nên việc tiến hành chương trình 2018 này nó rất thuận lợi ở trường mình.

Hỏi: Cô đánh giá thế nào về kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên?

Trả lời: Thầy cô đã thực hiện khá tốt theo điều kiện của nhà trường và yêu cầu của chương trình.

Hỏi: Theo Cô, mức độ thể hiện các năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên của trường hiện nay như thế nào?

Trả lời: Theo em thì em thấy năng lực tổ chức hoạt động thì trường mình mạnh, nhưng mà còn năng lực chuyên môn thì khá nhưng mà cái số 1 thì có thể mình sẽ bồi dưỡng thêm về vấn đề đó vì kiến thức thật sự nó rộng, và nếu mình biết thì mới có mặt ngang thôi chứ chưa có được bề sâu, thì nếu mình đầu tư thêm cái bề sâu nữa thì cách dạy mình sẽ chắc hơn để nó thấm với học sinh nhiều hơn, nó vận dụng vào cái thực tế nhiều hơn nữa, nói chung là phải sâu hơn.

Hỏi: Giáo viên của trường đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: có tổ chức các buổi như là tập huấn các chuyên đề cho giáo viên về các hoạt động trải nghiệm này, rồi động viên các bạn là chia sẻ kinh nghiệm sau mỗi tháng hoặc là mỗi năm học, thì các bạn sẽ đăng ký những cái chia sẻ kinh nghiệm của mình, trong quá trình giảng dạy thì mình thấy những gì hay thì mình đưa lên, các bạn học hỏi, hoặc các bạn biết ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy hoặc những phương pháp, trò chơi gì đó thì các bạn cũng đăng ký và chia sẻ trong buổi học chuyên môn.

Hỏi: Cô đánh giá như thế nào về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên hiện nay?

Trả lời: mình thấy cái gì được thì mình làm thôi, chứ thật sự bài bản để từ trên ấy xuống thì nó vẫn còn chưa, vẫn cần bồi dưỡng cho giáo viên nhiều lắm.

Hỏi: Mong đợi gì về các chương trình bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Những cái nội dung đưa đến cho giáo viên phải là thiết thực, sát thực nhất, lưu ý về các kỹ năng vì kiến thức thì giáo viên đọc sách là đã biết rồi, nhưng về các kỹ năng chuyên sâu cũng như là cách tổ chức các hoạt động thì cần sâu hơn nữa. Còn thời lượng thì nên tập trung, làm cho sâu và nó chắc, có thể là trong hè khoảng tháng 8.

Buổi phỏng vấn kết thúc vào lúc 10g20, ngày 18/05/2022

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ 6

Thời gian: 14 giờ 00, ngày 19/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: CBQL 6

Hỏi: Chức vụ của Thầy tại trường là?

Trả lời: Phó hiệu trưởng

Hỏi: Thầy vui lòng cho biết mức độ tham gia quản lý tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?

Trả lời: Mình là phụ trách chuyên môn của nhà trường và phụ trách chuyên môn hoạt động trải nghiệm của trường. Thực ra thì mỗi cái kế hoạch thì được giáo viên dựa vào cái kế hoạch chung của học tập xây dựng kế hoạch rồi đưa lên nhà trường, nhà trường đọc lại nó phù hợp thì nhà trường ký duyệt và nhà trường cũng giám sát theo cái kế hoạch đó, rồi đặc biệt các bộ phận quản lý cũng giám sát rồi đánh giá rồi có thực hiện tốt hay không, rồi thực hiện đầy đủ hay không, và tạo mọi điều kiện cho giáo viên hoạt động tại nhà trường, tuy nhiên cái lĩnh vực ra khỏi nhà trường thì cũng còn rất là bỏ ngõ và rất là khó khăn.

Hỏi: Theo Thầy, giáo viên của trường có những thuận lợi nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?

Trả lời: Dạ cái thuận lợi đầu tiên đó là trường có cơ sở vật chất rất là tốt, gần 12 ngàn m², với đầy đủ các cái phòng chức năng, học sinh sĩ số rất là thấp tại vì bên em xây dựng theo trường tiên tiến hiện đại, dạ nên thuận lợi rất là nhiều rồi được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, đặc biệt là sự tạo điều kiện của phía ban giám hiệu nhà trường, rồi đội ngũ nhà trẻ đó là những điều kiện thuận lợi bên trong, còn điều kiện thuận lợi bên ngoài thì đó là sự phối hợp của phụ huynh, mình đưa ra các cái hoạt động gì thì các phụ huynh đều rất là ủng hộ. Còn cái về khó khăn trong các hoạt động tổ chức hoạt động thì thật ra là tổ chức theo cái chủ đề của nhà trường thì chủ yếu là bám sát với chương trình của sách giáo khoa, chưa có những cái hướng mới chưa đột phá và cũng chưa có nắm hết các phương pháp tổ chức như thế nào mang lại hiệu quả.

Hỏi: Thầy đánh giá thế nào về kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên?

Trả lời: theo em thì giáo viên đạt mức độ là khá tuy nhiên mà thực sự với mức độ em đòi hỏi về chuyên môn cũng cao nhưng mà chưa đạt đến mức mong muốn của em nhiều cái bước đột phá thì chưa có, mà thực ra mình, để mà cán bộ quản lý mà có cái bước đột phá ấy, em cũng chưa biết phải làm cái gì, bởi vì nó rất là mới, mới triển

khai hiện nay, nên cũng muốn là cái gì nó khác khác mà nó cũng hay hay, cũng không biết phải làm cái gì.

Hỏi: Theo Thầy, mức độ thể hiện các năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên của trường hiện nay như thế nào?

Trả lời: Dạ đối với mức độ mà chuyên môn và hoạt động trải nghiệm thì em đánh giá ở mức độ khá tốt vì được tập huấn, vì họ có mức độ hiểu biết cơ bản về cái năng lực xây dựng kế hoạch thì họ cũng có, cũng có tập huấn ở mức độ khá tốt. còn hai cái vấn đề mà em thấy là hạn chế của giáo viên cần bồi dưỡng mạnh và sâu hơn đó chính là năng lực phối hợp với các đơn vị giáo dục, họ chỉ nghĩ giống như mình đi học quản lý mình hiểu rằng một người giáo dục không chỉ đơn thuần những người trong trường, mà còn các tổ chức, các cá nhân bên ngoài xã hội để hỗ trợ, họ chưa biết vận động, đặc biệt là nguồn quan trọng nhất là phụ huynh, cái nguồn lực họ nhiều lĩnh vực, đa dạng, đa ngành nghề. Nhưng mình nói trên lý thuyết là vậy đó nhưng họ cũng hổng dám làm. Tất nhiên là năng lực phối hợp của cá nhân giáo viên của em còn hạn chế, sử dụng các lực lượng giáo dục để tham gia quá trình rất là hạn chế. Cái hạn chế thứ hai nữa là cái kết quả đánh giá, năng lực về đánh giá về hoạt động trải nghiệm, thật ra thì em thấy đánh giá mang tính chất rất là cảm tính, họ chỉ quan sát tổng quan các con rồi họ đánh giá mức độ TH, nhưng chưa có luận giá, chưa có dùng gọi là định lượng mà mang tính chất định tính, cần phải có những cái định lượng ở mức độ nào đó.

Hỏi: Giáo viên của trường đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Dạ thứ nhất là tham gia hoạt động bồi dưỡng, kiểu như là bồi dưỡng chung của chương trình ..., bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chung để đạt được các cái modul để đi dạy, cái thứ hai là được tập huấn về sử dụng sách giáo khoa vào hè. Và cái nữa là được tập huấn qua chia sẻ kinh nghiệm qua các sinh hoạt chuyên môn ở trường.

Hỏi: Thầy đánh giá như thế nào về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên hiện nay?

Trả lời: Dạ em nghĩ là mức độ khá ạ vì đáp ứng được yêu cầu cơ bản, chứ đáp ứng được yêu cầu chuyên sâu thì đòi hỏi về cái như mà nãy giờ em nói thì hơi khó, chưa đạt được, đó đánh giá rất là khách quan.

Hỏi: Thầy mong đợi gì về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Với góc độ của em, thì giống như mình học quản lý, em cũng đòi hỏi hơi cao, thì phải có một cái chủ trương của ngành về cái vấn đề là tập huấn cho giáo viên,

bắt buộc giáo viên phải làm nếu không giáo viên sẽ làm mờ nhạt, nghĩa là phải ra một cái văn bản hướng dẫn về cách đánh giá, rồi bây giờ dựa vào cái văn bản đó để các nhà chuyên môn gọi là nhà học thuật, người ta sẽ nghiên cứu kỹ, là sẽ có những nội dung gì để giúp giáo viên đánh giá và đặc biệt cái thứ hai là muốn đánh giá được phải có được tổ chức tốt thì mình mới đánh giá thì cái vấn đề đó là vấn đề tổ chức, tổ chức những cái hoạt động gì để mang tính chất là thực sự là trải nghiệm, thực sự là phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Về các năng lực thì mình cho rằng giáo viên cần được bồi dưỡng nhiều hơn năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm, vì nhiều giáo viên còn lúng túng, chưa tự tin khi triển khai thực hiện hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Buổi phỏng vấn kết thúc vào lúc 15g15, ngày 19/05/2022

Cảm ơn Thầy.

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ 7

Thời gian: 8 giờ 00, ngày 23/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: CBQL 7

1. Chức vụ của Thầy tại trường là?

- Hiệu trưởng

2. Thầy vui lòng cho biết mức độ tham gia quản lý tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?

Trả lời: Với tư cách là hiệu trưởng nhà trường, mình chủ động triển khai các chủ trương, chính sách về đổi mới chương trình, SGK về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên của nhà trường. Đồng Thời cũng chỉ đạo phó hiệu trưởng, các khối trưởng triển khai thực hiện HĐTN theo yêu cầu .

3. Theo Thầy, giáo viên của trường có những thuận lợi, khó khăn nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?

Trả lời: Theo mình thì yếu tố thuận lợi cơ bản nhất là thầy cô nhiệt tình, thích ứng nhanh với sự thay đổi chương trình, sách giáo khoa HĐTN ở tiểu học. Điều này giúp cho thầy cô thực hiện chương trình HĐTN thuận lợi. Tuy nhiên, đánh giá khách quan cho thấy quá trình tổ chức HĐTN của trường còn một số vấn đề sau: HĐTN là hoạt động mới, do đó GV của trường chưa có nhiều cơ hội tiếp cận thông tin kỹ càng, giáo viên còn khá lúng túng khi tổ chức HĐTN cho học sinh. Một bộ phận GV của trường chưa thành thực, nắm rõ các yêu cầu của tổ chức HĐTN. Ngoài ra, khuôn viên của nhà trường nhỏ, chưa đảm bảo đủ các điều kiện cần thiết để tổ chức các hoạt động trải nghiệm quy mô toàn trường, ngoài trời. Bên cạnh đó, nhà trường và giáo viên cũng chưa huy động được sự phối hợp hiệu quả của các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường tham gia hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh.

4. *Thầy đánh giá thế nào về kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên?*

Trả lời: Qua quan sát quá trình GV tổ chức HĐTN cho học sinh tôi cho rằng kết quả chỉ đạt ở mức trung bình khá, đáp ứng cơ bản yêu cầu của chương trình HĐTN.

5. *Theo Thầy, mức độ thể hiện các năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên của trường hiện nay như thế nào?*

Trả lời: Đối chiếu với các năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm với khả năng hiện có của giáo viên ở trường, tôi nghĩ rằng GV thể hiện tốt ở năng lực xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, năng lực sử dụng nguồn lực, thiết bị, phương tiện để tổ chức hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên vì HĐTN là hoạt động mới, do đó GV chưa quen do đó những năng lực như năng lực chuyên môn về HĐTN, năng lực tổ chức thực hiện HĐTN trong thực tiễn của giáo viên còn chưa tốt, GV còn lúng túng khi triển khai thực hiện nội dung, chương trình HĐTN.

6. *Giáo viên của trường đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?*

Trả lời: Trong thời gian qua thì về cơ bản Gv của trường chưa tham gia nhiều hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm. Chỉ có giáo viên dạy lớp 1, 2 tham gia bồi dưỡng thay sách giáo khoa về HĐTN tuy nhiên thời gian dành cho hoạt động này không nhiều. So với yêu cầu tổ chức HĐTN theo chương trình GD phổ thông 2018 thì hoạt động bồi dưỡng như vậy là quá ít, cần phải có nhiều hoạt động bồi dưỡng cụ thể, chi tiết hơn về HĐTN cho giáo viên.

7. *Thầy đánh giá như thế nào về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên hiện nay?*

Trả lời: Theo mình thì chưa đủ, đặc biệt HĐTN là hoạt động mới được đưa vào chương trình giáo dục phổ thông ở tiểu học do đó, kết quả bồi dưỡng theo mình là chỉ ở mức tạm chấp nhận được.

8. *Thầy mong đợi gì về hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?*

Trả lời: Theo mình trong giai đoạn tới cần cải tiến nhiều vấn đề về hoạt động bồi dưỡng về HĐTN và NLTC HĐTN cho giáo viên tiểu học. Thứ nhất, cần tăng cường thời gian bồi dưỡng cho GV về hoạt động trải nghiệm; Cần có chương trình bồi dưỡng cụ thể về NLTC HĐTN của giáo viên, nhất là các NL giáo viên còn chưa tốt như năng lực chuyên môn về HĐTN, năng lực tổ chức thực hiện HĐTN trong thực tiễn

Buổi phỏng vấn kết thúc vào lúc 9g00, ngày 23/05/2022

Cảm ơn Thầy.

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ 8

Thời gian: 14 giờ 00, ngày 25/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: CBQL 8

1. Chức vụ của Thầy tại trường là?

- Hiệu trưởng

2. Thầy vui lòng cho biết mức độ tham gia quản lý tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?

Trả lời: Mình chỉ đạo phó hiệu trưởng chuyên môn phối hợp với các khối xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện HĐTN theo từng học kỳ, năm học đồng thời mình cũng thường xuyên theo dõi, giám sát quá trình thực hiện HĐTN của giáo viên, mình có dự giờ để kiểm tra và đánh giá giáo viên.

3. Theo Thầy, giáo viên của trường có những thuận lợi, khó khăn nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?

Trả lời: Trường mình đa phần giáo viên tuổi đời còn trẻ nên mình nghĩ yếu tố thuận lợi nhất là sự năng nổ, nhiệt tình của giáo viên và sự thích ứng nhanh của giáo viên với chương trình mới. Tuy nhiên, vì giáo viên trẻ nhiều nên kinh nghiệm, năng lực của giáo viên chưa tốt, GV còn lúng túng khi triển khai tổ chức HĐTN cho học sinh. Nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức HĐTN theo chương trình GDPT HĐTN đa dạng và phong phú trong khi đó, điều kiện của nhà trường và kinh nghiệm của giáo viên chưa đủ để triển khai thực hiện đầy đủ. Đây là cái khó của nhà trường.

4. Thầy đánh giá thế nào về kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên?

Trả lời: Đánh giá khách quan thì chỉ tạm ổn chứ chưa thật sự tốt như mong đợi.

5. Theo Thầy, mức độ thể hiện các năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên của trường hiện nay như thế nào?

Trả lời: Vì đa số giáo viên trường mình là giáo viên trẻ, nên mình cho rằng hầu hết các năng lực thầy đã đạt được chỉ ở mức trung bình khá. Qua quan sát giáo viên tổ chức HĐTN cho học sinh thì mình cho rằng giáo viên của trường còn chưa thể hiện tốt năng lực chuyên môn về HĐTN, vì đây là hoạt động mới nên giáo viên chưa có thời gian tiếp cận, chưa được đào tạo, bồi dưỡng nhiều. Thứ hai là năng lực tổ chức thực hiện HĐTN vì nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức đa dạng do đó giáo viên chưa đáp ứng được.

6. Giáo viên của trường đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Chủ yếu là bồi dưỡng thay sách giáo khoa HĐTN còn các hoạt động khác thì không có.

7. *Thầy đánh giá như thế nào về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên hiện nay?*

Trả lời: Thật sự khó để đánh giá vì không có nhiều hoạt động, chương trình bồi dưỡng về HĐTN và NLTC HĐTN tuy nhiên nếu đánh giá cảm quan thì mình cho rằng chỉ ở mức cơ bản.

8. *Thầy mong đợi gì về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?*

Trả lời: Để giáo viên tiêu học tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm theo mình cần đẩy mạnh bồi dưỡng cho giáo viên về HĐTN và NLTC HĐTN. Cụ thể theo mình cần có nhiều chương trình, hoạt động bồi dưỡng về HĐTN và NLTC HĐTN để tất cả giáo viên có thể tham gia.

Buổi phỏng vấn kết thúc vào lúc 14g45, ngày 25/05/2022

Cảm ơn Thầy.

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ 9

Thời gian: 9 giờ 30, ngày 26/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: CBQL 9

1. *Chức vụ của Cô tại trường là?*

- Hiệu trưởng

2. *Cô vui lòng cho biết mức độ tham gia quản lý tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?*

Trả lời: Mình giao cho phó hiệu trưởng chuyên môn phụ trách chính, mình theo dõi, giám sát quá trình thực hiện HĐTN của các tổ và giáo viên thông qua báo cáo định kỳ.

3. *Theo Cô, giáo viên của trường có những thuận lợi, khó khăn nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?*

Trả lời: Qua theo dõi quá trình thực hiện HĐTN của trường thì mình nhận thấy còn nhiều bất cập phải giải quyết như khuôn viên trường chật, thiếu cây xanh nên không thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài trời. Kinh phí nhà trường còn hạn chế nên chưa thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm quy mô lớn, ngoài khuôn viên nhà trường. Một điều bất lợi nữa là nhiều giáo viên lớn tuổi thích nghi chậm với yêu cầu tổ chức HĐTN cho học sinh, nên chưa thực hiện hiệu quả các yêu cầu về mục tiêu, nội dung....

4. *Cô đánh giá thế nào về kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên?*

Trả lời: Theo mình thì kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường có nhiều cải tiến so với năm đầu tiên tuy nhiên khách quan mà nói thì chỉ ở mức tạm được, cần tiếp tục cải tiến.

5. Theo Cô, mức độ thể hiện các năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên của trường hiện nay như thế nào?

Trả lời: Đối chiếu với các năng lực được đề xuất thì mình thấy về cơ bản giáo viên của trường mình đạt ở mức trung bình khá trở lên tuy nhiên để tổ chức HĐTN theo đúng yêu cầu phân bố chương trình thì mình nghĩ rằng cần tiếp tục bồi dưỡng cho GVTH những năng lực như NL phối hợp các lực lượng giáo dục vì đây là hoạt động có sự tham gia của nhiều lực lượng do đó cần bồi dưỡng cho GV, NL chuyên môn về HĐTN vì đây là hoạt động mới, GV chưa được đào tạo, bồi dưỡng nhiều nên mức độ am hiểu về HĐTN chưa cao và cuối cùng là NL tổ chức thực hiện HĐTN vì để làm được HĐTN cho học sinh thì không thể tập huấn 1-2 buổi được. Còn các năng lực khác thì mình nghĩ là tạm ổn, giáo viên có thể kế thừa kinh nghiệm từ quá trình dạy học trước đó.

6. Giáo viên của trường đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Chưa có nhiều chương trình bồi dưỡng, giáo viên trường mình thường tham gia chương trình bồi dưỡng thường xuyên của Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức nhưng không có chương trình riêng cho HĐTN. Giáo viên dạy lớp 2 có tham gia bồi dưỡng thay sách giáo khoa HĐTN. Nhà trường cũng chưa có điều kiện để tổ chức nhiều hoạt động BD cho GV của trường về HĐTN.

7. Cô đánh giá như thế nào về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên hiện nay?

Trả lời: Theo mình là chưa đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu triển khai thực hiện HĐTN và nhu cầu phát triển NLTC HĐTN của giáo viên tiểu học.

8. Cô mong đợi gì về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Chắc chắn nên tăng thời gian bồi dưỡng, nên có chương trình, hoạt động bồi dưỡng riêng cho HĐTN, NLTC HĐTN và khảo sát đánh giá thực trạng NL của GV để xem xét, lựa chọn bồi dưỡng những NL giáo viên còn chưa thể hiện tốt.

Buổi phỏng vấn kết thúc vào lúc 10g20, ngày 26/05/2022

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ 10

Thời gian: 7 giờ 30, ngày 28/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: CBQL 10

1. Chức vụ của cô tại trường là?

- Phó hiệu trưởng

2. Cô vui lòng cho biết mức độ tham gia quản lý tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?

Trả lời: Mình là phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn do đó mình chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai cho giáo viên của trường về chương trình HĐTN và tổ chức thực hiện HĐTN theo tiến độ quy định của ngành.

3. Theo Cô, giáo viên của trường có những thuận lợi, khó khăn nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?

Trả lời: Về thuận lợi thì mình nghĩ đó là trường mình nhận được sự chỉ đạo, hỗ trợ triển khai chương trình mới ở tiểu học của các cấp lãnh đạo. Bên cạnh đó, tập thể sư phạm của trường mình khá đoàn kết, gắn bó cũng là 1 thuận lợi để tổ chức thực hiện HĐTN và các môn học khác thuộc chương trình phổ thông mới. Tuy nhiên, với tư cách là người trực tiếp phụ trách thì mình cũng thấy rằng trường mình còn nhiều vấn đề. Thứ nhất là giáo viên chưa có kinh nghiệm về TCHĐTN, chưa được đào tạo và bồi dưỡng nhiều về HĐTN nên khi thực hiện thầy cô phản ánh là khó khi thực hiện nội dung HĐTN theo yêu cầu. Thứ nữa, học sinh của trường có nhiều bố mẹ là lao động nhập cư, giáo viên gặp khó khăn khi phối hợp với cha mẹ học sinh. Ngoài ra, đánh giá kết quả HĐTN đòi hỏi giáo viên phải tổng hợp nhiều cứ liệu, giáo viên tốn nhiều thời gian và khó thực hiện đầy đủ.

4. Thầy đánh giá thế nào về kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên?

Trả lời: quan sát quá trình tổ chức HĐTN của giáo viên, mình cho rằng đã đáp ứng mức độ cơ bản, chứ chưa thật sự tốt.

5. Theo Thầy, mức độ thể hiện các năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên của trường hiện nay như thế nào?

Trả lời: theo mình là tạm ổn nhưng chưa quá tốt, trong đó NL giáo viên trường mình tốt nhất theo mình là NL xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN. Những năng lực của giáo viên trường mình chưa thể hiện tốt cần bồi dưỡng thêm là NL chuyên môn về HĐTN, NLTC thực hiện hoạt động trải nghiệm.

6. Giáo viên của trường đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Ngoài chương trình bồi dưỡng thường xuyên thì những giáo viên dạy chương trình mới có tham gia bồi dưỡng thay sách giáo khoa HĐTN. Nhà trường cũng tổ chức một số buổi sinh hoạt ở khối 1, 2 để giới thiệu về SKG HĐTN cho GV.

7. Thầy đánh giá như thế nào về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên hiện nay?

Trả lời: Hiện có quá ít hoạt động bồi dưỡng về HĐTN và NLTC HĐTN, nên theo mình là chưa đáp ứng tốt nhu cầu bồi dưỡng của GV.

8. Thầy mong đợi gì về các hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Nên bổ sung nhiều chương trình, hoạt động bồi dưỡng về HĐTN và NLTC HĐTN cho GVTH trong thời gian tới.

Buổi phỏng vấn kết thúc vào lúc 8g40, ngày 28/05/2022

Cảm ơn Thầy.

PHỤ LỤC 4

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

Kính chào Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tìm hiểu về tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học, chúng tôi rất mong muốn quý Thầy/Cô dành chút ít thời gian tham gia trả lời các câu hỏi dưới đây. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự đóng góp và hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

1. Thầy/Cô biết thông tin về HĐTN từ những nguồn nào?
2. Thầy/Cô vui lòng cho biết mức độ tham gia tổ chức/hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường như thế nào?
3. Thầy/Cô có những thuận lợi nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?
4. Thầy/Cô gặp những khó khăn nào khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh của trường hiện nay?
5. Theo Thầy/Cô, kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm đạt được ở mức độ nào?
6. Thầy/Cô tự đánh giá mức độ đạt được các năng lực tổ chức HĐTN của mình hiện nay như thế nào?
7. Thầy/Cô đã tham gia những chương trình bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?
8. Thầy/Cô đánh giá như thế nào về kết quả bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học hiện nay?
9. Thầy/Cô mong đợi gì về hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Cảm ơn sự hỗ trợ và giúp đỡ của Thầy/Cô!

PHỤ LỤC 5

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN 1

Thời gian: 8 giờ, ngày 20/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: GV1

Nội dung phỏng vấn:

Hỏi: Cô thường tiếp cận thông tin về HĐTN từ đâu?

Trả lời: Mình thường tiếp cận thông tin về HĐTN thông qua các hoạt động bồi dưỡng, thông tin trên internet và các tài liệu giới thiệu về chương trình và sách giáo khoa HĐTN.

Hỏi: Cô hãy cho biết mức độ tham gia tổ chức HĐTN cho học sinh như thế nào?

Trả lời: Mình là giáo viên chủ nhiệm lớp, do đó mình phụ trách chính việc tổ chức HĐTN cho học sinh thông qua sinh hoạt lớp, hoạt động theo chủ đề và sinh hoạt dưới cờ. Đồng thời mình cũng phối hợp với phụ huynh học sinh để trao đổi, giúp học sinh thực hiện các HĐTN tại nhà và các thầy cô khác như giáo viên bộ môn, tổng phụ trách đội để tổ chức cho học sinh của lớp tham gia các hoạt động trải nghiệm theo chủ đề và thông qua tiết sinh hoạt dưới cờ.

Hỏi: Cô có thể cho biết những thuận lợi, khó khăn của giáo viên khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh?

Trả lời: Nói chung khối 2 năm nay mới áp dụng chương trình 2018. Mà do nửa đầu học kỳ á là các bé đã học trực tuyến, cho nên là cái việc mà triển khai các hoạt động trải nghiệm cho các bé nó không được như ý...như ý muốn của mình. Có những bài cần hoạt động dưới sân trường hay mình cần trực tiếp cho các em tham gia thì không có thuận lợi, các em làm ở nhà thì rất là khó tại vì không có ai hướng dẫn, chỉ có hướng dẫn qua video thì đường truyền nó không có ổn định để mà các em có thể làm việc suôn sẻ. Cho nên là nhiều khi nó cũng bị bất tiện, khó khăn cái chỗ đó.

Hỏi: Cô có thể cho biết kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong thời gian qua?

Trả lời: Nói chung trong cái suốt mà một cái...học kỳ 1, học kỳ 2 này có một số bài rất phù hợp với các em học sinh thì các em làm được. Trong lớp, trong cái tiết dạy luôn nhưng mà cũng có một số cái hoạt động á thì các em không thể thực hiện được. Cái đó là không gian, không gian rồi với cả địa điểm nữa, không phù hợp để thích hợp cho các em thực hiện cái đó.

Hỏi: Cô có thể tự đánh giá về các năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình như thế nào?

Trả lời: Mình thấy cái khâu chuẩn bị là cũng rất là cần các giáo viên nếu mà những cái môn mà nó làm, phải chuẩn bị trước những cái cho học sinh nó xem, cho nó hiểu thì giáo viên phải chuẩn bị chứ cái phần đó nó mất thời gian rất là nhiều. Còn cái nữa là cái thời gian trong tiết học đó thì mình thấy là cái năng lực, ví dụ như là có 30-35 phút đi thì nhiều khi tổ chức một hoạt động hoặc là hát một bài hoặc nó giới thiệu về bản thân nó với các bạn là mình đã thấy nó không đủ giờ.

Hỏi: Cô đã tham gia những khóa tập huấn/bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Năm nay không tham gia, năm ngoái là có đi dự chuyên đề, Chuyên đề phát triển năng lực...

Hỏi: Cô thấy những cái hoạt động bồi dưỡng về trải nghiệm thì nó có đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình chưa?

Trả lời: Dạ như bọn em đi dự chuyên đề, bọn em cũng để ý cái cách giáo viên tổ chức các cái hoạt động rồi các bước tổ chức trong cái giáo án để mà mình xem, mình tham khảo để mình vận dụng để mình dạy. Rồi là trường có cái hoạt động gì mà trường tổ chức thì mình. Mình không được 70 thì cũng được 50% để mà mình về mình dạy cho lớp của mình.

Hỏi: Cô cho biết ý kiến mong muốn của mình về hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Nói chung là cái mong đợi lớn nhất luôn là thực tế. Đừng làm trước một cái gì hết, cứ để thực tế. Như thế nào nó thì cứ thực tế y như vậy thì mới học hỏi được chứ còn... chẳng hạn như đã được chuẩn bị trước rồi thì chẳng học hỏi được gì nhiều.

Hỏi: Có nghĩa là cái chương trình bồi dưỡng phải gắn liền với thực tiễn...?

Trả lời: Đúng rồi, nó phải gắn liền với thực tiễn chứ không phải là... nói chung là không phải là diễn. Nói chung là vậy. Ý là mình muốn xem những cái... Thì mình muốn xem thực tế là cũng giống như lớp mình thì từ đầu là học sinh đã không hiểu gì rồi. Thì mình cũng muốn xem thực tế là cũng như vậy thì nó như thế nào chứ còn mà đã ấy rồi thì...

Buổi phỏng vấn kết thúc vào lúc 8.45, ngày 20/05/2022

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN 2

Thời gian: 8 giờ 50, ngày 20/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: GV2

Nội dung phỏng vấn:

Hỏi: Cô có thể cho biết những thuận lợi, khó khăn của giáo viên khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh?

Trả lời: Thực ra thì theo em nghĩ cái hoạt động trải nghiệm á để tạo điều kiện cho các em được trải nghiệm mà đã trải nghiệm thì phải tất cả các bạn đều có cơ hội được trải nghiệm như vậy nếu như mà khi mà mình lên tiết á thì mình sẽ thiết kế các hoạt động làm sao để tạo điều kiện tối đa để cho tất cả các bạn có thể tham gia một cách mà nhiều nhất. Thường thường khuyến khích các cái em mà có...tức là các em vẫn còn nhút nhát để các em tham gia bởi vì khi mà các em tham gia thì cái hoạt động nó sẽ sôi nổi hơn và sẽ có hiệu quả nhưng mà cũng có nhiều cái cái hoạt động á thì nó... giáo viên, cũng giống như chị Phương vừa nói nó cũng khó tổ chức được hết.

Hỏi: Có nghĩa rằng là mình nói tới những cái điều kiện thứ nhất là về dịch bệnh, thứ hai là về cái cơ sở vật chất, v.v... không gian, mình chưa thể...?

Trả lời: : Dạ đúng rồi, vì điều kiện dịch bệnh nên những HĐTN tập trung đông học sinh và bên ngoài lớp học, trường học không thể thực hiện được thường xuyên. Đồng thời, đối với những HĐTN như vậy, GV phải đầu tư, chuẩn bị nhiều về đồ dùng và dụng cụ phải đầy đủ để học sinh tham gia HĐTN. Một phần nữa là vì sĩ số lớp đông, khó quản lý và đảm bảo sự an toàn cho học sinh nên cũng hạn chế việc tổ chức cho học sinh tham gia các HĐTN ngoài trường. Ngoài ra, em còn gặp khó khăn về đánh giá, vì cứ liệu đánh giá từ nhiều nguồn, giáo viên mất nhiều thời gian để tổng hợp.

Hỏi: Cô có thể cho biết kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong thời gian qua?

Trả lời: Theo em các bạn ấy rất là vui, rất là thích, và cái quan trọng mình đi đến cái đó là cái hiệu quả của cái mong đợi là các em tự làm được, các em biết dành cái tình cảm đó cho cái sản phẩm của mình. Dành cái sản phẩm đó dành tặng cho người thân của mình. Đó chính là cái thành công mà em nghĩ rằng là cái tiết học này đem lại... quan trọng là các em thực hành.

Hỏi: Cô có thể tự đánh giá về các năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình như thế nào?

Trả lời: Năng lực tổ chức hoạt động

Hỏi: Cô đã tham gia những khóa tập huấn/bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Tham gia bồi dưỡng chuyên đề.

Hỏi: Cô thấy những cái hoạt động bồi dưỡng về trải nghiệm thì nó có đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình chưa?

Trả lời: Không nói nó là thực tiễn

Hỏi: Cô cho biết ý kiến mong muốn của mình về chương trình bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Ý em là bản thân em cũng dạy lớp 1, thứ nhất là ai cũng muốn thực tế hết bởi vì thực tế là nó chưa có làm được á mà mình không có giáo đầu, không nói trước là không có làm được luôn. Đó là thực tế hiểu được cái lệnh đề của mình. Đó là thực tế luôn bởi vì mình dạy á. Ngoài ra, cần quan tâm nhiều hơn đến đánh giá kết quả bồi dưỡng vì thực tế những hoạt động bồi dưỡng do nhà trường, tổ chuyên môn tổ chức hầu như giáo viên chỉ tham gia theo yêu cầu, không có đánh giá kết quả tham dự.

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN 3

Thời gian: 9 giờ, 45 ngày 20/05/2022

Người tham gia phỏng vấn: GV3

Nội dung phỏng vấn:

Hỏi: Cô có thể cho biết những thuận lợi, khó khăn của giáo viên khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh?

Trả lời: Theo mình thấy ở lớp 1 chương trình nó rất gần gũi với học sinh. Ví dụ như những cái bài mà liên quan đến từng chủ đề đi, về tết hay gì đó thì hầu hết là học sinh nó được trải nghiệm ở trong cái lớp học, trang trí cây mai hay là biết phụ dọn bố mẹ, dọn dẹp trong cái ngày tết. Nhưng mà ở đây á, một cái khi mà các cô tổ chức xong nó được trải nghiệm như vậy á, nó rất là nhiều thì rất là nhiều cái hoạt động và nếu vậy thì giáo viên lại cần khâu chuẩn bị là càng cực kỳ rất là nhiều. Mình thấy là cực, cực cho giáo viên đó là cái vấn đề khâu trải nghiệm. Vì đã là trải nghiệm thì tất cả các em học sinh trong lớp đều được. Thì mình thấy là do cái sĩ số lớp đông nên cái vấn đề mà để các cô thực hiện hết cái trải nghiệm ở trong lớp và ngoài sân thì hơi khó.

Hỏi: Cô có thể cho biết kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong thời gian qua?

Trả lời: Mình thấy cái vấn đề đạt được á thì theo chương trình lớp 1 thì cũng đạt được cái mục đích yêu cầu mà những cái gì mà hoạt động tổ chức trong lớp thì thấy là các em nói chung là không được đạt ở mức độ xuất sắc như làm thiệp hay là treo cây mai làm sao nó gọn gàng được nhưng mà mình thấy là nó có kết quả, nghĩa

là nó cũng hiểu, mừng tượng được thì mình nghĩ là cái mức độ đó là kết quả mình cũng gần như mình mong đợi cái kết quả như vậy.

Hỏi: Cô có thể tự đánh giá về các năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình như thế nào?

Trả lời: Tổ chức trong lớp, mình bị hạn chế cái vấn đề đó. Năng lực tổ chức thực hiện rất quan trọng, cần tiếp tục bồi dưỡng cho giáo viên năng lực này.

Hỏi: Cô đã tham gia những khóa tập huấn/bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Tham gia các chương trình bồi dưỡng của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên vì công việc quá bận nên mình chỉ có thời gian trống vào dịp hè, vào năm học công việc quá nhiều, không có thời gian để tự bồi dưỡng.

Hỏi: Cô thấy những cái hoạt động bồi dưỡng về trải nghiệm thì nó có đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình chưa?

Trả lời: Không nhưng mà theo em á thì bởi vì mình đã lên tiết thì mình chỉn chu.

Hỏi: Cô cho biết ý kiến mong muốn của mình về chương trình bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Lúc đó là mình phải thiết kế trong giáo án của mình... Ví dụ nó chậm hơn thì mình có thể ai đúng sai hoặc mình chưa có đồ dùng kịp thì mình có thể cho nó giơ tay bằng cách đúng sai cũng được. Đó ý mình nói là có nhiều cái hình thức để cho giáo viên học hỏi hơn.

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN 4

Thời gian: 10 giờ30, ngày 20/05/2022

Người tham dự phỏng vấn: GV4

Nội dung phỏng vấn:

Hỏi: Cô có thể cho biết những thuận lợi, khó khăn của giáo viên khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh?

Trả lời: em thấy là qua hai năm được dạy cái môn này thì em thấy là học sinh rất là thích tại vì do nó được trải nghiệm, chính cái bản thân của nó được trải nghiệm nhưng mà có một cái lưu ý là ví dụ như là một số cái hoạt động một số cái hoạt động mà thì giáo viên rất là phải cân nhắc cái thời gian tổ chức cái hoạt động. Nên là giáo viên cần phải lưu ý cái thời gian và một cái tiết học chỉ thường có 35 phút thôi.

Hỏi: Dạ áp lực của các cô rất là lớn đúng không?

Trả lời: Sĩ số với thời gian. Các em còn nhỏ, chưa hình dung được yêu cầu tự đánh giá và đánh giá bạn của mình cũng là khó khăn của giáo viên.

Hỏi: Cô có thể cho biết kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong thời gian qua?

Trả lời: Dạ theo em thì em thấy là đa số là cơ bản thì học sinh nó đã hoàn thành được cái yêu cầu 70%. Tại do là những cái chủ đề ở trong cái sách hoạt động trải nghiệm lớp 1 thì đa số gần gũi với các bé ví dụ chẳng hạn như những chủ đề đầu tiên là giới thiệu đặc điểm sở thích của em và của bạn thì cái đó học sinh nó sẽ biết được cái sở thích của nó hoặc biết sở thích của bạn thì những cái đó nó rất là gần gũi. Còn cái việc mà điều chỉnh thì do là mình mới áp dụng từ từ nên là mình sẽ phải thay đổi điều chỉnh cân chỉnh nó phù hợp hơn ở những cái tiếp theo, tiếp theo...

Hỏi: Cô có thể tự đánh giá về các năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình như thế nào?

Trả lời: Trong những cái đó, cái sự phối hợp á, sự phối hợp giữa phụ huynh và nhà trường á nói chung là khá tốt. Thì phụ huynh khi mà chuẩn bị các nguyên vật liệu thì cô giáo chỉ chuẩn bị được một ít thôi chứ không thể nào chuẩn bị cho cả lớp được thì đó nhờ sự hỗ trợ nhiệt tình của phụ huynh

Hỏi: Cô đã tham gia những khóa tập huấn/bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Em có tự bồi dưỡng về HĐTN qua youtube.

Hỏi: Cô cho biết ý kiến mong muốn của mình về chương trình bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Mình nghĩ là nếu mà được thì tổ chức nhiều cái hoạt động thực tiễn để giáo viên có thể tham gia quan sát, thực hành. Mình có nhu cầu được bồi dưỡng nhiều hơn về năng lực tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm.

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN 5

Thời gian: 8 giờ, ngày 22/05/2022

Người tham gia phỏng vấn: GV5

Nội dung phỏng vấn:

Hỏi: Cô có thể cho biết cô đã tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh như thế nào?

Trả lời: Thường hoạt động trải nghiệm ở trên lớp thì nhà trường đã đưa ra cái kế hoạch hằng tháng, giáo viên sẽ thực hiện xây dựng kế hoạch và thực hiện cho lớp mình. Mỗi khi gặp khó khăn mình thường hỏi đồng nghiệp cùng khối chứ ít khi nào trao đổi với ban giám hiệu nhà trường.

Hỏi: Cô có thể cho biết những thuận lợi, khó khăn của giáo viên khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh?

Trả lời: Thuận lợi thì nhiều lắm, thứ nhất là được ban giám hiệu luôn là quan tâm để phục vụ cho các con, cái thứ hai nữa là hầu như các hoạt động trải nghiệm nào thì cũng phải có sự chung tay của phụ huynh hết đó là cái thuận lợi lớn nhất, tại vì chỉ khi có phụ huynh phối hợp thì mình sẽ có nhiều cơ hội để cho các con phát triển. Còn về khó khăn á thì hầu như lớp 1 á các con mới đầu cấp rồi những cái hoạt động như ở đầu năm học á làm cái gì các con cũng chập chạp và mất rất nhiều thời gian thì khó khăn nó chỉ là mất nhiều thời gian thôi chứ ngoài ra. Nhiều khi gọi yêu cầu nhờ cha mẹ học sinh hỗ trợ quan sát, đánh giá những cha mẹ ít thực hiện hoặc thực hiện không theo yêu cầu cũng là khó khăn của mình.

Hỏi: Cô có thể cho biết kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong thời gian qua?

Trả lời: Theo như ở lớp 1 thì thực sự các con làm được đến đó là đã đạt yêu cầu ví dụ như ở chủ đề của ngày 8/3 đi thi thường ở trường mình thì giáo viên lớp 1 hướng dẫn các con cách làm vòng tay nhưng thực sự với những bạn như vậy từng bước mình làm chỉ mất thời gian thôi còn khi được ra thành phẩm thì các con rất là thích và giáo viên tìm mọi để có những cái thiết bị dễ dàng nhất để các con làm nên theo đánh giá thì mức đạt được là được chứ không gặp khó khăn vấn đề gì.

Hỏi: Cô có thể tự đánh giá về các năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình như thế nào?

Trả lời: Theo em thì năng lực em thể hiện tốt nhất là xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Hỏi: Cô đã tham gia những khóa tập huấn/bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Tham gia sinh hoạt, bồi dưỡng trong tổ chuyên môn về các vấn đề mình cần thiết ví như tuần này là môn hoạt động trải nghiệm tuần sau thì sẽ là những môn khác.

Hỏi: Cô thấy những cái hoạt động bồi dưỡng về trải nghiệm thì nó có đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình chưa?

Trả lời: Theo như bản thân cá nhân em thì em cảm thấy là nó chưa đủ tại vì thực sự là chương trình mới, đã mới thì mình vừa học vừa làm thì nhưng vậy thì cần phải có các cấp cao hơn giúp cho mình hiểu sâu rộng hơn về cái môn, đây lại là cái môn mới nữa thì cần phải có nhiều hơn những cái cuộc trao đổi chuyên đề. Còn về đánh giá thì mình thực hiện đầy đủ các bài tập đánh giá theo yêu cầu tuy nhiên việc sử dụng kết quả đánh giá thì không rõ.

Hỏi: Cô cho biết ý kiến mong muốn của mình về hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Theo em thì làm sao giúp cho giáo viên mình thấy rõ được mục tiêu của từng cái chủ đề như vậy thì sẽ giúp giáo viên định hướng được nó dễ dàng hơn. Nên cho cái khảo sát đánh giá làm trước để từ đó thì mình đưa ra những cái gì đó là chung, quy cũ là chung nhất cho tất cả mọi người sao mà ở môi trường nào ở trường nào cũng làm được thì nó sẽ hiệu quả hơn.

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN 6

Thời gian: 8 giờ 50, ngày 22/05/2022

Người tham gia phỏng vấn: GV6

Nội dung phỏng vấn:

Hỏi: Cô có thể cho biết cô đã tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh như thế nào?

Trả lời: mỗi khối hay là nguyên cả toàn trường thì đều có là mỗi tháng đều có hoạt động trải nghiệm riêng, mình xây dựng kế hoạch thực hiện theo yêu cầu thôi.

Hỏi: Cô có thể cho biết những thuận lợi, khó khăn của giáo viên khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh?

Trả lời: Về thuận lợi thì ban giám hiệu, của cha mẹ học sinh thì là nhà trường và phụ huynh tạo điều kiện rất nhiều. Còn khó khăn thì nói chung thì cũng có một số khó khăn nếu như là, nếu hoạt động trải nghiệm nhiều thì giáo viên tốn nhiều thời gian chuẩn bị và tổ chức. Hoạt động trải nghiệm là hoạt động mới, bản thân chưa quen với cách đánh giá.

Hỏi: Cô có thể cho biết kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong thời gian qua?

Trả lời: Dạ thì mình đã đưa ra đã phù hợp với mức độ của học sinh thì tùy từng các lớp thì sẽ có hoạt động riêng cho từng khóa thì đã cân nhắc kỹ càng về mức độ phù hợp vì vậy thì khi mà đã được tham gia trải nghiệm á thì các con đều đáp ứng được hoàn thiện sản phẩm mình một cách rất là tốt

Hỏi: Cô có thể tự đánh giá về các năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình như thế nào?

Trả lời: Em cũng đang gặp khó khăn về năng lực chuyên môn, mỗi hoạt động trải nghiệm thì có rất nhiều hoạt động trải nghiệm thì em cũng muốn bồi dưỡng thêm về các hoạt động trải nghiệm khác để có thể tổ chức cho học sinh nhiều cái mới mẻ hơn

Hỏi: Cô đã tham gia những khóa tập huấn/bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Đầu tiên thì trong chương trình 2018 thì thường thường là cũng có bồi dưỡng sách giáo khoa hoạt động trải nghiệm mới.

Hỏi: Cô thấy những cái hoạt động bồi dưỡng về trải nghiệm thì nó có đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình chưa?

Trả lời: Bản thân của em thì cũng là giáo viên cũng mới thôi và nói chung là môn này cũng là môn mới nên là em cũng muốn bồi dưỡng nhiều hơn, được mở các lớp chuyên đề nhiều hơn, được trao đổi nhiều hơn để nắm được các cách thức hay phương pháp để có thể làm một cách tốt nhất cho các con.

Hỏi: Cô cho biết ý kiến mong muốn của mình về hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: có thể là bồi dưỡng cho giáo viên để giáo viên có thể có nhiều cách truyền tải đến học sinh nên chú trọng đến phương pháp hay là về cách thức tổ chức.

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN 7

Thời gian: 10giờ 30, ngày 22/05/2022

Người tham gia phỏng vấn: GV7

Nội dung phỏng vấn:

Hỏi: Thầy có thể cho biết cô đã tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh như thế nào?

Trả lời: bản thân là được phân công theo nhiệm vụ của ban giám hiệu ví dụ các công tác hậu cần thì bên cạnh đó thì cũng có phần quản lý học sinh. Thì cơ bản nhiệm vụ là vậy còn về cái phần hoạt động trải nghiệm thì cũng theo kế hoạch của nhà trường tổ chức thì mỗi tháng có cái chủ đề thì cứ hoạt động theo

Hỏi: Thầy có thể cho biết những thuận lợi, khó khăn của giáo viên khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh?

Trả lời: Thuận lợi thì cũng được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của ban giám hiệu và sự hỗ trợ của quý phụ huynh thì bên cạnh đó có mặt khó khăn thì đối lớp 2 á thì các con đã tiếp thu được nhanh cái sự hướng dẫn của giáo viên thế nhưng mà các con cũng còn ít tuổi nên các con làm còn mất thời gian, nó còn chậm.

Hỏi: Thầy có thể cho biết kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong thời gian qua?

Trả lời: Dạ bản thân em thì cũng thấy phát triển phát triển về cái chuyên môn của hoạt động trải nghiệm hơn bởi cũng có nhiều hoạt động cần mới, cần sự thay đổi hơn

Hỏi: Thầy đã tham gia những khóa tập huấn/bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Chưa tham gia nhiều, bản thân em cũng là giáo viên trẻ thì tụi em cũng muốn là có thêm nhiều cái lớp bồi dưỡng hơn để em tiếp thu, là tụi em học hỏi thêm kiến thức liên quan đến hoạt động trải nghiệm

Hỏi: Thầy thấy những cái hoạt động bồi dưỡng về trải nghiệm thì nó có đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình chưa?

Trả lời: Theo như bản thân cá nhân em thì em cảm thấy là nó chưa đủ tại vì thực sự là chương trình mới, đã mới thì mình vừa học vừa làm thì nhưng vậy thì cần phải có các cấp cao hơn giúp cho mình hiểu sâu rộng hơn về cái môn, đây lại là cái môn mới nữa thì cần phải có nhiều hơn những cái cuộc trao đổi chuyên đề giữa những cái người mà làm viết sách á để cho giáo viên mình nắm hiểu rõ hơn cái chương trình.

Hỏi: Thầy cho biết ý kiến mong muốn của mình về chương trình bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Bản thân em thì thấy thì trong thời gian tới thì cái trong sách á thì nói sẽ được viết cụ thể, rõ ràng, chi tiết hơn. Thì hiện tại nhìn vào sách thì hoạt động trải nghiệm em thấy nó vẫn còn nằm ở mức độ chung chung thì em mong muốn vậy đó.

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN 8

Thời gian: 7 giờ 45, ngày 31/05/2022

Người tham gia phỏng vấn: GV8

Nội dung phỏng vấn:

Hỏi: Cô có thể cho biết cô đã tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh như thế nào?

Trả lời: dạy lớp 2 nên công việc chính là tổ chức thực hiện HĐTN theo phân bố chương trình. Ngoài ra mình cũng phối hợp với giáo viên cùng khối để tổ chức hoạt động trải nghiệm chung cho học sinh của khối.

Hỏi: Cô có thể cho biết những thuận lợi, khó khăn của giáo viên khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh?

Trả lời: HĐTN là hoạt động mới nên mình cảm thấy khó khăn nhiều hơn thuận lợi. Khó khăn của mình chủ yếu là chưa nắm rõ mục tiêu của HĐTN. Đồng thời yêu cầu về nội dung, hình thức tổ chức nó khác so với mấy hoạt động trước đây, mình chưa thích nghi được.

Hỏi: Cô có thể cho biết kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong thời gian qua?

Trả lời: Đạt ở mức cơ bản thôi, chứ chưa tốt lắm

Hỏi: Theo cô, cô tốt nhất là năng lực nào và chưa tốt ở năng lực nào trong 6 năng lực được đề xuất?

Trả lời: Đối chiếu với 6 năng lực thầy đề xuất thì mình cho rằng chắc mình ổn nhất là xây dựng kế hoạch, còn lại chưa thật sự tốt.

Hỏi: Cô đã tham gia những khóa tập huấn/bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: mình chỉ tham gia bồi dưỡng thay sách giáo khoa HĐTN cho giáo viên lớp 2 thôi.

Hỏi: Cô thấy những cái hoạt động bồi dưỡng về trải nghiệm thì có đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình chưa?

Trả lời: Với bản thân mình là chưa.

Hỏi: Thầy cho biết ý kiến mong muốn của mình về hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Mình mong muốn được bồi dưỡng nhiều hơn, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến chuyên môn của HĐTN, cách thức tổ chức HĐTN.

Cảm ơn Cô.

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN 9

Thời gian: 9 giờ 20, ngày 31/05/2022

Người tham gia phỏng vấn: GV9

Nội dung phỏng vấn:

Hỏi: Cô có thể cho biết cô đã tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh như thế nào?

Trả lời: Năm nay mình được phân công dạy lớp 2 nên công việc chính là tổ chức thực hiện HĐTN theo phân bố chương trình.

Hỏi: Cô có thể cho biết những thuận lợi, khó khăn của giáo viên khi tham gia /hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh?

Trả lời: Mình có thuận lợi là năm ngoái đã dạy lớp 1 theo chương trình mới nên mình đã biết về HĐTN do đó mình không có thấy bối rối nhiều. Tuy nhiên, mình cũng cảm thấy khó khăn khi nội dung thì rất đa dạng, muốn làm tốt phải đầu tư nhiều thời gian, công sức để nghiên cứu nhưng thời gian tiếp cận môn học ít, mình không đủ chuẩn bị tốt. Bên cạnh đó, để thực hiện đa dạng các hình thức HĐTN thì không thể, vì các em còn nhỏ, an toàn là trên hết.

Hỏi: Cô có thể cho biết kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong thời gian qua?

Trả lời: Quan sát sự thay đổi của học sinh thì mình tin là mình cũng làm khá ổn, nếu đánh giá thì là ở mức khá nhưng để tốt hơn thì mình nghĩ phải thay đổi nhiều.

Hỏi: Theo cô tốt nhất là năng lực nào và chưa tốt ở năng lực nào trong 6 năng lực được đề xuất?

Trả lời: Về tốt thì mình nghĩ cái số 2 và 6 mình tốt; còn cái số 1, 3, 4 mình chưa thể hiện tốt, cần phải cải thiện thêm.

Hỏi: Cô đã tham gia những khóa tập huấn/bồi dưỡng nào về hoạt động trải nghiệm trong thời gian qua?

Trả lời: Về hoạt động trải nghiệm thì trong hai năm qua mình chỉ tham gia bồi dưỡng thay sách giáo khoa HĐTN cho giáo viên lớp 1, 2. Trong khối của mình cũng có 1 số buổi chia sẻ kinh nghiệm của thầy cô sau khi tổ chức HĐTN cho thầy cô thôi.

Hỏi: Cô thấy những cái hoạt động bồi dưỡng về trải nghiệm thì có đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động trải nghiệm của mình chưa?

Trả lời: Mình nghĩ rằng khi đã đưa HĐTN vào thực hiện thì cần bồi dưỡng bài bản hơn cho giáo viên, chứ như hiện nay thì chưa được tốt lắm, nếu không nói là sơ sài.

Hỏi: Thầy cho biết ý kiến mong muốn của mình về hoạt động bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm cho giáo viên trong thời gian tới?

Trả lời: Tăng thời gian bồi dưỡng; nội dung chương trình bồi dưỡng đa dạng hơn và cụ thể hơn cho từng mảng công việc giáo viên phải thực hiện.

Cảm ơn Cô.

PHỤ LỤC 6
PHIẾU ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
(dành cho giáo viên tiểu học trước thực nghiệm)

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Chúng tôi đang thực hiện đề tài luận án “*Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học*”. Ý kiến của quý Thầy/Cô góp phần rất quan trọng trong việc tìm hiểu về tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học. Chúng tôi rất mong nhận được sự hỗ trợ của quý thầy/cô bằng cách đánh dấu “X” vào phương án phù hợp nhất. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự đóng góp và hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

Phần 1: Tìm hiểu về năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên tiểu học

Câu 1: Thầy/Cô vui lòng đánh giá mức đạt được những năng lực tổ chức HĐTN của bản thân thầy cô như thế nào? (Thầy/cô đánh giá theo thang điểm từ 1 điểm là thấp nhất đến 5 điểm là cao nhất)

Năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm		Điểm				
		1	2	3	4	5
1	Thầy cô mô tả được đặc điểm của CTGD phổ thông HĐTN					
2	Thầy cô xác định được mục tiêu của HĐTN					
3	Thầy cô phân tích được các yêu cầu đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh					
4	Thầy cô kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTN					
5	Thầy cô xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTN					
6	Thầy cô nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực thiện chương trình HĐTN					
Năng lực tổ chức, thực hiện HĐTN		1	2	3	4	5
1	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTN					
2	Thầy cô thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch					
3	Thầy cô sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN					
4	Thầy cô tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục thực hiện HĐTN theo kế hoạch					
5	Thầy cô sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTN					

6	Thầy cô đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh					
Năng lực phối hợp các LLGD để tổ chức HĐTN		1	2	3	4	5
1	Thầy cô huy động được các lực lượng giáo dục có liên quan trong để tổ chức HĐTN					
2	Thầy cô xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục					
3	Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp					
4	Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp					
5	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp					
6	Thầy cô huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp					

Phần 2: Thông tin cá nhân

5.1.2.1.Giới tính của thầy/cô là?:

5.1.2.2. Thâm niên giảng dạy của thầy/cô ?

a. Dưới 5 năm b. Từ 6-10 năm c. Từ 11 -15 năm

b.d. Từ 16-20 năm e. Trên 20 năm

2. Thầy/cô đang giảng dạy lớp mấy?

a. Lớp 1 b. Lớp 2 c. Lớp 3 d. Lớp 4 e. Lớp 5

3. Độ tuổi của thầy/cô là?

a. Dưới 30 b. Từ 30 đến 40 c. Từ 41 đến 50 d. Trên 50

4. Nơi công tác của thầy/Cô:

Xin cảm ơn sự hỗ trợ và giúp đỡ của Quý Thầy/Cô!

PHỤ LỤC 7
PHIẾU ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
TRẢI NGHIỆM GIÁO VIÊN TIỂU HỌC
(dành cho giáo viên tiểu học sau thực nghiệm)

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Chúng tôi đang thực hiện đề tài luận án “*Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học*”. Ý kiến của quý Thầy/Cô góp phần rất quan trọng trong việc tìm hiểu kết quả tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học được thực hiện trong thời gian qua. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi đề xuất các giải pháp bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học trong thời gian tới. Chúng tôi rất mong nhận được sự hỗ trợ của quý thầy/cô bằng cách đánh dấu “X” vào phương án phù hợp nhất. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự đóng góp và hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

Phần 1: Tìm hiểu về năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên tiểu học và tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức HĐTN cho giáo viên tiểu học

Câu 1: Thầy/Cô vui lòng đánh giá mức đạt được những năng lực tổ chức HĐTN của bản thân thầy cô như thế nào? (Thầy/cô đánh giá theo thang điểm từ 1 điểm là thấp nhất đến 5 điểm là cao nhất)

Năng lực chuyên môn về hoạt động trải nghiệm		Điểm				
		1	2	3	4	5
1	Thầy cô mô tả được đặc điểm của CTGD phổ thông HĐTN					
2	Thầy cô xác định được mục tiêu của HĐTN					
3	Thầy cô phân tích được các yêu cầu đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh					
4	Thầy cô kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTN					
5	Thầy cô xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTN					
6	Thầy cô nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực thiện chương trình HĐTN					
Năng lực tổ chức, thực hiện HĐTN		1	2	3	4	5
1	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTN					
2	Thầy cô thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch					

3	Thầy cô sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN					
4	Thầy cô tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục thực hiện HĐTN theo kế hoạch					
5	Thầy cô sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTN					
6	Thầy cô đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh					
Năng lực phối hợp các LLGD để tổ chức HĐTN		1	2	3	4	5
1	Thầy cô huy động được các lực lượng giáo dục có liên quan trong để tổ chức HĐTN					
2	Thầy cô xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục					
3	Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp					
4	Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp					
5	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp					
6	Thầy cô huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp					

Câu 2: Thầy/cô vui lòng đánh giá mức độ đạt được về các yếu tố về tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức về HĐTN mà thầy cô được tham gia bồi dưỡng tại trường vừa qua như thế nào? (thầy/cô đánh giá theo các mức độ đánh giá từ 1: kém; 2: yếu; 3: trung bình; 4: khá; 5: tốt)

Stt	Các yếu tố của hoạt động bồi dưỡng NLTC HĐTN	Mức độ đạt được				
		1	2	3	4	5
1	Mục tiêu bồi dưỡng					
2	Nội dung bồi dưỡng					
3	Thời lượng của các chủ đề bồi dưỡng					
4	Hình thức bồi dưỡng					
5	Kế hoạch bồi dưỡng					
6	Đánh giá kết quả bồi dưỡng					
7	Các điều kiện hỗ trợ bồi dưỡng					
8	Đội ngũ chuyên gia/giáo viên tham gia BD cho GVTH					

Phần 2: Thông tin cá nhân

1. Giới tính của thầy/cô là?:

2. Thâm niên giảng dạy của thầy/cô ?

Dưới 5 năm b. Từ 6-10 năm c. Từ 11 -15 năm d. Từ 16-20 năm e. Trên 20 năm

3. Thầy/cô đang giảng dạy lớp mấy?
- a. Lớp 1 b. Lớp 2 c. Lớp 3 d. Lớp 4 e. Lớp 5
4. Độ tuổi của thầy/cô là?
- a. Dưới 30 b. Từ 30 đến 40 c. Từ 41 đến 50 d. Trên 50
5. Nơi công tác của thầy/Cô:

Xin cảm ơn sự hỗ trợ và giúp đỡ của Quý Thầy/Cô!

PHỤ LỤC 8
MẪU PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA
VỀ CHỦ ĐỀ VÀ KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về các chủ đề và kế hoạch bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

I. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc bồi dưỡng

2. Mục tiêu bồi dưỡng

3. Nội dung bồi dưỡng

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

5. Kế hoạch bồi dưỡng

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

7. Nhận xét chung:

II. Một số thông tin cá nhân:

1. Họ và tên:2: Chức vụ hiện tại:

3. Học hàm - học vị:4. Đơn vị công tác:.....

PHỤ LỤC 9

KẾT QUẢ NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA 1

VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về đề xuất tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTN. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

III. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng

Các nguyên tắc tổ chức BD nâng cao năng lực HĐTN cho GV tiểu học đáp ứng được yêu cầu triển khai HĐTN theo chương trình GDPT 2018. Tuy nhiên cần nhắc những điểm sau:

- Có thể thêm nguyên tắc đảm bảo tính linh hoạt vì chương trình được xây dựng có tính mở, chú trọng đến các hình thức bồi dưỡng đa dạng, linh hoạt của từng địa phương. Xây dựng các chuyên đề có tính liên thông giữa các chuyên đề của chương trình bồi dưỡng. Các kiến thức và kỹ năng được tích hợp không làm thay đổi đặc trưng của chương trình; nguyên tắc đảm bảo tính hiện đại: theo tiếp cận chuẩn GV, tiếp cận chương trình GDPT 2018. Khai thác các phương pháp, kinh nghiệm của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới ở hoạt động trải nghiệm.

2. Mục tiêu bồi dưỡng

Mục tiêu bồi dưỡng nên viết mục tiêu chung người học đạt được sau quá trình bồi dưỡng và mục tiêu cụ thể: kiến thức, kỹ năng, thái độ cũng như chuẩn đầu ra của chương trình bồi dưỡng

3. Nội dung bồi dưỡng

Các năng lực đã được tác giả thể hiện qua các chủ đề một cách rõ ràng, cụ thể cùng với tiến trình cũng như hướng dẫn thực hiện 06 chuyên đề

Tuy nhiên tác giả có thể cần nhắc cấu trúc các mục như sau:

“Cấu trúc của chương trình BD nâng cao năng lực HĐTN cho GV tiểu học đáp ứng được yêu cầu triển khai HĐTN theo chương trình GDPT 2018” gồm:

- Mục tiêu (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể)
- Chuẩn đầu ra của chương trình BD

- Tài liệu học tập
- Tài liệu tham khảo
- Nội dung chương trình khung (tên chuyên đề và số tiết: lý thuyết, thực hành, tự nghiên cứu)
- Kiểm tra đánh giá
- Hướng dẫn thực hiện chương trình
- Cuối cùng là nội dung chương trình chi tiết 06 chuyên đề.

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

Hình thức, phương pháp được trình bày đa dạng, đáp ứng được thực tiễn

5. Kế hoạch bồi dưỡng

Kế hoạch bồi dưỡng hợp lý và khả thi

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Các phương pháp đánh giá kết quả bồi dưỡng khách quan, khoa học và khả thi

Nhận xét chung:

Chương trình được thiết kế phù hợp với yêu cầu triển khai HĐTN theo chương trình GDPT 2018. Khả thi trong việc tổ chức bồi dưỡng

IV. Một số thông tin cá nhân

2. Họ và tên: CG1
3. Chức vụ hiện tại: Phó trưởng khoa
4. Học hàm - học vị: Tiến sĩ
5. Đơn vị công tác: Trường Cán bộ QLGD, Tp.HCM

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA 2 VỀ ĐỀ XUẤT BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về đề xuất tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTN. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

I. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng

Xây dựng các nguyên tắc bồi dưỡng đảm bảo tính khoa học; nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa; Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn; nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và toàn diện và nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả là phù hợp với nội dung tổ

chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm. Cần bổ sung nguyên tắc đảm bảo tính hiện đại (cả nội dung bồi dưỡng và cả hình thức tổ chức bồi dưỡng (trực tuyến, trực tuyến, kết hợp)

2. Mục tiêu bồi dưỡng

Củng cố và phát triển NL chuyên môn về hoạt HĐTN cho GVTH. Cần bổ sung chi tiết hơn các mục tiêu bồi dưỡng.

3. Nội dung bồi dưỡng

Nội dung bồi dưỡng đảm bảo hàm lượng tri thức đủ để trang bị cho GV TH năng lực tổ chức HĐTN. Cần lưu ý nội dung bồi dưỡng tập trung vào Chương trình hoạt động trải nghiệm hơn là tập trung vào Bộ sách Chân trời sáng tạo. Theo quy định Chương trình mới là pháp lệnh và sách giáo khoa chỉ là tài liệu tham khảo vì vậy tác giả có thể tham khảo sách giáo khoa để làm ví dụ nhưng giáo viên phải năng vững Chương trình hoạt động trải nghiệm và chỉ ra được năng lực đặc thù và mạch nội dung trong Chương trình hoạt động trải nghiệm thể hiện trong từng bộ SGK.

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

Hình thức BD trực tiếp, tập trung, trực tiếp kết hợp trực tuyến, qua tự học của giáo viên tiểu học, trực tuyến qua mạng Internet phù hợp với xu hướng thực tiễn hình thức tổ chức bồi dưỡng giáo viên

5. Kế hoạch bồi dưỡng

Kế hoạch bồi dưỡng cơ bản phù hợp. Cần trình bày rõ khung thời gian bồi dưỡng chi tiết để việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng được kiểm soát chặt chẽ: mấy ngày? Ngày nào? Buổi nào? Nội dung nào?

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Kết quả BD NL tổ chức HĐTN sử dụng các công cụ như bài kiểm tra cá nhân về kết quả BD (tự luận hoặc trắc nghiệm); Phiếu khảo sát/phiếu đánh giá ý kiến của GVTH; Phiếu quan sát/dự giờ thực hành tổ chức HĐTN của GVTH phù hợp.

Cần bổ sung công cụ đánh giá là bản kế hoạch tổ chức bồi dưỡng và thực hành năng lực tổ chức bồi dưỡng của GV để đánh giá sát thực hơn về năng lực tổ chức của GV qua hành động thực tiễn.

II. Nhận xét chung:

Tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cơ bản đảm bảo nguyên tắc, mục tiêu, nội dung, hình thức – phương pháp bồi dưỡng, lựa chọn chuyên gia bồi dưỡng, kế hoạch bồi dưỡng và đánh giá kết quả bồi dưỡng. Cần bổ sung nguyên tắc bồi dưỡng đảm bảo tính hiện đại. Cần trình bày rõ khung thời gian bồi dưỡng chi tiết để việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng được kiểm soát chặt. Cần bổ

sung công cụ đánh giá là bản kế hoạch tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức của GV để đánh giá sát thực hơn về năng lực tổ chức của GV qua hành động thực tiễn.

III. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: CG2
2. Chức vụ hiện tại: Giảng viên
3. Học hàm - học vị: Tiến sĩ
4. Đơn vị công tác: Trường Đại học Cần Thơ

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA 3 VỀ ĐỀ XUẤT BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về đề xuất tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTN. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

I. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng

Đề xuất tổ chức hoạt động bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm (BDNLTC HĐTN) được dựa trên 5 nguyên tắc định hướng cho việc xây dựng, thực hiện. Những nguyên tắc định hướng này đảm bảo về mặt lý luận, thực tiễn và tính pháp lý cho việc đề xuất tổ chức BDNLTC HĐTN. Để phát huy giá trị định hướng của các nguyên tắc, nên trình bày cụ thể hơn, gắn với vấn đề đặt ra.

2. Mục tiêu bồi dưỡng

Mục tiêu bồi dưỡng được xác định phát triển 6 năng lực tổ chức HĐTN – đây là những năng lực nền tảng người giáo dục tổ chức HĐTN cần có, để tổ chức đảm bảo được đúng bản chất hoạt động trải nghiệm. Các năng lực này được phát triển từ việc tham gia bồi dưỡng 6 chủ đề, với ba nhóm mục tiêu: kiến thức, phẩm chất và năng lực. Phần lớn các mục tiêu ở mỗi chủ đề được xác định cụ thể, đo lường được.

3. Nội dung bồi dưỡng

Trên cơ sở 6 năng lực mong muốn người tham gia bồi dưỡng phát triển, 6 chủ đề bồi dưỡng được thiết kế. Nội dung bồi dưỡng ở 6 chủ đề về cơ bản đảm bảo được 4 nhóm nội dung: kiến thức; kinh nghiệm tiến hành những phương thức hoạt động trải nghiệm; kinh nghiệm hoạt động sáng tạo; những quan điểm, giá trị cần hoàn thiện. Nếu được thì nên xác định thời lượng cho mỗi loại nội dung ở mỗi chủ đề.

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

Ở mỗi chủ đề đưa ra được các hình thức, phương pháp bồi dưỡng phù hợp với mục tiêu, đối tượng tham gia và nội dung bồi dưỡng.

Các hình thức tổ chức BDNLTCHĐTN được xác định đã thể hiện được sự kết hợp và phát huy ưu điểm của các hình thức tổ chức như huy động trải nghiệm kinh nghiệm, hoạt động tự học của người tham gia bồi dưỡng trong việc hệ thống, chia sẻ và vận dụng kiến thức, kinh nghiệm... ở hình thức tự học, blended learning...

Các phương pháp bồi dưỡng được xác định như phương pháp tình huống, phương pháp giả quyết vấn đề, phương pháp thảo luận... không chỉ phát huy tính cực cực chủ động của người được bồi dưỡng, mà còn sử dụng các phương pháp phù hợp với hoạt động trải nghiệm. Để người được bồi dưỡng rèn luyện thêm các phương pháp thường dùng cho hoạt động trải nghiệm, chương trình bồi dưỡng nên bổ sung thêm các phương pháp đóng vai, thực hành, sân khấu hóa và phát huy việc sử dụng công nghệ thông tin trong việc trình bày kết quả hoạt động trải nghiệm từ việc thực hành, luyện tập...

5. Kế hoạch bồi dưỡng

Các hành phần cơ bản của kế hoạch bồi dưỡng ở mỗi năng lực, chủ đề đã xác định, định hướng cho việc bồi dưỡng: mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp, kiểm tra đánh giá, tài liệu tham khảo, thiết bị hỗ trợ, tiến trình thực hiện...

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Phần lớn các các hoạt động đánh giá hướng đến việc đo lường mức độ đạt được của người tham gia bồi dưỡng. Nên định hướng, xác định ‘sản phẩm’ thực hiện của người được bồi dưỡng là chính cho việc đo lường mức độ đạt được mục tiêu - ở đó thể hiện sự chuyên hóa của kiến thức, phẩm chất vào các năng lực thực hiện cụ thể ở sản phẩm/kết quả thực hiện của người được bồi dưỡng

II. Nhận xét chung:

Đề xuất tổ chức hoạt động bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của luận án có ý nghĩa về mặt khoa học và thực tiễn. Tính khả thi của các đề xuất này rất cao và cụ thể có thể thực hiện ở các tổ chức nhà trường.

III. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: CG3
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng Bộ môn
3. Học hàm - học vị: Tiến sĩ
4. Đơn vị công tác: Trường Đại học KHXH&NV, ĐH QG HCM.

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA 4
VỀ ĐỀ XUẤT BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về đề xuất tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTN. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

I. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng

Tổ chức BD NLTC HĐTN cho GVTH đáp ứng yêu cầu triển khai HĐTN theo chương trình GDPT 2018 tác giả tuân thủ theo những nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học
- Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa
- Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn
- Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và toàn diện
- Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả

Các nguyên tắc được xây dựng phù hợp và khả thi.

2. Mục tiêu bồi dưỡng

Mục tiêu bồi dưỡng NLTC HĐTN cho GVTH đáp ứng yêu cầu triển khai HĐTN trong chương trình GDPT 2018 nhằm củng cố và phát triển NL chuyên môn về HĐTN cho GVTH.

Tác giả xây dựng mục tiêu bám sát theo hướng nghiên cứu của luận án và có giá trị thực tiễn trong phát triển cho đội ngũ GVTH ở các trường tiểu học hiện nay.

3. Nội dung bồi dưỡng

Để bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN, luận án đề xuất nội dung BD qua chủ đề:

Chủ đề 1 - Hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Để đạt được mục tiêu BD NL chuyên môn về HĐTN, chủ đề 1 tập trung vào ba nội dung sau:

- Giới thiệu chung về chương trình GDPT HĐTN và HĐTN, hướng nghiệp;
- Chương trình HĐTN ở bậc tiểu học;
- Chương trình HĐTN lớp 1, 2, 3 theo sách giáo khoa HĐTN (bộ Chân trời sáng tạo).

Nội dung bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN toàn diện, bao quát và có tính khả thi, giúp GVTH hiểu về chương trình HĐTN theo chương trình GDPT 2018 và sách giáo khoa HĐTN.

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

Hình thức BD được xác định là phù hợp, đảm bảo tính đa dạng: BD trực tiếp, tập trung, trực tiếp kết hợp trực tuyến, qua tự học của giáo viên tiểu học, trực tuyến qua mạng Internet.

Phương pháp bồi dưỡng đa dạng: Chuyên gia BD có thể sử dụng phối hợp các phương pháp: thuyết trình, vấn đáp, tình huống, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm.

5. Kế hoạch bồi dưỡng

Kế hoạch bồi dưỡng được xây dựng cụ thể rõ ràng về thời gian, nội dung bồi dưỡng và hoạt động bồi dưỡng có sự tham gia của chuyên gia bồi dưỡng và hoạt động của GVTH. Có sự chuẩn bị chu đáo về thiết bị hỗ trợ tổ chức bồi dưỡng...

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Việc đánh giá kết quả bồi dưỡng được tác giả xây dựng khá linh hoạt và đa dạng phương thức đánh giá qua việc sử dụng các công cụ/bài tập đánh giá sau:

BD NLTC HĐTN cho GVTH đáp ứng yêu cầu triển khai HĐTN theo chương trình GDPT 2018 Phiếu khảo sát/phiếu đánh giá ý kiến về kết quả tổ chức BD;

Báo cáo thu hoạch về kết quả BD;

Bài kiểm tra cá nhân về kết quả BD (tự luận hoặc trắc nghiệm)...

II. Nhận xét chung:

Để phát triển đồng bộ NLTC HĐTN, tác giả gợi ý nội dung BD cho GVTH gồm 6 chủ đề tương ứng với 6 tiêu NLTC HĐTN cần phát triển: Năng lực chuyên môn về HĐTN; Năng lực xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN; Năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức HĐTN; Năng lực đánh giá kết quả HĐTN; Năng lực sử dụng các nguồn lực, phương tiện, thiết bị để tổ chức HĐTN; Năng lực tổ chức, thực hiện HĐTN. Như vậy có thể thấy luận án đã có những đóng góp quan trọng về thực tiễn BD NLTC HĐTN cho GVTH đáp ứng yêu cầu triển khai HĐTN theo chương trình GDPT 2018.

III. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: CG4
2. Chức vụ hiện tại: Hiệu trưởng
3. Học hàm - học vị: Tiến sĩ
4. Đơn vị công tác: Trường TH LĐT

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA 5
VỀ ĐỀ XUẤT BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về đề xuất tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTN. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

I. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng

- Công tác tổ chức HĐTN ở trường tiểu học theo yêu cầu của chương trình GDPT 2018 đã đảm bảo thực hiện có hiệu quả các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, phương thức tổ chức, loại hình hoạt động và kiểm tra đánh giá kết quả tham gia trải nghiệm của học sinh.

- Hoạt động BD cho GVTH về HĐTN và NLTC HĐTN đã được quan tâm, triển khai thực hiện trong thực tiễn qua một số chương trình và hoạt động như BD thường xuyên hàng năm do Phòng, Sở GD&ĐT cũng như trường tiểu học tổ chức; chương trình ETEP, chương trình BD thay sách giáo khoa HĐTN.

- Tuy nhiên hình thức tổ chức BD chưa đa dạng; thời gian dành cho hoạt động BD quá ngắn. Hoạt động tổ chức BD hiện nay về NLTC HĐTN cho GVTH chưa phát huy được hết vai trò, tác động tích cực của BD trong việc củng cố và phát triển NLTC HĐTN cho GVTH.

2. Mục tiêu bồi dưỡng

- Tổ chức bồi dưỡng NLTC hoạt động trải nghiệm hướng đến mục tiêu củng cố và phát triển năng lực tổ chức HĐTN cho GVTH, đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông HĐTN đang được triển khai thực hiện trong nhà trường tiểu học.

3. Nội dung bồi dưỡng

- Đảm bảo về nội dung bồi dưỡng NL chuyên môn về HĐTN thể hiện sự am hiểu, thành thạo của GVTH về chương trình HĐTN theo chương trình GDPT 2018 và sách giáo khoa HĐTN qua các chủ đề.

- Các chủ đề đảm bảo nội dung cụ thể, thiết thực, rất cần thiết cho GVTH.

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

- Hình thức tổ chức BD NL khá phong phú: BD trực tiếp, tập trung, trực tiếp kết hợp trực tuyến, qua tự học của giáo viên tiểu học, trực tuyến qua mạng Internet đạt được hiệu quả.

- Kết thúc mỗi chuyên đề, GV tham gia BD phải hoàn thành các yêu cầu về kiểm tra đánh giá được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết.

- Sau mỗi học phần GV được đánh giá kết quả học tập thông qua các bài thi, tiểu luận hoặc trình diễn sản phẩm.

- Các chuyên gia đã BD cho GVTH và có thể thực hiện bằng các phương pháp sau: thuyết trình; vấn đáp; tình huống; giải quyết vấn đề; thảo luận nhóm.

5. Kế hoạch bồi dưỡng

- Có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể, chi tiết.

- Thực hiện kế hoạch đúng tiến độ.

- Tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục thực hiện HĐTĐN theo kế hoạch.

- Sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTĐN theo kế hoạch.

- Đánh giá được kết quả tham gia HĐTĐN của học sinh sau các chủ đề để điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

- Có thể sử dụng các công cụ/bài tập, phiếu đánh giá, phiếu khảo sát chung, tờ rơi để đánh giá kết quả BD NL tổ chức, thực hiện HĐTĐN:

+ Bài kiểm tra cá nhân về kết quả BD (tự luận hoặc trắc nghiệm)

+ Phiếu khảo sát/phiếu đánh giá ý kiến của GVTH.

+ Phiếu quan sát/dự giờ thực hành tổ chức HĐTĐN của GVTH

II. Nhận xét chung:

- Chuyên đề được thiết kế nhằm cung cấp, bổ sung và phát triển hiểu biết cho GVTH về những nội dung cốt lõi của chương trình giáo dục phổ thông HĐTĐN theo chương trình phổ thông tổng thể 2018 và nội dung sách giáo khoa HĐTĐN đang sử dụng ở trường tiểu học.

- Cụ thể GVTH có thể xác định, giải thích và phân tích được đặc điểm của chương trình giáo dục phổ thông HĐTĐN, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và NL của học sinh; mạch nội dung, hình thức và loại hình HĐTĐN ở tiểu học; các yêu cầu cần thiết để triển khai thực hiện chương trình HĐTĐN ở tiểu học. GVTH cũng nắm rõ được các chủ đề hoạt động và cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động theo từng chủ đề trong sách giáo khoa HĐTĐN cho học sinh tiểu học theo khối lớp.

- Các chủ đề thiết thực, rất cần thiết cho GV trong quá trình giảng dạy.

- Đây là một môn học mới trong phân phối chương trình, nên GV cần thêm tài liệu để tham khảo, rất cần các buổi tập huấn, chuyên đề để GV học hỏi, tham khảo thêm, bồi dưỡng thêm nghiệp vụ, chuyên môn giảng dạy.

- Nên tổ chức BD trước mỗi học kỳ hoặc trong học kỳ để GVTH vận dụng để tổ chức HĐTN cho học sinh được hiệu quả.

III. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: CG5
2. Chức vụ hiện tại: Phó Hiệu trưởng
3. Học hàm - học vị: Thạc sĩ quản lý
4. Đơn vị công tác: Trường TH NVX

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA 6 VỀ ĐỀ XUẤT BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về đề xuất tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTN. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

I. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng

Theo tôi các nguyên tắc được đề xuất khá phù hợp với yêu cầu tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học

2. Mục tiêu bồi dưỡng

Mục tiêu được đề xuất hoàn toàn phù hợp với yêu cầu bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học về hoạt động trải nghiệm, giúp thầy cô có thể phát triển được năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm.

3. Nội dung bồi dưỡng

Những chủ đề (nội dung) bồi dưỡng được xây dựng phù hợp với từng năng lực cần bồi dưỡng cho giáo viên. Đây cũng là những nội dung rất cần thiết cho giáo viên tiểu học trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm.

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

Với đặc thù công việc khá bận rộn thì tôi cho rằng những hình thức, phương pháp bồi dưỡng như vậy là hợp lý, đáp ứng được nhu cầu và điều kiện thực tiễn vừa dạy vừa tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ của giáo viên tiểu học.

5. Kế hoạch bồi dưỡng

Kế hoạch được thiết kế chi tiết, rõ ràng và được gửi trước cho giáo viên trước khi thực hiện bồi dưỡng. Qua kế hoạch giáo viên biết rõ mình cần làm gì và như thế nào.

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Hình thức và bài tập đánh giá được đề xuất đa dạng, phù hợp với thực tiễn

II. Nhận xét chung:

Đề xuất và tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học phù hợp với nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên tiểu học về hoạt động trải nghiệm. Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học đã giúp bản thân thay đổi, phát triển được năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm và giúp bản thân tổ chức hiệu quả hơn hoạt động trải nghiệm cho học sinh

III. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: CG6
2. Chức vụ hiện tại: Giáo viên tiểu học
3. Học hàm - học vị: Cử nhân sư phạm tiểu học
4. Đơn vị công tác: Trường TH NVX

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA 7 VỀ ĐỀ XUẤT BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về đề xuất tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTN. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

I. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng

Nếu hoạt động bồi dưỡng được thực hiện theo những nguyên tắc này sẽ đảm bảo được tính hiệu quả, giúp hoạt động bồi dưỡng phù hợp hơn với thực tiễn của trường tiểu học và nhu cầu của giáo viên.

2. Mục tiêu bồi dưỡng

Mục tiêu bồi dưỡng từng năng lực được mô tả khá chi tiết, chỉ rõ được mức độ đạt được về kiến thức, phẩm chất và năng lực của giáo viên tiểu học sau khi bồi dưỡng. Có thể khẳng định mục tiêu bồi dưỡng được trình bày tường minh.

3. Nội dung bồi dưỡng

Tôi đánh giá cao các nội dung bồi dưỡng theo từng năng lực. Nội dung được thiết kế và xây dựng ngắn gọn, xúc tích phù hợp với nhu cầu của giáo viên.

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

Đa dạng, linh hoạt và phù hợp với đặc thù công việc của giáo viên. Với hình thức và phương pháp bồi dưỡng này giáo viên có thể sắp xếp tham gia bồi dưỡng hay tự tiến hành bồi dưỡng tùy thuộc vào điều kiện cá nhân. Phát huy được tính chủ động, tích cực của giáo viên.

5. Kế hoạch bồi dưỡng

Kế hoạch bồi dưỡng phù hợp, rõ ràng và được mô tả chi tiết

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Phù hợp với mục tiêu, nội dung bồi dưỡng.

II. Nhận xét chung:

Sau khi tham gia bồi dưỡng, tôi cho rằng đề xuất và tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học có ý nghĩa và giá trị thực tiễn trong việc nâng cao năng lực cho giáo viên tiểu học. Nên tổ chức nhiều hơn hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên.

III. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: CG7
2. Chức vụ hiện tại: Giáo viên tiểu học
3. Học hàm - học vị: Cử nhân sư phạm tiểu học
4. Đơn vị công tác: Trường TH NVX

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA 8 VỀ ĐỀ XUẤT BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về đề xuất tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTN. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

I. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng

Những nguyên tắc có giá trị định hướng quá trình tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học, thực hiện nghiêm túc những nguyên tắc này sẽ có tác động tích cực đến kết quả bồi dưỡng.

2. Mục tiêu bồi dưỡng

Mục tiêu bồi dưỡng được xác định phù hợp, hướng đến phát triển phát năng lực tổ chức HĐTN.

3. Nội dung bồi dưỡng

Các chuyên đề bồi dưỡng phù hợp với mục tiêu bồi dưỡng, đáp ứng được nhu cầu của giáo viên tiểu học.

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

Hình thức, phương pháp bồi dưỡng gắn kết chặt chẽ với mục tiêu, nội dung bồi dưỡng đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tiểu học tham gia bồi dưỡng.

5. Kế hoạch bồi dưỡng

Kế hoạch bồi dưỡng rõ ràng, chi tiết, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung theo yêu cầu và có gửi đến trước cho giáo viên được biết.

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Bài tập đánh giá đa dạng, phản ánh được quá trình giáo viên tham gia bồi dưỡng

II. Nhận xét chung:

Tổ chức bồi dưỡng đã giúp thay đổi được năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học.

III. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: CG8
2. Chức vụ hiện tại: Giáo viên tiểu học
3. Học hàm - học vị: Cử nhân sư phạm tiểu học
4. Đơn vị công tác: Trường TH NVX

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA 9 VỀ ĐỀ XUẤT BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về đề xuất tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTN. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

I. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng

Hệ thống nguyên tắc mà quá trình tổ chức bồi dưỡng cho GVTH được đưa ra là hợp lý, mang tính khoa học và thực tiễn cao. Những nguyên tắc này sẽ giúp hoạt động BD được thực hiện hiệu quả hơn.

2. Mục tiêu bồi dưỡng

Mục tiêu được thiết kế khá tốt, hướng đến phát triển cả kiến thức, phẩm chất, năng lực TCHĐTN của GVTH tuy nhiên để đạt được mục tiêu BD thì cần quá trình tổ chức bồi dưỡng phải thật sự khoa học, chặt chẽ và nghiêm túc.

3. Nội dung bồi dưỡng

Những nội dung được đề xuất để tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học khá phù hợp, tương thích với nhu cầu bồi dưỡng cho giáo viên để TCHĐTN theo chương trình GDPT 2018.

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

Hình thức, phương pháp được trình bày đa dạng, đáp ứng được thực tiễn và có thể vận dụng để tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên. Thực tiễn tổ chức bồi dưỡng cho thấy những hình thức, phương pháp được đề xuất là khá phù hợp với thực tiễn giáo dục tiểu học.

5. Kế hoạch bồi dưỡng

Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng hợp lý và phù hợp để triển khai thực hiện bồi dưỡng cho giáo viên.

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Hợp lý và hiệu quả

II. Nhận xét chung:

Đề xuất tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học là khả thi, phù hợp và đáp ứng được nhu cầu thực tiễn bồi dưỡng giáo viên tiểu học về hoạt động trải nghiệm.

III. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: CG9
2. Chức vụ hiện tại: GVTH
3. Học hàm - học vị: Cử nhân sư phạm tiểu học
4. Đơn vị công tác: Trường TH LĐT

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA 10
VỀ ĐỀ XUẤT BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về đề xuất tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTN. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

I. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng

Theo tôi, những nguyên tắc này phù hợp với yêu cầu tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học trong bối cảnh thực hiện hoạt động trải nghiệm hiện nay. Cần tuân thủ tất cả các nguyên tắc nhưng nên đặc biệt chú trọng nguyên tắc về tính hiệu quả.

2. Mục tiêu bồi dưỡng

Mục tiêu được thiết kế để hướng đến phát triển ba năng lực về tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học là phù hợp.

3. Nội dung bồi dưỡng

Nội dung bồi dưỡng thể hiện được mục tiêu đã đề ra và thể hiện rõ theo từng năng lực cần bồi dưỡng cho giáo viên. Một ưu điểm nữa là nội dung ngắn gọn, xúc tích, đi đúng vào trọng tâm vấn đề cần bồi dưỡng.

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

Theo tôi được tham gia bồi dưỡng thì hình thức và phương pháp BD như vậy là phù hợp, giúp giáo viên dễ dàng tham gia.

5. Kế hoạch bồi dưỡng

Theo tôi, kế hoạch bồi dưỡng được thiết kế rõ ràng, chi tiết.

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Có nhiều hình thức và bài tập đánh giá được đề xuất và khá phù hợp

II. Nhận xét chung:

Theo tôi đề xuất và tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học rất thiết thực, là một gợi ý tốt để vận dụng tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên.

III. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: CG10

- 2.Chức vụ hiện tại: Giáo viên tiểu học
- 3.Học hàm - học vị: Cử nhân sư phạm tiểu học
- 4.Đơn vị công tác: Trường TH LĐT

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA 11
VỀ ĐỀ XUẤT BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực tổ chức (NLTC) hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho giáo viên tiểu học (GVTH), rất mong quý thầy/cô dành chút ít thời gian tham gia đánh giá về đề xuất tổ chức bồi dưỡng NLTC HĐTN. Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Thầy/Cô!

I. Nội dung nhận xét

1. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng

Năm nguyên tắc để tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học như trong đề xuất phù hợp với thực tiễn hoạt động dạy học của giáo viên tiểu học.

2. Mục tiêu bồi dưỡng

Mục tiêu được trình bày rõ ràng, nếu tổ chức bồi dưỡng đạt được mục tiêu này sẽ giúp GVTH triển khai HĐTN trong chương trình GDPT 2018 hiệu quả.

3. Nội dung bồi dưỡng

Những nội dung bồi dưỡng theo từng năng lực được xây dựng phù hợp, đúng trọng tâm nội dung cần bồi dưỡng tuy nhiên cần tăng thời lượng bồi dưỡng về chương trình HĐTN để GV nắm rõ hơn.

4. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng

Hình thức BD được xác định là phù hợp, Phương pháp bồi dưỡng đa dạng.

5. Kế hoạch bồi dưỡng

Kế hoạch bồi dưỡng được thiết kế phù hợp, thể hiện rõ các nội dung, hình thức, phương pháp BD. GVTH được xác định rõ các hoạt động và nhiệm vụ của bản thân khi tham gia BD.

6. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Có nhiều hình thức và bài tập đánh giá, giúp đánh giá chính xác kết quả tham gia bồi dưỡng của giáo viên.

II. Nhận xét chung:

Bản thân khá hài lòng về tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức HĐTN cho GVTH mà bản thân đã được tham gia. Bản thân hiểu biết rõ hơn về HĐTN và có thể chủ động tổ chức được khá tốt HĐTN cho học sinh.

III. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên: CG11
2. Chức vụ hiện tại: Giáo viên tiểu học
3. Học hàm - học vị: Cử nhân sư phạm tiểu học
4. Đơn vị công tác: Trường TH LĐT

PHỤ LỤC 10
KIỂM TRA ĐỘ TIN CẬY CỦA TTHANG ĐO

Scale: ALL VARIABLES

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,891	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Hiểu rõ mục tiêu giáo dục của HĐTN	29,49	19,949	,710	,874
Hiểu rõ yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh	29,36	20,222	,735	,870
Hiểu rõ nội dung của chương trình HĐTN	29,35	21,130	,689	,875
Hiểu rõ phương pháp tổ chức HĐTN	29,36	21,509	,684	,876
Hiểu rõ hình thức tổ chức HĐTN	29,34	22,161	,616	,882
Hiểu rõ phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả HĐTN	29,33	22,046	,596	,884
Hiểu rõ các lực lượng tổ chức HĐTN	29,35	21,582	,652	,879
Hiểu rõ những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của GVTH để tổ chức HĐTN	29,29	21,617	,656	,878

Reliability Statistics

Cronbach's	
Alpha	N of Items
,877	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTĐ cho học sinh	20,53	12,503	,713	,851
Thiết kế giáo án tổ chức HĐTĐ cho học sinh	20,39	13,052	,726	,848
Phụ trách chính việc tổ chức HĐTĐ cho học sinh	20,41	13,223	,715	,851
Phối hợp với thầy cô khác tổ chức HĐTĐ cho học sinh	20,32	13,724	,678	,857
Phối hợp với gia đình, các tổ chức xã hội tổ chức HĐTĐ cho học sinh	20,35	13,940	,593	,870
Phụ trách chính việc đánh giá kết quả HĐTĐ cho học sinh	20,33	13,281	,675	,857

Scale: ALL VARIABLES**Reliability Statistics**

Cronbach's	
Alpha	N of Items
,883	7

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
--	-------------------------------	--------------------------------------	--	--

Hình thành cho học sinh thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày	25,51	15,578	,721	,861
Giúp học sinh biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân	25,43	16,245	,748	,856
Hình thành và phát triển những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá	25,34	16,802	,696	,863
Phát triển ở học sinh ý thức hợp tác nhóm	25,36	17,626	,612	,873
Hình thành được năng lực giải quyết vấn đề trong thực tiễn	25,40	16,939	,625	,872
Hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu cho HSTH	25,40	16,762	,698	,863
Hình thành và phát triển ở học sinh các năng lực đặc thù	25,31	17,496	,607	,874

Reliability

Scale: ALL VARIABLES

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,766	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Các nội dung về hoạt động khám phá bản thân	29,21	26,953	,626	,719
Các nội dung về hoạt động rèn luyện bản thân.	28,94	21,403	,312	,872
Các nội dung về hoạt động chăm sóc gia đình	29,05	27,895	,651	,722

Các nội dung về hoạt động xây dựng nhà trường	29,05	28,040	,642	,724
Các nội dung về hoạt động xây dựng cộng đồng nơi học sinh sinh sống.	29,07	28,373	,534	,735
Các nội dung về hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	29,03	28,452	,548	,734
Các nội dung về hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường sống.	29,06	28,143	,616	,727
Các nội dung về hoạt động tìm hiểu về thể giới nghề nghiệp	29,09	28,084	,592	,728

Reliability

Scale: ALL VARIABLES

Reliability Statistics

Cronbach's	
Alpha	N of Items
,858	7

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Phương pháp nêu gương	25,22	14,119	,678	,830
Phương pháp giáo dục bằng tập thể	25,09	15,025	,702	,826
Phương pháp thuyết phục	25,09	15,271	,642	,835
Phương pháp tranh luận	25,14	15,557	,616	,839
Phương pháp luyện tập	25,02	15,890	,588	,843
Phương pháp khích lệ, động viên	25,00	15,960	,601	,841

Phương pháp tạo sản phẩm	25,04	16,122	,542	,849
--------------------------	-------	--------	------	------

Reliability

Scale: ALL VARIABLES

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,889	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Tổ chức hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa tại địa phương	15,48	12,541	,765	,858
Tổ chức diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi	15,12	14,050	,736	,864
Tổ chức hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền	15,23	13,451	,767	,856
Tổ chức hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu,	15,25	13,369	,723	,867
Tổ chức hoạt động sáng tạo công nghệ, nghệ thuật	15,06	14,379	,670	,878

Reliability**Scale: ALL VARIABLES****Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
,854	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Ban giám hiệu nhà trường	20,73	12,767	,648	,829
Thầy/cô chủ nhiệm lớp khác	20,60	13,393	,681	,824
Thầy/cô giảng dạy bộ môn khác	20,67	13,223	,706	,819
Tổng phụ trách đội	20,63	13,108	,644	,830
Phụ huynh học sinh	20,59	13,741	,604	,837
Chính quyền địa phương	20,79	13,044	,586	,842

Reliability**Scale: ALL VARIABLES****Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
,832	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Thầy/cô tự đánh giá	16,41	8,031	,682	,784
Học sinh tự đánh giá	16,26	8,921	,684	,786
Đánh giá đồng đẳng của học sinh	16,45	8,212	,705	,777
Đánh giá cha mẹ học sinh	16,43	8,835	,636	,797
Đánh giá của cộng đồng	16,42	9,822	,462	,842

Reliability**Scale: ALL VARIABLES****Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
,860	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Củng cố và phát triển năng lực chuyên môn về HĐTĐN	21,07	10,358	,720	,825
Củng cố và phát triển năng lực xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTĐN	20,88	11,528	,694	,829
Củng cố và phát triển, năng lực tổ chức thực hiện HĐTĐN	20,90	11,497	,734	,822
Củng cố và phát triển năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục	20,90	12,107	,620	,842
Củng cố và phát triển năng lực đánh giá kết quả HĐTĐN	20,85	12,468	,542	,855
Củng cố và năng lực sử dụng phương tiện, thiết bị để tổ chức HĐTĐN	20,84	11,965	,612	,843

Reliability**Scale: ALL VARIABLES****Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
,812	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Bồi dưỡng về mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh	29,60	24,024	,704	,766
Bồi dưỡng về nội dung chương trình HĐTĐN bậc tiểu học	29,45	25,036	,698	,771
Bồi dưỡng về nội dung sách giáo khoa HĐTĐN theo khối lớp	29,42	25,897	,645	,780
Bồi dưỡng về phương pháp tổ chức HĐTĐN	29,43	25,670	,673	,777
Bồi dưỡng về phương pháp đánh giá kết quả HĐTĐN	29,41	25,870	,640	,780
Bồi dưỡng về hoạt động phối hợp các lực lượng tổ chức HĐTĐN	29,50	25,562	,662	,777
Bồi dưỡng về phẩm chất, năng lực của giáo viên tiểu học để tổ chức HĐTĐN	29,44	26,083	,612	,783

Reliability**Scale: ALL VARIABLES****Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
,738	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Cơ sở tổ chức bồi dưỡng đánh giá qua báo cáo thu hoạch của thầy cô	16,34	7,429	,611	,647
Nhà trường đánh giá qua báo cáo thu hoạch của thầy cô	16,17	7,807	,686	,628
Thầy cô tự đánh giá	16,12	8,542	,581	,671
Tập thể giáo viên đánh giá qua sinh hoạt khối chuyên môn,	16,13	8,322	,557	,674

Reliability**Scale: ALL VARIABLES****Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
,884	7

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Thầy cô nắm rõ các yêu cầu về mục tiêu, phẩm chất, năng lực cần đạt của học sinh khi tham gia HĐTN	25,49	15,142	,702	,865

Thầy cô cập nhật được nội dung kiến thức mới về HĐTN	25,38	15,935	,737	,859
Thầy cô thực hiện được các phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN	25,36	16,373	,704	,864
Thầy cô phát triển được năng lực đánh giá kết quả HĐTN	25,35	16,137	,685	,866
Thầy cô phát triển được năng lực tổ chức HĐTN	25,32	16,924	,610	,875
Thầy cô tổ chức được HĐTN cho học sinh	25,37	16,564	,630	,873
Thầy cô củng cố được tình cảm tích cực với nghề	25,34	16,472	,654	,870

Reliability

Scale: ALL VARIABLES

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,890	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Thầy cô mô tả được đặc điểm của CTGD phổ thông HĐTN	20,70	12,412	,779	,860
Thầy cô xác định được mục tiêu của HĐTN	20,48	13,974	,755	,864
Thầy cô phân tích được các yêu cầu đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh	20,49	14,435	,685	,875

Thầy cô kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTĐN	20,58	13,318	,720	,869
Thầy cô xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTĐN	20,56	14,039	,716	,870
Thầy cô nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện chương trình HĐTĐN	20,43	14,943	,612	,885

Reliability

Scale: ALL VARIABLES

Reliability Statistics

Cronbach's	
Alpha	N of Items
,858	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Thầy cô phân tích được mục đích, yêu cầu của việc xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTĐN	20,87	10,830	,705	,823
Thầy cô chỉ ra được cách thức thu thập, phân tích, xử lý thông tin liên quan đến việc tổ chức HĐTĐN	20,82	11,373	,728	,819
Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung phù hợp cho từng loại kế hoạch HĐTĐN	20,76	11,763	,672	,829
Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp	20,76	12,053	,586	,845

Thầy cô xác định được lực lượng, phương tiện và điều kiện hỗ trợ phù hợp để thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN	20,75	12,100	,587	,844
Thầy cô lập được kế hoạch tổ chức HĐTN cho học sinh tiểu học	20,73	12,228	,608	,841

Reliability

Scale: ALL VARIABLES

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,873	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Thầy cô xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTN	20,84	11,348	,750	,837
Thầy cô thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch	20,75	12,192	,731	,841
Thầy cô sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN	20,80	12,120	,706	,845
Thầy cô tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục thực hiện HĐTN theo kế hoạch	20,77	12,819	,609	,862
Thầy cô sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTN	20,69	13,154	,603	,863

Thầy cô đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh	20,72	12,254	,650	,855
--	-------	--------	------	------

Reliability

Scale: ALL VARIABLES

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,847	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Thầy cô huy động được các lực lượng giáo dục có liên quan trong để tổ chức HĐTN	20,89	9,942	,688	,811
Thầy cô xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục	20,72	10,751	,682	,811
Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp	20,69	11,070	,650	,818
Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp	20,70	11,403	,594	,828
Thầy cô xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp	20,71	11,511	,552	,836
Thầy cô huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp	20,70	11,103	,613	,825

Reliability**Scale: ALL VARIABLES****Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
,860	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Thầy cô xác định được mục đích, yêu cầu đánh giá kết quả HĐTĐN	20,94	10,601	,700	,829
Thầy cô xác định được nội dung đánh giá HĐTĐN	20,84	11,411	,716	,825
Thầy cô sử dụng được hình thức đánh giá phù hợp với yêu cầu của từng loại HĐTĐN	20,79	11,812	,693	,829
Thầy cô hướng dẫn được các lực lượng giáo dục khác tham gia đánh giá kết quả HĐTĐN	20,82	12,079	,621	,842
Thầy cô sử dụng được kết quả đánh giá từ các nguồn khác nhau để đánh giá kết quả HĐTĐN	20,76	12,703	,558	,852
Thầy cô thiết kế được bài tập và tiêu chí đánh giá kết quả HĐTĐN của học sinh	20,79	11,916	,632	,840

Reliability

Scale: ALL VARIABLES

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,806	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Thầy cô xác định được các nguồn lực, thiết bị, phương tiện cần có để tổ chức HĐTN	12,57	4,270	,719	,707
Thầy cô xác định được các nguồn lực, thiết bị, phương tiện phù hợp để tổ chức HĐTN theo yêu cầu cụ thể của từng hoạt động và điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương	12,46	5,001	,630	,753
Thầy cô sử dụng được các loại thiết bị, phương tiện phục vụ cho quá trình tổ chức HĐTN	12,43	5,159	,610	,763
Thầy cô thiết kế được các loại thiết bị, phương tiện phục vụ cho quá trình tổ chức HĐTN	12,38	5,576	,540	,794

PHỤ LỤC 11
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH PAIRED SAMPLE T – TEST
SAU THỰC NGHIỆM

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	Thầy cô mô tả được đặc điểm của CTGD phổ thông HĐTĐN	4.45	98	.594	.060
	Thầy cô mô tả được đặc điểm của CTGD phổ thông HĐTĐN	3.98	98	1.084	.109
Pair 2	Thầy cô xác định được mục tiêu của HĐTĐN	4.48	95	.599	.061
	Thầy cô xác định được mục tiêu của HĐTĐN	3.95	95	1.076	.110
Pair 3	Thầy cô phân tích được các yêu cầu đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh	4.60	95	.534	.055
	Thầy cô phân tích được các yêu cầu đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh	4.02	95	1.062	.109
Pair 4	Thầy cô kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTĐN	4.54	98	.559	.056
	Thầy cô kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTĐN	3.95	98	1.019	.103
Pair 5	Thầy cô xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTĐN	4.58	96	.516	.053
	Thầy cô xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTĐN	4.01	96	1.061	.108
Pair 6	Thầy cô nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện chương trình HĐTĐN	4.55	94	.541	.056
	Thầy cô nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện chương trình HĐTĐN	4.12	94	1.014	.105

Paired Samples Correlations				
		N	Correlation	Sig.
Pair 1	Thầy cô mô tả được đặc điểm của CTGD phổ thông HĐTĐ & Thầy cô mô tả được đặc điểm của CTGD phổ thông HĐTĐ	98	.270	.007
Pair 2	Thầy cô xác định được mục tiêu của HĐTĐ & Thầy cô xác định được mục tiêu của HĐTĐ	95	.205	.046
Pair 3	Thầy cô phân tích được các yêu cầu đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh & Thầy cô phân tích được các yêu cầu đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh	95	.146	.157
Pair 4	Thầy cô kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTĐ & Thầy cô kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HĐTĐ	98	.085	.405
Pair 5	Thầy cô xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTĐ & Thầy cô xác định được hình thức và loại hoạt động HĐTĐ	96	.027	.792
Pair 6	Thầy cô nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện chương trình HĐTĐ & Thầy cô nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện chương trình HĐTĐ	94	.018	.864

Paired Samples Test

		Pair 1	Pair 2	Pair 3	Pair 4	Pair 5	Pair 6	
		Thầy cô mô tả được đặc điểm của CTGD phổ thông HDTN - Thầy cô mô tả được đặc điểm của CTGD phổ thông HDTN	Thầy cô xác định được mục tiêu của HDTN - Thầy cô xác định được mục tiêu của HDTN	Thầy cô phân tích được các yêu cầu đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh - Thầy cô phân tích được các yêu cầu đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh	Thầy cô kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HDTN - Thầy cô kế thừa, lựa chọn được mạch nội dung của HDTN	Thầy cô xác định được hình thức và loại hoạt động HDTN - Thầy cô xác định được hình thức và loại hoạt động HDTN	Thầy cô nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện chương trình HDTN - Thầy cô nhận biết được các yêu cầu cần thiết để thực hiện chương trình HDTN	
Paired Differences	Mean	.469	.537	.579	.592	.573	.436	
	Std. Deviation	1.086	1.119	1.116	1.120	1.167	1.141	
	Std. Error Mean	.110	.115	.115	.113	.119	.118	
	95% Confidence Interval of the Difference	Lower	.252	.309	.352	.367	.336	.202
		Upper	.687	.765	.806	.816	.809	.670
t		4.279	4.678	5.055	5.231	4.808	3.706	
df		97	94	94	97	95	93	
Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000	.000	.000	.000	

Paired Samples Statistics					
		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTN	4.47	96	.542	.055
	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTN	4.10	96	1.071	.109
Pair 2	Thầy cô thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch	4.56	96	.539	.055
	Thầy cô thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch	4.15	96	.995	.102
Pair 3	Thầy cô sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN	4.34	96	.595	.061
	Thầy cô sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN	3.96	96	1.035	.106
Pair 4	Thầy cô tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục thực hiện HĐTN theo kế hoạch	4.38	96	.700	.071
	Thầy cô tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục thực hiện HĐTN theo kế hoạch	4.14	96	1.053	.107
Pair 5	Thầy cô sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTN	4.49	95	.581	.060
	Thầy cô sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTN	4.05	95	1.004	.103
Pair 6	Thầy cô đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh	4.56	73	.601	.070
	Thầy cô đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh	4.12	73	.999	.117

Paired Samples Correlations				
		N	Correlation	Sig.
Pair 1	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTN & Thầy cô xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTN	96	.096	.350
Pair 2	Thầy cô thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch & Thầy cô thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch	96	.120	.243
Pair 3	Thầy cô sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN & Thầy cô sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN	96	.160	.119
Pair 4	Thầy cô tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục thực hiện HĐTN theo kế hoạch & Thầy cô tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục thực hiện HĐTN theo kế hoạch	96	.073	.478
Pair 5	Thầy cô sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTN & Thầy cô sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTN	95	.192	.062
Pair 6	Thầy cô đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh & Thầy cô đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh	73	.230	.050

Paired Samples Test									
		Paired Differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the				
					Lower	Upper			
Pair 1	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTN - Thầy cô xây dựng được kế hoạch, quy trình tổ chức HĐTN	.365	1.153	.118	.131	.598	3.099	95	.003
Pair 2	Thầy cô thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch - Thầy cô thực hiện được nội dung hoạt động theo kế hoạch	.417	1.073	.109	.199	.634	3.805	95	.000
Pair 3	Thầy cô sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN - Thầy cô sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN	.385	1.109	.113	.161	.610	3.407	95	.001
Pair 4	Thầy cô tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục thực hiện HĐTN theo kế hoạch - Thầy cô tổ chức, điều khiển và hướng dẫn được học sinh và các lực lượng giáo dục thực hiện HĐTN theo kế hoạch	.240	1.220	.125	-.008	.487	1.923	95	.057
Pair 5	Thầy cô sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTN - Thầy cô sử dụng kết hợp được các phương tiện, nguồn lực để tổ chức HĐTN	.442	1.059	.109	.226	.658	4.069	94	.000
Pair 6	Thầy cô đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh - Thầy cô đánh giá được kết quả tham gia HĐTN của học sinh	.438	1.041	.122	.196	.681	3.599	72	.001

Paired Samples Statistics					
		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	Thầy cô huy động được các lực lượng giáo dục có liên quan trong để tổ chức HĐTN	4.38	96	.620	.063
	Thầy cô huy động được các lực lượng giáo dục có liên quan trong để tổ chức HĐTN	4.00	96	1.046	.107
Pair 2	Thầy cô xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục	4.46	96	.579	.059
	Thầy cô xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục	3.97	96	1.020	.104
Pair 3	Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp	4.54	96	.597	.061
	Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp	4.02	96	1.046	.107
Pair 4	Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp	4.48	95	.599	.061
	Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp	4.18	95	.989	.101
Pair 5	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp	4.86	95	4.099	.421
	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp	4.02	95	1.021	.105
Pair 6	Thầy cô huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp	4.51	94	.582	.060
	Thầy cô huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp	4.13	94	.997	.103

Paired Samples Correlations				
		N	n	Sig.
Pair 1	Thầy cô huy động được các lực lượng giáo dục có liên quan trong để tổ chức HĐTN & Thầy cô huy động được các lực lượng giáo dục có liên quan trong để tổ chức HĐTN	96	.000	1.000
Pair 2	Thầy cô xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục & Thầy cô xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục	96	.149	.147
Pair 3	Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp & Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp	96	-.052	.615
Pair 4	Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp & Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp	95	.032	.760
Pair 5	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp & Thầy cô xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp	95	-.098	.342
Pair 6	Thầy cô huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp & Thầy cô huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp	94	.035	.740

Paired Samples Test

		Pair 1	Pair 2	Pair 3	Pair 4	Pair 5	Pair 6
		Thầy cô huy động được các lực lượng giáo dục có liên quan trong để tổ chức HĐTN - Thầy cô huy động được các lực lượng giáo dục có liên quan trong để tổ chức HĐTN	Thầy cô xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục - Thầy cô xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng giáo dục	Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp - Thầy cô xác định được mục tiêu, nội dung của hoạt động phối hợp	Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp - Thầy cô xác định được hình thức, phương pháp thực hiện hoạt động phối hợp	Thầy cô xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp - Thầy cô xây dựng được kế hoạch, các mạng/kênh liên lạc để phối hợp	Thầy cô huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp - Thầy cô huy động được các nguồn lực cần thiết để tiến hành hoạt động phối hợp
Paired Difference	Mean	.375	.490	.521	.305	.842	.383
s	Std. Deviation	1.216	1.095	1.231	1.140	4.320	1.137
	Std. Error Mean	.124	.112	.126	.117	.443	.117
	95% Confidence Interval of the Difference	Lower .129	.268	.271	.073	-0.38	.150
		Upper .621	.712	.770	.537	1.722	.616
t		3.021	4.379	4.146	2.610	1.900	3.266
df		95	95	95	94	94	93
Sig. (2-tailed)		.003	.000	.000	.011	.061	.002

PHỤ LỤC 12

HÌNH ẢNH MINH CHỨNG HOẠT ĐỘNG THỰC NGHIỆM

